

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**TỔNG QUAN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA WTO**  
**LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

*Triển khai nhiệm vụ thực hiện các cam kết của Việt Nam  
với Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trong lĩnh vực thương mại điện tử*

**Hà Nội, tháng 10 năm 2008**



# TỔNG QUAN

## Thương mại điện tử và Internet

Thương mại điện tử đã hình thành từ cuối những năm 60 của thế kỷ trước với việc trao đổi dữ liệu điện tử giữa các doanh nghiệp lớn trên các mạng riêng.<sup>1</sup> Tiếp đó, mạng Internet hình thành vào cuối thập kỷ 80 tại Hoa Kỳ và tới năm 1995 được chính thức công nhận là mạng toàn cầu. Số người sử dụng Internet trên toàn thế giới tăng lên nhanh chóng: năm 1994 là 3 triệu, năm 1996 là 67 triệu và năm 1998 đã là 100 triệu.<sup>2</sup>

Lĩnh vực kinh doanh và thương mại đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội tiềm tàng của Internet. Một mặt, Internet là môi trường tuyệt vời để tiến hành các hoạt động thương mại. Mặt khác, chính các hoạt động thương mại đã góp phần quan trọng vào sự phát triển cực kỳ mau lẹ của Internet.<sup>3</sup> Thương mại điện tử dựa trên nền tảng công nghệ Internet đã trở thành Con - đường - tơ - lụa - mới của thời đại kinh tế tri thức.

## Hoạt động của một số tổ chức quốc tế liên quan tới thương mại điện tử

Chỉ một thời gian ngắn sau khi Internet ra đời và được ứng dụng trong việc trao đổi dữ liệu thương mại, người ta đã nhận thấy hệ thống pháp luật quốc tế về thương mại tỏ ra không phù hợp với môi trường kinh doanh mới. Internet xóa nhòa các biên giới quốc gia, rút ngắn thời gian giao dịch tới mức gần như tức thời và có thể cung cấp nhiều dịch vụ theo thời gian thực, rất khó phát hiện người gửi thông tin trong khi thông tin lại có thể sao chép và phát tán cực kỳ dễ dàng, v.v... Nhiều tổ chức liên quan tới thương mại ngay lập tức nhận ra sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định quốc tế về thương mại trong môi trường mới.

Nhiều tổ chức thuộc Liên Hợp quốc đã đi tiên phong trong việc nghiên cứu, phổ biến các lợi ích và rủi ro, đề xuất các chính sách quốc gia và quốc tế nhằm thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Các tổ chức này cũng tiến hành đàm phán và xây dựng các thoả thuận đa phương về thương mại điện tử. Chẳng hạn, Diễn đàn Liên Hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) nghiên cứu và đề xuất các vấn đề phát triển và đã có nhiều nghiên cứu có giá trị về thương mại điện tử, đồng thời hàng năm xây dựng Báo cáo Thương mại điện tử toàn cầu. Ủy ban Liên Hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) xem xét các vấn đề pháp lý và ngay từ năm 1996 đã xây dựng Luật mẫu về Thương mại điện tử, tạo cơ sở pháp lý cho thương mại điện tử trên phạm vi toàn cầu.<sup>4</sup> Ủy ban Liên Hợp quốc về tiêu chuẩn và quy trình kinh doanh (UNCEFACT) ban hành các chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trên môi trường Internet. Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) đã nghiên cứu và ban hành các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với môi trường mới. UN/ECE xem xét

<sup>1</sup> Các mạng giá trị gia tăng (Value Added Networks)

<sup>2</sup> Thương mại điện tử, trang 42, Bộ Thương mại, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 1999.

<sup>3</sup> Chẳng hạn, phần lớn các website hàng đầu thế giới trực tiếp hoặc gián tiếp tiến hành kinh doanh thu lợi nhuận, tỷ lệ các doanh nghiệp sử dụng email trong kinh doanh rất cao, báo điện tử cạnh tranh gay gắt và dần dần chiếm ưu thế so với báo giấy truyền thống, quảng cáo trực tuyến đang lấn lướt quảng cáo trên truyền hình và các hình thức quảng cáo khác, v.v...

<sup>4</sup> Luật Giao dịch điện tử của Việt Nam và các luật tương tự của nhiều nước khác cơ bản dựa trên Luật mẫu về Thương mại điện tử của UNCITRAL.

các vấn đề về thuận lợi hóa thương mại, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) quan tâm nghiên cứu các vấn đề về thuế, ITU và OECD nghiên cứu và đề xuất việc tiếp cận tới hạ tầng cơ sở và viễn thông. OECD, ISO và ITU nghiên cứu và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật. OECD xem xét các vấn đề về quyền riêng tư và an toàn trong giao dịch điện tử. Đặc biệt, ngay từ năm 1980 OECD đã ban hành “Hướng dẫn về bảo vệ quyền riêng tư và trao đổi dữ liệu cá nhân qua biên giới” và triển khai nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trong môi trường Internet.

### **Hoạt động của các tổ chức kinh tế thương mại khu vực**

Năm 1998, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã đưa ra 10 nguyên tắc chỉ đạo về thương mại điện tử, trong đó nhấn mạnh tới việc chính phủ đóng vai trò tạo dựng môi trường mang tính hỗ trợ cho thương mại điện tử. Cũng trong năm 1998, Hội nghị Thượng đỉnh các nhà lãnh đạo của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) đã công bố “Chương trình hành động APEC về thương mại điện tử”. Chương trình hành động này nhấn mạnh tới sự cần thiết phải hợp tác chặt chẽ giữa các nền kinh tế APEC theo hướng chính phủ tạo môi trường thuận lợi về pháp lý, điều hành, xây dựng lòng tin và gương mẫu đi tiên phong trong việc phát triển chính phủ điện tử.<sup>5</sup> Hội nghị Á-Âu (ASEM) cũng rất quan tâm tới thương mại điện tử, nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc thiết lập Cổng thông tin thương mại (the Single Window).

### **Hoạt động của WTO**

Từ năm 1998 Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã triển khai các hoạt động nghiên cứu về thương mại điện tử. Theo yêu cầu của các nước thành viên, Ban Thư ký WTO đã tiến hành nhiều nghiên cứu về vai trò của WTO đối với phát triển thương mại điện tử. Nhiều nước thành viên, cả các nước phát triển cũng như đang phát triển, đã tích cực nghiên cứu và tham gia nhiều cuộc họp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển của thương mại điện tử thông qua hệ thống các quy tắc thương mại đa biên chặt chẽ của WTO.

Sự kiện nổi bật nhất của WTO về thương mại điện tử cho tới nay là việc Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai tổ chức vào tháng 5 năm 1998 đã thông qua Tuyên bố của các Bộ trưởng WTO về Thương mại điện tử toàn cầu. Tuyên bố này bao gồm ba nội dung cơ bản. Nội dung thứ nhất là WTO thừa nhận thương mại điện tử toàn cầu đang phát triển nhanh chóng và tạo ra các cơ hội mới cho thương mại. Nội dung thứ hai là Đại Hội đồng sẽ xây dựng Chương trình làm việc về Thương mại điện tử để xem xét toàn bộ các vấn đề liên quan tới thương mại của thương mại điện tử toàn cầu. Đại Hội đồng cùng với các cơ quan liên quan của WTO sẽ triển khai Chương trình làm việc này và báo cáo tới Hội nghị Bộ trưởng tiếp theo các khuyến nghị cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Nội dung cơ bản thứ ba là ***các nước thành viên WTO sẽ tiếp tục duy trì hiện trạng không áp đặt thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng.***

Tháng 9 năm 1998, Đại Hội đồng đã thông qua *Chương trình làm việc về Thương mại điện tử*. Theo Chương trình làm việc này, Đại Hội đồng sẽ đóng vai trò trung tâm trong toàn bộ tiến trình và liên tục đánh giá, rà soát Chương trình làm việc

---

<sup>5</sup> APEC đã thành lập Nhóm công tác về Thương mại điện tử (ECWG) tập trung vào hai chủ đề chính là bảo vệ dữ liệu cá nhân và thương mại phi giấy tờ.

tại các kỳ họp của mình. Đại Hội đồng sẽ chịu trách nhiệm xem xét các vấn đề chung liên quan tới thương mại điện tử, cân nhắc mọi vấn đề liên quan tới thương mại và liên quan tới nhiều cơ quan chuyên môn. Đặc biệt, mọi khía cạnh của Chương trình làm việc liên quan tới việc áp thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng sẽ do chính Đại Hội đồng xem xét.

Với mục đích triển khai Chương trình làm việc, thuật ngữ “thương mại điện tử” được hiểu là việc sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán hay cung cấp hàng hoá và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử. Tuy nhiên, toàn bộ các cuộc thảo luận tại Đại Hội đồng cũng như các cơ quan chuyên môn cho thấy các thành viên WTO hiểu thương mại điện tử theo nghĩa hẹp hơn và giới hạn ở việc cung cấp sản phẩm thông qua các mạng điện tử, chủ yếu là Internet. Các thành viên cũng còn mơ hồ với khái niệm then chốt trong quyết định về việc tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu. Trong văn bản chính thức khái niệm này được thể hiện bằng cụm từ “electronic transmissions”. Nhưng không có cách hiểu thống nhất giữa các thành viên về cụm từ này. Dựa theo toàn bộ các tài liệu và thảo luận của các thành viên ở Đại Hội đồng cũng như ở các cơ quan liên quan, cụm từ này có thể hiểu là các sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử, đặc biệt là Internet.

Từ tháng 5 năm 2001 tới tháng 11 năm 2005 Đại Hội đồng đã tổ chức sáu cuộc họp chuyên đề. Hai vấn đề chủ đạo xuyên suốt các cuộc họp này là vấn đề phân loại và các nguyên tắc định hướng cho sự phát triển của thương mại điện tử.

Việc phân loại một sản phẩm hay giao dịch nhất định là hàng hoá hay dịch vụ có ý nghĩa lớn trong việc thực thi các hiệp định của WTO vì nó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) hoặc Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS). Cho tới nay, toàn bộ hệ thống các hiệp định của WTO dựa trên nguyên tắc cơ bản sau: một sản phẩm bất kỳ sẽ phải là hàng hoá hữu hình hoặc là dịch vụ vô hình. Không một sản phẩm nào vừa là hàng hoá lại vừa là dịch vụ, hoặc không phải là hàng hoá mà cũng không phải là dịch vụ. Nếu một sản phẩm là hàng hoá thì nó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của GATT, trong trường hợp ngược lại nó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS.

Do sự phức tạp, mới mẻ và thay đổi mau lẹ của thương mại điện tử nên cho tới nay Đại Hội đồng vẫn chưa thống nhất được sản phẩm hay giao dịch trong thương mại điện tử, đặc biệt là các sản phẩm số hoá được cung cấp trên Internet, là hàng hoá hay dịch vụ, hay là một dạng nào khác. Từ đó, các thành viên không thống nhất được sẽ áp dụng hiệp định nào của WTO đối với các sản phẩm hay giao dịch này. Hơn thế nữa, sau nhiều tranh luận bất phân thắng bại, đã xuất hiện khuynh hướng cho rằng việc phân loại là không cần thiết: thương mại điện tử vẫn phát triển nhanh chóng cho dù WTO không biết phân loại thế nào. EU là thành viên tích cực nhất ủng hộ quan điểm cho rằng các sản phẩm số hoá được cung cấp trên mạng điện tử là dịch vụ.

Từ sự bế tắc trong vấn đề phân loại, Đại Hội đồng đã bị động khi thảo luận vấn đề mang tính thực tiễn hơn do Hoa Kỳ khởi xướng, đó là WTO cần thống nhất được các nguyên tắc định hướng cho sự phát triển thương mại điện tử. Nếu các thành viên đều nhận thức được tầm quan trọng to lớn của thương mại điện tử đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển thì họ cần tạo ra môi trường tự do, không phân biệt đối xử, rõ ràng

minh bạch và cạnh tranh lành mạnh cho sự phát triển của nó. Một trong những nguyên nhân quan trọng giúp cho thương mại điện tử toàn cầu phát triển nhanh chóng là có rất ít quy định điều chỉnh lĩnh vực này. Cần phải tiếp tục duy trì hiện trạng đó và tạo ra môi trường tự do hơn nữa thông qua cắt giảm thuế quan và tự do hoá thương mại dịch vụ. Khi các biện pháp hạn chế thương mại hàng hoá và dịch vụ quốc tế liên quan tới thương mại điện tử hầu như biến mất thì ý nghĩa của việc phân loại cũng không còn. Đáng lưu ý là hướng đi thứ hai này cũng rơi vào bế tắc và Đại Hội đồng không đạt được bất kỳ thoả thuận nào đối với cả vấn đề phân loại cũng như nguyên tắc định hướng cho sự phát triển của thương mại điện tử.

Do sự bế tắc của Đại Hội đồng về vấn đề phân loại, các cuộc thảo luận tại Hội đồng Thương mại Hàng hoá (CTG) và Hội đồng Thương mại Dịch vụ (CTS) diễn ra khá sôi nổi trong giai đoạn 1998 - 2000, nhưng sau đó cũng rơi vào ngõ cụt. Đề xuất chung của cả hai hội đồng này là WTO cần phải tiếp tục tự do hoá thương mại đối với các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ liên quan tới thương mại điện tử nhằm tạo ra hạ tầng tốt nhất cho sự phát triển của nó, bao gồm các sản phẩm công nghệ thông tin theo Hiệp định ITA cũng như các dịch vụ viễn thông, dịch vụ máy tính, dịch vụ phân phối và nhiều dịch vụ liên quan khác. Cả hai hội đồng này đều đề xuất phải nghiên cứu kỹ hơn tác động của quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp qua biên giới trên các mạng điện tử. Một số thành viên phát triển mong muốn biến quy định tạm thời thành vĩnh viễn với cam kết ràng buộc về pháp lý. Mối quan tâm lớn của hai hội đồng là làm thế nào để không tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các sản phẩm số hóa được cung cấp trên mạng với chính các sản phẩm này được chứa trong các vật thể hữu hình và nhập khẩu qua biên giới.

Theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử, Hội đồng TRIPs có nhiệm vụ “xem xét và báo cáo các vấn đề sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại điện tử”. Những vấn đề này bao gồm bảo vệ và thực thi quyền tác giả và các quyền liên quan; bảo vệ và thực thi thương hiệu; các công nghệ mới và sự tiếp cận tới công nghệ. Hội đồng TRIPs đã mời đại diện của WIPO tham dự một số cuộc họp để cung cấp thông tin về các hoạt động của WIPO gắn với thương mại điện tử.

Hội đồng TRIPs đã nhấn mạnh tới tầm quan trọng của tài sản trí tuệ đối với sự phát triển của thương mại điện tử. Hoạt động thương mại diễn ra trên mạng nói chung có nội dung tài sản trí tuệ khá cao. Việc tạo ra một môi trường pháp lý đảm bảo và dễ dự đoán đối với các quyền sở hữu trí tuệ sẽ nuôi dưỡng sự phát triển của thương mại điện tử. Quan điểm chung của Hội đồng là các nguyên tắc cơ bản của tài sản trí tuệ vẫn còn tồn tại mặc dù công nghệ đang thay đổi nhanh chóng, còn ngôn ngữ được sử dụng trong Hiệp định TRIPs nói chung trung lập với công nghệ. Một điểm đáng lưu ý là Hiệp định TRIPs được đàm phán trước khi các tác động của các mạng số hóa toàn cầu đối với việc bảo vệ và thực thi các quyền sở hữu trí tuệ trở thành một vấn đề đối với cộng đồng quốc tế. Quan điểm chung cũng nhất trí về tầm quan trọng của cách tiếp cận đa phương đối với các vấn đề tài sản trí tuệ nổi lên gắn với thương mại điện tử trong thời đại Internet.

Hội đồng TRIPs cũng thảo luận về công việc đã và đang được triển khai ở WIPO, đặc biệt là việc tổ chức này thông qua hai hiệp ước mới về quyền tác giả và các vấn đề liên quan vào tháng 12 năm 1996, đó là Hiệp ước Quyền tác giả và Hiệp ước về

Biểu diễn và Ghi âm. Hai hiệp ước này nhằm đáp lại tác động sâu sắc của sự phát triển và hội tụ của công nghệ thông tin và viễn thông đối với việc tạo ra, sản xuất và sử dụng các tác phẩm văn học và nghệ thuật, các chương trình biểu diễn và thu thanh.

Hội đồng TRIPs cho rằng khi thương mại điện tử phát triển sẽ nảy sinh các vấn đề mới và phức tạp về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Cộng đồng quốc tế cần tiến hành nghiên cứu các vấn đề này để hiểu rõ hơn về chúng.

Song song với các hoạt động của Đại Hội đồng, Hội đồng Thương mại Hàng hóa, Hội đồng Thương mại Dịch vụ và Hội đồng TRIPs, Ủy ban Thương mại và Phát triển (CTD) cũng triển khai nhiều cuộc họp và tiến hành một số hội thảo. Quan điểm chung tại CTD là không phải mọi vấn đề thương mại của các nước đang phát triển có thể được giải quyết nhờ thương mại điện tử, nhưng thương mại điện tử có thể có những tác động tích cực tới tăng trưởng và phát triển vì làm tăng hiệu quả của các hoạt động kinh tế và thúc đẩy sự phát triển cân bằng của nền kinh tế thế giới. Thương mại điện tử có thể là công cụ giúp mở rộng sự tham gia của các nước đang phát triển trong hệ thống thương mại đa biên, nhưng nếu không triển khai các hoạt động cần thiết thì thương mại điện tử có thể vẫn nằm ngoài tầm với của các nước đang phát triển. Việc thu hẹp khoảng cách này vừa quan trọng, vừa khẩn cấp và sẽ có lợi chung cho cả các nước phát triển và đang phát triển.

Những khó khăn mà các nước đang phát triển phải đương đầu khi triển khai thương mại điện tử là sự yếu kém về nguồn nhân lực và hạ tầng cơ sở, bao gồm dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tài chính. Một trong những thử thách trong thương mại điện tử mà các nước đang phát triển phải đương đầu là làm thế nào để tạo ra môi trường chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích có được từ thương mại điện tử trong khi không làm tổn hại tới các mục tiêu chính sách công. Các nước đang phát triển cũng cần được hỗ trợ để ban hành các chính sách và biện pháp nhằm phát triển xã hội thông tin, nâng cao nhận thức của cả khu vực chính phủ lẫn tư nhân về lợi ích của thương mại điện tử.

Nhìn chung, trong giai đoạn 1998 – 2000 các cơ quan liên quan của WTO đã tích cực triển khai nhiều hoạt động theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Tất cả các cơ quan này đều nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình nhằm thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Tuy nhiên, những vấn đề chung nhất như thuế quan, phân loại và nguyên tắc định hướng lại thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng. Từ năm 2001 đến năm 2005, Đại Hội đồng đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề nhằm tìm ra câu trả lời cho các vấn đề này nhưng cuối cùng đã rơi vào bế tắc. Hậu quả đầu tiên là các cơ quan liên quan cũng mất phương hướng và mọi hoạt động bị ngưng trệ từ năm 2001.

Ngay đối với Đại Hội đồng, hoạt động cuối cùng liên quan tới thương mại điện tử diễn ra vào tháng 11 năm 2005 để chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ sáu diễn ra tại HongKong. Từ năm 2006 tới nay Đại Hội đồng chưa tổ chức thêm hoạt động mới nào về thương mại điện tử.

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin đánh giá những nguyên nhân cơ bản của tình hình này như sau:

1. Thương mại điện tử mới hình thành nhưng lại phát triển cực kỳ mau lẹ và liên quan tới nhiều hiệp định của WTO, các thành viên chưa nhận thức rõ bản chất của nó, thậm chí còn chưa thống nhất được định nghĩa thương mại điện tử là gì và không biết phân loại các sản phẩm số hóa được cung cấp trên mạng ra sao.
2. Vòng đàm phán Doha vì Sự phát triển được phát động vào cuối năm 2001 và dự kiến ban đầu sẽ kết thúc vào cuối năm 2004. Tuy nhiên, sự bất đồng sâu sắc về nhiều vấn đề thương mại toàn cầu giữa các nước thành viên phát triển và đang phát triển đã làm cho tiến trình đàm phán chậm hơn dự kiến ban đầu rất nhiều, thậm chí rơi vào bế tắc. Do đó, mỗi ưu tiên hàng đầu của các thành viên là khai thông Vòng đàm phán này, tập trung vào những vấn đề nóng bỏng như tiếp cận thị trường nông sản cho các thành viên đang phát triển, xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu khẩu nông sản và hỗ trợ trong nước với lĩnh vực nông nghiệp, xem xét lại vấn đề cạnh tranh và chống bán phá giá, tự do hóa thương mại dịch vụ.
3. Quá trình tự do hoá thương mại diễn ra khá nhanh cả trong khuôn khổ toàn cầu cũng như khu vực, việc tiếp cận tới các sản phẩm công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử như dịch vụ viễn thông, dịch vụ máy tính, dịch vụ phân phối khá dễ dàng và chi phí ngày càng thấp, từ đó tạo ra hạ tầng tốt cho sự phát triển của thương mại điện tử.
4. Chưa có các tranh chấp lớn về thương mại điện tử trong WTO, trừ vụ nổi tiếng về đánh bạc trên Internet. Từ đó chưa xuất hiện nhu cầu phải có các quy định pháp lý về thương mại điện tử trong WTO.

Tóm lại, sự bế tắc và trì trệ trong hoạt động của WTO liên quan tới việc triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử có thể dẫn tới một kết quả tích cực ngoài mong đợi: do có rất ít quy định đa biên riêng cho thương mại điện tử nên cho tới nay thương mại điện tử đã phát triển rất nhanh trong một môi trường mở, tự do, rất ít các quy định điều chỉnh.

Nhưng trong tương lai điều này còn đúng không? Chưa ai có thể trả lời cho câu hỏi này. Trong khi các vấn đề về phân loại, tiếp cận thị trường, không phân biệt đối xử hay các nguyên tắc định hướng có thể trở nên không quá quan trọng như WTO đã dự đoán thì một loạt vấn đề khác đang cần có sự hợp tác quốc tế chặt chẽ để tìm ra câu trả lời. Có những vấn đề thuộc phạm vi của WTO như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại và có những vấn đề không thuộc phạm vi của nó như bảo vệ quyền riêng tư, an toàn an ninh thông tin, chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử, v.v... Nếu không giải quyết được các vấn đề này một cách thỏa đáng thì sự phát triển của thương mại điện tử trong tương lai có thể bị hạn chế đáng kể.

Trong khi các vấn đề chưa rõ ràng, Việt Nam cần theo dõi chặt chẽ các hoạt động liên quan tới thương mại điện tử trong WTO. Một mặt, Việt Nam phải thực hiện nghiêm túc cam kết tạm thời chưa áp dụng thuế quan với sản phẩm nhập khẩu qua mạng. Mặt khác, với tư cách là thành viên chính thức của WTO, Việt Nam cần trực tiếp tham gia các hoạt động của Đại Hội đồng cũng như của các cơ quan liên quan của tổ chức thương mại toàn cầu có trụ sở tại Geneva này.



## Hình 1

**Bộ trưởng Thương mại Việt Nam Trương Đình Tuyển  
và Tổng Giám đốc WTO Pascal Lamy  
ký Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập WTO tháng 11 năm 2006**





## MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: Các hiệp định của WTO và thương mại điện tử .....	13
CHƯƠNG 2: Các tuyên bố của Hội nghị bộ trưởng về thương mại điện tử.....	25
CHƯƠNG 3: Các hoạt động của Đại hội đồng liên quan tới thương mại điện tử .....	28
1. Cuộc họp chuyên đề lần thứ nhất về thương mại điện tử của Đại hội đồng .....	31
2. Cuộc họp chuyên đề lần thứ hai về thương mại điện tử của Đại hội đồng .....	33
3. Cuộc họp chuyên đề lần thứ ba về thương mại điện tử của Đại hội đồng .....	36
4. Cuộc họp chuyên đề lần thứ tư về thương mại điện tử của Đại hội đồng.....	42
5. Cuộc họp chuyên đề lần thứ năm về thương mại điện tử của Đại hội đồng .....	47
6. Cuộc họp chuyên đề lần thứ sáu về thương mại điện tử của Đại hội đồng.....	59
CHƯƠNG 4: Các hoạt động của Hội đồng Thương mại hàng hóa liên quan tới thương mại điện tử.....	63
CHƯƠNG 5: Các hoạt động của Hội đồng Thương mại dịch vụ liên quan tới thương mại điện tử.....	75
CHƯƠNG 6: Các hoạt động của Hội đồng về Sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại điện tử.....	86
CHƯƠNG 7: Các hoạt động của Ủy ban Thương mại và phát triển liên quan tới thương mại điện tử.....	96
CHƯƠNG 8: Các hoạt động của Ban Thư ký WTO liên quan tới thương mại điện tử..	106
PHỤ LỤC 1: Tuyên bố của Hội nghị bộ trưởng WTO lần thứ tư.....	111
PHỤ LỤC 2: Đề xuất của EU về vấn đề phân loại .....	124
PHỤ LỤC 3: Các đề xuất của Hoa Kỳ về thương mại điện tử chuẩn bị cho Hội nghị bộ trưởng WTO lần thứ năm .....	129

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

APEC	Asia Pacific Economic Cooperation
ASEM	Asean Europe Meeting
CPC	Central Product classification (Provisonal) of the United Nations, 1991 version
CTD	Committee on Trade and Development
CVA	Customs Valuation Agreement
EU	Europe Union
GATS	General Agreement on Trade in Services
GATT	General Agreement on Tarriff and Trade
GPA	Government Procurement Agreement
ICANN	Tổ chức tên miền Internet The Internet Coporation for Assigned Names and Numbers
ITA	Information Technology Agreement
ITU	International Telecommunication Union
OECD	Organization for Economic and Development
TRIPS	Trade-Related Intelctual Property Rights
UNCITRAL	United Nations Committee on Interntional Trade Law
UNCTAD	United Nations Conference for Trade and Development
UNECE	United Nations Economic Commission for Europe Committee on Trade
WCO	World Customs Organization
WIPO	World Intelctual Property Organization
WTO	World Trade Organization

## Chương một

### CÁC HIỆP ĐỊNH CỦA WTO VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ban Thư ký WTO đã xây dựng một tài liệu tổng hợp mối quan hệ giữa các hiệp định của WTO với thương mại điện tử.<sup>6</sup> Tài liệu này giúp các Thành viên trong những cuộc thảo luận chuyên sâu về các vấn đề liên quan tới thương mại gắn với thương mại điện tử toàn cầu theo Tuyên bố của các Bộ trưởng về Thương mại Điện tử Toàn cầu. Tài liệu nêu một cách tóm tắt các hiệp định của WTO và các chương trình làm việc đã được thống nhất liên quan tới thương mại điện tử như thế nào.

#### Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS)

##### *Giới thiệu*

Thương mại dịch vụ quốc tế được tiến hành với một quy mô rất lớn và ngày càng tăng lên thông qua các phương tiện điện tử. Cuộc cách mạng về công nghệ máy tính đã làm cho nhiều loại dịch vụ trước kia bị coi là không thể trao đổi mua bán được thì ngày nay đã được xem là có tiềm năng trao đổi cao và đóng góp quan trọng tới thương mại quốc tế và phát triển. Hơn bất kỳ yếu tố nào khác, thương mại điện tử đã biến khái niệm sai lầm cũ của “thương mại dịch vụ” thành một thuật ngữ tương phản. Đặc biệt, thương mại qua biên giới đã được hỗ trợ rất lớn bởi sự phong phú của các phương tiện điện tử và sự dễ dàng trong việc biến đổi các sản phẩm dịch vụ thành các dòng thông tin số hoá. Cuộc đàm phán của GATS đã thiết lập khung khổ luật quốc tế đầu tiên với các cam kết thương mại đa biên, nhờ đó việc mua bán các sản phẩm, dịch vụ số hóa có thể diễn ra một cách an toàn.

Trong lãnh địa thương mại dịch vụ, thương mại điện tử có thể được coi là bao hàm ba kiểu giao dịch và cả ba kiểu này đều cần được cân nhắc:

- a) cung cấp dịch vụ Internet, nghĩa là cung cấp khả năng tiếp cận tới mạng lưới các doanh nghiệp và người tiêu dùng;
- b) cung cấp điện tử các dịch vụ, nghĩa là các giao dịch trong đó các sản phẩm dịch vụ được cung cấp tới người tiêu dùng ở dạng dòng thông tin được số hoá;
- c) sử dụng Internet như một kênh cho dịch vụ phân phối, nhờ đó hàng hoá và dịch vụ được mua trên mạng nhưng sau đó được cung cấp tới người tiêu dùng ở dạng không điện tử.

##### *Khung khổ pháp lý*

GATS bao trùm tất cả các dịch vụ trừ những dịch vụ được cung cấp nhằm thực hiện thẩm quyền của chính phủ, đồng thời bao trùm tất cả các biện pháp tác động tới

---

<sup>6</sup> Tài liệu WT/GC/W/90

việc cung cấp dịch vụ. GATS xác định thương mại dịch vụ là việc cung cấp một dịch vụ theo bất kỳ phương thức nào trong số bốn phương thức như được chỉ ra tại Điều 1.<sup>7</sup> Các phương thức phân biệt giữa các loại giao dịch dịch vụ trên cơ sở hiện diện theo lãnh thổ của nhà cung cấp và người tiêu dùng dịch vụ đó. Hiệp định GATS không phân biệt giữa các phương tiện công nghệ khác nhau để cung cấp dịch vụ - dù là bằng người, thư, điện thoại hay qua Internet. Việc cung cấp các dịch vụ qua các phương tiện điện tử do vậy thuộc phạm vi của Hiệp định tương tự như tất cả các phương tiện cung cấp khác. Như mọi trường hợp khác trong hệ thống WTO, chế độ pháp lý điều chỉnh một giao dịch nhất định được xác định bởi bản chất của sản phẩm được mua bán mà không phải là kỹ thuật sản xuất hay phân phối sản phẩm đó. Tương tự như vậy, nếu các thành viên thống nhất một số nhóm sản phẩm được cung cấp điện tử phải được phân loại và đối xử như hàng hoá - dù cho tới nay các nhóm này vẫn chưa được phân loại - thì việc nhập khẩu chúng sẽ phải chịu sự điều chỉnh của mọi cam kết thuế quan hay bất kỳ nghĩa vụ GATT nào có liên quan.

Các nghĩa vụ pháp lý trong GATS áp dụng tới tất cả các biện pháp tác động tới việc cung cấp dịch vụ: thuật ngữ “tác động” đã được giải nghĩa để bao hàm không chỉ các biện pháp giám sát một cách trực tiếp việc cung cấp dịch vụ mà cả các biện pháp tác động gián tiếp tới việc cung cấp. Các biện pháp tác động tới cung cấp điện tử các dịch vụ là “các biện pháp tác động tới thương mại dịch vụ” theo nghĩa trong Điều I của GATS, đúng như chúng có thể sẽ tác động tới việc cung cấp các dịch vụ đó bằng các phương tiện khác. Chẳng hạn, một loại phí nào đó áp dụng đối với việc nhập khẩu một dịch vụ bằng phương tiện điện tử - “nhập khẩu” ở đây nghĩa là các giao dịch theo mọi phương thức cung cấp - có thể là một biện pháp tác động tới thương mại dịch vụ. Điều này nghĩa là khi một thành viên đã tiến hành cam kết với một dịch vụ nhất định, nó có thể không thu phí đối với việc nhập khẩu dịch vụ đó, dù là ở dạng điện tử hay các dạng khác, nếu điều đó có thể làm tổn hại mức độ tiếp cận thị trường mà thành viên đó đã cam kết trong Biểu cam kết về dịch vụ của mình.

Có hai kiểu quy định trong khung khổ pháp lý của GATS: các nghĩa vụ chung và các cam kết cụ thể. Một số nghĩa vụ chung áp dụng với tất cả các dịch vụ dù cho có các cam kết tiếp cận thị trường với chúng hay không. Nổi bật nhất trong số các nghĩa vụ này là các nghĩa vụ liên quan tới đối xử MFN, tính rõ ràng minh bạch, quy định trong nước, sự tham gia của các nước đang phát triển, độc quyền và các nhà cung cấp dịch vụ ngoại lệ. Các nghĩa vụ chung khác chỉ được áp dụng với các ngành dịch vụ mà các thành viên có cam kết cụ thể. Những nghĩa vụ này bao gồm các nguyên tắc về quy định trong nước và ứng xử với các nhà độc quyền, thanh toán và chuyên ngoại tệ. Đặc biệt, liên quan tới thương mại điện tử và các nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet – những người làm cho thương mại điện tử có thể hoạt động được – là những quy định trong Phụ lục về Viễn thông nhằm đảm bảo cho các nhà cung cấp các dịch vụ này có thể tiếp cận và sử dụng mạng và dịch vụ viễn thông công cộng. Phần hai của khung khổ pháp lý của GATS bao gồm các cam kết cụ thể về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia. Các cam kết này đưa ra các giới hạn đối với nhà cung cấp dịch vụ nước

---

<sup>7</sup> Bốn phương thức này là: 1) qua biên giới, khi dịch vụ được cung cấp từ lãnh thổ của một thành viên vào lãnh thổ của thành viên khác; 2) tiêu thụ ở nước ngoài, khi người tiêu dùng mua một dịch vụ được cung cấp trong lãnh thổ của một thành viên khác; 3) hiện diện thương mại, khi nhà cung cấp dịch vụ của một thành viên thiết lập chi nhánh hay công ty con trong lãnh thổ của một thành viên khác để cung cấp dịch vụ; 4) hiện diện của thể nhân, khi dịch vụ được cung cấp bởi một người làm việc trong lãnh thổ của thành viên khác.

ngoài cho từng dịch vụ cụ thể. Cam kết đối xử quốc gia đề cập tới bất kỳ biện pháp nào tác động tới việc cung cấp dịch vụ đó.

Do thương mại điện tử có thể bỏ qua khoảng cách về không gian giữa người cung cấp và người tiêu thụ nên tự nhiên có thể nghĩ ngay là nó gắn với phương thức 1 (cung cấp qua biên giới) và 2 (tiêu thụ ở nước ngoài). Nhưng phương thức 3 và 4 cũng bao gồm cung cấp dịch vụ trên mạng. Chẳng hạn, một công ty cung cấp dịch vụ tài chính trên cơ sở cam kết theo phương thức 3 có thể có quyền cung cấp dịch vụ của mình trên mạng trừ khi cam kết không cho phép như vậy. Trong nhiều ngành dịch vụ, nếu một cam kết loại trừ quyền cung cấp dịch vụ trên mạng thì cam kết đó sẽ ít có giá trị. Tương tự như vậy, theo phương thức 4, một nhà chuyên môn đang cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của một nước khác có quyền cung cấp dịch vụ của mình trên mạng.

### *Các dịch vụ truy cập Internet*

Thương mại điện tử đòi hỏi việc tiếp cận mạng Internet. Trong những năm gần đây nổi lên một dịch vụ mới rất quan trọng, đó là cung cấp khả năng truy cập Internet trên cơ sở thương mại. Dịch vụ này khác biệt với việc cung cấp các dịch vụ khác thông qua Internet. Các công ty cung cấp dịch vụ truy cập thu phí, và trong các thị trường cạnh tranh mức phí này khá thấp. Các công ty này cần phải tiếp cận tới các mạng viễn thông cơ bản, thông thường qua các kênh riêng (leased circuits). Ở nhiều nước dịch vụ viễn thông cơ bản vẫn là độc quyền nhà nước, nhà cung cấp độc quyền có thể là nhà cung cấp duy nhất dịch vụ truy cập Internet. Trong khi đó ở các nước đã tự do hóa dịch vụ viễn thông cơ bản, các nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet cạnh tranh (IAPs) có thể cung cấp dịch vụ tiếp cận tới Web với nhiều dịch vụ hỗ trợ. Mười thành viên đã có cam kết rõ ràng về việc cung cấp các dịch vụ này trong các cuộc đàm phán về dịch vụ viễn thông cơ bản. Những cam kết rõ ràng đó là cần thiết khi sự độc quyền và các giới hạn tiếp cận khác áp dụng với hầu hết dịch vụ viễn thông trừ khi người ta mong muốn tự do hóa dịch vụ truy cập Internet. Các thành viên đã cam kết tự do hóa hoàn toàn đối với dịch vụ viễn thông cơ bản nói chung cam kết thông thoáng đối với dịch vụ truy cập Internet. Giống như tất cả các dịch vụ khác, sự thiếu cam kết không có nghĩa là các IAPs không thể tiếp cận được thị trường: không phải là không được phép cung cấp dịch vụ mà là không có sự đảm bảo cho việc tiếp tục được tiếp cận thị trường.

Trong bối cảnh các cuộc đàm phán Dịch vụ Viễn thông cơ bản, bất kỳ cam kết nào đối với dịch vụ thuê kênh riêng, trừ khi được quy định khác, sẽ cho phép các nhà cung cấp bán hay cho thuê năng lực mạng tối đa để cung cấp các dịch vụ được liệt kê trong phân ngành dịch vụ viễn thông khác.

Điều VIII của GATS về độc quyền và các nhà cung cấp dịch vụ ngoại lệ có những quy định liên quan tới hành vi phân biệt đối xử, chống cạnh tranh và các hành vi khác làm tổn hại tới các cam kết cụ thể của các nhà cung cấp độc quyền. Các chính phủ phải đảm bảo rằng những nhà cung cấp ngoại lệ các dịch vụ Internet (chẳng hạn công ty viễn thông độc quyền quốc gia) không được làm tổn hại các cam kết được đưa ra đối với các dịch vụ khác được cung cấp trên Internet.

### *Cung cấp dịch vụ trên mạng*

Rất nhiều giao dịch thương mại trong nước và quốc tế được tiến hành trên Internet là việc bán dịch vụ. Đáng chú ý là việc cung cấp dịch vụ tới khách hàng ở dạng số hóa – khi mà toàn bộ giao dịch diễn ra trên mạng. Rất khó có thể xác định giá trị của các dịch vụ được bán theo cách này vì ngoài lí do thiếu các số liệu thống kê về dịch vụ còn do hầu hết các giao dịch được tiến hành trên Internet không được thống kê. Tuy nhiên quy mô to lớn của việc cung cấp dịch vụ trên mạng có thể đoán nhận được từ thực tế là trao đổi tiền mặt và chứng khoán hiện nay chủ yếu được tiến hành trên mạng. Có nhiều dịch vụ có thể được cung cấp trên mạng nhưng chỉ có một số là thực sự quan trọng, bao gồm dịch vụ tài chính, viễn thông, giải trí và một số dịch vụ chuyên môn.

Giao dịch ngân hàng và chứng khoán điện tử từ lâu đã là một chuẩn trong các giao dịch giữa các thể chế tài chính và ngày càng được sử dụng nhiều hơn. Hầu hết các sản phẩm chứng khoán chủ yếu của thế giới hỗ trợ giao dịch điện tử. Mặt khác, ở khía cạnh bán lẻ, chỉ có khá ít các ngân hàng lớn của thế giới tới nay cung cấp dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Tình hình này có thể sẽ thay đổi nhanh chóng khi chi phí giao dịch trực tiếp tại quầy ước tính lớn hơn giao dịch qua Internet vài trăm lần.<sup>8</sup> Trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ bán bảo hiểm trực tuyến được dự đoán là sẽ thay thế hầu hết việc bán bảo hiểm qua các đại lý truyền thống hay qua dịch vụ điện thoại. Các dạng khác nhau của dịch vụ tư vấn tài chính và dịch vụ con người cũng áp dụng mạnh mẽ Internet nhưng tốc độ phát triển của chúng có thể phụ thuộc vào tính an toàn và tính riêng tư của các giao dịch này trên Internet.

Các dịch vụ viễn thông là một phần thiết yếu của hạ tầng cho thương mại điện tử và các cam kết của GATS về dịch vụ viễn thông có giá trị rất lớn để đảm bảo cho sự tiếp cận tới hạ tầng đó. Ban đầu Internet chỉ được coi là dịch vụ máy tính, giờ đây là nơi hội tụ giữa công nghệ viễn thông với máy tính và đã được thừa nhận rộng rãi là một dịch vụ viễn thông. Chính dịch vụ viễn thông cũng thuộc số các dịch vụ được cung cấp qua Internet. Theo thoả thuận trung lập về công nghệ trong các cam kết dịch vụ viễn thông cơ bản, các cam kết đối với dịch vụ thoại, fax và dữ liệu có thể bao gồm việc cung cấp các dịch vụ này trên Internet trừ khi được quy định khác trong Biểu cam kết dịch vụ.

Các dịch vụ chuyên môn, bao gồm tất cả các loại dịch vụ tư vấn, kế toán, y tế và giáo dục được cung cấp trực tuyến ngày càng nhiều. Bất kỳ dịch vụ dựa trên thông tin nào chắc chắn sẽ phải dựa nhiều vào việc cung cấp trên mạng và khả năng tiếp cận tới Internet của các cá nhân và các công ty nhỏ sẽ cho phép họ tự cung cấp dịch vụ của mình để cạnh tranh trong thị trường toàn cầu.

### *Thương mại điện tử như một hình thức của dịch vụ phân phối*

Phần trên đã xem xét các sản phẩm có thể cung cấp được trên mạng. Dạng thứ hai của thương mại điện tử là hàng hóa và dịch vụ không thể cung cấp được trên mạng nhưng có thể đặt mua và thanh toán trực tuyến, sau đó được cung cấp tới khách hàng ở dạng hữu hình. Giai đoạn trên mạng của các giao dịch như vậy là một hình thức của

---

<sup>8</sup> Nhận định này của Ban Thư ký WTO tới nay hoàn toàn đúng. Ngay ở Việt Nam nhiều ngân hàng đã cung cấp dịch vụ trực tuyến tới khách hàng cá nhân.



dịch vụ phân phối – bán buôn hoặc bán lẻ - và là một hình thức đang phát triển rất nhanh. Cho tới nay phần lớn giao dịch này là B2B. Các công ty ngày càng sử dụng mạng để đặt hàng và mua trực tuyến đầu vào cho sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, mua hàng trực tuyến của các cá nhân cũng ngày càng phát triển, số lượng các siêu thị trực tuyến tăng nhanh. Các cam kết về dịch vụ phân phối trong GATS bao gồm cả phân phối điện tử, nghĩa là quyền chào và bán hàng hóa, dịch vụ trên Internet.

Từ quan điểm pháp lý việc mua sản phẩm theo cách này không khác với đặt hàng và thanh toán qua điện thoại và thư. Nếu hàng hóa được đặt hàng phải nhập khẩu thì việc nhập khẩu hàng hóa đó chịu sự điều chỉnh của mọi cam kết thuế quan và các nghĩa vụ khác theo GATT. Thuế nhập khẩu áp dụng với sản phẩm nhập khẩu trong bối cảnh này không thuộc quy định tạm thời chưa áp dụng thuế quan đối với sản phẩm được cung cấp trên mạng theo Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng lần thứ hai về Thương mại điện tử toàn cầu vào tháng 5 năm 1998.

Các dịch vụ không thể được cung cấp trên mạng cũng được chào bán và được mua trên Internet với quy mô lớn. Chẳng hạn, dịch vụ lữ hành và giữ chỗ khách sạn, dịch vụ bán vé máy bay là những hình thức phân phối điện tử phát triển rất nhanh trên phạm vi rộng lớn. Bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không và dịch vụ giữ chỗ bằng máy tính là hai phân ngành của dịch vụ hàng không thuộc phạm vi của GATS và chúng phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tiếp cận Internet.

Cần phải lưu ý là một cam kết về dịch vụ phân phối không phải là một cam kết để cho phép cung cấp bất kỳ dịch vụ hay hàng hóa nào mà chúng có thể được chào bán trên Internet. Tuy nhiên, điều rõ ràng là người ta có thể mua trên Internet các hàng hóa bị cấm nhập khẩu hay các dịch vụ không có cam kết tiếp cận thị trường ở nước của người mua. Tương tự như vậy, một cam kết tự do hoàn toàn trong dịch vụ viễn thông cơ bản chuyển giao quyền cung cấp dịch vụ viễn thông, nhưng nó không phải là một cam kết để cho phép cung cấp bất kỳ dịch vụ nào có thể được cung cấp bởi điện thoại, chẳng hạn như dịch vụ ngân hàng.

#### *Các quy định ngoại lệ*

Điều XIV của GATS chứa các ngoại lệ chung có liên quan một cách rõ ràng tới thương mại điện tử. Điều này cho phép các thành viên đưa ra bất kỳ biện pháp nào họ thấy cần thiết để đạt được các mục tiêu chính sách công nhất định, bao gồm bảo vệ đạo đức xã hội và duy trì an ninh trật tự công cộng. Do cả hai hình thức thương mại điện tử – cung cấp dịch vụ trực tuyến và bán buôn, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trực tuyến – phụ thuộc ở một mức độ nhất định vào an ninh và tính riêng tư của thông tin liên lạc, nên cần lưu ý Điều XIV cho phép các thành viên đưa ra bất kỳ biện pháp nào cần thiết để bảo vệ tính riêng tư của dữ liệu cá nhân, tính bí mật của lý lịch và tài khoản cá nhân, ngăn ngừa các hành vi sai trái và phạm pháp.

Điều XIV *bis* đưa ra các quy định pháp lý tương tự cho các hành động mà các thành viên coi là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh cơ bản của mình. Giống như các quy định ngoại lệ khác, Điều XIV gắn với quyền tự vệ chống lại sự lạm dụng các biện pháp đó, các thành viên khác có thể xem xét các biện pháp đó xem chúng có cần thiết hay không, hay chặt chẽ hơn mức cần thiết không để đạt được mục tiêu đề ra. Chúng

không được áp dụng theo một cách thức tạo ra sự phân biệt đối xử bất hợp lý giữa các thành viên hoặc hạn chế một cách tùy tiện thương mại dịch vụ.

## **Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại (TRIPs)**

### *Giới thiệu*

Sự tăng trưởng được dự đoán trước của thương mại điện tử gắn chặt với tầm quan trọng ngày càng tăng của tài sản trí tuệ. Trên thực tế, rất nhiều giao dịch thương mại trên Internet và các mạng thông tin điện tử khác bao gồm bán hay cấp phép thông tin, sản phẩm văn hóa và công nghệ được bảo vệ về tài sản trí tuệ. Bán sách đã trở thành một trong những dạng thương mại điện tử phổ biến nhất trên Internet, còn việc bán các sản phẩm khác như băng đĩa nhạc đang tăng lên nhanh chóng. Trong khi nhiều sách, CDs hay phim được đặt hàng trên Internet nhưng vẫn được cung cấp qua bưu điện, Internet đang ngày càng được sử dụng như một kênh cung cấp sản phẩm tới khách hàng. Cách cung cấp trực tiếp này trở nên phổ biến với tin tức, báo, thông tin công nghệ và thương mại và đặc biệt là phần mềm máy tính. Khi công suất của mạng và thiết bị của người sử dụng cuối cùng cho phép thì các mạng viễn thông sẽ là kênh cung cấp hiệu quả các sản phẩm như âm nhạc và phim ảnh trực tiếp tới các gia đình.

Tài sản trí tuệ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của hạ tầng mạng, đó là phần mềm, phần cứng và các công nghệ khác để tạo ra xa lộ thông tin. Tài sản trí tuệ được bảo vệ sẽ dẫn tới việc tăng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin và viễn thông. Ngoài ra, một hệ thống bảo vệ tài sản trí tuệ tốt sẽ trợ giúp chuyển giao công nghệ thông tin và viễn thông ở dạng đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên doanh hay cấp phép (li-xăng). Các điều khoản của Hiệp định TRIPs được thiết kế để góp phần thúc đẩy đổi mới, chuyển giao và truyền bá công nghệ trên cơ sở cùng có lợi cho cả nhà sản xuất và sử dụng tri thức công nghệ.

Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) sẽ tác động tới cách mà tài sản trí tuệ được quản lý. Nó được sử dụng để cải thiện tính hiệu quả và tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ cấp địa phương, quốc gia và quốc tế (các văn phòng cấp bằng sáng chế và đăng ký thương hiệu). Điều này sẽ có lợi cho khách hàng của các cơ quan đó với dịch vụ tốt hơn và nhanh hơn, bao gồm thời hạn ngắn hơn để có được quyền sở hữu và tiếp cận tốt hơn tới thông tin sở hữu công nghiệp. Một trong những mục tiêu cơ bản của hệ thống sáng chế là để truyền bá tri thức công nghệ. Mạng viễn thông có thể được sử dụng để trợ giúp truy cập từ bất cứ nơi nào trên thế giới tới thông tin công nghệ phong phú và giá trị trong các văn bằng sáng chế. Liên quan tới bản quyền và các quyền liên quan, nhiều tổ chức đã có truyền thống sử dụng công nghệ thông tin trong việc cấp phép sử dụng bản quyền để bảo vệ các tác phẩm và phân phối tiền bản quyền đối với người giữ quyền tại nhiều nước khác nhau. Công nghệ truyền thông sẽ cho phép cải thiện các dịch vụ do các cơ quan này cung cấp đối với người giữ bản quyền cũng như người sử dụng các tài liệu được bảo vệ.

Những khái niệm và nguyên tắc cơ bản của tài sản trí tuệ vẫn tồn tại qua cả một thế kỷ thay đổi kinh tế, xã hội và công nghệ mau lẹ. Các mục tiêu truyền thông của hệ thống được phản ánh trong các quy định quốc tế hiện tại dường như vẫn còn giá trị trong “không gian mạng – cyberspace”. Điều này gợi ý việc thực hiện Hiệp định

TRIPs có vai trò quan trọng trong việc trợ giúp sự phát triển của thương mại điện tử và hạ tầng của nó. Mặt khác, sự phát triển của kinh tế và công nghệ đặt ra yêu cầu phải thường xuyên điều chỉnh các kiểu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hiện nay, tạo ra các kiểu quyền mới và giải quyết những vấn đề thực thi mới phát sinh. Tương tự như vậy, sự phát triển của các mạng điện tử toàn cầu đã đặt ra những vấn đề mới cần phải giải quyết ở mức quốc gia và quốc tế.

Trong số các vấn đề nổi lên cho tới nay đáng chú ý là các vấn đề liên quan tới khó khăn trong việc xác định luật áp dụng trong những tình huống nhất định, đặc biệt trong bối cảnh “không biên giới” của Internet và các khó khăn để xác định khả năng áp dụng của các luật dựa trên lãnh thổ đối với các hoạt động được tiến hành trên mạng toàn cầu. Tìm kiếm các giải pháp chấp nhận được trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cũng như trong các lĩnh vực khác đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các chính phủ và trong khu vực tư nhân.

### *Bản quyền và các quyền liên quan*

Công nghệ số đã thay đổi một cách sâu sắc cách thức mà các nội dung cần bảo vệ được sáng tạo, sản xuất và sử dụng. Các kiểu sản phẩm mới cũng xuất hiện, đáng chú ý là chương trình máy tính và cơ sở dữ liệu. Internet và các mạng thông tin điện tử khác ngày nay cung cấp một phương tiện mới để phân phối các nội dung cần bảo vệ. Tuy nhiên, các điều kiện đảm bảo an toàn cho sự phân phối này là một điều kiện tiên quyết để các cơ hội mới này được khai thác đầy đủ. Người sở hữu bản quyền sẽ miễn cưỡng đưa nội dung được bảo vệ của họ lên mạng chừng nào họ sợ Internet có thể dẫn đến sự phát tán và sao chép ngoài tầm kiểm soát phim ảnh, chương trình máy tính và các nội dung được bảo vệ khác, dẫn tới thiệt hại nghiêm trọng ngành công nghiệp bản quyền. Đồng thời, các nhà cung cấp dịch vụ và những bên liên quan trong quá trình phổ biến nội dung sản phẩm tới người dùng cuối cùng sẽ cần các quy tắc rõ ràng để có thể kế hoạch phát triển dịch vụ của họ.

Hiệp định TRIPs bắt buộc các thành viên WTO phải tuân thủ với các nghĩa vụ cơ bản của Thỏa thuận Paris năm 1971 về Công ước Bern đối với Bảo vệ các tác phẩm Văn học và Nghệ thuật (Công ước Bern). Các nguyên lý truyền thống của luật bản quyền quốc tế trong Công ước Bern – được ký kết lần đầu năm 1886 và được cập nhật qua các lần rà soát định kỳ - đã chứng tỏ sự linh hoạt phù hợp để có thể áp dụng với các dạng tác phẩm mới, và các cách tạo ra và sử dụng nội dung được bảo vệ trong môi trường số. Quyền tái tạo được quy định trong Công ước Bern và được dẫn chiếu tới trong Hiệp định TRIPs, tiếp tục là một yếu tố trung tâm của sự bảo vệ ngay cả trong môi trường số. Hiệp định TRIPs nhấn mạnh lại việc áp dụng quyền đó và các quyền khác trong Công ước Bern qua việc thực thi có hiệu quả, giám sát sự tuân thủ với các nghĩa vụ, và áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp.

Ngoài việc đòi hỏi tuân thủ với các tiêu chuẩn cơ bản của Công ước Bern. Hiệp định TRIPs đã làm rõ và thêm các điểm mới. Liên quan tới công nghệ số, nó khẳng định rằng các chương trình máy tính, dù là ở dạng mã nguồn hay mã đích, phải được bảo vệ như tác phẩm văn học, và làm rõ rằng các cơ sở dữ liệu và các dạng dữ liệu được tập hợp khác phải được bảo vệ như vậy dù cho cơ sở dữ liệu bao gồm các dữ liệu không được bảo vệ theo bản quyền. Liên lạc trực tuyến đã đặt ra các vấn đề mới,

những vấn đề này đã được giải quyết trong hai Hiệp ước mới của WIPO về các vấn đề bản quyền được phê chuẩn năm 1996.

Khi thảo luận về tác động của công nghệ số tới bản quyền và các quyền liên quan, cần phải thấy rõ thực tế là rủi ro trực tiếp nhất tới ngành công nghiệp bản quyền là việc sản xuất và phân phối qua các phương tiện truyền thống băng đĩa, phim ảnh và phần mềm lậu. Các sản phẩm lậu tràn lan do sự dễ dàng và chi phí sao chép sản phẩm số cực thấp, thực tế thông tin số có thể sao chép rất nhiều lần mà không giảm chất lượng. Liên quan tới điều này, Hiệp định TRIPs nhằm tới sự đảm bảo rằng các phương thức hiệu quả sẵn có đối với người nắm quyền để thực thi quyền sở hữu trí tuệ của mình. Ngoài ra, các thành viên WTO đồng ý hợp tác với nhau nhằm loại bỏ thương mại quốc tế đối với các hàng hóa vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong môi trường trực tuyến.

Trong khi không được quên những rủi ro về mặt quy định và thực thi quyền tác giả và các quyền liên quan trên môi trường mạng, cần phải thấy rõ các lợi ích lớn lao của nó. Đối với người tiêu dùng, Internet có thể cho họ cơ hội lớn hơn về thông tin và sản phẩm văn hóa bất chấp nơi họ ở, còn các tác giả, nhà xuất bản và nhà sản xuất thì có thể hạ chi phí và các rào cản gia nhập thị trường toàn cầu. Chi phí và thời gian giao dịch sẽ giảm rất nhanh. Tuy nhiên, kịch bản tích cực này đòi hỏi các chính phủ và khu vực tư nhân phải tìm ra và thực hiện một tổ hợp tốt hơn các quy tắc, các biện pháp công nghệ và hợp đồng, đồng thời nâng cao nhận thức về vai trò của bản quyền và các quyền liên quan trong xã hội thông tin.

### *Thương hiệu và các dấu hiệu đặc trưng khác*

Bảo vệ thương hiệu và các dấu hiệu đặc trưng khác nhằm khuyến khích và bảo đảm cạnh tranh công bằng giữa các nhà sản xuất và bảo vệ người tiêu dùng bởi việc cho phép họ đưa ra các chọn lựa rõ ràng giữa các hàng hóa và dịch vụ đa dạng. Trong thương mại điện tử, sự thừa nhận thương hiệu (brand) là thiết yếu cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Đối với người tiêu dùng mua hàng hóa và dịch vụ ở khoảng cách xa càng cần dựa trên danh tiếng gắn với thương hiệu và các dấu hiệu đặc trưng khác, bởi vì họ không có cơ hội thiết lập tiếp xúc cá nhân với người bán các sản phẩm đó, hoặc xem xét kỹ càng sản phẩm và dịch vụ trước khi họ mua chúng.

Hiệp định TRIPs quy định bất cứ dấu hiệu nào, hoặc bất kỳ tổ hợp các dấu hiệu nào, có thể phân biệt hàng hóa và dịch vụ của một công ty này so với các công ty khác, sẽ có thể tạo thành một thương hiệu. Để có được sự bảo hộ, nói chung một công ty phải đăng ký một thương hiệu tại mỗi nước mà công ty hoạt động kinh doanh.<sup>9</sup> Việc đăng ký được tiến hành liên quan tới các hàng hóa và dịch vụ cụ thể. Chủ thể của thương hiệu được đăng ký có quyền đặc biệt để ngăn ngừa người khác sử dụng trong quá trình kinh doanh các dấu hiệu đồng nhất hoặc tương tự đối với hàng hóa hay dịch vụ đồng nhất hoặc tương tự với hàng hóa, dịch vụ gắn với thương hiệu được đăng ký, nếu việc sử dụng này dẫn tới khả năng gây nhầm lẫn. Hiệp định có các nghĩa vụ bổ sung liên quan tới các dấu hiệu nổi tiếng: việc đăng ký một dấu hiệu sẽ bị từ chối hay

---

<sup>9</sup> Các thương hiệu có thể có được sự bảo hộ ở nhiều nước thông qua các cơ quan thương hiệu khu vực. Hiệp ước Madrid liên quan tới Đăng ký dấu hiệu quốc tế quy định việc đăng ký thương hiệu quốc tế ở Văn phòng quốc tế của WIPO.

hủy bỏ và việc sử dụng nó bị cấm nếu dấu hiệu đó xung đột với một dấu hiệu nổi tiếng.

Việc sử dụng thương hiệu trên Internet đặt ra một số vấn đề. Dưới những bối cảnh nào và trong những phạm vi tài phán nào thì việc sử dụng một dấu hiệu sẽ tạo ra sự vi phạm tới một thương hiệu đã được đăng ký? Nếu việc sử dụng được xem là vi phạm ở một nước thì các biện pháp khắc phục là gì, đặc biệt trong trường hợp truyền nguyên bản tới một nước khác? Theo các luật quốc gia việc sử dụng một thương hiệu có thể là một điều kiện để đăng ký hoặc là duy trì việc đăng ký; vậy sự sử dụng một thương hiệu trên Internet có thỏa mãn các yêu cầu đó không, nếu thỏa mãn thì ở những nước nào? Các thương hiệu đồng nhất hay tương tự có thể được sở hữu bởi những người khác nhau ở các nước riêng biệt. Do đó việc sử dụng các thương hiệu như vậy trên Internet bởi một hay nhiều người sở hữu có thể dẫn tới xung đột. Nếu vậy thì hệ thống đăng ký thương hiệu dựa trên lãnh thổ hiện nay có đủ thích hợp cho thị trường trực tuyến phi biên giới đang nổi lên hay không?

Một vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm là mối quan hệ giữa thương hiệu và tên miền Internet. Một số vấn đề đã phát sinh từ thực tế là dưới mỗi tên miền cấp cao chỉ có duy nhất một tên miền cấp hai được cấp phát trên cơ sở ai đăng ký trước thì cấp trước. Mặt khác, các thương hiệu giống nhau có thể cùng tồn tại trong các nhóm sản phẩm và dịch vụ khác nhau hay ở các lãnh thổ khác nhau. Ngoài ra, có các vấn đề như “nhà kho” tên miền cấp hai tương ứng với các thương hiệu nổi tiếng cho mục đích bán chúng tới chủ thương hiệu. Đồng thời, các tên miền dễ nhớ có giá trị thương mại tương tự như tài sản trí tuệ. Một trong các câu hỏi đã nổi lên là dưới những bối cảnh nào và phạm vi tài phán nào việc sử dụng một tên miền đồng nhất hay tương tự với một thương hiệu có thể tạo ra sự vi phạm thương hiệu và các biện pháp khắc phục nào có thể áp dụng đối với chủ sở hữu thương hiệu. Cũng cần phải cân nhắc để quyết định xem liệu các vấn đề trên có cần tới sự bảo vệ thương hiệu trên phạm vi quốc tế không. Không chỉ dừng lại ở tài sản trí tuệ, các xung đột giữa thương hiệu và tên miền cũng là chủ đề của nhiều diễn đàn nhằm tìm ra các giải pháp quản lý hệ thống tên miền tốt nhất.

Các vấn đề tương tự cũng nổi lên liên quan tới các dấu hiệu đặc trưng được bảo vệ bởi quyền sở hữu trí tuệ. Liên quan tới chỉ dẫn địa lý, Hiệp định TRIPs đòi hỏi các bên liên quan phải có các biện pháp pháp lý để ngăn ngừa việc sử dụng các chỉ dẫn khiến công chúng hiểu sai về xuất xứ địa lý của hàng hóa hay tạo ra hành động cạnh tranh không lành mạnh.

### **Hiệp định về mua sắm chính phủ**

Sự phát triển của thương mại điện tử có tác động quan trọng tới mua sắm chính phủ và các quy tắc quốc tế về mua sắm chính phủ. Nhờ Internet, các hoạt động liên quan tới mua sắm chính phủ như thông báo mời thầu, lựa chọn nhà thầu, thanh toán và trong một số trường hợp là cung cấp sản phẩm trên mạng diễn ra ngày càng nhiều. Ngoài việc làm cho thủ tục mua sắm trở nên công khai rõ ràng và việc mua sắm hiệu quả hơn, công cụ điện tử có thể mở ra các phương thức mới để tiến hành mua sắm, chẳng hạn qua thủ tục phân loại, xếp hạng nhà thầu điện tử để trợ giúp chọn lựa nhà thầu, hay chọn lựa sản phẩm trên mạng. Đồng thời, các chính phủ sử dụng thương mại

điện tử cũng đương đầu với nhiều thử thách như đảm bảo an toàn và tính riêng tư của dữ liệu, tính liên tác của hệ thống và giải quyết các vấn đề pháp lý như chấp nhận chữ ký số và hóa đơn điện tử.

Trong khi một số thành viên WTO, bao gồm cả các nước phát triển, đang phát triển và quá độ, đang tìm cách để sử dụng thương mại điện tử cho mục tiêu mua sắm chính phủ hiệu quả hơn thì họ lại ở các giai đoạn khác nhau trong quá trình này. Một số chính phủ đã bắt đầu thực hiện, trong khi một số khác đang ở giai đoạn chuẩn bị, thông báo mời thầu trực tuyến; một số chính phủ thì đăng hồ sơ mời thầu trực tuyến còn một số khác thì đang triển khai các dự án thử nghiệm. Có sự khác nhau giữa các nước về đơn vị mời thầu, giá trị hợp đồng và kiểu sản phẩm hay dịch vụ được mua sắm trên mạng.

Quy tắc cơ bản của WTO áp dụng đối với mua sắm chính phủ nằm tại Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (GPA). Đây là Hiệp định nhiều bên với vài chục thành viên tham gia. Điều XXIV:8 của GPA dự đoán các cuộc tham vấn và nếu cần thiết là đàm phán để sửa đổi Hiệp định khi sử dụng công nghệ thông tin trong mua sắm chính phủ phát triển lên một mức mới. Các cuộc tham vấn phải đảm bảo: 1) sử dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy các mục tiêu công khai, không phân biệt đối xử và mua sắm chính phủ hiệu quả qua các thủ tục rõ ràng; 2) các hợp đồng thuộc phạm vi Hiệp định phải được xác định rõ ràng; 3) tất cả thông tin cần thiết liên quan tới một hợp đồng cụ thể cần phải được cung cấp.

Các cuộc đàm phán sau này của GPA cân nhắc tới việc bổ sung các điều khoản của Hiệp định để phản ánh sự phát triển của công nghệ thông tin, đồng thời xem xét việc các đơn vị mua sắm phải chọn các phương tiện điện tử để công bố thông tin và sử dụng chứng từ điện tử thay cho chứng từ giấy, qua đó giảm bớt thời gian mời thầu nhờ tốc độ cao của giao dịch điện tử.

### **Hiệp định về việc thực hiện Điều VII của GATT 1994 (CVA)**

Trong lĩnh vực xác định trị giá tính thuế nhập khẩu, Ủy ban Trị giá Thuế quan của WTO đã thông qua Quyết định về Xác định giá trị của Vật chứa Phần mềm cho Thiết bị xử lý dữ liệu, trước đó đã được thông qua tại Vòng Tokyo năm 1984. Quyết định này được áp dụng trong trường hợp một vật chứa phần mềm, chẳng hạn băng hay đĩa từ chứa dữ liệu được nhập khẩu. Theo Quyết định này các thành viên có hai lựa chọn áp thuế nhập khẩu: 1) theo giá trị của vật mang (rất ít giá trị); 2) theo giá trị của vật mang và giá trị của phần mềm (thường là rất cao). Dù áp dụng theo cách nào thì cũng phải tuân thủ nguyên tắc MFN và thông báo cho Ủy ban.

### **Tuyên bố của Bộ trưởng về Thương mại đối với Sản phẩm Công nghệ thông tin (ITA)**

Tuyên bố này yêu cầu loại bỏ thuế nhập khẩu và các loại thuế và phí khác đối với rất nhiều sản phẩm công nghệ thông tin từ năm 2000. Các sản phẩm thuộc phạm vi của Tuyên bố nói chung rơi vào sáu nhóm: máy tính, thiết bị viễn thông, bộ vi xử lý, các thiết bị sản xuất bộ vi xử lý, phần mềm và thiết bị khoa học. Các sản phẩm này tạo ra hạ tầng hữu hình của thương mại điện tử.

## **Trợ giúp thương mại**

Theo chỉ đạo của Hội nghị Bộ trưởng Singapore, Hội đồng Thương mại Hàng hóa đã thảo luận về vai trò của thương mại điện tử đối với việc trợ giúp xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải và thủ tục hải quan. Quản lý dựa trên công nghệ thông tin đối với dữ liệu được nhận, xử lý và gửi trên mạng bởi thương nhân, các cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan khác trong quá trình giao dịch xuất nhập khẩu giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho cả chính phủ và thương nhân, đồng thời cho phép nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ hội tham gia thương mại quốc tế. Công nghệ thông tin đã được thừa nhận chung là một công cụ thiết yếu để hiện đại hóa và đơn giản hóa việc kiểm soát và thủ tục hải quan, bao gồm việc áp dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro. Việc loại bỏ các rào cản quản lý “vô hình” này sẽ đảm bảo cho các cam kết về tiếp cận thị trường được thực hiện một cách đầy đủ.

## **Tuyên bố về Thương mại điện tử toàn cầu**

Tuyên bố này được thông qua ngày 20 tháng 5 năm 1998 với hai nội dung cơ bản. Thứ nhất, Đại Hội đồng, tại phiên họp tiếp theo của mình, phải xây dựng một chương trình làm việc toàn diện về thương mại điện tử để xem xét tất cả các khía cạnh liên quan tới thương mại điện tử toàn cầu, bao gồm cả những vấn đề do các thành viên đề xuất. Chương trình làm việc sẽ thu hút các cơ quan liên quan của WTO, có tính tới các nhu cầu về kinh tế, tài chính và phát triển của các nước đang phát triển cũng như công việc đang được triển khai tại các tổ chức quốc tế khác. Đại Hội đồng sẽ lập một báo cáo về sự tiến bộ của chương trình làm việc và đưa ra các khuyến nghị để đệ trình lên Hội nghị Bộ trưởng lần thứ ba.

Thứ hai, bất chấp kết quả của chương trình làm việc và các quyền và nghĩa vụ của các thành viên theo các hiệp định của WTO, các thành viên tuyên bố tiếp tục không áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng. Khi báo cáo tới Hội nghị Bộ trưởng lần thứ ba, Đại Hội đồng sẽ rà soát lại thỏa thuận này, việc kéo dài thỏa thuận sẽ được quyết định trên nguyên tắc đồng thuận có xét tới tiến bộ của chương trình làm việc.

## Hình 2

### Toàn cảnh Phiên họp cuối cùng của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO tháng 11 năm 2006





## Chương hai

### CÁC TUYÊN BỐ CỦA HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Những quy định quan trọng nhất về thương mại điện tử trong WTO được đưa ra tại Hội nghị Bộ trưởng.

Hội nghị Bộ trưởng là cơ quan cao nhất của WTO bao gồm đại diện của tất cả các nước thành viên, họp ít nhất hai năm một lần. Các cơ quan thường trực điều hành công việc chung của WTO, bao gồm Đại Hội đồng, Cơ quan giải quyết tranh chấp, Cơ quan rà soát chính sách thương mại, Hội đồng Thương mại hàng hóa, Hội đồng Thương mại dịch vụ, Hội đồng về các vấn đề Sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Dưới các hội đồng trên là nhiều ủy ban và cơ quan giúp việc khác giám sát các vấn đề chuyên môn và là nơi thảo luận về các vấn đề nảy sinh khi thực hiện các hiệp định.

#### Các Hội nghị Bộ trưởng WTO

1	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ nhất	1996	Singapore
2	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ hai	1998	Geneva, Thụy sỹ
3	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ ba	1999	Seattle, Hoa Kỳ
4	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ tư	2001	Doha, Qatar
5	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm	2003	Cancún, Mehicô
6	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ sáu	2005	Hong Kong

Tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ tư tổ chức tại Doha, Qatar từ 9-14 tháng 11 năm 2001, Vòng đàm phán mới với tên gọi Vòng đàm phán Doha vì sự phát triển đã được phát động. Theo dự kiến ban đầu Vòng đàm phán Doha sẽ kết thúc vào cuối năm 2004. Tuy nhiên, do sự phức tạp của thương mại toàn cầu nên tới nay Vòng đàm phán này vẫn đang tiếp diễn. Phụ lục 1 giới thiệu toàn văn Tuyên bố Hội nghị Bộ trưởng Doha.

Tại Hội nghị Bộ trưởng lần thứ hai, các Bộ trưởng đã thông qua Tuyên bố quan trọng về thương mại điện tử toàn cầu. Thương mại điện tử cũng được đề cập tại Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng lần thứ tư và thứ sáu.

#### *Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai về thương mại điện tử toàn cầu<sup>10</sup>*

Tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai, tổ chức tại Geneva (Thụy sỹ) tháng 5 năm 1998, lần đầu tiên WTO đã đánh giá sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử và những cơ hội mới mà thương mại điện tử tạo ra. Đồng thời, các thành viên WTO đã thông qua một quyết định quan trọng, đó là quyết định không thành viên nào được áp đặt thuế nhập khẩu đối với việc truyền dữ liệu điện tử. Đây là quyết định nền tảng để tránh tạo ra những rào cản đối với thương mại điện tử giữa các thành viên. Toàn văn tuyên bố như sau:

<sup>10</sup> Tài liệu của WTO với mã WT/MIN(98)/DEC/2, có thể tìm tài liệu này tại [www.wto.org](http://www.wto.org)

**“Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai về thương mại điện tử toàn cầu**

Geneva, 20/5/1998

Các Bộ trưởng,

Thừa nhận thương mại điện tử toàn cầu đang phát triển nhanh chóng và tạo ra các cơ hội mới cho thương mại,

Tuyên bố như sau:

Tại phiên họp tiếp theo, Đại Hội đồng cần xây dựng một chương trình làm việc toàn diện để xem xét toàn bộ các vấn đề liên quan tới thương mại của thương mại điện tử toàn cầu, bao gồm các vấn đề do các Thành viên đề xuất. Chương trình làm việc sẽ bao gồm các cơ quan liên quan của WTO, có tính tới nhu cầu của các nước đang phát triển về kinh tế, tài chính và phát triển. Các bộ trưởng nhấn mạnh công việc này cũng được thực hiện trong các tổ chức quốc tế khác. Đại Hội đồng sẽ xây dựng một báo cáo về sự tiến bộ của Chương trình làm việc và các khuyến nghị triển khai để trình lên Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ ba. Bất kể mọi kết quả của Chương trình làm việc hay các quyền và nghĩa vụ của các Thành viên tại các Hiệp định của WTO, các Bộ trưởng tuyên bố **các Thành viên sẽ tiếp tục duy trì hiện trạng không áp đặt thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng điện tử qua biên giới.**<sup>11</sup>

Khi báo cáo Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ ba, Đại Hội đồng sẽ rà soát lại Tuyên bố này. Việc mở rộng phạm vi của Tuyên bố sẽ được quyết định bởi sự đồng thuận có tính tới tiến bộ của Chương trình làm việc.”

**Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ tư**

Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ ba tổ chức tại Seattle (Hoa Kỳ) vào tháng 11 năm 1999 đã thất bại, các bộ trưởng không ra được tuyên bố chung và WTO đã không thể phát động được vòng đàm phán thương mại toàn cầu mới. Tới tháng 11 năm 2001, tại Doha (Qatar), Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ tư đã diễn ra thành công. Vòng đàm phán thương mại toàn cầu mới với tên gọi “Vòng đàm phán Doha vì sự phát triển” đã được phát động. Đồng thời, Hội nghị đã ghi nhận nhiều công việc do Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan của WTO triển khai từ năm 1998 và khẳng định lại cam kết không áp đặt thuế nhập khẩu đối với việc truyền dữ liệu điện tử.

**“Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ tư”<sup>12</sup>**

Doha, 14/11/2001

Chúng ta ghi nhận các công việc do Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan của WTO thực hiện từ Tuyên bố của các Bộ trưởng tại Geneva ngày 20 tháng 5 năm 1998 và đồng ý tiếp tục triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Công việc đã triển khai cho tới nay cho thấy thương mại điện tử tạo ra

<sup>11</sup> Nguyên văn tiếng Anh: “Without prejudice to the outcome of the programme or the rights and obligations of Members under WTO Agreements, we also declare that Members will continue their current practice of not imposing customs duties on electronic transmissions”

<sup>12</sup> Tài liệu của WTO với mã WT/MIN(01)/DEC/1, đoạn 34, có thể tham khảo tại [www.wto.org](http://www.wto.org)

*nhieu cơ hội và thách thức mới cho thương mại của các thành viên ở mọi mức độ phát triển. Chúng ta thừa nhận tầm quan trọng của việc tạo ra và duy trì môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thương mại điện tử trong tương lai. Chúng ta yêu cầu Đại Hội đồng xem xét thành lập thể chế thích hợp nhất để triển khai Chương trình làm việc và báo cáo tiến độ triển khai cho Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm. Chúng ta tuyên bố các thành viên sẽ duy trì hiện trạng không áp đặt thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử qua biên giới cho tới khi tổ chức Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm.”*

### ***Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ sáu***

Vòng đàm phán Doha diễn ra hết sức phức tạp. Theo dự kiến ban đầu, vòng đàm phán này sẽ kết thúc vào cuối năm 2004. Tuy nhiên, sự khác biệt về quan điểm và quyền lợi giữa các thành viên rất sâu sắc. Cùng với việc Trung Quốc trở thành thành viên chính thức của WTO, nhóm các nước thành viên đang phát triển đã tập hợp lực lượng và thể hiện rõ hơn vị thế đàm phán. Ngoài ra, sự bế tắc trong vấn đề tự do hoá thương mại nông sản và giảm mạnh trợ cấp trong nông nghiệp khiến cho vòng đàm phán không tiến triển. Trong bối cảnh đó, các hoạt động triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan cũng trì trệ. Tuy nhiên, các Bộ trưởng vẫn nhất trí duy trì thể chế đã được thiết lập ngay sau Hội nghị Bộ trưởng lần thứ hai để tiếp tục triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử và “duy trì hiện trạng không áp đặt thuế nhập khẩu đối với sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử cho tới khi tổ chức Hội nghị Bộ trưởng lần tiếp theo”.

### ***“Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ sáu”<sup>13</sup>*** *HongKong, 18/12/2005*

*Chúng ta ghi nhận các báo cáo của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan đối với Chương trình làm việc về Thương mại điện tử và việc chưa hoàn thành rà soát đánh giá các vấn đề theo Chương trình làm việc. Chúng ta nhất trí phải nổi lại công việc một cách mạnh mẽ, bao gồm các vấn đề liên quan tới phát triển theo Chương trình làm việc và thảo luận về chính sách thương mại đối với việc mua bán phần mềm trực tuyến. Chúng ta nhất trí duy trì thể chế hiện tại để triển khai Chương trình làm việc. Chúng ta tuyên bố các Thành viên sẽ duy trì hiện trạng không áp đặt thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử qua biên giới cho tới khi tổ chức Hội nghị Bộ trưởng lần tiếp theo.”*

---

<sup>13</sup> Tài liệu của WTO với mã WT/MIN(05)/DEC/1, đoạn 46, có thể tìm kiếm tại [www.wto.org](http://www.wto.org)

## Chương ba

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Đại Hội đồng là cơ quan ra quyết định cấp cao nhất của WTO tại Geneva. Đại Hội đồng họp thường xuyên để thực hiện các chức năng của WTO. Đại Hội đồng bao gồm đại diện của tất cả các thành viên, các đại diện thông thường là đại sứ hoặc tương đương.

Thực hiện chỉ đạo của Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai diễn ra tại Geneva tháng 5 năm 1998, tháng 9 cùng năm Đại Hội đồng đã thông qua Chương trình làm việc về Thương mại điện tử.

*Chương trình làm việc về Thương mại điện tử* của WTO rất rộng, bao quát nhiều lĩnh vực và các cơ quan chuyên môn. Trong quá trình triển khai Chương trình làm việc, nhiều khía cạnh liên quan tới thương mại điện tử đã được xem xét, bao gồm các khía cạnh liên quan tới thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ và phát triển. Hộp dưới đây giới thiệu toàn bộ Chương trình làm việc này.

#### Hộp 1

##### **Chương trình làm việc về Thương mại điện tử**

*Đại Hội đồng WTO thông qua ngày 25 tháng 9 năm 1998*

1.1 Tuyên bố của các Bộ trưởng về thương mại điện tử toàn cầu tại Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ hai đã yêu cầu Đại Hội đồng xây dựng Chương trình làm việc toàn diện để xem xét toàn bộ các vấn đề liên quan tới thương mại của thương mại điện tử toàn cầu, có tính tới nhu cầu của các nước đang phát triển về kinh tế, tài chính và phát triển. Đại Hội đồng sẽ xây dựng một báo cáo về sự tiến bộ của Chương trình làm việc và các khuyến nghị triển khai để trình lên Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ ba. Do đó, Đại Hội đồng đã xây dựng chương trình làm việc cho các cơ quan liên quan của WTO từ mục 2 tới mục 5 dưới đây. Các vấn đề khác có thể được cập nhật theo yêu cầu của các Thành viên tại mỗi cơ quan được nêu. Các cơ quan khác của WTO sẽ thông báo cho Đại Hội đồng những hoạt động của mình liên quan tới thương mại điện tử.

1.2 Đại Hội đồng sẽ đóng vai trò trung tâm trong toàn bộ tiến trình và liên tục đánh giá, rà soát Chương trình làm việc tại các kỳ họp của mình. Ngoài ra, Đại Hội đồng sẽ cân nhắc mọi vấn đề liên quan tới thương mại và liên quan tới nhiều cơ quan chuyên môn. Đặc biệt, mọi khía cạnh của Chương trình làm việc liên quan tới việc áp thuế nhập khẩu đối với việc truyền dữ liệu điện tử sẽ do chính Đại Hội đồng xem xét. Đại Hội đồng sẽ tiến hành rà soát giữa kỳ về việc thực hiện Chương trình làm việc vào 31 tháng 3 năm 1999. Các cơ quan được nêu từ mục 2 tới 5 sẽ báo cáo hoặc cung cấp thông tin tới Đại Hội đồng vào 30 tháng 7 năm 1999.

1.3 Với mục đích triển khai Chương trình làm việc và bất kể kết quả đạt được của Chương trình này ra sao, thuật ngữ “thương mại điện tử” được hiểu là việc sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán hay cung cấp hàng hoá và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử. Chương trình làm việc cũng bao gồm việc cân nhắc các vấn đề liên quan tới sự phát triển hạ tầng cho thương mại điện tử.

1.4 Khi triển khai công việc của mình, các cơ quan được nêu cần phải tính tới công việc của các tổ chức liên chính phủ khác. Đồng thời, cần phải cân nhắc tới các biện pháp để có được thông tin từ các tổ chức phi chính phủ liên quan.

### **Hội đồng Thương mại dịch vụ**

2.1 Hội đồng Thương mại dịch vụ sẽ xem xét và báo cáo về những biện pháp liên quan tới thương mại điện tử theo các quy định pháp lý của Hiệp định chung về Thương mại dịch vụ (GATS). Cần phải xem xét các vấn đề sau:

- phạm vi (bao gồm các phương thức cung cấp) (Điều I);
- MFN (Điều II);
- rõ ràng, minh bạch (Điều III);
- tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển (Điều IV);
- các qui định trong nước, các tiêu chuẩn và thừa nhận lẫn nhau (Điều VI và VII);
- cạnh tranh (Điều VIII và IX);
- bảo vệ đạo đức cá nhân và cộng đồng, ngăn cản các hành vi xấu (Điều XIV);
- các cam kết tiếp cận thị trường về cung cấp dịch vụ trực tuyến (bao gồm các cam kết về dịch vụ viễn thông cơ bản và giá trị gia tăng, dịch vụ phân phối) (Điều XVII);
- đối xử quốc gia (Điều XVII);
- tiếp cận và sử dụng các mạng trực và dịch vụ viễn thông công cộng (Phụ lục về viễn thông);
- thuế nhập khẩu;
- các vấn đề phân loại dịch vụ.

### **Hội đồng Thương mại hàng hoá**

3.1 Hội đồng Thương mại hàng hoá sẽ xem xét và báo cáo về những biện pháp liên quan tới thương mại điện tử theo các quy định của GATT 1994, các hiệp định thương mại đa phương tại Phụ lục 1A của Hiệp định WTO và chương trình làm việc đã được chấp thuận. Các vấn đề cần phải xem xét bao gồm:

- tiếp cận thị trường cho thương mại điện tử và tiếp cận tới các sản phẩm liên quan tới thương mại điện tử;
- các vấn đề xác định giá trị tính thuế nhập khẩu khi áp dụng Hiệp định thực hiện Điều VII của GATT 1994;
- các vấn đề gắn với việc áp dụng Hiệp định về Thủ tục cấp phép nhập khẩu;
- thuế nhập khẩu, các loại thuế và phí khác theo Điều II của GATT 1994;
- các tiêu chuẩn liên quan tới thương mại điện tử;
- các vấn đề về qui tắc xuất xứ;
- các vấn đề về phân loại.

### **Hội đồng về Sở hữu trí tuệ (TRIPS)**

4.1 Hội đồng TRIPS sẽ xem xét và báo cáo về các vấn đề sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại điện tử. Các vấn đề cần nghiên cứu bao gồm:

- bảo vệ và thực thi bản quyền và các quyền liên quan;
- bảo vệ và thực thi thương hiệu;
- các công nghệ mới và tiếp cận tới công nghệ.

## **Ủy ban Thương mại và Phát triển**

5.1 Ủy ban Thương mại và Phát triển sẽ xem xét và báo cáo về những tác động của thương mại điện tử tới sự phát triển, tính tới những nhu cầu về kinh tế, tài chính và phát triển của các nước đang phát triển. Các vấn đề cần nghiên cứu bao gồm:

- những tác động của thương mại điện tử đối với tăng trưởng kinh tế và thương mại của các nước đang phát triển, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), các biện pháp để mang lại hiệu quả cao nhất từ thương mại điện tử;
- những thử thách và cách thức tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển đối với thương mại điện tử, đặc biệt là các nhà xuất khẩu các sản phẩm được cung cấp trực tuyến: vai trò của việc tiếp cận tốt hơn tới hạ tầng và chuyển giao công nghệ, sự di chuyển của thể nhân cung cấp dịch vụ;
- việc sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình hội nhập của các nước đang phát triển vào hệ thống thương mại đa biên;
- những ảnh hưởng đối với các nước đang phát triển bởi tác động có thể có của thương mại điện tử đối với các phương thức phân phối truyền thống các hàng hoá hữu hình;
- những ảnh hưởng về mặt tài chính của thương mại điện tử đối với các nước đang phát triển.

[www.wto.org/english/tratop\\_e/ecom\\_e/wkprog\\_e.htm](http://www.wto.org/english/tratop_e/ecom_e/wkprog_e.htm)

Tại cuộc họp của Đại Hội đồng ngày 8/5/2001, các thành viên đã quyết định sẽ tổ chức một cuộc họp chuyên đề về thương mại điện tử để giải quyết các vấn đề liên quan tới nhiều lĩnh vực. Cuộc họp này đã diễn ra vào ngày 15/6/2001 dưới sự bảo trợ của Đại Hội đồng. Chương trình của cuộc họp dựa trên Danh sách các vấn đề liên quan tới nhiều lĩnh vực.

## **Hộp 2** **Danh sách các vấn đề liên quan tới nhiều lĩnh vực**

Danh sách này bao gồm các vấn đề liên quan tới nhiều lĩnh vực gắn với thương mại điện tử. Danh sách được xây dựng dựa trên các thảo luận tại cuộc họp của Đại Hội đồng ngày 8/5/2001 và cuộc họp tham vấn không chính thức được tổ chức vào ngày 6/6/2001.

Danh sách này là mở và là cơ sở cho các cuộc thảo luận tiếp theo. Danh sách bao gồm các vấn đề được đặt ra bởi nhiều thành viên và không được hiểu là đã có sự đồng thuận giữa các thành viên về các vấn đề này.

### **1. Phân loại nội dung truyền dữ liệu điện tử**

Bao gồm:

- Định nghĩa “thương mại điện tử”;
- Quan niệm trung lập về công nghệ;
- Vấn đề “tương tự”.

### **2. Các vấn đề liên quan tới phát triển**

Bao gồm:

- Sự tham gia của các nước đang phát triển trong thương mại điện tử;

- Tiếp cận tới hạ tầng và công nghệ;
- Chuyên giao công nghệ;
- Xây dựng năng lực;
- Hỗ trợ kỹ thuật;
- Tiếp cận tới thị trường của các nước phát triển và đang phát triển cho sản phẩm và nhà cung cấp của các nước đang phát triển;
- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin;
- Làm thế nào để đảm bảo thương mại điện tử mang lại lợi ích cho các nước phát triển và đang phát triển;
- Sự di chuyển của thể nhân.

3. Tác động tài chính công của thương mại điện tử

4. Mối quan hệ (và những hiệu ứng thay thế có thể có) giữa hình thức thương mại điện tử với thương mại truyền thống.

5. Áp thuế quan đối với sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử

6. Cạnh tranh

Bao gồm:

- Những cản trở đối với thương mại điện tử do sự tập trung sức mạnh thị trường;
- Cạnh tranh và các quy định trong nước;
- Cạnh tranh và quyền sở hữu trí tuệ.

7. Áp dụng luật và các vấn đề pháp lý khác

## ***1. Cuộc họp chuyên đề lần thứ nhất về thương mại điện tử của Đại Hội đồng***

*i. Phân loại nội dung sản phẩm được cung cấp trên mạng điện tử là hàng hóa hay dịch vụ*

Việc phân loại một sản phẩm hay giao dịch nhất định là hàng hóa hay dịch vụ có ý nghĩa lớn trong việc thực thi các hiệp định của WTO vì nó sẽ thuộc phạm vi điều chỉnh của GATT hoặc GATS.

Theo dự kiến ban đầu thì cuộc họp sẽ thảo luận về định nghĩa thương mại điện tử, tuy nhiên ngay từ đầu cuộc họp các thành viên đã thống nhất không bàn tới nội dung này nữa. Lí do là trong Chương trình làm việc về Thương mại điện tử khái niệm “thương mại điện tử” được hiểu là việc sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán hay cung cấp hàng hoá và dịch vụ thông qua các phương tiện điện tử. Cả hàng hóa và dịch vụ đều có thể bán được qua các phương tiện điện tử.

Nhiều phái đoàn cho rằng phần lớn sản phẩm được truyền điện tử thực sự là sản phẩm dịch vụ. Mặc dù vậy việc phân loại của GATT và GATS còn chưa rõ ràng đối với những sản phẩm vừa có thể được cung cấp ở dạng điện tử, vừa ở dạng thông thường.

Một số phái đoàn cho rằng các sản phẩm số hóa phải được đối xử như dịch vụ và vì vậy thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS. Những phái đoàn ủng hộ việc coi các sản phẩm số hóa là dịch vụ đề nghị các phái đoàn có quan điểm khác đưa ra những bằng chứng cụ thể về các sản phẩm số hóa không thể coi là dịch vụ.

Nhiều phái đoàn cho rằng một số sản phẩm đang được phân loại như là hàng hóa và hưởng đối xử quốc gia và miễn thuế nhập khẩu theo ITA và GATT cần tiếp tục được hưởng các ưu đãi này dù cho sau này các sản phẩm đó được phân loại là dịch vụ. Tuy nhiên, một số phái đoàn khác bày tỏ quan ngại về sự nhất quán của cách tiếp cận này với các nguyên tắc của GATS để đưa ra Biểu cam kết về dịch vụ. Cũng có những ý kiến cho rằng sẽ không có lợi để phân loại lại một số sản phẩm như là dịch vụ nếu như một số nguyên tắc của GATT vẫn tiếp tục được áp dụng với những sản phẩm này, chẳng hạn như các nguyên tắc MFN, NT hay cấm hạn chế định lượng.

Một số phái đoàn lưu ý việc quyết định vội vàng áp dụng theo GATT hay GATS đối với nội dung của một số giao dịch điện tử nhất định hoặc việc thông qua các quy định cứng nhắc về phân loại có thể tạo ra những hạn chế không cần thiết đối với thương mại. Họ cũng lưu ý rằng thị trường thương mại điện tử còn non trẻ và đang tiến hóa. Những phái đoàn này nhấn mạnh cách tiếp cận phân loại tốt nhất là cách hạn chế thương mại thấp nhất. Tuy nhiên, một số phái đoàn khác lại chỉ ra rằng hiện tại chưa có nghĩa vụ tuân thủ tiêu chuẩn “hạn chế thương mại thấp nhất”.

Liên quan tới vấn đề “trương tự” và trung lập về công nghệ, một số phái đoàn cho rằng cần phải giải quyết xong vấn đề phân loại trước khi thảo luận về hai vấn đề này. Liên quan tới vấn đề “trương tự”, một số phái đoàn nhắc lại rằng triết lý bao trùm của luật đòi hỏi một quyết định về sự “trương tự” phải được xem xét theo từng trường hợp cụ thể. Liên quan tới vấn đề trung lập về công nghệ, một phái đoàn lưu ý cần phải làm rõ khái niệm này và việc áp dụng nó trong bối cảnh của GATT.

Cũng có ý kiến cho rằng vấn đề phân loại phải được giải quyết xong trước khi bàn tới vấn đề quy tắc xuất xứ.

Về tổng thể hầu hết các phái đoàn đều thống nhất nguyên tắc không được tạo ra các rào cản không cần thiết ngăn cản sự phát triển của thương mại điện tử.

#### *ii) Thúc đẩy thương mại điện tử ở các nước đang phát triển*

Nhiều phái đoàn lưu ý những tiềm năng to lớn của thương mại điện tử cho sự tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển.

Tuy nhiên, một số phái đoàn bày tỏ quan điểm những lợi ích của thương mại điện tử không tự động có được ở các nước đang phát triển, do đó cần có một cách tiếp cận toàn diện để đảm bảo cho các nước đang phát triển có được lợi ích từ thương mại điện tử. Cần phải có những biện pháp thích hợp liên quan tới tiếp cận hạ tầng cơ sở, công nghệ, đầu tư, tiếp cận thị trường, nguồn nhân lực và giáo dục. Đồng thời, các chính phủ có vai trò tiên quyết trong việc hỗ trợ tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển thương mại điện tử thông qua việc xây dựng các chiến lược phát triển và môi trường chính sách và pháp luật.



Nhiều phái đoàn nhấn mạnh thông qua Ủy ban Thương mại và Phát triển (CTD), WTO cần tham gia trong các nỗ lực rộng lớn hơn để thu hẹp khoảng cách số do các tổ chức khác đang triển khai.

Có phái đoàn lưu ý các nước đang phát triển phải tham gia sâu vào việc phát triển các tiêu chuẩn cho thương mại điện tử. Một số phái đoàn bày tỏ lo ngại về việc các nước đang phát triển chưa tiếp cận tốt tới một số công nghệ, chẳng hạn công nghệ mã hóa và an ninh thông tin. Liên quan tới vấn đề này, có phái đoàn nhắc tới việc Điều IV của GATS chưa được triển khai đầy đủ.

*iii) Tác động của thương mại điện tử tới tài chính công và áp dụng thuế nhập khẩu*

Có nhiều quan điểm khác biệt về tác động thực sự của thương mại điện tử tới nguồn thu quốc gia bị giảm đối với các nước đang phát triển.

Liên quan tới áp dụng thuế nhập khẩu đối với các giao dịch điện tử, cần phải xem xét kỹ lưỡng tác động dài hạn của việc chưa áp dụng thuế nhập khẩu. Một phái đoàn cho rằng chi phí thu thuế nhập khẩu đối với các giao dịch điện tử có thể cực kỳ cao.

Ngoài ra, một số phái đoàn cũng đề nghị phải làm rõ hơn khái niệm “truyền dữ liệu điện tử” (electronic transmissions) được sử dụng trong Tuyên bố về Thương mại điện tử toàn cầu (20/5/1998).

*iv) Các vấn đề quyền tài phán và pháp lý*

Một phái đoàn nhấn mạnh tới thực tế chung là mọi quy định hiện tại của WTO phải áp dụng với thương mại điện tử, bất kỳ lỗ hổng nào trong các quy định sẽ được xem xét theo từng trường hợp cụ thể.

## ***2. Cuộc họp chuyên đề lần thứ hai về thương mại điện tử của Đại Hội đồng***

Cuộc họp lần thứ hai diễn ra vào ngày 6/5/2002 nhằm tiếp tục thảo luận các vấn đề đặt ra tại cuộc họp lần thứ nhất một năm trước đó.

*i. Phân loại nội dung truyền dữ liệu điện tử là hàng hóa hay dịch vụ*

Nhiều phái đoàn nhấn mạnh vấn đề phân loại là một yếu tố nền tảng trong Chương trình làm việc nhưng họ không thấy cần thiết phải tìm kiếm một quyết định dứt khoát toàn bộ sản phẩm số hóa được phân loại là hàng hóa hay dịch vụ. Những phái đoàn này cho rằng cần duy trì hiện trạng không áp dụng thuế nhập khẩu đối với các giao dịch điện tử. Một số phái đoàn khác lập luận tập hợp các sản phẩm được đề cập tới không lớn nên nếu tiến hành phân loại được sản phẩm nào là hàng hóa hay dịch vụ sẽ rất có ích. Một phái đoàn bày tỏ quan điểm cho rằng vấn đề mấu chốt là phân loại nội dung của các giao dịch điện tử.

Một số phái đoàn bày tỏ mong muốn xây dựng được một khung khổ toàn cầu dễ dự đoán, rõ ràng và dễ áp dụng đối với sự phát triển trong tương lai, đồng thời cho rằng sự phát triển của công nghệ cũng như sự thay đổi mau lẹ của thị trường không thể được coi là những trở ngại để đạt tới nhận thức chung đối với vấn đề phân loại. Tuy nhiên, bất kỳ chính sách nào về giao dịch điện tử cũng phải trung lập về công nghệ. Một phái đoàn gợi ý cách tiếp cận phân loại tốt nhất là theo từng trường hợp cụ thể do tập hợp các sản phẩm có thể giao dịch trực tuyến không lớn. Liên quan tới cách tiếp cận này, một phái đoàn khác nêu câu hỏi những tiêu chí nào sẽ được sử dụng trong cách tiếp cận đó và tỏ ra lạc quan về việc đạt tới một quyết định chung đối với việc phân loại. Một số phái đoàn nhấn mạnh tới sự cần thiết phải làm rõ sự khác biệt giữa nội dung và vật mang nội dung đó.

Liên quan tới nội dung tài sản trí tuệ của các giao dịch điện tử, có phái đoàn đã chỉ ra tài sản trí tuệ chứa trong sản phẩm được cung cấp bằng phương tiện điện tử không liên quan tới việc phân loại sản phẩm đó là hàng hóa hay dịch vụ. Nhưng không phải sản phẩm nào được cung cấp bằng phương tiện điện tử cũng chứa tài sản trí tuệ và các hệ thống pháp luật khác nhau lại diễn giải quyền sở hữu trí tuệ một cách khác nhau, nên bất kỳ quyết định nào liên quan tới Hiệp định TRIPS áp dụng với một sản phẩm cụ thể cũng phải được đưa ra cho từng trường hợp riêng rẽ.

Tại cuộc họp, phái đoàn Canada đã đưa ra tài liệu tham khảo “Phân loại phần mềm được cung cấp điện tử”. Tài liệu này nhấn mạnh tới một số vấn đề mà Canada cho là quan trọng nhất liên quan tới vấn đề làm thế nào để phân loại các sản phẩm truyền qua mạng với sản phẩm được cung cấp theo phương thức truyền thống. Chẳng hạn như đối với phần mềm, cán bộ hải quan có thể tải sản phẩm số hóa hay sử dụng nó trực tuyến. Điều này cũng tương tự như GATT và GATS áp dụng thế nào đối với các giao dịch điện tử và những tác động của việc phân loại một sản phẩm như vậy là “hàng hóa” hay “dịch vụ”.

Nhiều phái đoàn chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề phân loại đối với các cuộc đàm phán đang diễn ra trong cả lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ. Trong bối cảnh này, một số phái đoàn đặt ra nhiều câu hỏi liên quan tới tài liệu của Canada và bày tỏ quan tâm tới những tác động của việc phân loại đối với ví dụ minh họa phần mềm trong tài liệu. Khi tham chiếu tới các dịch vụ chuyên môn như kiến trúc, tư vấn kỹ thuật và thiết kế thời trang, một phái đoàn cho rằng nhiều sản phẩm được truyền qua mạng có sự tương đương với việc giao sản phẩm theo các phương thức truyền thống có đóng thuế trong Hệ thống Hải hòa (HS).

Một số phái đoàn khác bình luận rằng tài liệu của Canada tham chiếu tới một số vấn đề thực tiễn gắn với việc áp thuế nhập khẩu lên thương mại điện tử và nhấn mạnh rằng tất cả vấn đề liên quan tới thương mại điện tử phải được xem xét trong bối cảnh cần phải duy trì môi trường thương mại tự do cho thương mại điện tử. Một phái đoàn gợi ý rằng khi có những cam kết thương mại tự do hơn trong cả GATT và GATS thì vấn đề phân loại ít có ý nghĩa hơn. Phái đoàn này cũng cho rằng cần phải đảm bảo giữ nguyên môi trường thương mại tự do hiện tại cho các sản phẩm có thể phân phát theo cả hai phương thức: qua mạng và truyền thống.

Ban Thư ký đã chuẩn bị một tài liệu phục vụ cho cuộc họp. Tài liệu này xem xét những tác động xảy ra trong bối cảnh cơ sở phân loại hàng hóa và dịch vụ khác nhau giữa GATT và GATS cũng như những yếu tố liên quan tới các hệ thống phân loại khác nhau hiện đang được sử dụng.

Một phái đoàn đã nhắc lại sự ủng hộ của mình việc đối xử với các sản phẩm số hóa theo GATS và lưu ý một số phái đoàn khác bày tỏ lo ngại cách tiếp cận theo GATS sẽ dẫn tới đối xử kém ưu đãi hơn. Tuy nhiên, phái đoàn này cùng một số phái đoàn khác lưu ý tài liệu của Ban Thư ký đã chú ý tới thực tế là khi tự do hóa đầy đủ sẽ có rất ít sự khác biệt giữa cách tiếp cận phân loại theo GATT hay GATS.

Nhiều phái đoàn đã nhất trí coi phần lớn các sản phẩm chuyển giao trực tuyến thực sự là dịch vụ, tuy nhiên còn thiếu sự rõ ràng liên quan tới phân loại theo GATT và GATS một số sản phẩm có thể chuyển giao theo cả hình thức trực tuyến lẫn truyền thống. Một số phái đoàn khác không nhất trí coi tất cả sản phẩm cung cấp trực tuyến là dịch vụ. Nhiều phái đoàn nhấn mạnh tới sự cần thiết có sự rõ ràng về pháp lý cũng như để dự đoán đối với vấn đề phân loại.

Một phái đoàn chỉ ra một số vấn đề cần phải thảo luận và giải quyết từ khía cạnh của GATS, chẳng hạn như quyền tài phán theo sự khác biệt giữa phương thức 1 và 2 của GATS. Một phái đoàn khác dẫn chiếu tới các cuộc thảo luận tại ITU về xã hội thông tin và đề xuất WTO và ITU nên tìm cách tham gia các cuộc thảo luận của nhau.

#### *ii) Thúc đẩy thương mại điện tử ở các nước đang phát triển*

Một phái đoàn nhận xét thương mại điện tử có thể đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, đồng thời có tiềm năng to lớn trong việc kích thích phát triển kinh tế và tăng trưởng tại mọi nước. Với quan điểm này, tự do hóa thị trường dịch vụ viễn thông là nền tảng cho phát triển thương mại điện tử. Ngoài ra, ITA là quan trọng đối với việc tiếp cận dễ dàng hơn nữa các thiết bị công nghệ thông tin. Sự phát triển của thương mại điện tử cũng phụ thuộc rất nhiều vào môi trường chính sách và pháp lý.

#### *iii) Tác động của thương mại điện tử tới tài chính công và áp dụng thuế nhập khẩu*

Liên quan tới câu hỏi của một số thành viên tại cuộc họp chuyên sâu lần thứ nhất về kinh nghiệm quốc gia khi giải quyết các vấn đề về thuế liên quan tới thương mại điện tử, phái đoàn Úc đã cung cấp ba nguồn thông tin về kinh nghiệm của nước mình và một số nước khác, đó là Báo cáo của OECD năm 1998 nhan đề “*Các điều kiện đánh thuế thương mại điện tử*” và hai báo cáo của chính phủ nước mình về việc làm thế nào để áp dụng các nguyên tắc đặt ra trong báo cáo đó (có tại địa chỉ [www.ato.gov.au](http://www.ato.gov.au)).

Một phái đoàn khác cho biết nghiên cứu của UNCTAD “*Thuế nhập khẩu, thuế nội địa và thương mại điện tử*” đã cố gắng xác định tổn thất về nguồn thu ngân sách nhà nước ở các nước phát triển và đang phát triển (từ thuế nhập khẩu) sẽ được bù đắp từ khoản thu thuế nội địa. Theo quan điểm của phái đoàn này, Chương trình làm

việc về Thương mại điện tử không hạn chế quyền của các thành viên áp dụng thuế nội địa đối với việc trao đổi sản phẩm trực tuyến. Tuyên bố về Thương mại điện tử toàn cầu chỉ áp dụng đối với thuế nhập khẩu (thuế quan), trong khi đó thuế nhập khẩu và thuế nội địa là hai phạm trù tách biệt hoàn toàn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là làm thế nào để thu thuế nội địa đối với các sản phẩm trực tuyến.

Một phái đoàn bày tỏ quan điểm trong bối cảnh chung của tự do hóa thương mại, mấu chốt của thuế quan là giảm chứ không tăng. Nước nào áp đặt thuế quan đối với giao dịch điện tử qua biên giới có thể sẽ gặp bất lợi so với các nước tự do hóa giao dịch trên môi trường mạng. Nếu nước nào không khuyến khích sử dụng Internet như một phương tiện cung cấp các sản phẩm số hóa thì nước đó sẽ giảm sự sử dụng và phát triển các dịch vụ đó, từ đó dẫn tới việc giảm đi khả năng thu ngân sách từ việc áp dụng các loại thuế nội địa đối với các dịch vụ này. Điểm mấu chốt là khi áp dụng các loại thuế nội địa thì phải tuân thủ nguyên tắc không phân biệt đối xử.

#### *iv) Cạnh tranh*

Một phái đoàn bình luận thị trường thương mại điện tử (electronic marketplace) có hiệu quả rất lớn nhưng có nguy cơ xuất hiện các hành vi phản cạnh tranh. Tuy nhiên, các cuộc họp chuyên sâu của Đại Hội đồng không nên tập trung vào việc xây dựng các nghĩa vụ hay khuyến nghị tiềm năng đối với các sáng kiến chính sách cạnh tranh trong tương lai. Các vấn đề liên quan tới cạnh tranh trong thương mại điện tử toàn cầu sẽ đòi hỏi sự đối thoại quốc tế dài hạn với sự phối hợp công việc của các tổ chức quốc tế khác như Mạng lưới cạnh tranh quốc tế (International Competition Network) và OECD. Mặt khác, quan sát cho thấy thương mại điện tử dường như đang tạo ra các cơ hội cho cạnh tranh cao hơn trong các thị trường trước kia bị tách biệt bởi các rào cản đối với khu vực tư nhân, chẳng hạn như các hệ thống phân phối.

Một phái đoàn khác cho rằng các vấn đề của thương mại điện tử liên quan tới cạnh tranh có tác động trực tiếp tới các cuộc đàm phán đang diễn ra, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, hơn nữa có mối liên kết chặt chẽ tới việc quyết định xem liệu phương thức 1 và 2 của GATS sẽ bao gồm các giao dịch các sản phẩm số hóa hay không.

#### *iv) Các vấn đề quyền tài phán và pháp lý*

Một số phái đoàn nhất trí cho rằng vấn đề quyền tài phán và các vấn đề pháp lý khác là quan trọng và nên tiếp tục cân nhắc như một chủ đề riêng trong các cuộc họp chuyên sâu trong tương lai. Một phái đoàn gợi ý Luật mẫu về Thương mại điện tử của UNCITRAL có thể giúp thúc đẩy sự hài hòa các luật trong mọi quyền tài phán.

### **3. Cuộc họp chuyên đề lần thứ ba về thương mại điện tử của Đại Hội đồng**

Cuộc họp chuyên đề lần thứ ba diễn ra vào ngày 25/10/2002. Cuộc họp này tập trung vào hai nội dung chính là phân loại các giao dịch điện tử và tác động tài khóa của thương mại điện tử.

#### *i. Phân loại nội dung truyền dữ liệu điện tử là hàng hóa hay dịch vụ*

Một phái đoàn cho rằng trong khi nhiều thành viên tìm kiếm một câu trả lời khẳng định đối với câu hỏi liệu các sản phẩm số hóa là hàng hóa hay dịch vụ thì sự thật những sản phẩm như vậy có thể thuộc cả hai. Theo quan điểm của phái đoàn này, toàn bộ các hiệp định của WTO áp dụng với các sản phẩm số hóa. Thực tế là các dịch vụ có thể liên quan tới việc cung cấp sản phẩm, chẳng hạn như việc tải về các phần mềm, không có nghĩa là sản phẩm đó là dịch vụ. Ví dụ, một chiếc ô tô không phải là dịch vụ vì các dịch vụ thiết kế, dịch vụ máy tính và liên quan tới máy tính, và dịch vụ phân phối liên quan tới chiếc ô tô đó. Khẳng định rằng tất cả các sản phẩm số hóa là dịch vụ sẽ chốt lại các rào cản ở mức cao nhất đối với các sản phẩm này, do vậy không phải là cách phân loại theo hướng tự do hóa thương mại cao nhất. Đã có rất nhiều tranh luận xung quanh phần mềm và tài liệu tham khảo về chủ đề này của Canada đưa ra vào tháng 5 năm 2002 đã nêu ra một số vấn đề mấu chốt rất thú vị để cân nhắc. Những vấn đề này là các nhà phát triển và xuất khẩu các sản phẩm phần mềm số hóa muốn đạt được các mục tiêu sau: i) một phương pháp hiệu quả nhất để phân phối sản phẩm của họ; ii) sản phẩm phần mềm được phân phối trực tuyến được đối xử không kém thuận lợi hơn so với phân phối theo những cách truyền thống; iii) duy trì được môi trường thương mại tự do hiện tại đối với sản phẩm phần mềm; iv) bất kể phần mềm được phân phối theo phương pháp nào, cần phải tiếp tục tôn trọng tự do hóa thương mại, phát triển thương mại điện tử, tính minh bạch và dễ dự đoán. Mối quan tâm lớn nhất không phải ở chỗ một sản phẩm được phân loại là hàng hóa hay dịch vụ mà là làm thế nào để các quy tắc hiện tại của WTO đáp ứng được các mục tiêu trên, đồng thời môi trường thương mại đa biên có thể loại bỏ các rào cản để đạt được các mục tiêu đó.

Cách tiếp cận theo hướng tự do hóa hơn nữa tất cả các dịch vụ liên quan mật thiết tới thương mại điện tử sẽ đáp ứng nhiều mục tiêu này. Chẳng hạn, việc tiếp cận thị trường cao hơn đối với dịch vụ viễn thông và các dịch vụ liên quan tới máy tính sẽ đảm bảo rằng các nước có thể phát triển các phương tiện để phân phối sản phẩm số hóa hiệu quả hơn. Thương mại điện tử đang phát triển mau lẹ và mọi kết luận vội vã về phân loại nó có thể không hỗ trợ sự phát triển hơn nữa các cơ hội thương mại điện tử mang lại cho tất cả các nền kinh tế. Các thành viên cần phải tiếp tục nghiên cứu các vấn đề kỹ thuật này với quan điểm chúng có tác động lớn tới thương mại. Các cuộc thảo luận cần được định hướng bởi những nguyên tắc nhất định. Những nguyên tắc này sẽ gieo mầm cho sự phát triển hơn nữa của thương mại điện tử. Ví dụ về các nguyên tắc đó là không phân biệt đối xử, cam kết tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia lớn hơn đối với các hàng hóa liên quan và các ngành dịch vụ, đảm bảo rằng bất kỳ quy định trong nước nào tác động tới thương mại điện tử cũng phải rõ ràng, không phân biệt đối xử và không tạo ra rào cản đối với thương mại. Hơn nữa, do tầm quan trọng lớn lao của tự do hóa thương mại đối với thương mại điện tử, việc tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử cần phải trở thành cam kết ràng buộc lâu dài.

Nhiều phái đoàn đã nhất trí cần phải tìm ra các nguyên tắc định hướng và cho rằng cần chi tiết hơn nữa các nguyên tắc này.

Một phái đoàn khác có quan điểm cho rằng câu hỏi chủ yếu cần giải đáp là làm thế nào để phân loại những sản phẩm được phân phối trực tuyến. Ngay khi có câu trả lời cho câu hỏi này thì bước đi hợp lý tiếp theo là xem xét tiếp cận thị trường cho các

sản phẩm đó. Tuy nhiên, bước đi tiếp theo này không phải là mục tiêu của các cuộc họp chuyên đề của Đại Hội đồng. Trước hết phải giải quyết các vấn đề kỹ thuật, sau đó các thành viên sẽ xem xét cần có sự tiếp cận thị trường nào để thúc đẩy thương mại đối với các sản phẩm được phân phối trực tuyến. Cần có sự chi tiết hơn nữa đối với các nguyên tắc định hướng, đặc biệt là các nguyên tắc gắn với những quy định về tính rõ ràng và không phân biệt đối xử trong thương mại điện tử.

Một phái đoàn lưu ý năm 2001 đã luân chuyển một tài liệu giải thích lập trường của mình đối với giao dịch qua biên giới các nội dung số hóa thông qua các phương tiện như đĩa mềm. Rõ ràng, sẽ là hợp lý khi các nội dung số hóa này được truyền qua Internet được hưởng mức đối xử tương đương như mức của GATT, chẳng hạn như việc áp dụng vô điều kiện MFN, đối xử quốc gia, không được áp dụng các hạn chế định lượng. Các thành viên không nên chỉ trao đổi về vấn đề phân loại mà phải bàn về việc làm thế nào để các giao dịch liên quan tới các nội dung số hóa được đối xử tương đương mức của GATT, đồng thời cần phải xây dựng những nguyên tắc và quy định nào để đảm bảo điều đó.

Theo quan điểm của một phái đoàn, khi một sản phẩm được cung cấp theo phương thức truyền thống thì nó sẽ thuộc phạm vi của GATT, còn khi được cung cấp trực tuyến sẽ thuộc phạm vi của GATS. Tất cả các phương thức cung cấp dịch vụ, đặc biệt là phương thức 1 (cung cấp qua biên giới) và phương thức 2 (tiêu thụ ở nước ngoài) đều được đề cập tới bởi khái niệm thương mại điện tử một cách bình đẳng. Khi một sản phẩm vừa có thể cung cấp trực tuyến vừa theo phương thức truyền thống thì sản phẩm đó được cung cấp theo phương thức nào sẽ quyết định nó thuộc phạm vi của GATT hay GATS. Đây là khía cạnh quan trọng của tính trung lập về công nghệ mà phái đoàn này bảo vệ trong khung khổ của GATS. Liên quan tới việc phân loại, cần phải tính tới yếu tố quan trọng là tập hợp các sản phẩm có thể được cung cấp theo cả hai phương thức không phải là vô hạn nên cần làm rõ hơn nữa tập hợp này. Phái đoàn này ủng hộ việc gia hạn thỏa thuận tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm được phân phối trực tuyến [giao dịch điện tử].

Một phái đoàn khác nhắc lại việc đệ trình hai tài liệu tham khảo trong năm 2001 và lưu ý lập trường của mình vẫn không thay đổi đối với vấn đề phân loại, các sản phẩm được truyền trên Internet phải được phân loại là dịch vụ và được đối xử theo GATS. Tài liệu của phái đoàn này đã nhấn mạnh tới sự khác biệt giữa hai giai đoạn cung cấp sản phẩm số hóa. Giai đoạn đầu là việc truyền sản phẩm trên Internet tới người tiêu dùng, giai đoạn hai là lưu trữ sản phẩm trong một thiết bị nào đó cho việc sử dụng về sau. Điểm mấu chốt là việc truyền sản phẩm từ lãnh thổ nước này sang lãnh thổ nước khác, do vậy các quy định của GATS là thích hợp cho việc truyền đó. Tài liệu của Canada đã đặt ra một số vấn đề liên quan, một trong số các vấn đề đó là việc chưa có sự phân loại phù hợp trong cả HS và Danh mục phân loại dịch vụ của WTO (MTN.GNS/W/120) cho các sản phẩm số hóa. Tuy nhiên, mục 84 của CPC có thể là đủ để bao hàm các sản phẩm số hóa được truyền trên Internet. Phái đoàn này ủng hộ gợi ý về việc tập trung vào vấn đề làm sao đảm bảo cho các quy tắc của WTO hỗ trợ tạo ra môi trường tự do cho thương mại điện tử, đặc biệt các nguyên tắc định hướng sẽ có thể có ích.

Một phái đoàn cho là chưa bị thuyết phục trong việc phân loại các sản phẩm trên là hàng hóa hay dịch vụ, và đề xuất vấn đề này cần phải được xem xét từ quan điểm phân tích như thế nào.

Một phái đoàn khác nhấn mạnh cách tiếp cận đối với vấn đề phân loại cần phải đơn giản và khách quan. Thương mại điện tử vẫn là thương mại và WTO có một hệ thống các quy tắc chặt chẽ về sự không phân biệt đối xử và tiếp cận thị trường. Những sản phẩm được nhắc tới trong các cuộc họp chuyên đề của Đại Hội đồng mới chỉ là một phần nhỏ của các nội dung được bán và cung cấp trực tuyến, nhưng đã có sự đồng thuận trong WTO là tất cả các sản phẩm có nội dung tương tự là dịch vụ. Theo phái đoàn này, tiêu điểm của cuộc thảo luận hiện tại là phần mềm. Theo quan điểm của phái đoàn này, việc mua bán các sản phẩm số hóa trên Internet là dịch vụ, do đó sẽ chịu sự điều chỉnh bởi các quy tắc hiện tại của GATS. Trong phạm vi quan tâm của phái đoàn này thì như vậy vấn đề đã được giải quyết. Trong các cuộc đàm phán thuộc phạm vi Vòng đàm phán Doha có các yêu cầu và đề xuất thuộc các ngành dịch vụ quan trọng đối với việc cung cấp các sản phẩm số hóa, chẳng hạn như các dịch vụ liên quan tới máy tính. Trong phạm vi của WTO, thương mại điện tử là dòng thông tin trên các phương tiện điện tử (e-commerce as discussed in the WTO was the flow of information over electronic means) và cho tới nay chưa thành viên nào áp dụng các hạn chế với nó. Vì vậy, phái đoàn này cho rằng không cần thiết phải có bất cứ hoạt động xây dựng quy tắc mới nào của WTO cho phương thức này của thương mại quốc tế.

Một phái đoàn vẫn còn phân vân khi phân loại giao dịch điện tử như dịch vụ nhưng đề cao hơn tới việc tập trung vào mục tiêu mà các thành viên muốn đạt tới. Theo phái đoàn này, vấn đề phân loại không trở nên quan trọng nếu các thành viên có thể đạt tới mức độ thỏa đáng về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia theo cả GATT và GATS. Điều này nên được phản ánh trong các nguyên tắc định hướng và việc sử dụng các nguyên tắc này để giúp các thành viên đạt được mục tiêu tổng thể, đó là duy trì một môi trường thương mại mở và tự do cho thương mại điện tử và đảm bảo rằng tiềm năng phát triển của thương mại điện tử sẽ không bị cản trở bởi các rào cản về quy tắc hay các biện pháp khác trong tương lai.

Theo một phái đoàn, các thành viên cần phải giải quyết cả vấn đề phân loại, cả quan niệm về các nguyên tắc định hướng, cái nọ không loại trừ cái kia. Một số phái đoàn đã có những đóng góp tích cực trong vấn đề phân loại, và thực sự có nhu cầu phải giải quyết vùng “xám”, tức là phân loại các sản phẩm được cung cấp trực tuyến với cung cấp theo các cách thức truyền thống. Đồng thời, cần phải khám phá sâu hơn khái niệm về các nguyên tắc định hướng tại các cuộc họp chuyên đề tiếp theo. Việc áp dụng các nguyên tắc như vậy có thể được triển khai ở mức ngành dịch vụ (tức là theo từng trường hợp) trong các cuộc đàm phán về dịch vụ. Liên quan tới nhận xét của một phái đoàn về việc mục 84 của CPC không bao gồm phần mềm đóng gói, cần phải lưu ý là “phần mềm” được định nghĩa trong bối cảnh của CPC 84 nhằm mục đích làm rõ những tình huống khi nói đến “phần mềm” ở mức phân loại tới 3 chữ số. Bởi vậy, phần mềm đóng gói khi được cung cấp theo phương thức truyền thống sẽ không thuộc phạm vi của CPC 84. Theo phái đoàn này, tự do hóa thương mại đối với một số hàng hóa và phân ngành dịch vụ là một ưu tiên, nhưng phái đoàn cũng mong muốn nhấn

manh tới tầm quan trọng của việc đạt được sự chắc chắn hơn về mặt pháp lý liên quan tới các quy tắc, tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia.

Một phái đoàn bày tỏ mong muốn có những đề xuất cụ thể liên quan tới các nguyên tắc định hướng. Phái đoàn này lưu ý đã được nghe đi nghe lại việc giao dịch điện tử chỉ là một công cụ để tiến hành mua bán hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, những sản phẩm đã được nhắc tới trong các cuộc họp chuyên đề là hàng hóa hay dịch vụ thì đã nằm trong phạm vi các quy tắc hiện tại của WTO. Điều phái đoàn này muốn nghe chính là ý tưởng của các phái đoàn khác về các nguyên tắc định hướng. Các cuộc họp chuyên sâu của Đại Hội đồng là một diễn đàn hợp lý cho việc trao đổi kỹ thuật liên quan tới vấn đề phân loại cũng như các vấn đề khác. Những quyết sách có bản chất chính trị sẽ được đề cập tới khi thích hợp, và theo cách tiếp cận của tiến trình chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng Cancún, các thành viên sẽ quyết định có thể đóng góp được gì cho hội nghị này về thương mại điện tử.

Một phái đoàn thông báo về một cuộc họp gần đây của Hội nghị Á – Âu (ASEM) và cho biết hoạt động của ASEM đã tạo ra cơ hội để thúc đẩy thương mại điện tử giữa các nước thành viên thông qua việc cam kết để đạt được một tập hợp các mục tiêu chung, bao gồm các nguyên tắc tổng quát sau: i) Sự phát triển của thương mại điện tử được định hướng bởi thị trường và dựa trên sự cạnh tranh; những quy định về thương mại điện tử phải được xây dựng trên cơ sở trao đổi, hợp tác giữa nhiều nhóm lợi ích liên quan; sự phát triển và áp dụng (thông qua chứng nhận hay xác thực, bao gồm gắn nhãn tín nhiệm) các tiêu chuẩn hay thực tiễn tốt nhất phải dựa trên cơ sở tự nguyện và định hướng thị trường. ii) Cạnh tranh và dòng tự do thông tin (the free flow of information) sẽ phải được cân bằng với nhu cầu bảo vệ xã hội và quyền con người (rights of individuals). iii) Các quy định về thương mại điện tử không được phân biệt đối xử, trung lập về công nghệ và cân đối. iv) Coi thương mại điện tử là một dạng mới của thương mại nhưng là một kênh phân phối và vận chuyển bổ sung đang tiến hóa một cách liên tục. Phù hợp với cách tiếp cận này, đồng thời không ngăn cản sự phát triển tiếp theo của thương mại điện tử, các nguyên tắc và quy định áp dụng với sản phẩm không trực tuyến sẽ được áp dụng với sản phẩm trực tuyến. v) Các chính phủ, cộng đồng kinh doanh và xã hội sẽ hợp tác để đảm bảo phổ biến về các lợi ích và rủi ro khi sử dụng Internet và tiến hành thương mại điện tử, đặc biệt là việc phổ biến cho người tiêu dùng và các doanh nghiệp nhỏ và vừa. vi) Các chính phủ sẽ phối hợp chặt chẽ với các đối tác kinh doanh quốc tế và trong nước và toàn xã hội, hợp tác quốc tế và song phương trên quan điểm đảm bảo sự phối hợp và thừa nhận lẫn nhau để hỗ trợ dòng thông tin cũng như bảo vệ người tiêu dùng và xã hội. vii) Với tầm nhìn thương mại điện tử đang thay đổi mau lẹ, việc xây dựng chính sách cần bám sát thực tiễn và điều chỉnh kịp thời. viii) Đảm bảo để thương mại điện tử sẽ được đối xử không phân biệt theo cả hệ thống luật án lệ và thành văn (substantive and procedural law), đặc biệt đối với Luật mẫu về thương mại điện tử của UNCITRAL.

Một phái đoàn chưa từng bày tỏ quan điểm về vấn đề phân loại đã chia sẻ quan điểm coi các sản phẩm được cung cấp theo phương thức truyền thống sẽ thuộc phạm vi của GATT còn các sản phẩm được cung cấp trực tuyến sẽ thuộc GATS. Phái đoàn này thúc giục phái đoàn đã đề xuất các nguyên tắc định hướng đưa ra đề xuất cụ thể bằng văn bản và tất cả cùng có thể trao đổi về các nguyên tắc này.



Tương tự như phái đoàn trên, một phái đoàn khác cho rằng nếu một sản phẩm số hóa được mua bán thông qua các phương tiện truyền thông thì sản phẩm đó sẽ thuộc phạm vi của GATT. Việc phân loại tất cả các sản phẩm như vậy là hàng hóa có thể gặp phải những rủi ro không lường trước trong phạm vi của GATS và thực sự sẽ là vấn đề đối với các dịch vụ trực tuyến khác vượt ra khỏi phạm vi này. Phái đoàn này muốn biết liệu có thể biên soạn được danh sách các dòng thuế theo mã HS cho các sản phẩm số hóa được nhắc tới hay không, đồng thời một định nghĩa rõ ràng và cụ thể về sản phẩm số hóa có thể giúp cho cuộc thảo luận về vấn đề phân loại hiệu quả hơn.

Theo quan điểm của một phái đoàn khác, CPC 84 bao trùm toàn bộ hoạt động thiết kế, sản xuất và triển khai phần mềm, nên không thể chấp nhận CPC 84 không bao gồm cả khía cạnh cung cấp các sản phẩm này. GATS đã chỉ ra một cách rõ ràng việc cung cấp các dịch vụ bao gồm sản xuất, tiếp thị, bán và cung cấp dịch vụ. Bởi vậy, việc thiết kế, sản xuất, gỡ lỗi, chạy thử và triển khai phần mềm là dịch vụ, và dịch vụ này bao gồm cả việc cung cấp sản phẩm phần mềm. Các cuộc đàm phán đang diễn ra theo hướng này và đây là chìa khóa cho sự phát triển của thương mại điện tử. Tài liệu do phái đoàn này đệ trình vào tháng 11 năm 2000 đã giải thích các dịch vụ có vai trò rất quan trọng đối với hạ tầng cho thương mại điện tử, do đó cần phải thúc đẩy tự do hóa các dịch vụ này nhằm có được một cấu trúc thương mại điện tử hiệu quả. Theo quan điểm này, phái đoàn hỗ trợ nguyên tắc thúc đẩy hạ tầng cho thương mại điện tử để nó hiệu quả, phổ biến và rẻ hơn. Tuy nhiên, phái đoàn có thể khó chấp nhận việc cung cấp phần mềm lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS. Ngược lại, chẳng cam kết nào về phần mềm tại phân ngành dịch vụ liên quan tới máy tính ở CPC 842 có ý nghĩa.

Đáp lại quan điểm trên, một phái đoàn cho rằng nếu chấp nhận lập luận vì phần mềm bao gồm các dịch vụ trong việc phát triển và cung cấp nó nên chính phần mềm là dịch vụ thì người ta cũng phải chấp nhận một chiếc ô tô là dịch vụ bởi vì nó bao gồm rất nhiều dịch vụ trong việc thiết kế và cung cấp.

Một phái đoàn đề nghị phải giới hạn cuộc họp chuyên đề trong phạm vi một số sản phẩm cụ thể. Phần mềm thuộc một phạm trù khác với các sản phẩm khác bởi vì nó có thể được số hóa và trao đổi trực tuyến.

Một phái đoàn chia sẻ với quan điểm nếu tiến hành phân loại vội vàng các sản phẩm trên sẽ dễ mắc sai lầm. Vấn đề này cần phải nghiên cứu chi tiết hơn. Đồng thời cũng cần phải xét tới các nguyên tắc định hướng, chẳng hạn như đối xử quốc gia, MFN và tính rõ ràng. Tuy nhiên, các phương tiện điện tử chỉ là phương tiện để tiến hành trao đổi hàng hóa và dịch vụ và WTO đã có các nguyên tắc trong cả hai lĩnh vực này. Dù sao các đề xuất cho các nguyên tắc định hướng vẫn còn để ngỏ. Trong mọi trường hợp cần phải nhớ tới khía cạnh phát triển thương mại điện tử là điều cốt lõi và là quan trọng nhất.

Đáp lại, một phái đoàn đánh giá khía cạnh phát triển thương mại điện tử thậm chí còn quan trọng hơn nữa đối với các nước đang phát triển, tất cả các lĩnh vực kinh tế có thể hỗ trợ mở rộng thương mại điện tử và tăng trưởng kinh tế thông qua hiệu quả của các mạng thông tin truyền thông.

Một phái đoàn đề xuất có thể cân nhắc hai kiểu nguyên tắc: i) các nguyên tắc chung, thiên về chính trị, có thể áp dụng cho một số lĩnh vực của WTO; ii) các nguyên tắc kỹ thuật, tập trung vào các cuộc đàm phán dịch vụ. Có sự khác biệt đáng kể giữa hai kiểu nguyên tắc này. Các gợi ý về những nguyên tắc đó cần được thể hiện ở dạng văn bản để cho phép trao đổi quan điểm được dễ dàng và cuối cùng đạt được đồng thuận.

Một phái đoàn khác cho rằng trong trường hợp phần mềm, một công ty thiết kế, phát triển, chạy thử, gỡ lỗi và triển khai phần mềm bởi gửi nó trên Internet. Như GATS đã giải thích rõ ràng là việc cung cấp một dịch vụ không chỉ giới hạn ở việc bán dịch vụ đó, mà còn bao gồm tiếp thị, sản xuất và cung cấp dịch vụ đó. Rõ ràng cung cấp phần mềm là việc cung cấp dịch vụ, cái mà CPC 84 gọi là “triển khai phần mềm”.

Một phái đoàn bày tỏ sự quan tâm đặc biệt về việc tách bạch giữa nội dung và phương thức cung cấp trong thương mại điện tử. Theo phái đoàn này nếu một hàng hóa đã tồn tại trước khi có thương mại điện tử và có thể được cung cấp theo phương thức không trực tuyến thì nó vẫn là hàng hóa. Ngược lại sẽ nảy sinh những vấn đề liên quan tới sự tương đương: cùng một sản phẩm khi thì là hàng hóa, khi thì là dịch vụ.

### *iii) Tác động của thương mại điện tử tới tài chính công và áp dụng thuế nhập khẩu*

Một phái đoàn cho rằng đưa nội dung này vào chương trình của Đại Hội đồng là không đúng chỗ bởi vì cho tới nay hầu hết nghiên cứu đã chỉ ra thu ngân sách từ việc áp các loại thuế lên các sản phẩm số hóa là rất nhỏ. Thay vì nội dung này, chương trình làm việc của Đại Hội đồng nên tập trung vào việc làm thế nào để tự do hóa các dịch vụ xương sống giúp nâng cao hiệu quả kinh tế nói chung và qua đó tăng GDP. Các ví dụ là giảm chi phí, cải thiện môi trường thương mại và đầu tư, sử dụng Internet để nâng cao tính rõ ràng và phổ biến rộng rãi chính sách pháp luật qua đó thu hút các nhà đầu tư, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ có được nhiều cơ hội kinh doanh hơn. Công nghệ thông tin là một nguồn năng động cho tăng trưởng kinh tế và có hiệu ứng tích cực lên tất cả các ngành kinh tế khác. Một môi trường miễn thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử chỉ là một yếu tố của sự tự do hóa đó. Các khía cạnh kinh tế và tạo thu ngân sách của thương mại điện tử khi tạo đà cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác lớn hơn nhiều so với khoản thu ngân sách ít ỏi từ thuế nhập khẩu. Ngoài ra, chi phí để thu thuế nhập khẩu này chắc sẽ cao hơn rất nhiều so với khoản thu có thể có được.

## **4. Cuộc họp chuyên đề lần thứ tư về thương mại điện tử của Đại Hội đồng**

Cuộc họp chuyên đề lần thứ tư được tổ chức vào ngày 27/2/2003. Hai nội dung chủ yếu được thảo luận vẫn là vấn đề phân loại và tài chính công.

### *i. Phân loại nội dung truyền dữ liệu điện tử là hàng hóa hay dịch vụ*

Một phái đoàn cho rằng thương mại điện tử là một lĩnh vực đa diện, liên quan tới nhiều khía cạnh của các hiệp định hiện nay của WTO. Do đó, Chương trình làm việc về Thương mại điện tử phải cố xác định làm thế nào để các cuộc đàm phán đang

diễn ra có thể khuyến khích sự phát triển của thương mại điện tử. Các thành viên nên thông qua các mục tiêu chung về thương mại điện tử trong tất cả các nhóm đàm phán và báo cáo tiến bộ đạt được cho Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 5 ở Cancún. Những ví dụ về các mục tiêu như vậy là: ủng hộ môi trường thương mại mở và tự do; cam kết tiếp cận thị trường lớn hơn và đối xử quốc gia đối với hàng hóa và dịch vụ qua đó thúc đẩy mua bán các sản phẩm và dịch vụ trên môi trường mạng; các quy định nội địa rõ ràng và không phân biệt đối xử; vĩnh viễn không áp dụng thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử; phối hợp với các tổ chức quốc tế khác về hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực liên quan tới hạ tầng và các yêu cầu khác cho thương mại điện tử. Các tổ chức quốc tế khác cũng đã xem xét thương mại điện tử theo cách như vậy. Chẳng hạn, tháng 10 năm 2002 phần lớn các nhà lãnh đạo của APEC nhất trí thông qua một loạt các chính sách thương mại cho nền kinh tế số và đã nêu rõ những mục tiêu chung quan trọng nhất trong lĩnh vực này. Những mục tiêu chung của APEC tương tự như các mục tiêu được minh họa ở trên.

Ủng hộ sáng kiến của phái đoàn trên, một phái đoàn khác đề xuất mong muốn có một tuyên bố tại Hội nghị Bộ trưởng WTO ở Cancún liên quan tới các mục tiêu chung. Những nguyên tắc minh họa trên có tính chất chung và nhiệm vụ của các cuộc họp chuyên đề là phải xem xét và thảo luận các vấn đề chung, bao trùm cả lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Phái đoàn này lưu ý về sự chuẩn bị của Hội nghị Thượng đỉnh toàn cầu về Xã hội thông tin được tổ chức ở Geneva vào tháng 12 năm 2003. Thương mại điện tử chiếm một vị trí đáng kể trong Xã hội thông tin và có nhiều lợi ích to lớn đối với sự phát triển. Các nền kinh tế đang nổi lên và các nước đang phát triển đã tham gia tích cực trong các cuộc thảo luận về tuyên bố và kế hoạch hành động của Hội nghị Thượng đỉnh này. Vì vậy nếu Tuyên bố Cancún đề cập tới chủ đề xã hội thông tin cho tất cả các nước thì rất có ích. Phái đoàn bày tỏ mong đợi có được một đề xuất về các nguyên tắc định hướng hay mục tiêu và gợi ý điều này nên là một nội dung trong các cuộc họp chuyên đề sắp tới.

Một phái đoàn lưu ý vấn đề phân loại chưa được giải quyết nên các thành viên cần cẩn trọng từng bước một khi tìm kiếm các nguyên tắc định hướng.

Với cùng cách đánh giá này, một số phái đoàn tỏ ý các thành viên không nên vội vàng trong việc xem xét các mục tiêu tại giai đoạn hiện tại của thương mại điện tử. Liên quan tới ý tưởng xây dựng các mục tiêu chung cho thương mại điện tử để đưa ra Hội nghị Bộ trưởng ở Cancún, các phái đoàn này cho rằng để thảo luận và nhất trí về một vấn đề như vậy sẽ đòi hỏi nhiều thời gian, đồng thời cũng liên quan không chỉ ở mức các cuộc họp chuyên đề của Đại Hội đồng mà còn của các cơ quan khác nữa. Bất kỳ đề xuất hay mục tiêu chung nào được đưa ra ở Cancún cũng cần được thảo luận rất chi tiết ở nhiều cơ quan của WTO. Còn rất nhiều việc phải làm trước khi đưa ra được bất kỳ cam kết nào. Các cuộc họp chuyên sâu mới chỉ tập trung vào có hai nội dung, trong khi còn rất nhiều nội dung khác hầu như chưa được thảo luận, chẳng hạn như cạnh tranh, pháp lý, v.v... Các phái đoàn này ủng hộ việc tiếp tục thảo luận các vấn đề về phân loại và tác động của thương mại điện tử tới tài chính công.

Một phái đoàn khác ủng hộ việc xây dựng các mục tiêu chung nhưng cần phải tiến hành một cách thận trọng. Các mục tiêu chung đó là đối tượng để đàm phán và không nên triển khai việc đàm phán đó trong các cuộc họp chuyên đề.

Liên quan tới các nguyên tắc về thương mại điện tử được nhất trí trong APEC, có hai phái đoàn lưu ý APEC là một diễn đàn không có tính ràng buộc và dựa trên cơ sở tự nguyện. Do bản chất pháp lý khác nhau giữa WTO và APEC nên không thể có sự liên kết nào giữa hai tổ chức này.

Theo quan điểm của một phái đoàn, trong khi các thành viên cân nhắc các cuộc đàm phán hiện tại của Vòng Doha có thể đóng góp cho thương mại điện tử thì nhiệm vụ của các cuộc họp chuyên đề là xét xem thương mại điện tử sẽ tác động thế nào tới các cuộc đàm phán. Mục tiêu của Chương trình làm việc về Thương mại điện tử không chỉ để thúc đẩy thương mại điện tử mà còn để tiếp cận một cách hệ thống hơn với vấn đề này. Một điều quan trọng là các thành viên đã có thương mại điện tử phát triển cần chia sẻ thông tin nhằm giúp các thành viên khác không mắc phải những sai lầm khi xây dựng chính sách và pháp luật điều chỉnh dạng thương mại này.

Một phái đoàn khác cho rằng còn sớm để thảo luận về các mục tiêu chung khi mà các thành viên chưa đạt tới bất kỳ kết luận nào đối với vấn đề phân loại. Các thành viên cần phải tập trung hơn vào các nội dung đã được xác định của cuộc họp, đồng thời có thể bổ sung vấn đề mục tiêu. Trong khuôn khổ Chương trình làm việc về Thương mại điện tử, năm 2000 phái đoàn này đã trình tài liệu S/C/W/183 về việc làm thế nào để các cuộc đàm phán là phù hợp đối với thương mại điện tử, đặc biệt khi một số dịch vụ rất quan trọng với thương mại điện tử vì chúng tạo ra hạ tầng cho nó. Các thành viên cần phải dựa vào các cuộc họp trước cũng như các tài liệu được đệ trình về việc phân loại và tập trung vào những câu hỏi cụ thể, chẳng hạn như cung cấp qua mạng phần mềm và thiết kế kiến trúc. Phái đoàn này nhấn mạnh đối với các trường hợp này thì GATS phải được áp dụng, đặc biệt là các cam kết trong phân ngành dịch vụ máy tính. Phái đoàn mong muốn được biết quan điểm của các phái đoàn khác về trường hợp này cũng như các trường hợp cụ thể khác.

Đáp lại bình luận trên, một phái đoàn cho rằng các mục tiêu không phải là đối tượng để đàm phán mà chúng có thể có ích trong việc trợ giúp các cuộc đàm phán đang diễn ra. Đó là lí do các cuộc họp chuyên đề nên xem xét chung làm thế nào để thúc đẩy các vấn đề chưa được giải quyết, đồng thời thông qua ở mức cao hơn các nguyên tắc định hướng để trợ giúp hướng đi cho các thành viên. APEC là một ví dụ về một diễn đàn quốc tế đang xem xét các vấn đề này và đã tiến tới việc thông qua các mục tiêu. Liên quan tới việc phân loại, các sản phẩm như phần mềm có thể được cung cấp qua các mạng toàn cầu và có thể lưu trữ lâu dài tại máy tính của người sử dụng cuối cùng. Các đặc tính của sản phẩm được tải về từ mạng không bị thay đổi chỉ vì được cung cấp theo cách mới so với cách truyền thống. Bởi vậy, trọng tâm thảo luận không phải là làm thế nào để phân loại các sản phẩm này mà là làm thế nào để cung cấp chúng trong môi trường thương mại tự do nhất. Tài liệu làm việc của Ban Thư ký (JOB(02)/37) nhấn mạnh rằng cho tới nay thương mại điện tử đã được triển khai thành công trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế bởi nhiều doanh nghiệp ở khá nhiều thành viên, dù là xét theo GATT hay GATS vẫn chưa xuất hiện các vấn đề cụ thể hay tranh chấp thương mại nào. Thực tế này nhắc nhở việc phải cẩn thận khi xây dựng sớm các quy tắc thương mại mới cho thương mại điện tử. Tài liệu của Ban Thư ký phác thảo việc làm thế nào GATT và GATS có thể được áp dụng để đẩy mạnh tự do hóa thương mại nhằm đạt được mức cao nhất việc mở cửa thị trường cho thương mại số

hóa. Nếu như các khía cạnh tự do hóa thương mại cao nhất trong những phương thức tiếp cận thị trường quan trọng nhất được áp dụng với thương mại điện tử thì các quy tắc của WTO có thể hỗ trợ một khía cạnh thương mại mà tất cả các thành viên đều có lợi và tránh mất nhiều năm để giảm bớt các rào cản tiếp cận thị trường.

Một phái đoàn lưu ý tài liệu về phân loại phần mềm được cung cấp trên mạng (JOB(02)/38) là rất có ích. Dự định chính của tài liệu này là mở ra cuộc tranh luận xem liệu tất cả các sản phẩm được cung cấp điện tử sẽ được đối xử như nhau không, ví dụ liệu việc phân loại phần mềm được cung cấp điện tử sẽ được áp dụng đối với việc cung cấp điện tử các sản phẩm khác như sách, âm nhạc và phim không.

*iii) Tác động của thương mại điện tử tới tài chính công và áp dụng thuế nhập khẩu*

Một phái đoàn cho biết tới nay chưa có công nghệ phù hợp để hỗ trợ cho việc áp thuế nhập khẩu đối với phần mềm được cung cấp điện tử. Tuy nhiên, dường như EU đã thông qua các quy định mới về việc đánh thuế thương mại điện tử. Phái đoàn này và một số phái đoàn khác mong muốn được biết về thuế này của EU cũng như phương pháp thu thuế mà EU áp dụng. Một trong số các phái đoàn này cho biết một nghiên cứu trước đây của nước mình về tác động của thuế với thương mại điện tử tới thu ngân sách đã chỉ ra rằng việc giảm thu ngân sách là không đáng kể. Phái đoàn khác cho rằng liên quan tới việc cung cấp dịch vụ theo phương thức 1 (cung cấp qua biên giới), hoạt động diễn ra trên các phương tiện điện tử sẽ rất khó để áp dụng các biện pháp bảo hộ. Bởi vậy, hệ thống thuế của EU và việc vận hành nó là rất đáng quan tâm và là chủ đề nên được thảo luận tại các cuộc họp chuyên đề.

Phái đoàn EU giải thích các cơ quan có thẩm quyền của mình đã quyết định áp dụng thuế bán hàng VAT lên việc cung cấp qua biên giới các đồ điện tử (electronic supplies). Nhiều năm qua, việc cung cấp hàng hóa qua biên giới đã chịu thuế VAT khi hàng hóa được đặt hàng điện tử và các nhà điều hành từ nước thứ ba đã đăng ký để làm điều đó. Thuế được đề xuất là thuế cung cấp điện tử và một hệ thống đã được thiết kế để cơ quan thuế cao nhất thu thập thuế trên doanh số khi doanh số này vượt qua một ngưỡng tối thiểu. Thuế này không phải là thuế nhập khẩu. Nó được thu trên toàn bộ doanh số của các nhà cung cấp trong phạm vi lãnh thổ nước đó chứ không áp dụng với doanh số của các nhà cung cấp khác. Bởi vậy trong một số tình huống đã có sự phân biệt đối xử đáng kể theo hướng ưu đãi cho các nhà cung cấp khác, những người này có thể được hoàn thuế. Thuế doanh thu chiếm tỷ lệ lớn trong thu ngân sách của thành viên này nên nếu bỏ qua chúng trong thương mại điện tử có thể giảm thu ngân sách đáng kể. Tuy nhiên, thu ngân sách từ thuế nhập khẩu đối với cung cấp điện tử chắc là thấp như giải thích chi tiết trong báo cáo của UNCTAD.

Một phái đoàn cho rằng có sự vô lý khi một tổ chức cam kết tự do hóa thương mại nhưng lại áp thuế nhập khẩu trong một lĩnh vực thương mại đã nổi lên phần lớn nhờ có rất ít các rào cản. Hầu hết các thành viên đã bày tỏ mong muốn tiếp tục phát triển thương mại điện tử và một trong những hành động tích cực nhất của WTO có thể làm cho mục tiêu này là thay thế quy định tạm thời không áp dụng thuế nhập khẩu hiện nay thành quy định vĩnh viễn. Phái đoàn này không chất vấn về quyền áp dụng thuế nội địa, tuy nhiên cho rằng những đề xuất về việc đánh thuế VAT tại một nước

nào đó có thể có tác động phân biệt đối xử nhất định đối với các nhà cung cấp bên ngoài lãnh thổ của nước đó. Sẽ khôn ngoan hơn nếu xem xét một cách cẩn thận một số đề xuất, bao gồm thuế VAT, về tác động phân biệt đối xử tiềm ẩn lên các nhà cung cấp những sản phẩm số hóa, dù chúng được phân loại là hàng hóa hay dịch vụ.

Về câu hỏi hệ thống thu thuế nội địa đó đã được thiết kế cẩn thận thế nào và liệu công nghệ có phải là một yếu tố quan trọng không, phái đoàn EU đã giải thích dự định với hệ thống này các nhà cung cấp bên ngoài khu vực phải đăng ký và phải chỉ rõ người mua để thuế có thể được thu trên toàn lãnh thổ. Trong khi chắc chắn sẽ có một khoản thất thu thuế nhất định, và chắc chắn không thể giám sát mọi vụ mua bán trên Internet, thì khả năng thực thi quyền sở hữu trí tuệ có thể là một động cơ khuyến khích các công ty tôn trọng nghĩa vụ thuế của mình. Tuy nhiên, vẫn cần thực tiễn kiểm chứng xem hệ thống hoạt động thế nào vì hệ thống này vẫn chưa được triển khai.

Một phái đoàn tỏ ra nghi ngờ về việc thuế nhập khẩu phân biệt đối xử còn thuế doanh thu (sales tax) thì không. Phái đoàn này nêu câu hỏi liệu có phải quy định tạm thời chưa đánh thuế nhập khẩu lên thương mại điện tử chỉ là một quyết định bất nguồn từ khó khăn về công nghệ khi áp thuế nhập khẩu. Tại nhiều nước đã có sự chuyển hóa từ thuế nhập khẩu sang thuế doanh thu và thu ngân sách từ thuế này phụ thuộc nhiều hơn vào thuế doanh thu. Phái đoàn này mong muốn được biết nhiều hơn kinh nghiệm của những nước khác về ảnh hưởng của xu thế này tới việc xây dựng chính sách. Nếu như thuế nhập khẩu không còn nhiều ý nghĩa trong việc tạo nguồn thu ngân sách thì có lẽ quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử không còn quan trọng nữa.

Một phái đoàn cho rằng câu hỏi đặt ra không phải là là công nghệ mà là liệu một thành viên có muốn áp dụng thuế nhập khẩu lên thương mại điện tử không. Hầu hết các nước đang phát triển không có mức thuế nội địa cao như EU chẳng hạn, bởi vậy tác động thu ngân sách [từ thuế nội địa] là không quan trọng như ở EU. Theo kinh nghiệm của phái đoàn này, ngay cả khi một thang thuế doanh thu không phân biệt đối xử được áp dụng đối với cả hàng hóa và dịch vụ thì các công ty kinh doanh trực tuyến cũng thường không trả thuế này, trong khi các nhà cung cấp dịch vụ truyền thống thì lại trả. Đây chính là tác động tới thu ngân sách tại các nước đang phát triển. Đúng là thuế nhập khẩu tạo ra phân biệt đối xử nhưng điều đó không có nghĩa là không được áp dụng thuế này. Điều này gắn với vấn đề phân loại bởi vì một số sản phẩm số hóa nhập khẩu có thể được chuyển đổi thành hàng hóa. Một ví dụ khác là các dịch vụ tài chính. Trong khi các ví dụ này có thể không liên quan tới những khoản tiền lớn thì cần lưu ý là tại các nước đang phát triển để có được một khoản thu ngân sách nhỏ có khi phải đi rất vòng vèo.

Một phái đoàn nhắc lại nhận thức của mình là việc tạm thời chưa đánh thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử chỉ được áp dụng đối với các sản phẩm số hóa như phần mềm máy tính, sách điện tử (e-books), video, v.v... mà không áp dụng đối với các hàng hóa được đặt hàng trực tuyến. Một phái đoàn khác khẳng định nhận thức trên là đúng.

Liên quan tới kiểu thu ngân sách, một phái đoàn lập luận phần lớn thu ngân sách ở hầu hết các nước đều có nguồn từ thuế doanh thu là do thuế này cho phép các

doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng. Trong trường hợp bán hàng trên mạng (electronic supplies) đã có sự phân biệt đối xử về thuế đối với những nhà cung cấp nội địa và điều này phải được khắc phục. Loại hình thương mại điện tử duy nhất phải chịu thuế là B2C đã phát triển rất nhanh trong những năm qua và đã bắt đầu có sự phân biệt đối xử đáng kể giữa các nhà cung cấp nội địa và nước ngoài. Việc có cần hay không cần áp dụng một loại thuế như vậy phụ thuộc vào thương mại điện tử B2C qua biên giới, bởi vì sẽ là gánh nặng cho các cơ quan thuế phải thu thuế này ở nơi hầu như không tạo được doanh thu. Khi thương mại điện tử B2C phát triển khắp thế giới thì tầm quan trọng của việc thu thuế doanh thu sẽ lớn hơn. Ngoài ra, tại một số nước không thừa nhận bán hàng trực tuyến là dịch vụ sẽ có sự phân biệt đối xử giữa những nhà điều hành cung cấp dịch vụ trực tuyến và các nhà điều hành khác. Điều này cần phải khắc phục để không ưu ái dạng thương mại này hơn dạng thương mại khác. Liên quan tới thuế nhập khẩu lên thương mại điện tử, một báo cáo của UNCTAD đã chỉ ra rằng khoản thu này chiếm một phần rất nhỏ trong tổng thu ngân sách từ thuế tại các nước đang phát triển. Bởi vậy, thuế doanh thu có thể thích hợp hơn thuế nhập khẩu tại các nước này.

## **5. Cuộc họp chuyên đề lần thứ năm về thương mại điện tử của Đại Hội đồng**

Cuộc họp lần thứ năm diễn ra vào ngày 16/5/2003. Cuộc họp này tập trung vào hai vấn đề chính là phân loại và các mục tiêu chung khi xem xét thương mại điện tử.

### *i. Phân loại nội dung truyền dữ liệu điện tử là hàng hóa hay dịch vụ*

Chuẩn bị cho cuộc họp này Hoa Kỳ đã đệ trình tài liệu WT/GC/W/493 và EU đệ trình tài liệu WT/GC/W/497. EU cho biết mục đích của tài liệu WT/GC/W/497 là tổng hợp lại tình hình thảo luận về phân loại. Hầu hết các thành viên đều nhất trí đối với đa số sản phẩm số hóa được cung cấp trên mạng được coi là cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, có những câu hỏi được đặt ra đối với một số sản phẩm được coi là số hóa sẽ rơi vào các quy tắc của WTO như thế nào. Một số phái đoàn, bao gồm cả EU, đã bày tỏ rõ ràng chỉ các dịch vụ mới được gộp vào cung cấp điện tử, nhưng một số phái đoàn khác chưa đồng tình với quan niệm đó. Phái đoàn EU nhắc lại một số lập luận chính giải thích tại sao chỉ có duy nhất một quan niệm được giải thích chi tiết cho tới nay. Trước hết, đó là điều không thể được cho GATT để đối xử với các dạng cung cấp điện tử. Hệ thống Hải hòa HS làm nền tảng cho các cam kết về hàng hóa chỉ cung cấp mô tả các sản phẩm có tính chất hay hình dạng hữu hình. Bởi vậy, không có dòng thuế nào trong phân loại hàng hóa theo GATT có thể phù hợp với các sản phẩm được cung cấp điện tử. GATT chưa bao giờ và cũng sẽ không bao giờ bao trùm được các sản phẩm được cung cấp điện tử (trên mạng). Thứ hai, cho tới nay các thành viên đang cố gắng trao đổi về các sản phẩm được coi là số hóa. Tuy nhiên, khái niệm này đang bị hiểu sai, bởi vì không có định nghĩa nào về các yếu tố tạo thành các sản phẩm như vậy mà chỉ là ý tưởng về hình ảnh, âm thanh hay chỉ dẫn có thể được số hóa và sau đó được lưu trữ và truyền đi hoặc được truyền trực tiếp trên mạng. Khái niệm này cũng mơ hồ và đề cập tới nhiều vật khác, chẳng hạn bản vẽ kiến trúc, báo cáo tình hình sức khỏe hay thiết kế thời trang. Ví dụ, rất ít thành viên phản bác việc một báo cáo tình hình sức khỏe là một phần của việc cung cấp dịch vụ kiểm tra sức khỏe cho khách hàng.

Cũng có sự không rõ ràng về việc khái niệm sản phẩm số hóa thực sự đề cập tới điều gì mặc dù những sản phẩm có thể số hóa chiếm tỷ trọng đáng kể trong các nền kinh tế. Một số phái đoàn nóng vội thì tiếp cận vấn đề này một cách hẹp hơn và cho rằng các sản phẩm số hóa là các sản phẩm có sự tương đương với sản phẩm hữu hình. Tuy nhiên, các ví dụ đưa ra ở trên đều có sự tương đương hữu hình. Sự thật là đã có lúc các sản phẩm đó đã được gửi đi với vật hỗ trợ hữu hình (báo cáo giấy, bản vẽ giấy). Trong trường hợp đó, GATT được áp dụng đối với vật hỗ trợ hữu hình khi vật đó chuyển qua biên giới. Khi tiếp cận với tình hình mới là không cần sử dụng các vật hỗ trợ hữu hình nữa và nội dung đã được gửi trực tiếp tới khách hàng thì các thành viên phải đương đầu với một thực tế mới. Điều này có nghĩa là thay cho việc áp dụng GATS đối với các giao dịch phân phối và GATT với các vật hỗ trợ hữu hình qua biên giới, các thành viên bây giờ chỉ có thể áp dụng GATS đối với các giao dịch này do không còn hàng hóa nào nữa.

Cho tới nay tranh luận về phân loại dựa trên một khái niệm mơ hồ. Đó là các hoạt động rất khác nhau dẫn tới kết quả hữu hình vì chúng có thể có sự tương đương hữu hình, do đó sẽ thuộc phạm vi của GATT. Điều này sẽ gây thiệt hại cho kiến trúc chung của WTO. Vấn đề thứ ba phải nhắc lại, đó là GATS đã được áp dụng đối với việc cung cấp các dịch vụ thông qua mạng, bao gồm các sản phẩm được coi là số hóa. Các phái đoàn đã trao đổi nhiều về điều này. Liên quan tới phần mềm cá thể hóa (customised software), khi một công ty được đặt hàng xây dựng một phần mềm theo yêu cầu cụ thể của một khách hàng, công ty đó có thể phát triển, thử, gỡ lỗi và sau đó triển khai phần mềm. Điều đó nghĩa là cùng một cam kết của GATS đối với việc cung cấp dịch vụ cũng bao hàm cả việc phát triển và triển khai phần mềm theo các điều kiện tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia. Rõ ràng điều này bao gồm cả việc tải phần mềm đó. Nếu ngược lại thì chính các cam kết sẽ chẳng còn ý nghĩa nào vì mục tiêu cuối cùng của dịch vụ đó là chuyển tới khách hàng phần mềm đã được thiết kế, thử, gỡ lỗi bởi công ty phần mềm. Hiển nhiên những sản phẩm số hóa như vậy khi được cung cấp là một phần của giao dịch thuộc phạm vi của GATS.

Câu hỏi cần phải trả lời là những đối tượng được truyền trên mạng là gì và được phân loại theo hàng hóa hay dịch vụ. Các phái đoàn không được trao nhiệm vụ đàm phán tiếp cận thị trường cho những sản phẩm này, hoặc so sánh các tình huống tiếp cận thị trường khả dĩ cho các sản phẩm đó, mà chỉ xem xét liệu có vấn đề gì trong việc giải nghĩa các hiệp định đang tồn tại. Các sản phẩm số hóa có phải là một phần của giao dịch thuộc phạm vi của GATT, GATS hay TRIPS. Cuộc tranh luận không thể biến thành giai đoạn đầu của đàm phán tiếp cận thị trường. Tranh luận về phân loại chỉ để quyết định xem một đối tượng thuộc phạm vi pháp lý nào. Các cuộc họp chuyên đề không có chức năng quyết định về tiếp cận thị trường.

Tuy nhiên, có thể có những trường hợp thể hiện sự không nhất quán. Hai trường hợp cụ thể đã được nêu rõ trong tài liệu WT/GC/W/497. Trường hợp thứ nhất là khi một thành viên cam kết tự do hoàn toàn dịch vụ kiến trúc nhưng đồng thời lại đánh thuế nhập khẩu đối với bản vẽ kiến trúc trên giấy. Vấn đề này lại trở nên tế nhị khi có thể tải về cùng bản vẽ đó trên mạng. Trong tình huống này, các thành viên cần phải nhận ra vấn đề và báo cho các nhà đàm phán về tiếp cận thị trường rằng họ có một vấn đề cần giải quyết. Trường hợp thứ hai là phần mềm đã được tải về hay cung cấp trên mạng theo đặt hàng, đồng thời được cung cấp bằng đĩa mềm qua bưu điện và phải qua



hải quan. Hai giao dịch giống hệt nhau và đơn giản chỉ gắn với chọn lựa của khách hàng về cách nhận được phần mềm. Chính ở đây sẽ nảy sinh câu hỏi về sự không nhất quán giữa các cam kết theo GATS và GATT khi đối tượng được cung cấp theo cách truyền thống. Trong trường hợp này không chỉ GATT được áp dụng mà là cả GATT và GATS, bởi vì GATS có thể áp dụng đối với giao dịch phân phối còn GATT áp dụng với sản phẩm hữu hình. Khi đó các thành viên phải tính tới điều đã được thảo luận dưới GATT cho sản phẩm cụ thể, bởi vì các cam kết có thể được đàm phán với những mục tiêu nhất định nhưng những cam kết này có thể không cân xứng với các cam kết theo GATS.

Tóm lại, phái đoàn EU nhắc lại quan điểm là GATT không thể bao hàm cung cấp điện tử vì về mặt pháp lý là không thể và vì GATT không được thiết kế, và cũng sẽ không thể thiết kế, để bao hàm các sản phẩm này. Vậy thì câu hỏi không phải là để đàm phán tiếp cận thị trường đối với các sản phẩm đó mà là để xem liệu có vấn đề nào trong việc xác định những sản phẩm này hay có vấn đề nào bắt nguồn từ các cuộc đàm phán trước đây và các cam kết đã có đối với các sản phẩm này hay không. Đây chính là những điều cần phải xem xét nhất để các thành viên có thể dẫn chiếu tới trong các cuộc đàm phán sắp tới.

Một số phái đoàn đã chất vấn các vấn đề nhất quán sẽ được giải quyết thế nào trên cơ sở từng trường hợp một. Một phái đoàn cho rằng vấn đề nhất quán có lẽ là một mối quan tâm hệ thống và không thích hợp để giải quyết theo từng trường hợp. Một phái đoàn khác hỏi các vấn đề như vậy sẽ được tiếp cận như thế nào, đặc biệt từ khía cạnh tiếp cận thị trường, tính tới các nguyên tắc liên quan như trợ cấp và quy định trong nước.

Một phái đoàn cho rằng tài liệu của EU đã giải thích một cách rõ ràng cho các lập luận tại sao các sản phẩm số hóa hay các sản phẩm có thể được cung cấp trên mạng và có sản phẩm hữu hình tương đương nên được coi là thuộc phạm vi của GATS. Phái đoàn này ủng hộ nhiều lí lẽ được nêu trong tài liệu cũng như cả kết luận về sự phân loại. Theo phái đoàn này, tính hữu hình của các đối tượng khi chuyển qua biên giới là một cân nhắc quan trọng để coi chúng là hàng hóa. Truyền tải điện là một ngoại lệ hơn là một chuẩn như được chỉ ra trong tài liệu. Phái đoàn này nhấn mạnh rằng sự tương đương hữu hình của các sản phẩm cung cấp trên mạng được đối xử như hàng hóa là do hình dạng cụ thể của vật mang sản phẩm chứ không phải nội dung của sản phẩm. Bởi vậy, một băng video và một đĩa DVD được coi là những vật khác nhau. Một đĩa nhạc CD và một băng cassette cũng là những vật khác nhau mặc dù chúng chứa cùng một bản nhạc hay nội dung khác. Mặt khác, một băng video là một băng video bất chấp nó chứa nội dung gì. Theo nghĩa này dường như có thể rút ra được một sự khác biệt giữa hình dạng cụ thể chứa sản phẩm và nội dung của chính sản phẩm đó.

Một điểm khác phái đoàn này cũng nhất trí với tài liệu của EU là sự cần thiết phải tách thảo luận về phân loại – một cuộc thảo luận kỹ thuật và tốt nhất là dựa trên các nguyên tắc và logic – khỏi các vấn đề liên quan tới tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia. Theo phái đoàn này, GATS bao gồm tất cả các dạng cung cấp, còn GATT chỉ bao gồm dạng cung cấp qua biên giới. Cũng vậy, các nguyên lí nền tảng của GATS về các vấn đề như quy định trong nước sẽ hiệu quả hơn để phát triển và tự do hóa thương mại đối với những sản phẩm có thể cung cấp được qua mạng như dịch vụ. Cụ

thể, phái đoàn này dự đoán rằng các rào cản tạo ra bởi các quy định có thể là một cản trở đáng kể đối với hoạt động thương mại liên quan đến các sản phẩm có thể được cung cấp trên mạng như thương mại điện tử. Các rào cản đó có hiệu lực đối với tất cả các phương thức cung cấp dịch vụ, bao gồm cả phương thức 3 (hiện diện thương mại) mà không thuộc phạm vi của GATT. Phạm vi để giải quyết các qui định trong nước dưới GATS nhằm đảm bảo rằng chúng không thể trở thành một rào cản thương mại là một lợi thế để coi hoạt động thương mại liên quan đến các sản phẩm đó thuộc phạm vi của GATS chứ không phải là GATT.

Một phái đoàn khác phát biểu, trong khi cuộc thảo luận không phải là về tiếp cận thị trường mà là về việc các sản phẩm số hóa nhất định có thể thuộc khung khổ nào của các hiệp định hiện tại của WTO, phái đoàn này có những câu hỏi liên quan tới khái niệm hữu hình trong các đoạn 17, 18 và 21 trong tài liệu WT/GC/W/497. Đoạn 17 chỉ ra rằng khi một sản phẩm nào đó được cung cấp hữu hình thì GATT được áp dụng đối với nhập khẩu vật hỗ trợ hữu hình khi vật đó chuyển qua biên giới. Nói cách khác, đối với hàng hóa người ta quan tâm chủ yếu tới tính hữu hình và thực thể. Trong trường hợp dịch vụ sự quan tâm theo hướng ngược lại, tức là tính vô hình. Đoạn 21 chỉ ra rằng bất kỳ vật nào chuyển qua biên giới một cách thực thể, hữu hình sẽ thuộc phạm vi của GATT. Bởi vậy, trong trường hợp dịch vụ, chẳng hạn như tư vấn pháp lý, thì điều này được giải quyết trong phân loại dịch vụ và có thể được cung cấp bằng các phương tiện điện tử. Tuy nhiên, nó có thể được viết trên giấy và gửi qua bưu điện, khi đó nó là hàng hóa. Như vậy, dịch vụ tư vấn pháp lý vừa là hàng hóa vừa là dịch vụ, nhưng chẳng ai tranh cãi về điều đó. Một ví dụ khác thậm chí khó hơn và phức tạp hơn là vận tải. Chẳng ai có thể chất vấn trong vận tải quốc tế một vật chất nào đó đã được chuyển qua biên giới, nhưng cũng chẳng ai nghi ngờ nó là dịch vụ. Đặc biệt, trong hướng dẫn về đàm phán dịch vụ hiện nay, dịch vụ vận tải được xem như là dịch vụ theo phương thức 1, mặc dù một vật nào đó đã chuyển qua biên giới một cách thực thể và bởi vậy bao gồm cả tính hữu hình. Phái đoàn này đặt ra những câu hỏi này nhằm có được hiểu biết tốt hơn những lập luận trong tài liệu.

Theo quan điểm của phái đoàn này, có ít nhất hai chiều hướng đối với phân loại các sản phẩm số hóa. Thương mại điện tử không ngừng phát triển và trong khi vẫn còn vấn đề liên quan tới việc phân loại, thì cũng không nên bận tâm quá mức. Các thành viên không nên cho rằng nếu họ không giải quyết được vấn đề phân loại thì họ không thể đạt được tiến bộ. Trong khi các cuộc họp chuyên đề chưa giải quyết được vấn đề này thì chúng vẫn rất có ích khi mọi phái đoàn rõ hơn và có nhiều thông tin về các chiều hướng khác nhau gắn với chủ đề này. Phái đoàn này lo ngại rằng trong tương lai các đại biểu sẽ không tập trung vào công việc cơ bản của họ như được nêu tại đoạn 34 của Tuyên bố Bộ trưởng Doha, đó là Đại Hội đồng sẽ báo cáo về tiến bộ của Chương trình làm việc với Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm.

Trong khi nhiều phái đoàn cảm thấy các sản phẩm được cung cấp trên mạng là dịch vụ, thì một phái đoàn đã chỉ ra rằng việc đối xử với các sản phẩm này như dịch vụ có thể gặp phải vấn đề về sự nhất quán. Phái đoàn này mong muốn được biết vấn đề đó có thể được giải quyết như thế nào mà không vấp phải những vấn đề về sự nhất quán trong tương lai.

Theo quan điểm của một phái đoàn thì việc đối xử với các sản phẩm số hóa là một yếu tố cơ bản trong cuộc tranh luận về thương mại điện tử và quan điểm của phái đoàn này đã được nêu một cách rõ ràng trong tài liệu tham khảo được phái đoàn phân phát vào tháng 4 năm 2001 (tài liệu JOB(01)/55). Tài liệu này lập luận rằng cách tiếp cận theo GATS là thích hợp nhất để đối xử với các sản phẩm số hóa. Đối xử với chúng như dịch vụ tỏ ra là dễ chấp nhận nhất và cung cấp cơ sở pháp lý chắc chắn nhất. Nhận xét tại tài liệu này phù hợp với nhiều điểm trong tài liệu WT/GC/W/497 của EU. Công việc phân loại rất quan trọng. Sẽ rất có ích nếu các thành viên có thể xây dựng trên công việc đã được hoàn thành trong hai năm qua về vấn đề này để đạt tới một kết quả rõ ràng. Phân loại là một trong những khía cạnh của thương mại điện tử. Cách tiếp cận của phái đoàn này là những cản trở đối với thương mại điện tử cần phải giảm đi hoặc loại bỏ. Nhằm đạt được mục tiêu này phái đoàn luôn luôn ủng hộ việc thay thế quy định tạm thời chưa áp thuế nhập khẩu hiện nay thành quy định vĩnh viễn. Phái đoàn cũng ủng hộ cần phải tăng hơn nữa mức cam kết trong dịch vụ và giảm hay loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm công nghệ cao. Điều đó sẽ hỗ trợ cho thương mại điện tử phát triển. Một phái đoàn khác cho biết họ chia sẻ nhiều quan điểm của EU được nêu trong tài liệu WT/GC/W/497.

Một phái đoàn cho biết các chuyên gia ở thủ đô đang nghiên cứu tài liệu WT/GC/W/497 và phái đoàn muốn bình luận chi tiết về tài liệu này vào cuộc họp sau. Tài liệu của EU đã lập luận khúc triết rằng các sản phẩm số hóa khi được cung cấp qua mạng là dịch vụ. Phái đoàn cho rằng đoạn 21 về sự kế thừa các hiệp định thương mại nghĩa là bất kỳ vật nào hữu hình chuyển qua biên giới phải được đối xử theo GATT. Điều này bao gồm cả kết quả của dịch vụ, chẳng hạn như các bản vẽ kiến trúc hay thiết kế kiểu dáng công nghiệp. Tài liệu cũng chỉ ra rằng trong những trường hợp này các thành viên phải áp dụng cả GATS đối với việc cung cấp dịch vụ và GATT cho kết quả hữu hình, điều quan trọng là phải đảm bảo sự nhất quán giữa các cam kết đối xử quốc gia theo GATS và thuế nhập khẩu đối với hàng hóa được cung cấp. Tài liệu dường như gợi ý rằng vấn đề không chỉ dừng lại ở việc phân loại mà còn liên quan tới sự đối xử khác nhau giữa các sản phẩm được cung cấp qua mạng và qua các vật hữu hình tương ứng. Các đại biểu còn đang cố gắng tìm hiểu vấn đề này và vẫn chưa đi tới giai đoạn có thể đưa ra kết luận cuối cùng. Phái đoàn vẫn đang đánh giá các vấn đề đặt ra trong cuộc tranh luận về phân loại và những tác động có thể có của chúng. Hiện tại phái đoàn này chưa có lập trường cuối cùng. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải xem xét các khía cạnh pháp lý và khả năng dự đoán liên quan tới các vấn đề phân loại.

Một phái đoàn khác cho biết họ đã tiếp cận vấn đề rộng lớn của thương mại điện tử với quan điểm xóa bỏ các rào cản và khuyến khích sự phát triển của thương mại điện tử. Phái đoàn này nhìn nhận thương mại điện tử như một công cụ hỗ trợ cho hoạt động thương mại hơn là một sản phẩm. Trên nền tảng đó, phái đoàn này cảm thấy những hàng hóa và dịch vụ cụ thể được cung cấp qua mạng chắc có thể thuộc phạm vi của GATT hoặc GATS trên nguyên tắc trung lập về công nghệ. Tuy nhiên, phái đoàn này đánh giá cao tài liệu WT/GC/W/497 của EU và đồng ý với nhận xét về những khó khăn nổi lên với khái niệm sản phẩm số hóa. Vấn đề rõ ràng minh bạch là rất quan trọng và là trung tâm của cuộc thảo luận về phân loại.

Một phái đoàn chia sẻ kết luận cuối cùng trong tài liệu cho rằng các sản phẩm số hóa không nên thuộc phạm vi của GATT. Cuộc họp đã nói nhiều về cái có thể làm

và nên làm ở biên giới liên quan tới khía cạnh hàng hóa và dịch vụ. Sẽ chẳng có gì xảy ra khi không có nguyên tắc nào đối với những hàng hóa được đề cập tới. Nhưng hiện nay lại có nhiều nguyên tắc như vậy. Theo quan điểm của mình, về mặt lý thuyết dịch vụ là gì đã rõ ràng. Tuy nhiên, các cam kết về dịch vụ phải được áp dụng theo hướng trung lập về công nghệ. Ở đâu có một cam kết theo phương thức 1 (cung cấp dịch vụ qua biên giới) đối với đối xử quốc gia, một thành viên có thể không áp dụng ở biên giới các dịch vụ được chứa trong một vật thể hữu hình với các nguyên tắc khác với những quy tắc thành viên đó áp dụng với các nhà cung cấp dịch vụ trong nước. Điều này chắc chắn xảy ra với thuế nhập khẩu bởi vì nó vi phạm các nguyên tắc đối xử quốc gia. Ví dụ, nếu một nhà kiến trúc không phải chịu thuế nhập khẩu khi người này cung cấp sản phẩm của mình ở dạng đồ án giấy, một thành viên không thể bắt nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chịu thuế nhập khẩu nếu thành viên này đã đưa ra cam kết đối xử quốc gia. Người ta có thể đi rất xa trong việc đối xử với dịch vụ như là hàng hóa. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kiểm soát xuất khẩu, công nghệ cho vũ khí hạt nhân hay hóa học ban đầu được xem như hàng hóa và sau đó trở nên rất gần với dịch vụ. Bước tiếp theo là đề cập tới các công nghệ được chứa trong bộ óc của con người.

Một phái đoàn trích dẫn câu thứ hai đoạn 18 trong tài liệu WT/GC/W/497 cho rằng GATT không điều chỉnh hành vi tiêu thụ. Theo quan điểm của phái đoàn này, có ba tiêu chuẩn phân biệt hàng hóa và dịch vụ: thứ nhất, khác với hàng hóa, sản xuất và tiêu thụ nói chung diễn ra đồng thời trong trường hợp dịch vụ; thứ hai, khác với hàng hóa, dịch vụ không cất trữ được; và thứ ba, dịch vụ là vô hình trong khi hàng hóa thông thường ở dạng hữu hình. Dường như không có tiêu chuẩn nào là tuyệt đối. Liên quan tới điều này người ta có thể tham chiếu tới công việc của Phân loại tạm thời các sản phẩm chủ yếu (CPC) do Phòng Thống kê của Liên Hợp quốc xây dựng. CPC chỉ ra rằng “một vài tiêu chuẩn được sử dụng trong các bối cảnh khác nhau, ví dụ hữu hình ngược với vô hình, cất trữ được ngược với không cất trữ được hay vận chuyển được ngược với không vận chuyển được”. Hầu hết các tiêu chuẩn này đúng trong phần lớn trường hợp, nhưng luôn luôn có những ngoại lệ hay những trường hợp giao nhau mà không thể giải quyết một cách đơn giản dựa trên các tiêu chuẩn được sử dụng và kinh nghiệm khắp nơi trên thế giới. Dường như không một tiêu chuẩn riêng lẻ nào có thể cung cấp cơ sở giá trị, thực tiễn và rành mạch cho việc phân biệt giữa hàng hóa và dịch vụ trong tất cả mọi trường hợp.

Một phái đoàn khác cho biết đang nghiên cứu tài liệu của EU, tuy nhiên phái đoàn này đã có một vài bình luận và câu hỏi liên quan tới cách tiếp cận phân loại tất cả các sản phẩm được cung cấp trên mạng là dịch vụ. Trong khi nhất trí rằng nhiều dịch vụ gắn chặt với thương mại điện tử và sự tự do hóa đầy đủ trong các ngành dịch vụ đó là cần thiết, phái đoàn này không ủng hộ quan niệm các sản phẩm được cung cấp trên mạng là dịch vụ chỉ vì chúng được cung cấp qua một dịch vụ. Theo quan điểm của phái đoàn này thì cách tiếp cận như vậy rất nguy hiểm, đặc biệt khi rất nhiều sản phẩm cho tới nay vẫn được một người bình thường coi là hàng hóa như sách, phim, phần mềm, đĩa CD, DVD và băng video bây giờ có thể số hóa và cung cấp qua mạng. Không có quy định nào của GATT nói rằng nó chỉ giới hạn ở sản phẩm hữu hình, do vậy chẳng có lý do nào để nói các sản phẩm được cung cấp trên mạng không thể thuộc phạm vi của GATT. Tài liệu WT/GC/W/497 chỉ ra rằng các thành viên có lẽ phải giải quyết vấn đề nhất quán trong tiếp cận thị trường được đàm phán trước đây đối với sản phẩm số hóa và các vật hữu hình chứa chúng. Tuy nhiên, các thành viên không thể đưa

ra các quyết định lật ngược mức tiếp cận thị trường hiện tại đối với các sản phẩm này, thay vào đó nên giải quyết sự không nhất quán theo cách tự do hóa nhất. Phái đoàn này không muốn tạo ra sự phân loại mơ hồ đối với các sản phẩm số hóa. Từ năm 1998 đã có nhiều nghiên cứu về chủ đề này. Công việc hiện nay về việc phân loại không được làm giảm đi các điều kiện để các sản phẩm này phát triển. Vấn đề cốt lõi là cách thức các sản phẩm này được truyền gửi. Có thể đặt ra một số câu hỏi giúp ích cho cuộc tranh luận: Các sản phẩm được cung cấp trên mạng có thể tồn tại như một thực thể tách biệt không? Theo phái đoàn này thì câu trả lời là có. Sách điện tử, phần mềm, phim và nhạc tải về từ mạng có tách rời được với nhà sản xuất không? Theo phái đoàn này thì câu trả lời là có. Chúng có thể được sản xuất, cất trữ, truyền gửi, cung cấp và bán ở các thời điểm khác nhau không? Câu trả lời cũng là có. Các sản phẩm này có đòi hỏi mối quan hệ mật thiết giữa người cung cấp và người tiêu thụ không? Câu trả lời là không.

Liên quan tới ví dụ đặt ra bởi một phái đoàn khác về dịch vụ pháp lý, phái đoàn này muốn bổ sung thêm một kịch bản khác về tư vấn pháp lý. Chỗ dựa cơ bản trong lập luận của EU tại tài liệu WT/GC/W/497 dường như dựa trên sự khác biệt giữa tính hữu hình và vô hình. Khi một luật sư cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý theo phương thức 4 (hiện diện của thể nhân cung cấp dịch vụ), luật sư này cần đi máy bay từ nước mình tới nước của khách hàng, khi đó có hoạt động và các đặc trưng hữu hình gắn với việc cung cấp dịch vụ của luật sư đó. Liệu có thể lập luận rằng bởi vì HS thiếu một dòng thuế cụ thể cho các sản phẩm số hóa nên phân loại dịch vụ là đủ không? Hệ thống phân loại CPC mà nhiều thành viên sử dụng trong dịch vụ chứa nhóm 842 được xác định như là các dịch vụ triển khai phần mềm. Theo phái đoàn này, CPC-842 về các dịch vụ triển khai phần mềm sẽ bao gồm tất cả các dịch vụ tư vấn, phát triển và triển khai phần mềm. Chẳng có chỗ nào trong CPC định nghĩa **chính phần mềm là dịch vụ**. Đã có nhiều thảo luận về vấn đề này và cùng lý luận như vậy được dùng liên quan tới sự so sánh giữa HS và hệ thống phân loại dịch vụ, mặc dù với cách tiếp cận khác, trong tài liệu WT/GC/W/497. Tài liệu này đã lưu ý điện là một trường hợp ngoại lệ. HS có một dòng thuế về điện bất chấp thực tế nội dung cụ thể của điện là vô hình. Tại sao lại có một dòng của HS cho điện? EU không chú trọng tới làm thế nào để phân loại sản phẩm này mà quan tâm hơn tới sự cần thiết để cập nhật và cải tiến suy luận về việc làm thế nào để quản lý vấn đề này. Không nên tốn nhiều thời gian hơn nữa để bới lông tìm vết. Các thành viên vẫn có cơ hội để thể hiện công việc trong WTO và về thương mại điện tử theo một cách thức nhất quán với các nguyên tắc chung của tổ chức. Đây là một cách tiếp cận chung đối với thương mại điện tử và sẽ thiết lập một môi trường tự do và không phân biệt đối xử để tiến hành hoạt động kinh doanh.

Một phái đoàn khác chấp nhận các sản phẩm số hóa có thể không có tương đương hữu hình và đưa ra ví dụ về một bác sỹ tại một nước tiến hành phẫu thuật dựa trên lời khuyên qua mạng của một bác sỹ ở nước khác. Tuy nhiên, một số sản phẩm số hóa có sự tương đương hữu hình như được chỉ ra trong tài liệu WT/GC/W/497. Chẳng hạn, trong trường hợp của DVD được cung cấp hữu hình tới một nước khác và chịu thuế nhập khẩu, nếu cùng đĩa này được cung cấp trên mạng có chịu cùng mức thuế nhập khẩu đó không? Bản vẽ kiến trúc tại thời điểm đã được xác thực bởi một kiến trúc sư địa phương sẽ chịu thuế nhập khẩu bất chấp nó được cung cấp như thế nào.

Một phái đoàn khác hỏi những đại biểu hy vọng đạt được cái gì trong cuộc tranh luận về phân loại, rất nhiều ví dụ đã được trích dẫn để hỗ trợ cách tiếp cận hàng hóa hay dịch vụ. Nhiệm vụ giao cho Đại Hội đồng trong đoạn 34 của Tuyên bố Bộ trưởng Doha là phải báo cáo tới Hội nghị Bộ trưởng Cancun những tiến bộ đạt được theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Phái đoàn này phân vân liệu đã có tiến bộ nào chưa. Thương mại điện tử đang phát triển bất chấp việc chưa có kết luận nào về phân loại. Các đại biểu không nên tiếp tục thảo luận những câu hỏi này mà không nhằm vào một số kết quả cụ thể.

Phái đoàn EU đáp lại rằng nhiệm vụ của mình là để hiểu các quy tắc của WTO áp dụng thế nào mà không phải để thảo luận theo hướng ủng hộ hay phản đối liên quan tới việc phân loại gắn với tiếp cận thị trường. Hướng giải thích của EU về các quy tắc và cam kết hiện tại đã được nêu rõ trong tài liệu WT/GC/W/497. Liên quan tới một số câu hỏi đặt ra, mọi đối tượng được phân loại theo GATT là hữu hình. Chính các hàng hóa với những đặc tính tồn tại là hữu hình. GATS không nói gì về tính hữu hình hay vô hình, đó là chính xác bởi vì nhiều dịch vụ có kết quả thực thể, thậm chí một vài kết quả đó có trong dòng thuế HS, và đây là nơi có thể có vấn đề nhất quán. Phái đoàn này đã gợi ý một cách tiếp cận theo từng trường hợp để xác định xem ở đâu tính nhất quán nổi lên thành một vấn đề để báo cáo tới các Bộ trưởng. Trong bối cảnh này, phái đoàn EU đã nhận ra tình huống của dịch vụ kiến trúc đối với các thành viên đã đưa ra cam kết đối với dịch vụ này. GATS đã cung cấp nhiều quy định mà GATT không có và ngược lại, nhưng các đại biểu không hỗ trợ thảo luận theo hướng ủng hộ cái này và chống lại cái kia. Vấn đề phân loại cần được xem xét từ quan điểm logic và pháp lý thuần túy, sau đó mới tới đàm phán tiếp cận thị trường. Liên quan tới câu hỏi làm thế nào để không giật lùi những cam kết hiện tại, không thành viên nào có thể giật lùi được cam kết của mình trong bất kỳ cuộc đàm phán nào ngoại trừ theo những thủ tục cụ thể của WTO.

Một phái đoàn khác cho rằng chẳng có sự chắc chắn pháp lý nào có thể bắt nguồn từ cố gắng bối lông tìm vết cho câu hỏi phân loại. Trong khi phân loại tất cả giao dịch điện tử là dịch vụ có thể là một con đường nhanh chóng và dễ dàng để tạo ra đảm bảo về pháp lý, mọi bên liên quan tới cuộc thảo luận hiện tại không cho rằng con đường dễ nhất là con đường thích hợp. Khi người ta nói tới sự đảm bảo pháp lý tức là người ta muốn nói tới tiếp cận thị trường – vấn đề nền tảng của WTO. Phái đoàn này đặt ra một số câu hỏi nhằm làm rõ các thuật ngữ như “vật hỗ trợ hữu hình” [physical support], “tính hữu hình”, “tính vô hình”, vấn đề là làm rõ thuật ngữ chứ không phải là làm thụt lùi các cam kết. Phái đoàn đã hỏi liệu các sản phẩm được cung cấp trên mạng có thể tồn tại như một thực thể riêng biệt không; liệu sách điện tử, phần mềm, phim và nhạc có thể tải về từ mạng tách biệt với nhà sản xuất không; liệu chúng có thể được sản xuất, cất trữ, cung cấp và bán ở những thời điểm khác nhau không; liệu các sản phẩm này đòi hỏi mối quan hệ mật thiết giữa người cung cấp và người tiêu thụ không; và liệu người tiêu thụ có thay đổi gì do tải về từ mạng các sản phẩm này không. Phái đoàn này nhất trí rằng cần xác định rõ những trường hợp không nhất quán xảy ra ở đâu, đồng thời cho rằng ví dụ về bản vẽ kiến trúc (architectural designs) và các dịch vụ kiến trúc là có ích bởi vì cho tới nay tiêu điểm chú ý vẫn là sách, video, DVD và phần mềm. Trong khi phần mềm đã được xem như là hàng hóa do phương tiện hữu hình chứa nó khi phần mềm được cung cấp thì chính phần mềm chưa được xác định rõ ràng trong CPC – hệ thống phân loại sản phẩm được các thành viên sử dụng khi phân loại

dịch vụ. Trong ví dụ về bản vẽ và dịch vụ kiến trúc, có cùng một dòng cho các sản phẩm này trong cả CPC và HS. Tuy nhiên, thảo luận một cách đơn giản về các hệ thống phân loại không giải quyết được vấn đề. Điều mà các thành viên đang thảo luận là cách thức để giải quyết khía cạnh này theo hướng làm sao không tạo ra phân biệt đối xử và nhất quán với những quan niệm nền tảng của WTO về tự do hóa. Hãy còn quá sớm để đưa ra bất cứ quyết định nào về việc phân loại các sản phẩm có thể cung cấp trên mạng, đặc biệt khi làm như vậy có thể dẫn tới sự thụt lùi của các cam kết tiếp cận thị trường hiện tại đối với các sản phẩm đang được hưởng sự đảm bảo pháp lý cho việc tiếp cận thị trường.

Một số câu hỏi đã được đặt ra cho tài liệu WT/GC/W/497: Nếu một sản phẩm ở dạng vật thể (physical form) đi qua biên giới thì sẽ áp dụng GATT, bao gồm nguyên tắc đối xử quốc gia; tuy nhiên, nếu sản phẩm này được số hóa và là một dịch vụ, nó sẽ thuộc phạm vi cam kết của GATS, nếu Biểu cam kết về dịch vụ của một thành viên giới hạn đối xử quốc gia với dịch vụ đó thì sẽ xảy ra sự không nhất quán. Về mặt lý thuyết, điều gì sẽ xảy ra khi một thành viên đã cam kết tự do hóa hoàn toàn ở phương thức 1 (cung cấp qua biên giới) về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia trong tất cả 12 ngành dịch vụ trong Biểu cam kết dịch vụ của mình? Khi đó thành viên này sẽ đàm phán gì về thương mại điện tử?

Đáp lại, một phái đoàn làm rõ rằng họ chưa bao giờ coi phần mềm là dịch vụ, trừ khâu cung cấp phần mềm và khâu cung cấp dịch vụ máy tính gắn với thiết kế phần mềm. Khả năng nảy sinh sự không nhất quán là khi một thành viên đã cam kết, bao gồm đối xử quốc gia đầy đủ, đối với dịch vụ tương ứng nhưng chưa có cam kết như vậy trong GATT. Điều khoản đối xử quốc gia của GATS không giới hạn phạm vi của nó, do vậy điều khoản đó sẽ được áp dụng tới bất kỳ biện pháp nào được sử dụng để cung cấp dịch vụ.

Chủ tịch cuộc họp lần thứ năm khái quát cuộc thảo luận, nhấn mạnh rằng đã có lỗ hổng trong nhận thức về vấn đề phân loại, do đó chưa rõ có thể giải quyết vấn đề này thế nào khi Đại Hội đồng có nhiệm vụ chuyển các khuyến nghị tới Hội nghị Bộ trưởng Cancún như một phần của Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Đường như khi bắt đầu thảo luận về vấn đề phân loại đã có nhiều câu hỏi về khả năng trốn thuế nhập khẩu thông qua việc cung cấp các sản phẩm trên mạng. Cuộc thảo luận hiện tại dường như đang đặt ra những câu hỏi ngược lại: liệu có đánh thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm tải về từ mạng hay không.

Một phái đoàn tỏ ra đồng tình với sự quan trọng của những khía cạnh kỹ thuật trong vấn đề phân loại mà tài liệu WT/GC/W/497 đặt ra, nhưng cho rằng các thành viên phải xem lại đoạn 34 của Tuyên bố Bộ trưởng Doha: “chúng ta thừa nhận tầm quan trọng của việc tạo ra và duy trì môi trường thuận lợi cho sự phát triển của thương mại điện tử trong tương lai”. Theo đó, như được chỉ ra rất chính xác trong đoạn 14 và 22 của tài liệu, điều quan trọng là thương mại tiến hành trên mạng phải được hưởng cùng mức đối xử như thương mại truyền thống. Các thành viên phải thảo luận xem làm thế nào đạt được điều đó. Cũng vậy, đoạn 10 của tài liệu nhấn mạnh tới việc khái niệm sản phẩm số hóa đang bị hiểu sai, một vài thành viên đang phát triển khái niệm này trong khung khổ pháp lý của các hiệp định thương mại song phương và các luật trong nước. Bởi vậy, trong các cuộc họp chuyên đề tiếp theo cần tiếp tục xem xét việc đảm

bảo cho thương mại tiến hành trên mạng được đối xử cùng mức như thương mại truyền thống.

Phái đoàn EU nhấn mạnh lại quan điểm được nêu trong tài liệu WT/GC/W/497 rằng việc giải quyết vấn đề phân loại hoàn toàn là kỹ thuật, nhưng cũng phải giải quyết trong mối quan hệ với các ràng buộc pháp lý của những cam kết đã đưa ra, do đó phái đoàn EU gợi ý việc phân loại sản phẩm nên tiến hành theo từng trường hợp cụ thể. Phái đoàn EU hoan nghênh bất kỳ đề xuất nào về các trường hợp cụ thể đó theo hướng khi một đối tượng được cung cấp trên mạng thì đối tượng đó là một dịch vụ.

*ii) Một số mục tiêu chung cần áp dụng khi đánh giá về thương mại điện tử*

Hoa Kỳ đã đệ trình tài liệu WT/GC/W/493 và lưu ý quan tâm hàng đầu của họ là sự không phân biệt đối xử và đảm bảo việc tăng khả năng tiếp cận thị trường trong lĩnh vực thương mại điện tử. Dự định của phái đoàn này trong các cuộc họp chuyên đề không phải để đàm phán tiếp cận thị trường. Tuyên bố năm 1998 về Thương mại điện tử có hai thành phần chính: chương trình làm việc và thỏa thuận tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu. Hai thành phần này liên kết với nhau ngay từ khi hình thành, xây dựng được một tuyên bố về những tiến bộ đã đạt được có ý nghĩa quan trọng ở giai đoạn hiện tại và tiếp tới ở Hội nghị Bộ trưởng ở Cancun. Tài liệu do phái đoàn Hoa Kỳ đệ trình nhấn mạnh tới một số yếu tố thể hiện thương mại điện tử đang được bàn tới trong WTO thế nào. Trước hết, phái đoàn đã gợi ý rằng có thể một mục tiêu cho toàn bộ Vòng đàm phán Doha vì sự phát triển nên gắn kết với một môi trường thương mại mở và tự do qua việc áp dụng các hiệp định hiện tại của WTO đối với thương mại điện tử để mở rộng sự tăng trưởng và cơ hội cho tất cả các thành viên của WTO. Các thành viên đã thảo luận về sự mơ hồ hiện nay khi áp dụng các hiệp định của WTO đối với một tập hợp nhỏ các sản phẩm. Bởi vậy, các thành viên cần cam kết việc tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia cao hơn trong một tập hợp lớn hơn nhiều các các hàng hóa và ngành dịch vụ sử dụng tới mạng điện tử khi tiến hành các giao dịch thương mại. Rõ ràng là muốn tiến hành thương mại điện tử cần nhiều thứ liên quan. Trong trường hợp hàng hóa, phần cứng được sử dụng để hỗ trợ thương mại điện tử, trong trường hợp dịch vụ, dịch vụ viễn thông hỗ trợ giao dịch. Để giải quyết một số vùng giao nhau mà các thành viên đang thảo luận, phái đoàn Hoa Kỳ đề xuất các thành viên thừa nhận rằng ở đâu các mục tiêu chính sách hợp pháp đòi hỏi các quy định trong nước tác động tới mua bán sản phẩm và dịch vụ trên mạng thì các quy định đó phải rõ ràng minh bạch và không phân biệt đối xử, đồng thời không gây ra hạn chế thương mại. Quan niệm này không phải là mới trong WTO. Cùng với các phái đoàn khác, phái đoàn Hoa Kỳ đã đề xuất quan niệm này trong bối cảnh thúc đẩy phương thức rõ ràng đối với thương mại điện tử và không đưa ra các hành động nhằm hạn chế thương mại.

Một quan niệm khác là chấp nhận một cách vĩnh viễn trên cơ sở MFN việc không áp dụng thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử qua biên giới thay cho quy định tạm thời hiện nay. Cuối cùng, các dự án hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực liên quan tới thương mại điện tử có vai trò tích cực trong việc hội nhập sâu hơn của các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi vào khung khổ các quy tắc thương mại, WTO nên phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế khác để giúp phát triển hạ tầng cần thiết và các yêu cầu khác cho thương mại điện tử. Ủy ban Thương mại và Phát triển đã có nhiều ý tưởng, phân tích và tìm tòi trong vấn đề này. Thay cho



việc chìm đắm vào thảo luận về vấn đề phân loại, các đại biểu nên thừa nhận một số yếu tố cơ bản để nuôi dưỡng hoạt động đang diễn ra trong lĩnh vực thương mại điện tử. Đây là môi trường thực sự và có các bên liên quan thật. Do thương mại điện tử có lợi cho tất cả thành viên, mọi việc cần phải triển khai một cách toàn diện và phối hợp lẫn nhau để tạo ra sự đảm bảo chắc chắn.

Trong khi một phái đoàn cảm thấy các cuộc họp chuyên đề không được giao nhiệm vụ thảo luận các mục tiêu chung, các phái đoàn khác cho rằng diễn đàn này có lẽ là diễn đàn tốt nhất để thảo luận những vấn đề được đặt ra trong tài liệu WT/GC/W/493 của Hoa Kỳ. Một phái đoàn cho rằng tài liệu bắt đầu với các mục tiêu của Vòng Đàm phán Doha vì sự phát triển nhưng lại chẳng có nội dung nào liên quan tới sự phát triển cả và cũng không chú ý tới nhóm các nước đang phát triển. Một phái đoàn khác lập luận rằng ở giai đoạn hiện tại của tranh luận kỹ thuật, còn quá sớm để đạt tới bất kỳ quyết định nào về các mục tiêu chung liên quan tới thương mại điện tử, đặc biệt khi hình thức thương mại này hầu như chưa tồn tại ở nhiều nước đang phát triển do chưa có điều kiện tiếp cận tới công nghệ, hạ tầng cơ sở, v.v... Tháng 5 năm 2001 thành viên này chỉ ra nước mình đã bị tác động bởi các biện pháp hạn chế tiếp cận tới công nghệ cần thiết để thực hiện các kế hoạch phát triển thương mại điện tử quốc gia, đồng thời đã chỉ ra sự cần thiết phải loại bỏ tất cả các hạn chế về thương mại và công nghệ. Đây là điều kiện sống còn cho bất kỳ quyết định nào trong WTO khi hậu thuẫn thương mại điện tử ở mức cao nhất.

Một phái đoàn cho rằng Hội nghị Bộ trưởng Cancún là dịp để tái khẳng định và bày tỏ mối quan tâm của WTO tới thương mại điện tử và hoan nghênh đóng góp và sáng kiến của Hoa Kỳ trong tài liệu WT/GC/W/493. Sẽ rất có ích khi khẳng định các quy định của WTO có thể áp dụng với thương mại điện tử, cung cấp cơ sở ổn định và dự đoán được đối với hình thức thương mại này. Phái đoàn hiểu rõ sự cần thiết của trợ giúp kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực thương mại điện tử. Phái đoàn cũng mong muốn nhấn mạnh sự cải tiến công nghệ riêng cho thương mại điện tử và giới thiệu một hệ thống pháp lý xác đáng để các nước đang phát triển có thể tận dụng được các thành quả của thương mại điện tử. Thành viên này đã thực hiện một số dự án trong lĩnh vực này như được giải thích rõ trong tài liệu WT/L/451. Ngoài năm mục tiêu nêu trong tài liệu WT/GC/W/493, cần thảo luận các yếu tố khác như bảo vệ tài sản trí tuệ theo Hiệp định TRIPS.

Một phái đoàn cho rằng dường như ba nguyên tắc đầu tiên được nêu trong tài liệu trên liên quan tới phân loại và chừng nào chưa có tiến triển trong vấn đề phân loại thì sẽ có khó khăn để xem xét các nguyên tắc này. Ngược lại, một phái đoàn khác cho rằng phân loại là một vấn đề quan trọng nhưng các thành viên không nên tham đua bỏ mâm. Có những khía cạnh quan trọng khác của thương mại điện tử cần được tập trung chú ý và việc đệ trình các nguyên tắc nêu trong tài liệu của Hoa Kỳ là rất đúng lúc. Cách tiếp cận chung nhất của phái đoàn này là cần phải trợ giúp cho sự phát triển của thương mại điện tử, do đó phái đoàn rất tâm đắc với các mục tiêu được nêu trong đoạn 3 của tài liệu.

Nhiều phái đoàn hoan nghênh việc lại có cơ hội để trở lại xem xét các mục tiêu và nguyên tắc nhằm hỗ trợ sự phát triển của thương mại điện tử, do đó hoan nghênh việc Hoa Kỳ đệ trình tài liệu WT/GC/W/493. Một phái đoàn cho rằng trong khi xem

xét bất kỳ mục tiêu nào liên quan tới các quy định trong nước các thành viên phải lưu ý xem các điều khoản hiện tại trong các hiệp định của WTO được vận dụng để giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử như thế nào. Phái đoàn này nêu câu hỏi việc giải quyết các vấn đề thương mại điện tử dựa theo các mục tiêu và nguyên tắc có gì là mới không. Theo phái đoàn này, điều mới duy nhất chính là các cuộc đàm phán đang diễn ra về các nguyên tắc [disciplines] đối với các quy định trong nước trong bối cảnh Điều 6.4 của GATS. Việc này có ý nghĩa liên quan tới thương mại điện tử vì các quy định trong nước có thể tạo ra các rào cản tiềm tàng đối với thương mại điện tử, đặc biệt là trong việc cung cấp các dịch vụ qua mạng.

Một phái đoàn khác cho biết có một số ý tưởng khác nhau liên quan tới những lập luận chính trong tài liệu của Hoa Kỳ. Chẳng hạn, liên quan tới các quy định trong nước, hệ thống các quy định trong nước của các thành viên phải được tính toán một cách cân đối. Tuy nhiên, các lợi ích được chia sẻ phải được xác định trên việc áp dụng các hiệp định của WTO đối với thương mại điện tử, nuôi dưỡng tiếp cận thị trường, gia hạn việc chưa áp dụng thuế nhập khẩu với thương mại điện tử, các mục tiêu liên quan tới ITA và tính tới các khía cạnh khuyến khích thương mại điện tử phát triển. Liên quan tới các vấn đề phát triển và xây dựng năng lực, chẳng có một biện pháp đơn giản nào để mang những lợi ích của thương mại điện tử cho các nước đang phát triển. Thay vào đó, điều quan trọng chính là phải coi thương mại điện tử có khả năng lớn để duy trì sự phát triển kinh tế ở mọi nước và mọi mức độ phát triển. Một phái đoàn khác cho biết có hai cảnh báo đối với nội dung tài liệu: một là thuật ngữ được sử dụng trong thảo luận về phân loại, hai là liên quan tới việc tham chiếu tới tuyên bố của APEC về các chính sách liên quan tới thương mại và kinh tế số. Thành viên này không ký tuyên bố đó, Canada, Chi Lê, Trung Quốc và Nga cũng vậy. Tuy nhiên, thành viên này nhất trí với sự nhấn mạnh trong tài liệu về môi trường thương mại tự do cho thương mại điện tử. Một phái đoàn khác bày tỏ vui mừng khi thấy tài liệu đã đề cập tới trợ giúp kỹ thuật và nâng cao năng lực bởi vì chúng là cần thiết để lấp lỗ hổng trong hạ tầng giữa các thành viên. Thiếu điều đó thì dù cho có giải quyết được vấn đề phân loại cũng không đóng góp cho sự phát triển của thương mại điện tử. Phái đoàn này cũng phân khởi với việc tham chiếu tới đoạn 16 về mạng viễn thông phát triển vì nhiều lĩnh vực dịch vụ, bao gồm dịch vụ liên quan tới máy tính, dịch vụ tư vấn, phân phối, quảng cáo, v.v... bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ và các vấn đề về thuế nhập khẩu. Một phái đoàn cho rằng cần phải xem xét kỹ hơn một số gợi ý để đạt được môi trường thương mại tự do và xúc tiến thương mại, đặc biệt phạm vi và mức độ tự do hóa được nhấn mạnh trong tài liệu.

Một phái đoàn cho rằng với tất cả những gì có được trong các cuộc họp cho tới nay thì cách tiếp cận trong tài liệu WT/GC/W/493 của Hoa Kỳ có lẽ là giải pháp tốt nhất mặc dù không phải là giải pháp toàn diện nhất liên quan tới vấn đề phân loại. Liên quan tới các đề xuất trong tài liệu đó, phái đoàn này bày tỏ với sự quan tâm cao tới các gợi ý liên quan tới tiếp cận thị trường trong các ngành dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử và muốn đưa các gợi ý này tới các diễn đàn phù hợp. Một phái đoàn khác bày tỏ quan điểm rằng thương mại điện tử là một thành phần thống nhất của chương trình phát triển đất nước mình. Tuy nhiên, nhiều nước gặp phải những giới hạn liên quan tới mở cửa thị trường các ngành dịch vụ để hỗ trợ sự phát triển của thương mại điện tử. Việc mở cửa thị trường các ngành dịch vụ đó có thể không phải là giải pháp cần thiết để thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử. Cần phải chú trọng tới trợ giúp kỹ thuật và

xây dựng năng lực, đặc biệt trong việc xây dựng chính sách và pháp luật, tiếp cận mạng và công nghệ cao trong khi phải nhận thức rõ chi phí cho công nghệ đó tại các nước đang phát triển.

Một phái đoàn khác cho biết đang nghiên cứu các quan niệm và vấn đề được nêu trong tài liệu của Hoa Kỳ và đã đưa ra nhận xét sơ bộ về những nét chính của đề xuất. Liên quan tới tiếp cận thị trường, mỗi thành viên đang tham gia các cuộc đàm phán về tiếp cận thị trường đều hiểu rõ về khả năng cạnh tranh của mình trong các lĩnh vực và mỗi thành viên sẽ đưa ra hoặc tìm kiếm các cam kết phù hợp trong bối cảnh đó. Như đề xuất trong tài liệu, lợi thế chính của môi trường điện tử, bao gồm Internet, là khả năng đơn giản hóa các giao dịch thương mại. Các thành viên thừa nhận điều này và đang thông qua các quy định và biện pháp phù hợp cần thiết để nuôi dưỡng môi trường đó. Nhiều diễn đàn toàn cầu khác cũng đang cân nhắc các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử. Ở giai đoạn hiện tại chưa thể biết rõ những tác động của việc thông qua các mục tiêu chung trong hệ thống WTO là thế nào. Đoạn 26 đã chỉ rõ thương mại điện tử toàn cầu đã phát triển rộng khắp mặc dù chưa có các thỏa thuận về phân loại một số sản phẩm nhất định. Nếu điều này đúng thì có lẽ nên hiểu các vấn đề kỹ hơn nữa trước khi xem xét bất kỳ bước đi tiếp theo nào. Tính rõ ràng là cần thiết để áp dụng các hiệp định của WTO đối với thương mại điện tử. Phái đoàn này cùng với một số phái đoàn khác cảm thấy cần có sự giải thích rõ hơn đối với các vấn đề nêu ra trong tài liệu WT/GC/W/493 và các tác động có thể có. Cần nhớ rằng các tác động này không chỉ dừng lại ở công việc tại các cuộc họp chuyên đề mà cả ở các cơ quan khác của WTO, bao gồm các cơ quan đàm phán.

Liên quan tới thỏa thuận tạm thời chưa áp thuế nhập khẩu đối với truyền dữ liệu điện tử, một số phái đoàn cảm thấy điều này đáng tới một quyết định chính trị của các Bộ trưởng và các cuộc họp chuyên đề không có thẩm quyền để thảo luận hay quyết định thay thế thỏa thuận tạm thời thành vĩnh viễn. Cần để cho các cơ quan cao hơn quyết định việc này. Một số phái đoàn cho biết họ không gặp khó khăn gì khi thay tạm thời thành vĩnh viễn, nhưng một phái đoàn cho rằng có những cách khác để hỗ trợ cho thương mại điện tử tiếp tục phát triển, chẳng hạn như ITA hay tự do hóa trong một số ngành dịch vụ. Phái đoàn này đã trình Hội đồng Thương mại dịch vụ các ngành dịch vụ cụ thể mà họ cho là sống còn đối với thương mại điện tử. Một phái đoàn khác mong muốn tiếp tục theo đuổi khả năng thay quy định tạm thời thành vĩnh viễn tại Hội nghị Bộ trưởng lần thứ năm. Một phái đoàn khác nữa nhấn mạnh tới việc thay thế quy định tạm thời thành vĩnh viễn, đồng thời kết hợp việc này với tự do hóa các dịch vụ cũng như các sản phẩm công nghệ thông tin trong đoạn 6.

## **6. Cuộc họp chuyên đề lần thứ sáu về thương mại điện tử của Đại Hội đồng**

Cuộc họp lần thứ 6 diễn ra vào ngày 7 và 21/11/2005. Cuộc họp này diễn ra trong bối cảnh chuẩn bị tổ chức Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ sáu tại Hong Kong vào tháng 12 và đã hơn hai năm trôi qua kể từ cuộc họp chuyên đề lần thứ năm. Chương trình làm việc về Thương mại điện tử đã rơi vào bế tắc tương tự như nhiều vấn đề nóng bỏng khác của Vòng Đàm phán Doha.,

Trước cuộc họp này, phái đoàn Hoa Kỳ đã đệ trình tài liệu WT/GC/W/551 với nhan đề “Chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng 2005 – Chương trình làm việc về Thương

mại điện tử”. Cuộc họp đã tập trung thảo luận về các đề xuất nêu trong tài liệu này, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới mua bán phần mềm trên mạng.

Phái đoàn Hoa Kỳ phát biểu đã lâu chưa có cuộc họp chuyên đề nào được tổ chức liên quan tới các vấn đề chung của thương mại điện tử. Phái đoàn mong muốn cuộc họp này giải quyết một số vấn đề được đặt ra trong vài năm qua. Liên quan tới thỏa thuận tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với việc truyền dữ liệu điện tử tài liệu đặt ra hai ý tưởng: một là làm sáng tỏ phạm vi áp dụng trong thực tế, hai là mở rộng thỏa thuận tạm thời thành vĩnh viễn có tính chất cam kết ràng buộc trong Vòng Doha. Một điểm quan trọng được đề xuất trong tài liệu là các thành viên sẽ không tạo ra các rào cản mới trong thương mại điện tử - một hình thức thương mại đã phát triển nhanh khi không có rào cản - rồi sau đó phải mất nhiều năm cố gắng để loại bỏ chính các rào cản này. Ngoài ra, ngôn ngữ trong thỏa thuận tạm thời đã dẫn tới nhầm lẫn đối với phạm vi của nó. Phái đoàn Hoa Kỳ gợi ý thuật ngữ “truyền dữ liệu điện tử” mà họ cho là mơ hồ nên được thay thế bằng thuật ngữ “các sản phẩm được truyền trên mạng” [products transmitted electronically] cho rõ ràng hơn.

Một phần khác của tài liệu đề cập tới việc đối xử với phần mềm được cung cấp trên mạng. Theo quan điểm của phái đoàn Hoa Kỳ, việc xem xét tại các cuộc họp chuyên đề về vấn đề phân loại trong năm năm qua đã rơi vào bế tắc. Mục tiêu hiện nay là phải vượt qua sự bế tắc đó và tập trung vào các vấn đề cụ thể mà các phái đoàn có thể giải quyết theo một hướng hệ thống hơn, qua đó đạt được tiến bộ khi giải quyết những vấn đề đang sôi động trong thương mại toàn cầu. Phần mềm là một ngành công nghiệp với quy mô 600 tỷ USD góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả của tất cả các nền kinh tế. Bởi vậy, tất cả các nước đều quan tâm tới việc đối xử với thương mại phần mềm một cách tự do. Phần mềm bao hàm sự hợp tác, thông thường nhiều nước cùng chung nhau phát triển - và trao đổi phần mềm có lợi chung cho cả nước sản xuất cũng như tiêu thụ. Mục tiêu của Phái đoàn Hoa Kỳ không làm ảnh hưởng tới quan điểm của bất kỳ thành viên nào về việc coi phần mềm là hàng hóa hay dịch vụ, mà nhằm tập trung vào giá trị của môi trường thương mại tự do đối với các sản phẩm trước kia chuyên qua biên giới bằng những vật thể hữu hình nhưng ngày càng được cung cấp qua mạng nhiều hơn. Đây chính là một lĩnh vực cụ thể mà WTO có thể đạt được tiến bộ nhất định khi đặt ra mục tiêu cho một nền thương mại tự do.

Nói chung đề xuất nhận được sự ủng hộ để thảo luận. Một phái đoàn cho rằng các đại biểu không được sao nhãng nền tảng của Chương trình làm việc, tức là tạo ra một môi trường tự do nuôi dưỡng sự tăng trưởng của thương mại điện tử nói chung. Phái đoàn này nhấn mạnh thỏa thuận tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường này. Một số phái đoàn cho rằng trong năm 2006 cần phải làm rõ thỏa thuận tạm thời này và cuối cùng cần biến nó thành quy định vĩnh viễn được ràng buộc về pháp lý. Một số phái đoàn khác lại cho rằng có rất nhiều tác động khi đưa thỏa thuận tạm thời thành vĩnh viễn và ràng buộc nên cần phải cân nhắc cẩn thận vấn đề này. Hầu hết các phái đoàn phát biểu rằng họ có thể nhất trí tiếp tục thực hiện thỏa thuận tạm thời cho tới Hội nghị Bộ trưởng tiếp sau Hội nghị Bộ trưởng ở Hong Kong, đồng thời mong muốn thảo luận trong năm 2006 về việc đưa thỏa thuận này thành vĩnh viễn và ràng buộc. Tuy nhiên, hai phái đoàn cho rằng họ không thể đồng ý kéo dài thỏa thuận đó tại thời điểm hiện tại: một phái đoàn lập luận vấn đề này cần tiếp tục thảo luận và xem xét kỹ hơn sau Hội nghị Bộ trưởng Hong

Kong, ngoài ra các thành viên có quá nhiều việc phải làm theo kế hoạch để tự do hóa thương mại hơn nữa trong tất cả các lĩnh vực quan trọng (thuế, nông sản, dịch vụ, v.v...); một phái đoàn khác cho rằng sẽ có những tác động mang tính hệ thống liên quan tới việc biến thỏa thuận tạm thời này thành vĩnh viễn.

Về chính sách thương mại đối với phần mềm, nhiều phái đoàn ủng hộ làm việc để tiến tới đồng thuận nhằm đảm bảo phần mềm mua bán trên mạng được hưởng mức đối xử tương đương với phần mềm trao đổi qua biên giới bằng các vật thể truyền thống như đĩa mềm. Một số phái đoàn cho rằng tất cả hàng hóa công nghệ thông tin và dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử cần phải được hưởng chính sách thương mại tự do ở mức tốt nhất có thể được. Theo quan điểm của một phái đoàn, điều này nên mở rộng ngoài phạm vi phần mềm và bao gồm dịch vụ viễn thông, dịch vụ liên quan tới máy tính, mua sắm chính phủ về hàng hóa CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử. Nhằm mục tiêu này, cần phải làm rõ hơn khái niệm “phần mềm”, tuy nhiên không cần phải xây dựng một kiến trúc mới trong các hiệp định của WTO vì có thể sử dụng các nguyên tắc hiện tại như MFN và cam kết đối xử quốc gia cho CPC 842. Một phái đoàn cho rằng đề xuất này không khuấy động trở lại vấn đề phân loại, lập trường của đề xuất phù hợp với nguyên tắc trung lập về công nghệ.

Nói chung các phái đoàn nhất trí thảo luận về vấn đề này trong khung khổ Chương trình làm việc năm 2006. Một số phái đoàn đề xuất chi tiết hơn như có thể yêu cầu các Bộ trưởng đưa ra những định hướng gì, đồng thời lưu ý rằng thời gian còn lại rất ít để có bất kỳ định hướng nào từ các Bộ trưởng đối với chính sách thương mại cho phần mềm tại Hội nghị Bộ trưởng Hong Kong. Liên quan tới thảo luận năm 2006, các phái đoàn nhấn mạnh Chương trình làm việc phải bao gồm nhiều nội dung khác, bao gồm vấn đề phát triển. Một phái đoàn bày tỏ quan điểm thương mại điện tử cực kỳ quan trọng cho tính cạnh tranh của các nước đang phát triển và nhấn mạnh bất kỳ quyết định nào trong tương lai về lĩnh vực này cũng cần phải tập trung vào nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Một số phái đoàn cho rằng họ không hài lòng với một số liên hệ tới các lĩnh vực khác trong những cuộc thảo luận hiện tại và nhấn mạnh bất kỳ thảo luận nào về vấn đề phần mềm cũng không được gắn với lĩnh vực đàm phán và không làm tổn hại tới vị thế của các thành viên, dù cho cung cấp trên mạng tương đương với cung cấp truyền thống là hàng hóa hay dịch vụ.

Đáp lại các câu hỏi và quan tâm trên của các phái đoàn, phái đoàn Hoa Kỳ cho biết họ không có dự định đưa vấn đề phần mềm ra để thay thế các vấn đề khác, đặc biệt là vấn đề phát triển. Đồng thời, phái đoàn Hoa Kỳ cũng nhấn mạnh cần phải tránh gắn vấn đề này với các cuộc đàm phán. Khi mạng băng thông rộng ngày càng phát triển ở nhiều nước, sẽ có nhiều giao dịch thương mại trên mạng hơn, vì vậy các thành viên cần phải nhìn vào tương lai để đảm bảo rằng các rào cản không được dựng nên đối với công nghệ và sản phẩm tương lai. Phần mềm được đề xuất như một minh họa điển hình cho lĩnh vực mua bán trên mạng mà các thành viên cần xem xét với quan điểm đảm bảo cho nó tiếp tục được hưởng đối xử tự do. Đây không phải lần đầu tiên phần mềm được thảo luận tại các cuộc họp chuyên đề. Năm 2002 một phái đoàn khác cũng đã đưa ra đề xuất tương tự.

Cuối cùng, cuộc họp chuyên đề này đã nhất trí chuyển tới Chủ tịch Đại Hội đồng văn bản sau liên quan tới thương mại điện tử để đưa vào trong dự thảo Tuyên bố của Bộ trưởng ở Hong Kong:

*“Chúng ta ghi nhận các báo cáo của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan về Chương trình làm việc về Thương mại điện tử và thừa nhận việc xem xét các vấn đề trong Chương trình này vẫn chưa hoàn thành. [Chúng ta nhất trí phải nói lại công việc đó, bao gồm các vấn đề liên quan tới phát triển trong Chương trình làm việc và các thảo luận về những quy tắc thương mại đối với phần mềm cung cấp trên mạng. Chúng ta nhất trí duy trì các thể chế hiện tại để triển khai Chương trình làm việc. Chúng ta tuyên bố các Thành viên sẽ duy trì hiện trạng không áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm được cung cấp trên các mạng điện tử cho tới Hội nghị lần sau]”.*

## Chương bốn

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Trong hai năm 1999 và 2000, Hội đồng Thương mại hàng hóa (CTG) đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm triển khai các nhiệm vụ của Đại Hội đồng giao cho trong khung khổ của Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Chủ đề cơ bản của các cuộc họp này xoay quanh câu hỏi đặc tính của sản phẩm cung cấp trên mạng là dịch vụ hay hàng hóa hay là dạng gì khác cũng như các vấn đề thực tiễn phát sinh từ câu hỏi này. Chủ đề thảo luận được xem xét ở nhiều góc độ khác nhau như thuế quan, phân loại, trị giá hải quan, quy tắc xuất xứ và giấy phép nhập khẩu. Dưới đây tóm tắt những nội dung thảo luận chính theo từng góc độ.<sup>14</sup>

#### **Phạm vi của Chương trình làm việc và đặc tính của sản phẩm truyền trên mạng**

Một số phái đoàn cho rằng thuật ngữ thương mại điện tử vẫn chưa được xác định và cho rằng cần phải bắt đầu công việc từ việc đưa ra định nghĩa. Một số phái đoàn khác nhấn mạnh một định nghĩa chỉ có ích chừng nào nó gắn với các cam kết hiện có và lo ngại bất kể nỗ lực nào để đi tới một định nghĩa cũng sẽ gặp khó khăn trong một lĩnh vực năng động và tiến hóa nhanh như thương mại điện tử. Một phái đoàn chỉ ra rằng một định nghĩa về thương mại điện tử là không cần thiết trong bối cảnh triển khai Chương trình làm việc bởi vì Hội đồng Hàng hóa có thể giải quyết các vấn đề nêu trong đoạn 3.1 mà không cần định nghĩa mới. Do không có cam kết hiện tại nào của WTO cho chính thương mại điện tử nên không cần phải có một định nghĩa cuối cùng về thương mại điện tử.

Khi thảo luận thương mại điện tử bao gồm những yếu tố gì, một phái đoàn gợi ý bốn loại giao dịch có thể rơi vào định nghĩa khái niệm về thương mại điện tử<sup>15</sup>:

1. giao dịch được tiến hành trên mạng kết hợp với cung cấp hàng hóa hữu hình; trong trường hợp này các cam kết truyền thống của GATT sẽ được áp dụng;
2. thương mại quốc tế hàng hóa gắn với thương mại điện tử (ví dụ máy tính cá nhân); trong trường hợp này các cam kết truyền thống của GATT sẽ được áp dụng;
3. thương mại quốc tế các vật hữu hình chứa các sản phẩm số hóa (ví dụ phần mềm hay âm nhạc); vấn đề nội dung của vật chứa sẽ liên quan tới các câu hỏi về xác định giá trị hải quan;

---

<sup>14</sup> Tổng hợp từ tài liệu G/C/W/158

<sup>15</sup> Định nghĩa không chính thức và chỉ giới hạn trong phạm vi công việc của Hội đồng (working definition)

4. thông tin số hóa được truyền trên mạng, tức là các sản phẩm được cung cấp trên mạng.

Hầu hết các phái đoàn đều ủng hộ sự cần thiết phải chỉ ra đặc tính của các sản phẩm được cung cấp trên mạng. Các quy định của WTO trong lĩnh vực hàng hóa (tức là GATT 1994 và các hiệp định thương mại đa biên thuộc Phụ lục 1A của Hiệp định WTO) có thể sẽ phù hợp đối với các sản phẩm này khi nội dung của chúng có thể xác định là hàng hóa.

Một số phái đoàn cho rằng chính việc truyền dữ liệu điện tử là một dịch vụ cung cấp được đề cập tới trong GATS. Một phái đoàn phân vân liệu nội dung của sản phẩm được cung cấp trên mạng có thể tách rời với việc cung cấp nội dung không, trong khi các phái đoàn khác có thiên hướng tách rời nội dung sản phẩm với cung cấp sản phẩm đó.

Một số phái đoàn cho rằng sản phẩm được cung cấp trên mạng luôn luôn được coi là dịch vụ và các nguyên tắc của GATS sẽ được áp dụng. GATS trung lập về công nghệ và không phân biệt đối xử giữa các phương thức cung cấp. Có những phái đoàn đáp lại điều này không đúng với bản chất linh hoạt và đang tiến hóa của Internet.

Một số phái đoàn đặt câu hỏi liệu các nguyên tắc pháp lý của GATT có thể được áp dụng đối với nội dung số hóa được cung cấp qua các phương tiện điện tử khi mà các nội dung này có thể đặc trưng như là hàng hóa. Các ví dụ được nêu ra là tác phẩm âm nhạc được tải về từ Internet ở dạng dữ liệu số tương ứng với mua CD chứa tác phẩm đó ở cửa hàng. Trong bối cảnh phần mềm tải về từ Internet đang thay thế cho việc mua các đĩa CD chứa các phần mềm này, câu hỏi nổi lên là tại sao chỉ áp dụng thuế nhập khẩu đối với phần mềm trong vật chứa hữu hình (trong trường hợp nhập khẩu) mà không áp dụng đối với phần mềm mua từ nước ngoài qua Internet. Tuy nhiên, dữ liệu được tải về có thể không rơi vào định nghĩa nhập khẩu. Ngoài ra, trong tương lai phần mềm được tải về trên Internet chắc sẽ là kết quả của một loạt tương tác giữa khách hàng với nhà cung cấp và việc tải về chắc sẽ không phải là sản phẩm “tương tự”. Bởi vậy, sẽ rất có ích nếu tiến hành thảo luận về “các sản phẩm tương tự” trong bối cảnh này.

Một phái đoàn cho rằng việc phân phối quy mô lớn dữ liệu trên mạng sẽ thuộc phạm vi của GATT trong khi cung cấp quy mô cá nhân sẽ thuộc phạm vi của GATS.

Một phái đoàn có ý kiến cho rằng sẽ là không hiệu quả nếu ép mọi thứ trên mạng phải tương đương với hàng hóa hay dịch vụ. Tất cả các sản phẩm số hóa đều có thể được mua bán trên Internet. Trong khi một số sản phẩm như phần mềm hay âm nhạc có thể được lưu trữ trong một số vật hữu hình sau khi nhận được chúng từ mạng (bởi vậy chúng tương đương hàng hóa) thì trong nhiều trường hợp không cần tới các vật chứa hữu hình đó. Các sản phẩm này cũng có thể được lưu trữ trên ổ cứng máy tính của người nhận. Từ các sản phẩm này có thể dẫn tới câu hỏi chúng nên được phân loại là hàng hóa hay dịch vụ. Với bản chất “tùy biến” cao của các sản phẩm số hóa thì việc phân loại chúng như là hàng hóa truyền thống sẽ khó có tính thuyết phục. Số loại sản phẩm mới có thể được số hóa là không giới hạn. Chẳng hạn, các sản phẩm số hóa



thường kết hợp các yếu tố mà trong các ứng dụng hữu hình là tách biệt, ví dụ như sự kết hợp của giáo dục, giải trí và thậm chí cả kinh doanh trong một sản phẩm duy nhất.

Một khía cạnh liên quan khác gắn với câu hỏi liệu việc nhập khẩu có xảy ra khi truyền dữ liệu qua mạng. Một phái đoàn cho rằng thuế quan liên quan tới mọi giao dịch hàng hóa qua biên giới. Với thương mại điện tử, đặc biệt là thông qua Internet, điều chưa rõ ràng là liệu có một “vật” thực sự đã được chuyển qua biên giới hay không. Do vậy chưa thể kết luận được rằng “việc nhập khẩu” theo nghĩa Điều II của GATT đã diễn ra. Điều II của GATT tham chiếu tới thuế quan được áp dụng liên quan tới nhập khẩu. Nếu không có gì liên quan tới nhập khẩu thì sản phẩm trên mạng sẽ không thuộc lãnh địa áp dụng của thuế quan.

Một phái đoàn khác cho rằng sẽ rất khó khăn để thấy được sự khác biệt giữa “hàng hóa” và “dịch vụ” trong thực tiễn cho dù có thể thống nhất được trên lý thuyết. Khi các byte dữ liệu được truyền chỉ bao gồm chuỗi số 0 và 1, làm thế nào để quyết định cho từng trường hợp cụ thể dữ liệu đó tuân theo nguyên tắc của hàng hóa hay dịch vụ.

Các cuộc thảo luận đã cho thấy rất nhiều quan điểm và câu hỏi liên quan tới đặc tính của nội dung dữ liệu số hóa được truyền trên mạng.

### **Tiếp cận thị trường liên quan tới thương mại điện tử**

Một số phái đoàn chỉ ra rằng các cam kết tiếp cận thị trường đối với những sản phẩm liên quan tới thương mại điện tử đã nằm trong Biểu cam kết hiện tại của các thành viên. Hành vi tiến hành thương mại qua các phương tiện điện tử sẽ không làm thay đổi nghĩa vụ đề ra trong cam kết về thuế quan trong Biểu cam kết của các thành viên. Hai phái đoàn nhấn mạnh rằng việc lựa chọn cách thức tiếp cận với sản phẩm số hóa là thuộc thẩm quyền của từng nước.

Có sự phân tán lớn về quan điểm đối với câu hỏi Hiệp định về các sản phẩm công nghệ thông tin (ITA) liên quan thế nào tới chủ đề này. Một số phái đoàn cho rằng ITA có vai trò quan trọng để tạo ra môi trường hiệu quả cho thương mại điện tử nhờ tạo ra chi phí thấp cho việc tiếp cận tới thương mại điện tử, nhờ vậy thúc đẩy mạnh mẽ việc tham gia thương mại điện tử của các thành viên tham gia hiệp định này. Nhiều phái đoàn cho rằng danh sách các sản phẩm thuộc ITA gắn chặt với những sản phẩm liên quan tới thương mại điện tử và phải tránh tách rời chương trình làm việc để thúc đẩy tiếp cận thị trường cho các hàng hóa đó. Càng nhiều thành viên tham gia ITA sẽ càng mở rộng tiếp cận thị trường tới các hàng hóa thuộc hiệp định này. Một số thành viên khác cho rằng vai trò của ITA đối với tiếp cận thị trường các sản phẩm liên quan tới thương mại điện tử có giới hạn vì không phải tất cả các thành viên WTO đều tham gia hiệp định này. Bởi vậy cần đưa ra cách phân tích xa hơn. Đồng thời, danh sách các sản phẩm cần bàn tới có thể rộng hơn các sản phẩm thuộc ITA. Một vài phái đoàn thậm chí cho rằng ITA chẳng có liên quan gì tới Chương trình làm việc về Thương mại điện tử bởi vì ITA là một hiệp định theo ngành không có liên quan gì tới việc truyền dữ liệu điện tử.

Về mối liên hệ giữa thương mại điện tử và thuận lợi hóa thương mại, một số phái đoàn chỉ ra không có mối quan hệ nào giữa chủ đề này với chương trình làm việc bởi vì việc sử dụng các phương tiện điện tử để hỗ trợ trao đổi hàng hóa không gắn với “sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán và cung cấp hàng hóa và dịch vụ bằng các phương tiện điện tử” – định nghĩa về thương mại điện tử tại đoạn 1.4 của Chương trình làm việc. Trong khi đó có những phái đoàn khác lại cho rằng có mối quan hệ chặt chẽ giữa hai vấn đề này.<sup>16</sup> Một phái đoàn chỉ ra một vấn đề thuận lợi hóa thương mại gắn với thương mại điện tử đó là các chính sách và thực tiễn liên quan tới giao dịch điện tử ở các nước thành viên mà có thể thúc đẩy hoặc ngăn cản sự phát triển của những sản phẩm thương mại điện tử.

Ngoài các nội dung trên còn có các bình luận và kiến nghị khác. Chẳng hạn, có thành viên đề nghị cần thảo luận chi tiết hơn mối quan hệ giữa ITA và các sản phẩm cần thiết để tiến hành thương mại điện tử. Có thành viên phân vân việc tiếp cận thị trường các sản phẩm này có bị hạn chế hay không và mức độ hạn chế thế nào, chẳng hạn vì lý do an ninh. Một phái đoàn đặt câu hỏi liệu việc áp dụng thuế đối với các sản phẩm liên quan tới thương mại điện tử có ngăn cản hạ tầng cần thiết cho thương mại điện tử hay không.

### **Thuế quan và các loại thuế và phí khác theo Điều II của GATT 1994**

Các phái đoàn nhấn mạnh rằng Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng về Thương mại điện tử năm 1998 quy định giữ nguyên hiện trạng không áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm nhập khẩu trên mạng, trong khi Chương trình làm việc lại xem xét nhiều vấn đề hơn, chẳng hạn các câu hỏi liên quan tới bán hàng hóa hữu hình thông qua các phương tiện điện tử. Cần phải nhấn mạnh rằng quy định tạm thời không áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng không ảnh hưởng tới kết quả của Chương trình làm việc.

Các phái đoàn dường như nhất trí được với nhau là các hàng hóa được bán và tiếp thị qua các phương tiện điện tử nhưng vẫn được cung cấp qua biên giới một cách hữu hình thì sẽ thuộc phạm vi các cam kết và quy định hiện tại của WTO liên quan tới thương mại hàng hóa, ví dụ như thuế quan.

Một số phái đoàn bày tỏ quan điểm việc áp dụng thuế quan và các loại thuế và phí khác theo Điều II của GATT 1994 chỉ có thể xảy ra chừng nào sản phẩm được cung cấp trên mạng được coi là hàng hóa. Một phái đoàn thêm rằng tiền đề khác là sự cung cấp đó được xác định rõ ràng là nhập khẩu. Phái đoàn này cho rằng cả hai nền tảng trên còn phải được rà soát.

Một phái đoàn nêu vấn đề ngay khi một sản phẩm được cung cấp trên mạng là hàng hóa (và thuế nhập khẩu sẽ được áp dụng) thì thuế suất thuế nhập khẩu sẽ được tính thế nào, đặc biệt khi sản phẩm được cung cấp trên mạng cho tới nay vẫn chưa được phân loại theo Hệ thống Hải hòa (HS) hay mô tả trong biểu cam kết của các thành viên. Đồng thời, liệu có thể tiến hành phân loại vì mục đích hải quan mà không phụ thuộc vào nội dung của hàng hóa được truyền không.

---

<sup>16</sup> Tham khảo đề xuất của EC về chủ đề này tại phần sau của chương.

### Hộp 3

## Hoạt động nghiên cứu của Tổng cục Thuế về chính sách thuế với TMĐT

Tổng cục Thuế hiện đang tiến hành đề tài nghiên cứu cấp Bộ ”Thuế đối với thương mại điện tử ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”. Đề tài đã trình bày chi tiết những đặc điểm của thương mại điện tử có ảnh hưởng đến thuế, tác động của thương mại điện tử đối với chính sách thuế - đặc biệt là thuế tiêu dùng và thuế thu nhập, tác động của thương mại điện tử đối với quản lý thuế, và các quan điểm trên thế giới về vấn đề này. Trên cơ sở kinh nghiệm của thế giới, đề tài phân tích thực trạng chính sách thuế và quản lý thuế đối với thương mại điện tử Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp về thuế cho thương mại điện tử, bao gồm hai nhóm giải pháp chủ yếu:

1. Nhóm giải pháp về chính sách thuế: được chia theo hai loại thuế là gián thu và trực thu

+ Đối với thuế trực thu:

- Các vấn đề về xác định cơ sở thường trú, cơ sở kinh doanh cố định trong điều kiện thương mại điện tử
- Các vấn đề về phân chia quyền đánh thuế, phân bổ thu nhập chịu thuế trong điều kiện thương mại điện tử

+ Đối với thuế gián thu:

- Các vấn đề về xác định nơi tiêu thụ (khái niệm tiêu thụ tại nước ngoài, tiêu dùng tại chỗ, khái niệm dịch vụ và hàng hoá (tài sản) vô hình) trong điều kiện thương mại điện tử

2. Nhóm giải pháp về quản lý thuế: bao gồm bốn giải pháp về tổ chức bộ máy quản lý, biện pháp quản lý, đào tạo cán bộ, và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế. Đặc biệt lưu ý đến biện pháp quản lý, với những yêu cầu về đăng ký, kê khai, nộp thuế; các quy định về chứng từ, thông tin trong kê khai thuế (hoá đơn điện tử, thông tin lưu trữ, báo cáo). Ngoài ra, để triển khai thuế điện tử, dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế và các biện pháp kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế cũng là những vấn đề có tính chất quyết định.

### Vấn đề phân loại

Một số phái đoàn chỉ ra Hệ thống hài hòa phân loại hàng hóa HS dường như không phù hợp để phân loại các sản phẩm cung cấp trên mạng qua biên giới bởi vì chúng là dịch vụ trong khi HS là một hệ thống phân loại áp dụng với hàng hóa. Các hiệp định về hàng hóa không xem xét chính “nội dung” của sản phẩm, “nội dung” này thuộc phạm vi các quy định về sở hữu trí tuệ. Bởi vậy, Hội đồng TRIPs cần phải giải quyết vấn đề này. Các phái đoàn khác coi vấn đề phân loại là một vấn đề chung liên quan tới cả dịch vụ và sở hữu trí tuệ.

Một phái đoàn lập luận việc phân loại hàng hóa nói chung dựa trên các đặc tính hữu hình đặc thù của sản phẩm. Điều này cũng đúng khi phân loại các sản phẩm hữu hình chứa “thông tin” (như bản đồ, sách, băng ghi hình, v.v...). Tuy nhiên, việc số hóa khiến cho việc phân loại trở nên phức tạp hơn, rất khó chỉ ra đặc trưng của sản phẩm số hóa dựa trên hình dáng hay đặc tính của vật thể hữu hình chứa sản phẩm đó. Chẳng hạn, đĩa cho các hệ thống đọc laser ngày càng có khả năng được xử lý trên nhiều hệ

thống thiết bị, từ thiết bị đọc đĩa của máy tính điện tử truyền thống tới các thiết bị đọc đĩa của các ứng dụng khác. Xét cho tới cùng thì các đĩa CD chỉ chứa toàn ký hiệu không và một (bit).

Một phái đoàn khác chỉ ra HS được phát triển với mục đích thu thuế nhập khẩu và thống kê thương mại quốc tế. Đối với thương mại điện tử đã có quy định tạm thời giữ nguyên hiện trạng không áp dụng thuế nhập khẩu. Thu thập số liệu thống kê sẽ gặp khó khăn do bản chất của các sản phẩm được cung cấp trên mạng.

Các phái đoàn được thông báo việc các thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) đã có đề xuất xác định một cách riêng rẽ “phần mềm không chứa trong các vật thể hữu hình” thành một nhóm trong HS. Lưu ý là HS đã có quy định đối với việc phân loại truyền tải năng lượng điện (nhóm 27.16) là một sản phẩm vô hình. Tuy nhiên, các thành viên của WCO có thể linh hoạt trong việc quyết định sử dụng hay không nhóm phân loại mới này.

### **Các vấn đề nổi lên từ việc áp dụng Hiệp định Thực hiện Điều VII của GATT 1994 (CVA)**

Một trong những trọng tâm của các cuộc tranh luận về vấn đề xác định trị giá tính thuế hải quan gắn với “Quyết định về Giá trị của Vật thể hữu hình chứa Phần mềm cho các Thiết bị xử lý dữ liệu” (VAL/8). Theo quyết định này, các thành viên có thể tùy chọn để đặt thuế nhập khẩu trên cơ sở giá trị giao dịch (giá đã được trả hay phải trả) hoặc chi phí hoặc giá trị của chính vật thể hữu hình.

Một số phái đoàn chỉ ra quyết định trên không gắn chặt với nội dung thảo luận trong Chương trình làm việc bởi vì nội dung của nó không bao hàm dữ liệu hay âm thanh, hình ảnh được truyền trên mạng. Chính Quyết định đã loại trừ một cách rõ ràng âm thanh, phim hay video. Các sản phẩm này được cung cấp qua các phương tiện điện tử ngày càng phổ biến.

Một số phái đoàn tin tưởng là khi không tồn tại một vật thể hữu hình thì phân loại sản phẩm liên quan là dịch vụ sẽ phù hợp hơn là hàng hóa và Hội đồng Thương mại Dịch vụ là nơi thích hợp để thảo luận về các vấn đề liên quan. Trong trường hợp tồn tại vật thể hữu hình, thông tin vô hình nằm trong vật thể đó sẽ được coi là hàng hóa bởi vì năm 1984 khi Quyết định được thông qua thì chưa có Hiệp định GATS.

Một số phái đoàn khác lại cho rằng ở giai đoạn này chưa nên quá quyết coi các sản phẩm được cung cấp trên mạng là hàng hóa và CVA vẫn có thể áp dụng với chúng. Khi đó, các vấn đề xác định trị giá tính thuế theo CVA có thể nổi lên.

Một phái đoàn đưa ra một số phát hiện có ý nghĩa về Quyết định trên. Trên thực tế, Quyết định khẳng định sản phẩm được nhập khẩu đã được mô tả một cách chính xác chỉ là một vật thể hữu hình, mặc dù đối với lợi ích của nhà nhập khẩu thì chính vật thể này hầu như không có giá trị. Bởi vậy, chính dữ liệu không phải là sản phẩm nhập khẩu. Điều này cũng được phản ánh trong Quyết định 1984 khi Chủ tịch của Ủy ban về Trị giá Hải quan chỉ ra rằng: “phần mềm có thể được truyền qua đường dẫn hay vệ

ting, trong trường hợp đó sẽ không có câu hỏi về thuế nhập khẩu” (VAL/W/14/Rev.2, 25/7/1984).

Một phái đoàn tin tưởng rằng khi phần mềm thương mại được cung cấp trên mạng người mua thực sự đang mua giấy phép sử dụng (li-xăng) chứ không phải chính phần mềm. Chương trình vẫn thuộc sở hữu của công ty phát triển và phân phối nó. Trong bối cảnh này cần phải xem xét giá trị của dịch vụ trong thương mại điện tử khi mà giá trị của phần mềm hay thông tin cụ thể nó chứa không đáng kể mà chính là giá trị của li xăng hay quyền sử dụng cái được truyền trên mạng.

Một phái đoàn chỉ ra thanh toán điện tử đối với hàng hoá nhập khẩu (chẳng hạn như thanh toán thẻ tín dụng trên Internet) tạo ra các vấn đề liên quan tới trị giá của hàng hoá nếu các ngân hàng trong nước không tham gia vào giao dịch. Vấn đề chủ yếu có thể phát sinh là giá trị không chính xác của các sản phẩm nhập khẩu được thanh toán điện tử.

### **Quy tắc xuất xứ**

Quy tắc xuất xứ là một công cụ để áp dụng các biện pháp thương mại, chẳng hạn như thuế quan hay hạn chế định lượng song phương. Rất khó để đánh giá mối quan hệ của quy tắc xuất xứ đối với thương mại điện tử trước khi quyết định những biện pháp thương mại đòi hỏi quy tắc xuất xứ phải áp dụng thế nào trong bối cảnh sản phẩm được cung cấp trên mạng. Một số phái đoàn cho rằng còn quá sớm để thảo luận về quy tắc xuất xứ nhưng vẫn cho rằng Hiệp định về Quy tắc xuất xứ có thể áp dụng nếu các sản phẩm được cung cấp trên mạng được xác định là hàng hoá.

Một phái đoàn chỉ ra rằng quy tắc xuất xứ cho dữ liệu đã được thảo luận trong bối cảnh Chương trình làm việc hài hoà về quy tắc xuất xứ. Trong cuộc tranh luận về quy tắc xuất xứ cho các băng đĩa hình và âm thanh (HS 8524) đã có đề xuất để gán xuất xứ tới nước của nhà sản xuất ra phim, nhạc được ghi vào băng đĩa (đối lập với nước mà âm thanh được sao chép vào băng đĩa). Tuy nhiên, cuộc tranh luận này chưa đi tới kết luận cuối cùng. Phái đoàn này cũng chỉ ra rằng trong trường hợp xác định xuất xứ dựa trên tiêu chí giá trị cụ thể, tuyệt đối (ad valorem), câu hỏi giá trị của dữ liệu được chứa trong sản phẩm cuối cùng sẽ không đồng nhất khi dữ liệu đó được truyền trên mạng.

Một phái đoàn cho rằng việc sử dụng hay nhúng thông tin đang trở nên rất phổ biến đối với mọi sản phẩm được sản xuất một cách “ảo”, từ lò vi sóng thông minh tới đồ chơi hay ô tô gắn với Internet. Theo nghĩa này mọi sản phẩm được sản xuất đang trở thành vật mang thông tin số hoá. Tuy nhiên những tình huống này có lẽ đại diện chung cho các vấn đề truyền thống gắn với đối xử hàng hoá hữu hình chứ không phải dữ liệu số hoá trên mạng. Về mặt lịch sử, trong bối cảnh các hệ thống xuất xứ ưu đãi được áp dụng trên cơ sở giá trị gia tăng, việc gộp vào hay loại trừ chi phí của các hạng mục vô hình được dùng trong sản xuất hàng hoá là không phổ biến. Tuy nhiên, thực tiễn này không gắn với việc tìm xuất xứ của dữ liệu nữa. Dữ liệu sẽ gắn liền với chi phí để sản xuất hàng hoá hữu hình.

Một phái đoàn chỉ ra rằng tình huống khi dữ liệu được truyền trên mạng nhưng sau đó được lưu trữ trong vật thể hữu hình là quan trọng, mặc dù các câu hỏi về xuất xứ có thể nổi lên ngay cả khi dữ liệu không được truyền trên mạng. Phái đoàn này cho rằng Ủy ban về Quy tắc Xuất xứ của WTO và Ủy ban Kỹ thuật của WCO là nơi phù hợp để thảo luận về các vấn đề này.

Một số phái đoàn cho rằng xác định xuất xứ của sản phẩm được cung cấp trên mạng (và có thể được phân loại là hàng hoá) sẽ có nhiều khó khăn. Công nghệ cao cho phép sao chép dễ dàng với số lượng cực lớn dữ liệu số hoá khiến cho việc xác định địa điểm gốc của việc gửi trở nên hết sức khó khăn. Một phái đoàn cho biết việc truyền gửi dữ liệu không phải là giao dịch điểm - tới - điểm đơn thuần với hàng loạt các mạng và máy chủ liên quan. Môi trường như vậy không phải là một nơi dễ dàng để xác định giao dịch qua biên giới. Do đó, còn rất nhiều điều mơ hồ về việc áp dụng quy tắc xuất xứ trong thương mại điện tử.

### **Các tiêu chuẩn liên quan tới thương mại điện tử**

Một phái đoàn đặt vấn đề thúc đẩy tiêu chuẩn quốc tế liên quan tới thương mại điện tử và nhấn mạnh các biện pháp xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn không được trở thành các rào cản thương mại hay ngăn cản sự phát triển, chuyển giao và phổ biến một cách cạnh tranh những công nghệ liên quan tới hạ tầng thông tin toàn cầu. Hệ thống thông tin toàn cầu bao gồm cả các hệ thống thông tin và viễn thông tạo ra nền tảng hạ tầng cho thương mại điện tử. Bởi vậy, các tiêu chuẩn đóng vai trò thống trị trong thương mại điện tử hơn bất cứ giao dịch hàng hoá nào, thương mại điện tử toàn cầu đòi hỏi tiêu chuẩn hoá cho cả hàng hoá và phương tiện. Sự không phù hợp về tiêu chuẩn không chỉ hạn chế thương mại mà còn làm hỗn loạn hoạt động của hệ thống, có thể gián tiếp tạo ra độc quyền trong thị trường toàn cầu. Phái đoàn này cũng chỉ ra Hiệp định TBT được ký kết nhằm loại bỏ các khác biệt giữa những tiêu chuẩn gây hạn chế thương mại. Phái đoàn này nhấn mạnh tầm quan trọng của các nước đang phát triển cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc thiết lập các tiêu chuẩn công nghệ đối với ứng dụng phần mềm và hàng hoá được mua bán qua mạng để đảm bảo tính liên tác, liên kết và tiếp cận tới hạ tầng thương mại điện tử cho những sản phẩm đó. Phái đoàn này đề xuất một số vấn đề để thảo luận tiếp: i) phát triển và ứng dụng các tiêu chuẩn cho ứng dụng phần mềm; ii) những bất lợi của hạ tầng thông tin nội địa, đặc biệt của các nước đang phát triển, do những thay đổi mau lẹ về công nghệ bị ảnh hưởng bởi những doanh nghiệp thống lĩnh thị trường; iii) công nghệ mã hoá; iv) sự thống lĩnh thị trường thiết bị viễn thông; v) sự phù hợp của các giao thức và thiết bị phần cứng để đảm bảo tính liên tác và liên thông; vi) các tiêu chuẩn về nội dung (hàng hoá được trao đổi ở dạng số hoá); vii) sự thống trị thị trường của một số công ty tạo ra sự ngăn cản đối với tính liên tác và liên thông.

Phản ứng ban đầu với tuyên bố trên, một số phái đoàn cho rằng sự can thiệp thái quá của chính phủ và việc đưa ra các tiêu chuẩn bắt buộc sẽ hạn chế sự phát triển của công nghệ, dẫn tới làm chậm lại những lợi ích tiềm năng của thương mại điện tử. Cần có sự cân bằng giữa lợi ích của hoạt động nghiên cứu và phát triển năng động của khu vực tư nhân với sự điều chỉnh của nhà nước chống lại độc quyền công nghệ, qua đó dẫn tới những lệch lạc thị trường và giảm lợi ích của nhân dân nhờ ra có được từ công nghệ thông tin. Sự phát triển mạnh mẽ hiện nay của thương mại điện tử dựa trên sự tự

do giao dịch. Các tiêu chuẩn cần phải được phát triển nhằm thúc đẩy thương mại điện tử mà không được ngăn cản sự phát triển đó. Việc WTO hay bất cứ tổ chức nào có thể tiêu chuẩn hoá tất cả các lĩnh vực phần mềm và phần cứng là điều đáng nghi ngờ. WTO cần nhằm vào phát triển các nguyên tắc chung hơn là các tiêu chuẩn cụ thể cho thương mại điện tử.

Nhiều phái đoàn chỉ ra vấn đề tiêu chuẩn cần phải được xem xét trong bối cảnh đặc thù giao dịch điện tử là hàng hoá, dịch vụ hay là gì đó khác. Hiệp định TBT chỉ phù hợp với các hàng hoá trong thương mại điện tử.

Phần lớn các phái đoàn đều nhất trí rằng hầu hết các khía cạnh của thương mại điện tử giao cho CTG thảo luận chỉ có thể được giải quyết thấu đáo khi sản phẩm được cung cấp trên mạng được xác định là hàng hoá, dịch vụ hay gì khác. Tuy nhiên, theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử, vấn đề phân loại này lại thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng. Căn cứ trên kết quả làm việc của Đại Hội đồng về vấn đề phân loại, các thành viên sẽ tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của CTG.

#### **Hộp 4** **Thuận lợi hoá thương mại và thương mại điện tử<sup>17</sup>**

Liên quan tới chủ đề thuận lợi hoá thương mại và thương mại điện tử, EU đã phân tích sự cần thiết phải tự động hoá quản lý thương mại và đưa ra một số đề xuất tới WTO.

##### *Tại sao cần tự động hoá quản lý thương mại*

Lợi ích của việc tự động hoá quản lý xuất khẩu và nhập khẩu đã được thừa nhận rộng rãi. Sử dụng các phương tiện điện tử sẽ giúp hải quan nâng cao khả năng kiểm soát và năng lực thu thuế và thống kê, đồng thời giảm chi phí hoạt động. Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) là nền tảng cho kỹ thuật hải quan hiện đại, chẳng hạn như xử lý nhanh khai báo hải quan và đánh giá rủi ro.

Việc nhiều cơ quan chính phủ sử dụng hệ thống điện tử dựa trên EDI như các cơ quan quản lý cảng biển và sân bay, y tế và kiểm dịch, cho phép quản lý một cách hiệu quả hàng hoá nhập khẩu, xuất khẩu và trung chuyển (tạm nhập tái xuất). Nếu nhờ tự động hoá mà thời gian trung bình để giải phóng một tàu hàng hay xử lý thông quan một lô hàng ở một cảng giảm đi một nửa thì điều đó có nghĩa là năng lực hoạt động của cảng đó tăng lên gấp đôi mà không cần đầu tư tốn kém vào cơ sở hạ tầng của cảng. Thẻ thông minh và các công nghệ tương tự có thể được sử dụng để kiểm soát và thẩm tra luồng hàng hoá và hành khách ở các cửa khẩu.

Trong hoạt động kinh doanh, việc thay thế các thủ tục dựa trên giấy tờ truyền thống bằng các thông điệp dữ liệu chuẩn hoá cho phép hàng hoá được chuyển qua biên giới nhanh hơn do thông tin cần thiết cho công việc của hải quan và thông quan hàng hoá có thể được thực hiện trước khi hàng đến. Chi phí liên quan tới việc thông quan cũng giảm đi: tỷ lệ lỗi sai giảm, thông tin phát sinh ở cảng có thể được sử dụng cho hoạt động kinh doanh và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thương mại, ngân hàng, vận tải, v.v... Chi phí tiếp cận

<sup>17</sup> Tài liệu G/C/W/138

Internet ngày càng thấp dẫn tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tận dụng các lợi thế của thương mại điện tử tương tự như các doanh nghiệp lớn. Việc tiếp tục tự do hoá dịch vụ viễn thông theo GATS sẽ khiến cho hạ tầng EDI có thể giúp cho mọi cơ quan chính phủ và doanh nghiệp có thể tiếp cận được. Các nước đang phát triển sẽ được giúp đỡ để tận dụng các cơ hội mới này.

Khi khu vực tư nhân tham gia vào tự động hoá và EDI thì về mọi khía cạnh cần phải đảm bảo rằng sự tăng trưởng của thương mại điện tử không bị chậm lại chỉ vì các thủ tục lỗi thời của chính phủ. Với kim ngạch ngoại thương tăng lên nhanh chóng, các cách thức kinh doanh mới, áp lực gia tăng để có sản phẩm thông quan và tiếp cận thị trường một cách nhanh chóng, cộng với áp lực thu ngân sách của chính phủ thì việc sử dụng các phương tiện điện tử là bắt buộc đối với tất cả các thành viên WTO. Vấn đề này trong WTO nay có thể hỗ trợ tốt nhất việc áp dụng EDI trong quản lý thương mại và là một công cụ thiết yếu để thuận lợi hoá và đơn giản hoá thương mại.

EU đã đề nghị một khung khổ các cam kết về đơn giản hoá các thủ tục thương mại trong WTO. Các phương tiện điện tử được sử dụng trong quản lý thương mại nằm trong khung khổ đó. Theo quan điểm của EU, các cam kết này phải phản ánh các nguyên tắc sau:

- Các chính phủ phải cung cấp các điều kiện cần thiết để cho phép khu vực tư nhân sử dụng các phương tiện điện tử và EDI như một kênh thay thế các thủ tục dựa trên giấy cho nhiều mục tiêu quản lý. Mục tiêu là đảm bảo sự quản lý thống nhất các chứng từ và dữ liệu, đồng thời điều hành các giao dịch thật đơn giản.
- Tự động hoá và EDI tự thân chúng không thể giải quyết tất cả các vấn đề của thủ tục thương mại. Là một bộ phận của thuận lợi hoá thương mại chúng chỉ có thể có hiệu quả đầy đủ nếu được triển khai đồng bộ với các biện pháp khác để cải tiến hệ thống và đơn giản hoá việc quản lý và các thủ tục thương mại hiện tại.
- Trong khi thông thường tự động hoá được áp dụng trước hết ở hải quan, chúng cần phải được mở rộng tới tất cả hoạt động quản lý xuất khẩu và nhập khẩu và tới các giai đoạn khác nhau của chuỗi vận tải, khiến cho việc kiểm soát hiệu quả hơn và sự chậm trễ cho kinh doanh được giảm tới mức thấp nhất có thể được.
- Tự động hoá và EDI phải gắn với các tiêu chuẩn và mã được thừa nhận quốc tế, liên thông, liên tác và mở nhằm đảm bảo có một ngôn ngữ chung giữa những người sử dụng khác nhau, tại các nước khác nhau, qua đó thuận lợi hoá thương mại.
- Các quy tắc không giới hạn thái quá hay bó hẹp tới công nghệ, hay đặt ra các hạn chế không cần thiết tới kinh doanh: chọn lựa công nghệ thuộc về các chính phủ và khu vực tư nhân. WTO không nêu ra các công nghệ, tiêu chuẩn hay mã cụ thể mà chỉ khuyến khích sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế.
- Sẽ hỗ trợ và hợp tác ở mức cao với các nước đang phát triển để triển khai tự động hoá thương mại.

#### *Các đề xuất với WTO*

Với các cân nhắc trên, EC đề xuất các quy định của WTO trong tương lai cần bao gồm các nội dung dưới đây.

#### *Tự động hoá và sử dụng EDI*



Khung khổ các quy định của WTO phải thống nhất với Công ước Kyoto của WCO về việc cơ quan hải quan sẽ chấp nhận chứng từ và dữ liệu điện tử, xử lý và thông quan điện tử. Khi cần thiết sẽ có hỗ trợ kỹ thuật đối với các nước chậm phát triển để triển khai việc này. Các thủ tục giấy tờ không hài hoà và phiền toái không được chuyển sang dạng điện tử tương đương. Giảm bớt, đơn giản hoá và hài hoà hoá dữ liệu và yêu cầu về chứng từ phải đi trước tin học hoá một bước. Tin học hoá phải nằm trong một tổng thể các kỹ thuật hiện đại, bao gồm tiền kiểm (xử lý chứng từ trước khi hàng tới cửa khẩu), đánh giá rủi ro, nộp thuế sau khi thông quan, khai báo hải quan qua mạng. Đó là lý do tại sao trong tài liệu G/C/W/122 EC cũng đã đề xuất các quy tắc để đơn giản hoá dữ liệu và chứng từ tới mức tối thiểu, phù hợp với Điều VIII của GATT, đồng thời các thành viên WTO đã các cam kết về đánh giá rủi ro, tiền kiểm, v.v... dựa trên Công ước Kyoto sửa đổi.

#### *Tự động hoá nằm trong chiến lược tổng thể của thuận lợi hoá thương mại*

Tự động hoá không phải là một giải pháp duy nhất giải quyết mọi vấn đề về thủ tục hải quan. Kinh nghiệm cho thấy nó chỉ phát huy hiệu quả khi được triển khai đồng bộ với các hoạt động nâng cao chất lượng hải quan khác. Phải có cam kết chính trị mạnh mẽ và cách tiếp cận từ trên xuống đối với thuận lợi hoá thương mại trong đó tự động hoá chỉ là một khâu. Như là một phần trong khung khổ quy định của WTO, EC mới đề xuất với Hội đồng Thương mại Hàng hoá về việc mỗi thành viên WTO xây dựng một chiến lược thuận lợi hoá thương mại gắn với hiện đại hoá và cải cách hải quan. Khi cần thiết sẽ có các hỗ trợ phát triển từ các tổ chức quốc tế và khu vực tư nhân.

#### *Sử dụng EDI ở nhiều cơ quan đơn vị liên quan tới ngoại thương*

Các lợi ích thu được từ việc tự động hoá hải quan sẽ bị thu hẹp nếu các cơ quan liên quan khác vẫn tiếp tục áp dụng các thủ tục dựa trên giấy tờ không đồng bộ với hải quan. Trong khi ưu tiên ban đầu là hải quan và các đơn vị quản lý ở cửa khẩu thì nỗ lực của chính phủ phải hướng tới các cơ quan cấp giấy phép các loại liên quan tới hoạt động ngoại thương và các cơ quan liên quan khác như kiểm tra y tế, kiểm dịch, logistics, hệ thống ngân hàng và thanh toán. Tất cả các cơ quan đơn vị này phải sử dụng EDI như là một phần của kế hoạch tổng thể về thuận lợi hoá thương mại. Các cơ quan khác cũng phải áp dụng EDI và liên kết với nhau để đạt được mục tiêu là các thương nhân chỉ cần cung cấp một lần ở mức tối thiểu các dữ liệu điện tử liên quan, đồng thời dữ liệu liên quan tới hàng hoá xuất nhập khẩu có thể được xử lý và các quyết định được đưa ra nhanh chóng trước khi hàng đến cửa khẩu. EC đã đề xuất trong tài liệu trên về việc tập trung vào một đầu mối các cơ quan kiểm soát cũng như nguyên tắc về một cổng thông tin thương mại duy nhất (the single window of information).<sup>18</sup>

Các quy tắc của WTO cũng có thể có ích để đảm bảo những trì trệ cụ thể ở mức khu vực tư nhân không tạo ra trở ngại đối với thương mại. Yêu cầu của ngân hàng về hoá đơn ở dạng chứng từ giấy để thanh toán hay đối ngoại tệ hoặc sự chậm trễ trong chuyển ngân là những yếu tố chính cản trở hoạt động ngoại thương mà nhiều nhà xuất nhập khẩu nêu ra. Cũng cần phải có khung khổ các quy định đảm bảo cho việc chấp nhận thư tín dụng điện tử (eL/C) và sự tương đương của các chứng từ điện tử do ngân hàng yêu cầu.

#### *Sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế*

EC cũng đã đề xuất rằng các quy tắc của WTO phải bao gồm các cam kết sử dụng

<sup>18</sup> Tham khảo các tuyên bố, thoả thuận trong ASEM về thương mại điện tử và Cổng thông tin thương mại.

các tiêu chuẩn quốc tế mở và liên tác, chẳng hạn như UN-EDIFACT, như là cơ sở cho dữ liệu hài hoà hoá và đơn giản hoá và các yêu cầu về chứng từ. Quy tắc phải chỉ rõ việc trình chứng từ điện tử phù hợp với các tiêu chuẩn do chính phủ đặt ra này phải được hải quan chấp thuận. Các tiêu chuẩn cũng phải được thiết kế để hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng. Việc tiếp tục sử dụng thủ tục dựa trên giấy tờ song song với thủ tục dựa trên chứng từ điện tử hay các biện pháp hỗ trợ các thương nhân hoạt động không thường xuyên, v.v... sẽ do các nước tự lựa chọn.

#### *Hợp tác giữa khu vực chính phủ và tư nhân*

Việc áp dụng thành công EDI phụ thuộc đáng kể vào sự ủng hộ và tham gia của khu vực tư nhân. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ quan chính phủ là điều kiện cơ bản cho sự phát triển công nghệ dựa trên chứng từ điện tử phù hợp với điều kiện và nhu cầu kinh doanh, đồng thời để đảm bảo sự đồng bộ giữa các yêu cầu về kinh doanh và yêu cầu của chính phủ. Trên thực tế sự hợp tác là bắt buộc để áp dụng các kỹ thuật hải quan hiện đại như tiếp cận dữ liệu của thương nhân một cách hợp pháp cho mục đích kiểm soát và thuế cũng như các chức năng cơ bản khác. Khi hợp tác với chính phủ, khu vực tư nhân đã phát triển một số chương trình EDI cụ thể để giảm thời gian cần thiết cho chính phủ nhằm nâng cao năng lực của chính họ trong lĩnh vực này. Bất kỳ quy tắc nào của WTO về áp dụng EDI và các phương tiện điện tử khác cũng phải bao gồm sự hợp tác với khu vực tư nhân và lợi ích của khu vực này.

#### *Xây dựng năng lực*

Không ai nghi ngờ gì về các lợi ích của tự động hoá trong quản lý ngoại thương. Tại Diễn đàn WTO tháng 3 năm 1998, Chi lê và các thành viên khác đã nêu bật các lợi ích này. Nhưng một số nước đang phát triển, bao gồm những nước chậm phát triển, thiếu nguồn lực để bắt đầu tự động hoá ngay cả khi chi phí bỏ ra ban đầu có thể mang lại lợi ích gấp đôi sau này. Bởi vậy các nước này gặp rủi ro bị tụt hậu trong cuộc đua công nghệ khi các nước khác tiến lên phía trước với các hệ thống hiện đại. Do đó, bất kỳ sáng kiến nào về thuận lợi hoá thương mại cũng phải quan tâm tới vấn đề nâng cao năng lực. Một khung khổ các quy tắc của WTO phải tạo ra một nền tảng cho sự hợp tác có hệ thống và phối hợp giữa các tổ chức quốc tế có chuyên môn trong việc phát triển các hệ thống tự động hoá như là một phần của chiến lược thuận lợi hoá thương mại, chẳng hạn như WCO và UNCTAD. Điều này sẽ đảm bảo cho cam kết ở mức cao để thực hiện các biện pháp thuận lợi hoá, đồng thời giúp cho hỗ trợ phát triển hiệu quả hơn thông qua hợp tác.

## Chương năm

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử của Đại Hội đồng, từ năm 1998 đến năm 2000 Hội đồng Thương mại Dịch vụ đã tổ chức nhiều cuộc họp. Các cuộc họp này diễn ra theo cả hình thức chính thức lẫn không chính thức. Tuy nhiên, các thành viên đã nhất trí nguyên tắc: các cuộc họp bàn sâu về nội dung sẽ diễn ra ở dạng không chính thức nhằm hỗ trợ cho việc trao đổi quan điểm một cách tự do, sau đó Chủ tịch Hội đồng sẽ có biên bản tóm tắt nội dung của từng cuộc họp.

Các cuộc họp diễn ra trên cơ sở 12 chủ đề nêu trong Chương trình làm việc. Do các cuộc họp được tiến hành trên cơ sở không chính thức nên không có kết luận cuối cùng.<sup>19</sup>

Các thành viên đã tiến gần tới thỏa thuận chung về một số vấn đề sau:

1. Cung cấp điện tử các dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS bởi vì hiệp định này áp dụng đối với tất cả các dịch vụ bất chấp chúng được cung cấp theo phương tiện nào. Cung cấp điện tử có thể diễn ra dưới cả bốn phương thức cung cấp dịch vụ. Các biện pháp tác động tới cung cấp điện tử các dịch vụ là các biện pháp tác động tới thương mại dịch vụ và bởi vậy phải tuân theo các nghĩa vụ của GATS.
2. Tính trung lập với công nghệ của Hiệp định cũng có nghĩa là được phép cung cấp dịch vụ trên mạng theo các cam kết cụ thể trừ khi được quy định khác trong Biểu cam kết.
3. Tất cả các điều khoản của GATS, dù là liên quan tới các nghĩa vụ chung (ví dụ MFN, minh bạch hóa, quy định trong nước, cạnh tranh, thanh toán và chuyển tiền, v.v...) hay các cam kết cụ thể (tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia hay các cam kết bổ sung) đều có thể áp dụng đối với cung cấp dịch vụ qua các phương tiện điện tử.

Các thành viên nhất trí cần phải nghiên cứu sâu hơn một số vấn đề trước khi đưa ra đánh giá tác động của chúng. Các vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu bao gồm:

1. Sự cần thiết phải làm rõ sự khác biệt giữa phương thức 1 và 2 trong các tình huống khi một dịch vụ được cung cấp trên mạng qua biên giới hay tiêu thụ ở nước ngoài.

---

<sup>19</sup> Tài liệu S/C/8

2. Sự cần thiết phải cân nhắc vấn đề phân loại và lịch trình cam kết các dịch vụ mới có thể xuất hiện trong bối cảnh thương mại điện tử.
3. Sự cần thiết phải làm rõ sự phân loại và nâng cao cam kết tiếp cận Internet và các dịch vụ liên quan khác, đồng thời làm rõ mối quan hệ của chúng với các cam kết dịch vụ viễn thông và các nghĩa vụ theo Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông.
4. Các sản phẩm nhất định được cung cấp trên mạng có thể được phân loại là hàng hóa không, nếu được thì các nguyên tắc và quy định của GATT chứ không phải GATS sẽ được áp dụng.
5. Cần tiếp tục thảo luận về vấn đề “tương tự”, đặc biệt khi liên quan tới các nguyên tắc MFN và đối xử quốc gia.
6. Cần tiếp tục thảo luận về các tác động của Điều VI về các quy định trong nước tác động tới thương mại điện tử.
7. Cần làm rõ phạm vi của Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông liên quan tới việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ truy cập Internet và các dịch vụ liên quan.
8. Khả năng áp dụng các nguyên tắc trong Tài liệu tham chiếu về viễn thông cơ bản đối với thương mại điện tử và sự cần thiết phải phát triển các nguyên tắc bổ sung trong GATS.
9. Cần thiết phải tiếp tục nghiên cứu việc áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng.
10. Vấn đề xác định giá trị chính xác của các sản phẩm được cung cấp trên mạng trong bối cảnh thanh toán điện tử được mã hóa và các vấn đề liên quan khác.

Tóm tắt ở phần dưới đây sẽ làm rõ hơn các nội dung cụ thể được trao đổi trong các cuộc họp của Hội đồng Thương mại Dịch vụ trong các năm 1998 – 2000 dựa trên Chương trình làm việc về Thương mại điện tử.

### **Phạm vi**

Các thành viên nhất trí việc các dịch vụ được cung cấp trên mạng sẽ thuộc phạm vi của GATS. Một số phái đoàn nhấn mạnh tới tính trung lập về công nghệ của GATS, tuy nhiên một số phái đoàn khác mong muốn thảo luận sâu hơn về khái niệm này. Các thành viên có được nhận thức chung về việc bốn phương thức cung cấp dịch vụ là xác đáng để xử lý vấn đề các dịch vụ được cung cấp trên mạng. Nhưng vẫn có nhu cầu phải làm rõ sự khác biệt giữa hai phương thức đầu tiên là cung cấp qua biên giới và tiêu thụ ở nước ngoài. Một phái đoàn gợi ý nên xem xét trường hợp nếu máy chủ Internet đặt tại một thành viên thì có thể coi là hiện diện thương mại được không.

Một phái đoàn lưu ý các tổ chức chịu trách nhiệm quản lý và cấp tên miền Internet không nhất thiết phải thực hiện các quyền do chính phủ ủy thác.

Thảo luận về bốn phương thức cung cấp thương mại điện tử, các thành viên nhất trí dịch vụ trên mạng có thể được cung cấp theo cả bốn phương thức. Chẳng hạn, theo phương thức 3 và 4, liên quan tới việc thành lập pháp nhân và thể nhân sử dụng các phương tiện điện tử để tiếp cận tới khách hàng tại nước sở tại. Các thành viên cũng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của phương thức 1 và 2 đối với thương mại điện tử và khó khăn của việc phân biệt các giao dịch cụ thể giữa hai phương thức này. Một số phái đoàn bày tỏ sự quan tâm tới gợi ý trong tài liệu của Ban Thư ký (S/C/W/68) rằng chức năng thật sự của các phương thức là nhằm làm rõ các cam kết và các biện pháp tương ứng với chúng hơn là làm rõ giao dịch. Sự khác biệt cơ bản giữa phương thức 1 và 2 dựa trên các biện pháp liên quan nhằm hạn chế khả năng của nhà cung cấp để cung cấp dịch vụ trên cơ sở qua biên giới (phương thức 1) hay hạn chế người tiêu dùng trong nước mua dịch vụ của nước ngoài (phương thức 2). Một phái đoàn nhấn mạnh tới tầm quan trọng của địa bàn tài phán. Địa bàn tài phán sẽ giúp xác định vị trí của các giao dịch điện tử cho mục tiêu pháp lý. Các thành viên nhất trí cần xem xét kỹ lưỡng hơn vấn đề này.

Các thành viên cũng nhất trí GATS được áp dụng cho tất cả các dịch vụ bất kể chúng được cung cấp theo phương tiện công nghệ nào. Thực tế cũng tô đậm thêm điều này khi không lĩnh vực nào của WTO có các quy tắc khác biệt dựa theo các kỹ thuật cung cấp khác nhau. Nguyên tắc trung lập về công nghệ phải được áp dụng đối với các cam kết cụ thể, trừ khi biểu cam kết có quy định khác, bởi vậy các thành viên có thể đưa ra các cam kết cụ thể theo một cách thức trung lập về công nghệ. Cần phải xem xét liệu tính trung lập về công nghệ trong thương mại điện tử có thể áp dụng đối với các cam kết hiện tại và các dịch vụ mới hay không.

Các thành viên cũng thảo luận về việc phân loại các dịch vụ truy cập Internet, các dịch vụ này tự thân chúng là dịch vụ và mối quan hệ của chúng đối với các cam kết dịch vụ viễn thông và các nghĩa vụ trong Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông.

Một vài phái đoàn lưu ý quá trình thảo luận tại giai đoạn này cần tập trung vào việc xác định các câu hỏi hơn là tìm câu trả lời dứt khoát cho tất cả những vấn đề mà thương mại điện tử đặt ra trong dịch vụ. Liên quan tới điều này, một phái đoàn nêu quan điểm cần khai thác kết quả công việc của các tổ chức quốc tế khác.

### **Đối xử tối huệ quốc (MFN)**

Các phái đoàn nhất trí cần phải thảo luận sâu hơn về khái niệm “trương tự” và quan hệ của nó với khái niệm trung lập về công nghệ.

Vấn đề sản phẩm “trương tự” là trung tâm của việc áp dụng MFN. Một phái đoàn cho rằng mục tiêu chung của cuộc thảo luận tại thời điểm này là phải tự do hoá hơn nữa và thúc đẩy sự tăng trưởng của thương mại điện tử. Câu hỏi đầu tiên là những sản phẩm có thể cung cấp trên mạng và chính những sản phẩm đó được cung cấp theo các phương thức truyền thống có phải là sản phẩm “trương tự” hay không. Về vấn đề này cần phải tính tới tầm quan trọng của sự cá thể hoá trong thương mại điện tử và

thực tiễn quá trình cá thể hoá bao gồm nhiều hoạt động như thiết kế, tiếp thị, bán buôn, bán lẻ và chuyển phát. Chúng vượt qua dịch vụ phân phối như được đề cập trong GATS hiện nay. Phái đoàn này cũng nhấn mạnh tới bản chất cụ thể của nội dung số hoá với khả năng sản phẩm số hoá có thể được lưu trữ và tiếp cận nhiều lần. Một phái đoàn khác lập luận tính tương tự phụ thuộc vào các thuộc tính của sản phẩm số hoá hơn là vào phương tiện công nghệ cung cấp chúng.

### **Rõ ràng, minh bạch**

Cần phải áp dụng Điều III về tính rõ ràng minh bạch đối với thương mại điện tử.

### **Tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển**

Các phái đoàn nhấn mạnh tới sự cần thiết phải mở rộng sự tham gia của các nước đang phát triển vào thương mại điện tử. Trong bối cảnh này, điều quan trọng là phải tự do hóa tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực xuất khẩu có lợi của các nước đang phát triển. Tham gia thương mại điện tử không nhất thiết đòi hỏi đầu tư lớn và công nghệ phức tạp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của các nước đang phát triển cũng có thể khai thác các lợi ích của thương mại điện tử và nâng cao sức cạnh tranh. Một phái đoàn lưu ý sự tiếp cận hạn chế với công nghệ mã hóa có thể đặt ra vấn đề cho các nước đang phát triển. Một phái đoàn khác lưu ý rằng các nước đang phát triển cần phải tự do hóa tiếp cận thị trường trong chính thị trường của mình để người tiêu dùng của họ có thể có được lợi ích đầy đủ từ thương mại điện tử.

Công việc tiếp theo là phải xem xét thương mại điện tử sẽ tác động thế nào tới cung và cầu dịch vụ cũng như tính cạnh tranh của các nước đang phát triển, quan hệ đối tác thành công giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển và giữa khu vực nhà nước với khu vực tư nhân, những khó khăn và thử thách đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật của những đối tượng này.

### **Các quy định trong nước**

Cần phải triển khai nhiều việc để xem xét các tác động của những quy định trong nước đối với thương mại điện tử. Một phái đoàn đặt câu hỏi vấn đề trách nhiệm và khái niệm “nhiều cản trở hơn mức cần thiết” có thể được áp dụng thế nào với thương mại điện tử. Một phái đoàn khác đề nghị phải quan tâm tới đoạn 3 Điều VI của GATS. Trong khi đó, có phái đoàn chỉ ra bằng chứng có cam kết theo phương thức 4 dẫn chiếu tới các quy định trong nước tạo ra nhiều cản trở hơn mức cần thiết.

Các thành viên nhất trí các điều khoản liên quan tới quy định trong nước tại Điều VI của GATS áp dụng với giao dịch thương mại điện tử trong dịch vụ là để đảm bảo các quy định trong lĩnh vực này không tạo ra rào cản không cần thiết cho thương mại. Theo quan điểm của một phái đoàn thì Điều VI là đủ cho mục đích này và tại thời điểm hiện tại không cần bổ sung, sửa đổi điều này để điều chỉnh các quy định trong lĩnh vực thương mại điện tử. Cần lưu ý là thương mại điện tử đang tăng trưởng rất

nhanh do có rất ít quy định điều chỉnh. Các quy định trong nước phải được giữ ở mức tối thiểu nhằm hỗ trợ sự phát triển tiếp theo của thương mại điện tử.

Một vài phái đoàn chỉ ra rằng Tài liệu Tham chiếu về các nguyên tắc điều chỉnh trong viễn thông cơ bản là một mô hình khả dĩ để xây dựng các quy tắc đối với những quy định trong nước về thương mại điện tử. Quan trọng là phải phát triển các nguyên tắc của Điều VI và áp dụng chúng một cách có hiệu quả để đảm bảo những cam kết cụ thể hiện nay gắn với thương mại điện tử không bị vô hiệu hoá bởi các biện pháp trong nước.

Một phái đoàn nhấn mạnh Điều VI áp dụng với tất cả các khía cạnh của quy định trong nước tác động tới thương mại điện tử. Trong các giao dịch cung cấp dịch vụ trên mạng, Điều VI sẽ bao gồm các quy định tác động tới chức năng truyền tải và nội dung của giao dịch cũng như các quy định tác động tới dịch vụ phân phối được cung cấp trên mạng. Tồn tại ba vấn đề cần phải xem xét đối với các quy định trong nước: 1) Liệu có thể căn cứ vào Điều VI để đưa ra một nhóm mục tiêu nhằm biện minh cho việc đặt ra các hạn chế trong nước đối với thương mại điện tử, với quan điểm giảm tới mức thấp nhất các rào cản không cần thiết đối với thương mại; 2) liệu có là xác đáng nếu phân biệt giữa các quy định áp dụng cho nội dung và các quy định áp dụng cho việc cung cấp; 3) Liệu có xác đáng nếu yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ Internet không cho người tiêu dùng tiếp cận tới một website không tuân thủ các quy định trong nước.<sup>20</sup>

Một phái đoàn khác gợi ý thông tin về công việc liên quan của các tổ chức quốc tế khác là rất quan trọng, chẳng hạn đề xuất của UNCITRAL về một công ước quốc tế điều chỉnh các quy định của mỗi thành viên đối với các giao dịch điện tử.

### **Các quy định liên quan tới cạnh tranh**

Các quy định hiện tại của GATS, đặc biệt là Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông và Tài liệu tham chiếu là phù hợp với các khía cạnh về cạnh tranh. Tuy nhiên, một phái đoàn mong muốn đánh giá xem có lỗ hổng nào trong các quy định hiện tại không và phân tích xem các quy định này sẽ được áp dụng đối với các nhà cung cấp dịch vụ Internet như thế nào. Một phái đoàn tỏ ra nghi ngờ sự phát triển thương mại điện tử sẽ giảm các hành vi phản cạnh tranh.

Điều VIII và IX của GATS liên quan tới cạnh tranh trong dịch vụ. Sự phát triển của thương mại điện tử có thể làm giảm hành vi phản cạnh tranh thông qua việc hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ quy mô nhỏ tham gia thị trường. Tuy nhiên, thực tế độc quyền và phản cạnh tranh có thể gây ra những trở ngại lớn cho thương mại điện tử, khi đó phải làm rõ việc áp dụng các nguyên tắc của GATS. Việc áp dụng Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông và Tài liệu tham chiếu đối với các biện pháp nhằm vào các nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet và truyền dữ liệu điện tử sẽ rất quan trọng đối với Chương trình làm việc và cần phải làm rõ hơn nữa điều này. Một phái đoàn cho rằng trong các cuộc thảo luận về cạnh tranh cần phải tính tới việc giới hạn các quy tắc của

---

<sup>20</sup> Tham khảo Hộp xxx về biện pháp liên quan của Việt Nam với hai trang web [www.socbay.com](http://www.socbay.com) và [www.zing.vn](http://www.zing.vn) vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan.

WTO và GATS trong lĩnh vực này và cần tìm hiểu công việc đang diễn ra trong Nhóm công tác về tác động giữa chính sách thương mại và chính sách cạnh tranh.

Khi thảo luận về phạm vi các quy tắc cạnh tranh trong Tài liệu tham chiếu về viễn thông, có nhiều câu hỏi đặt ra liên quan tới khả năng áp dụng các nguyên tắc này đối với các nhà cung cấp chủ chốt dịch vụ viễn thông gắn với thương mại điện tử và các nhà cung cấp chủ chốt những dịch vụ khác như phần mềm, chứng thực và dịch vụ viễn thông qua Internet. Cần phải xây dựng các quy định về cạnh tranh áp dụng với mọi khía cạnh của thương mại điện tử. Điều VIII về độc quyền chỉ áp dụng đối với các nhà độc quyền chính thức được thành lập hay được ủy quyền bởi chính phủ mà không phải là các nhà cung cấp có được địa vị thống trị mà không có sự can thiệp của chính phủ. Còn Điều IX chỉ hỗ trợ các cuộc tham vấn giữa các thành viên mà không cung cấp bất cứ quy tắc thiết thực nào đối với các hành vi phản cạnh tranh. Điều VIII và IX chỉ được áp dụng đối với các nhà cung cấp dịch vụ, bởi vậy không áp dụng đối với các nhà phát triển phần mềm.

Một số thành viên gợi ý để hỗ trợ công việc trong lĩnh vực này, nên xem xét một số ví dụ cụ thể về hành vi phản cạnh tranh tác động tới thương mại điện tử.

### **Các cam kết cụ thể**

Nói chung các phái đoàn nhất trí với phân tích trong tài liệu của Ban Thư ký. Điều quan trọng là không được làm tổn hại các cam kết hiện tại với gợi ý các dịch vụ được cung cấp trên mạng chưa được GATS đề cập tới. Nhưng cần phải thảo luận các hạn chế đối với phương tiện kỹ thuật phục vụ việc cung cấp sẽ được đối xử thế nào. Sự nổi lên của thương mại điện tử không nên là lý do để đưa ra các hạn chế mới. Thay vì chưa cam kết cụ thể tại một số phương thức trong biểu cam kết vì không khả thi về mặt kỹ thuật, cần phải rà soát lại biểu cam kết do những tiến bộ mới về công nghệ. Cũng cần phải xem lại cam kết đối xử quốc gia sẽ được áp dụng thế nào đối với hai phương thức cung cấp dịch vụ đầu tiên.

Một phái đoàn chỉ ra nhận định của Ban Thư ký rằng thương mại điện tử đòi hỏi việc tiếp cận với Internet là không chính xác vì có các dạng thương mại điện tử dựa trên các phương tiện điện tử khác. Cũng cần thấy rõ sự khác biệt giữa phương thức cung cấp và nội dung được cung cấp, mặc dù trong một số trường hợp sự khác biệt này rất mờ nhạt.

Nhiều phái đoàn cũng nhấn mạnh cần phải làm việc nhiều hơn về vấn đề phân loại nhằm giải quyết sự xuất hiện của các dịch vụ mới cũng như làm rõ sự đối xử với các nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet.

### **Thuế nhập khẩu**

Mặc dù về nguyên tắc có thể áp dụng thuế nhập khẩu đối với thương mại dịch vụ nhưng có sự thừa nhận chung là đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng thì điều này rất khó thực hiện do khó khăn về kỹ thuật. Ngoài ra, bất kỳ thảo luận nào về vấn đề thuế cũng phải tính tới các ngoại lệ chung tại Điều XIV của GATS. Những ngoại lệ này cho phép các biện pháp không phù hợp với Điều XVII nhằm thu các loại



thuế trực tiếp công bằng, hiệu quả. Tuy nhiên, một phái đoàn khác nhấn mạnh rằng việc thảo luận về thuế nhập khẩu phải được tiến hành độc lập với các cuộc thảo luận về những loại thuế và phí khác. Thuế nội địa thuộc thẩm quyền của các thành viên và chỉ có việc áp dụng thuế phân biệt đối xử mới thuộc diện xem xét của WTO.

Có lập luận cho rằng quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng cần phải trở thành quy định vĩnh viễn. Tuy nhiên, một số phái đoàn đòi hỏi phải có sự xem xét kỹ hơn về vấn đề này. Mặc dù vấn đề áp dụng thuế nhập khẩu đối với dịch vụ hoàn toàn thuộc phạm vi của GATS nhưng vẫn nên nghiên cứu sâu hơn vấn đề này. Các thành viên cũng cho rằng có mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề phân loại và thuế nhập khẩu.

Một phái đoàn cho rằng cần phải phân biệt rõ vấn đề chính trị liên quan tới quy định tạm thời chưa áp thuế nhập khẩu với vấn đề kỹ thuật của các điều khoản liên quan của GATS. Cần giới hạn Chương trình làm việc của Hội đồng Thương mại Dịch vụ ở vấn đề thứ hai. Theo một số phái đoàn, cuộc tranh luận về áp dụng thuế nhập khẩu có tác động quan trọng tới nguồn thu ngân sách và chính sách tài chính công của các nước đang phát triển nên việc này cần được cả Ủy ban Thương mại và Phát triển xem xét. Một phái đoàn lập luận thương mại được tiến hành tự do và không có thuế nhập khẩu trên mạng có thể làm tăng lợi ích của thương mại thông qua Internet, tạo ra động lực cho phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Có phái đoàn đề xuất cần phải nghiên cứu giá trị chính xác của sản phẩm được truyền trên mạng trong bối cảnh thanh toán điện tử được mã hóa và các vấn đề liên quan khác. Có những e ngại về sự xác đáng của đề xuất này trong bối cảnh của Chương trình làm việc. Có phái đoàn lưu ý thương mại điện tử sẽ tạo ra nhiều vấn đề về thuế, bao gồm việc xác định một giao dịch điện tử diễn ra ở đâu, trị giá của giao dịch là bao nhiêu, tình trạng trốn thuế và đánh thuế hai lần.

Một phái đoàn nhấn mạnh các vấn đề liên quan tới thuế bao gồm cả nguyên tắc công bằng. Điều quan trọng là phải đảm bảo sự đối xử bình đẳng về thuế cho tất cả các sản phẩm được cung cấp theo mọi hình thức, dù là trên mạng hay truyền thống.

### **Vấn đề phân loại**

Các phái đoàn nhất trí cho rằng cung cấp dịch vụ trên mạng thuộc phạm vi của GATS. Tuy nhiên, một số phái đoàn lưu ý cần phải tiếp tục xem xét câu hỏi có phải tất cả các sản phẩm được cung cấp trên mạng là dịch vụ không. Nếu có một số sản phẩm như vậy không được coi là dịch vụ thì tốt nhất phải xem xét từng trường hợp cụ thể. Vấn đề phân loại có ý nghĩa thực tế rất lớn vì nó xác định hệ thống các hiệp định và quy tắc thương mại đối với các sản phẩm liên quan. Khi quyết định một số sản phẩm nhất định không phải là hàng hóa cần phải tính tới nhu cầu duy trì sự rõ ràng về pháp lý. Các phái đoàn nhất trí sẽ tiếp tục thảo luận về chủ đề này trong Hội đồng Thương mại Dịch vụ. Một phái đoàn cho rằng còn quá sớm để đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề phân loại trong Hội đồng Thương mại Dịch vụ do đây là vấn đề chung liên quan tới các cơ quan khác của WTO và chỉ được quyết định ở Đại Hội đồng.

Một số phái đoàn cho biết họ chưa có lập trường khi phân loại một sản phẩm vừa được cung cấp trên mạng lại vừa theo phương thức truyền thống, theo các phái

đoàn này thì những sản phẩm như vậy có thể không phải là dịch vụ. Một phái đoàn lập luận thương mại điện tử có thể bao gồm hai nhóm sản phẩm là dịch vụ và hàng hóa vô hình. Dòng điện là một ví dụ về một sản phẩm được coi là hàng hóa vô hình trong hệ thống WTO. Một phái đoàn khác lập luận một số hàng hóa hữu hình, chẳng hạn tạp chí, có thể tích hợp nhiều dịch vụ: không rõ liệu một tạp chí được cung cấp trực tuyến, tích hợp đúng các dịch vụ như tạp chí in giấy, có thể coi là dịch vụ được không. Theo phái đoàn này, thông tin số hóa được tải về từ mạng và tích hợp vào hàng hóa hữu hình sẽ có nhiều khía cạnh liên quan cần được xem xét tại Hội đồng TRIPs.

Một phái đoàn cho rằng có ba loại truyền dữ liệu trong thương mại điện tử: 1) truyền dữ liệu viễn thông, chẳng hạn như thư điện tử; 2) truyền dữ liệu để đặt hàng trên Internet, sau đó mới tới giai đoạn chuyển hàng hóa hữu hình; 3) truyền dữ liệu để đặt mua dịch vụ, sau đó cung cấp trực tuyến luôn. Cả ba loại giao dịch này đều rơi vào phạm vi của GATS do tính chất trung lập về công nghệ của Hiệp định. Dịch vụ truy cập Internet được đề cập tới bởi các cam kết cụ thể trong dịch vụ viễn thông và Phụ lục về Dịch vụ Viễn thông.

### **Hộp 5** **Tổng quan về tình hình ban hành chính sách** **đối với xuất nhập khẩu phần mềm máy tính trên Internet**

#### 1. Hiện trạng thị trường xuất nhập khẩu sản phẩm phần mềm và nội dung số:

Phần mềm nhập khẩu vào Việt Nam tăng nhanh trong thời gian qua: năm 2005 đạt 18 triệu USD, năm 2006 đạt 30 triệu USD và năm 2007 ước tính đạt 65 triệu USD. Giá trị gia công phần mềm và dịch vụ liên quan tới phần mềm trong 5 năm qua liên tiếp đạt tốc độ tăng trưởng trên 50%/năm, năm 2007 tăng đến 64% và đạt 180 triệu USD. Chưa có số liệu thống kê chính thức đối với nhập khẩu nội dung số nhưng ước tính khoảng trên 30-50 triệu USD năm 2007. Xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ nội dung số cũng bắt đầu xuất hiện, giá trị ước tính khoảng 10 triệu USD.

#### 2. Hiện trạng quản lý xuất nhập khẩu phần mềm:

Theo quy trình quản lý hiện nay, phần mềm và nội dung số khi xuất nhập khẩu qua cửa khẩu được áp theo mã HS của vật mang tin như CD, thẻ nhớ, v.v... Những thiết bị vật lý này được áp dụng thuế suất khác nhau. Việc quản lý theo vật mang tin gây khó khăn đối với việc khai báo thông tin, tính thuế không đồng nhất cho một sản phẩm và thiếu thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước. Một bất cập nữa của thủ tục hải quan hiện tại là chỉ áp dụng được với hàng hóa hữu hình, vận chuyển qua cửa khẩu hải quan. Còn với sản phẩm phần mềm truyền tải qua mạng Internet, hiện các cơ quan quản lý đang khá lúng túng trong việc đề ra những quy định hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp. Một số văn bản hiện nay của cơ quan Hải quan coi phần mềm xuất nhập khẩu qua Internet không phải là hàng hóa và không thuộc phạm vi quản lý của hải quan.

#### 3. Một số văn bản hướng dẫn về quản lý xuất nhập khẩu phần mềm qua Internet:

- Công văn số 2508/TCHQ-CSQL ngày 9/6/2006 gửi Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Nhân An:

”Theo quy định tại Điều 4 Luật Hải quan thì hàng hóa xuất nhập khẩu là tất cả động sản, có

mã số và được xuất nhập khẩu trong địa bàn hải quan. Như vậy, nếu theo khái niệm của Luật Hải quan thì nhập khẩu phần mềm qua Internet không được coi là hàng hóa nhập khẩu, việc nhập khẩu phần mềm hiện Cơ quan Hải quan không quản lý và không làm thủ tục hải quan. Đề nghị doanh nghiệp liên hệ Cơ quan Văn hóa để được hướng dẫn kê khai, làm thủ tục”.

- Công văn số 976/TCT-PCCS ngày 17/3/2006 gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW:

”Căn cứ điểm 1 mục I phần B Thông tư số 120/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 và điểm 3 Thông tư số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 của Bộ Tài chính thì sản phẩm phần mềm máy tính xuất khẩu qua mạng Internet thuộc diện chịu thuế GTGT 0%.

Điều kiện để được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu sản phẩm phần mềm qua mạng Internet vẫn phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; không cần phải có Tờ khai Hải quan hàng hóa xuất khẩu mà chỉ cần: hợp đồng cung cấp hàng hóa cho doanh nghiệp ở nước ngoài, hóa đơn GTGT, chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo quy định”.

#### 4. Quá trình xây dựng chính sách quản lý xuất nhập khẩu phần mềm qua Internet

Ngày 3/12/2007, Bộ Tài chính có công văn số 16480/BTC-TCHQ gửi Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đặt vấn đề: Hiện nay, Bộ Tài chính nhận được văn bản của một số doanh nghiệp hỏi việc xuất khẩu phần mềm dưới hình thức truyền qua mạng Internet có phải làm thủ tục hải quan không. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Luật Hải quan thì hàng hóa XNK là tất cả động sản, có mã số và tên gọi theo quy định của pháp luật được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc lưu giữ trong địa bàn hoạt động của Hải quan. Tuy nhiên, với phần mềm xuất khẩu nêu trên, hiện nay chưa có mã số trong danh mục HS và danh mục biểu thuế.

Do vậy, căn cứ Luật Hải quan nêu trên thì việc xuất khẩu phần mềm qua mạng Internet không được coi là hàng hóa xuất khẩu nên không thuộc đối tượng quản lý của cơ quan Hải quan.

- Hiện nay, Nhà nước khuyến khích xuất khẩu phần mềm ra nước ngoài (sản phẩm trí tuệ), nhưng việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu như thế nào thì chưa có quy định cụ thể, do vậy để khuyến khích hoạt động này phát triển nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu quản lý của Nhà nước, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến về hướng quản lý đối với hàng hóa nêu trên.

Ngày 7/5/2008 Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ký Quyết định số 695/QĐ-BTTTT về việc thành lập Tổ công tác xây dựng cơ chế chính sách quản lý và quy trình thủ tục xuất nhập khẩu sản phẩm phần mềm và nội dung số qua mạng Internet. Tổ công tác đang xây dựng Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ, trong đó đề xuất một số giải pháp quản lý việc xuất nhập khẩu phần mềm qua mạng Internet như sau:

- Nghiên cứu, ban hành quy định về mã HS cho từng loại sản phẩm phần mềm và sản phẩm nội dung số
- Xây dựng tiêu chí đánh giá và quy trình kiểm tra nội dung phần mềm
- Xây dựng quy trình, thủ tục quản lý xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm phần mềm và sản phẩm nội dung số
- Xây dựng phương án thẩm định giá phần mềm và nội dung số

## **Tiếp cận thị trường**

Các thành viên nhất trí áp dụng nguyên tắc trung lập về công nghệ cho các cam kết của GATS, theo nghĩa các cam kết tiếp cận thị trường bao hàm việc cung cấp dịch vụ bằng mọi phương tiện công nghệ, kể cả phương tiện điện tử. Tuy nhiên, các thành viên cũng nhận thấy có một số dịch vụ phù hợp với thương mại điện tử nhưng có rất ít cam kết cụ thể. Hội đồng Thương mại Dịch vụ phải tiến hành nghiên cứu, đánh giá về tác động của hiện tượng này. Một số thành viên bày tỏ sự nhất trí với việc phân nhóm của Ban Thư ký (S/C/W/68) về thương mại điện tử trong dịch vụ theo ba loại hình giao dịch: 1) dịch vụ truy cập Internet; 2) cung cấp điện tử dịch vụ; 3) sử dụng Internet như một phương tiện cho dịch vụ phân phối: hàng hoá và dịch vụ được phân phối sau ở dạng truyền thống.

Một thành viên nhận xét trong khi một số thành viên đã đưa ra cam kết đối với phân ngành “dịch vụ truy cập Internet” trong ngành dịch vụ viễn thông thì còn nhiều thành viên chưa đưa ra cam kết đối với dịch vụ này. Cần phải cân nhắc việc yêu cầu tất cả thành viên phải đưa ra cam kết. Một phái đoàn khác chỉ ra GATS áp dụng đầy đủ đối với tất cả các khía cạnh nội dung và chuyển phát của thương mại điện tử. Chỉ có ít thành viên đưa ra cam kết trong dịch vụ truy cập nhưng các nghĩa vụ tại Phụ lục về Viễn thông đối với việc tiếp cận và sử dụng sẽ áp dụng đối với tất cả các thành viên trong các ngành mà thành viên đã có cam kết cụ thể. Các cam kết về viễn thông sẽ áp dụng đối với việc sử dụng Internet như một phương tiện để cung cấp dịch vụ viễn thông, chẳng hạn như dịch vụ thoại và email. Các cam kết đối với các dịch vụ phân phối sẽ áp dụng đối với đặt hàng và cung cấp sản phẩm trực tuyến. Liên quan tới các dịch vụ nội dung, các cam kết ở những phân ngành liên quan sẽ áp dụng trên cơ sở trung lập về công nghệ.

Một phái đoàn khác tỏ ra không nghi ngờ việc GATS áp dụng đối với cung cấp điện tử và tất cả các dịch vụ truyền thống được cung cấp trên mạng. Rõ ràng là GATS áp dụng đối với việc cung cấp trên mạng các thông tin số hóa mà khi được cung cấp ở các dạng truyền thống khác có thể không phải là dịch vụ. Tuy nhiên phái đoàn này cũng gợi ý đối với nội dung thông tin số hóa, đối lập với việc cung cấp nội dung, trong một vài trường hợp có thể coi như là sản phẩm thuộc phạm vi áp dụng các nguyên tắc của GATT, chẳng hạn như MFN, đối xử quốc gia và cấm các hạn chế định lượng. Một phái đoàn cho rằng trong trường hợp thương mại điện tử liên quan đến hàng hóa vô hình thì việc truyền sản phẩm trên mạng rõ ràng là dịch vụ, còn chính nội dung thì lại không phải. Tuy nhiên, trong trường hợp như vậy dường như không thể áp dụng nguyên tắc trung lập về công nghệ đối với việc cung cấp một số dịch vụ.

Ngoài ra, việc người tiêu dùng sử dụng Internet để tham gia giao dịch ở nước ngoài sẽ làm tăng đáng kể ý nghĩa kinh tế của các cam kết theo phương thức 2 – tiêu thụ ở nước ngoài.

## **Đối xử quốc gia**

Quan điểm chung là nguyên tắc trung lập về công nghệ được áp dụng đối với tất cả các cam kết cụ thể của GATS, bao gồm mọi khía cạnh của tiếp cận thị trường và đối

xử quốc gia. Một phái đoàn nêu rõ trên cơ sở trung lập về công nghệ các dịch vụ được cung cấp trên mạng và không trên mạng là các dịch vụ tương tự trong phạm vi của GATS, do đó cũng phải tuân thủ nguyên tắc đối xử quốc gia. Một phái đoàn khác lưu ý rằng có thể có những sự khác biệt giữa khái niệm “tương tự” theo GATT và GATS, cần phải tiếp tục thảo luận để làm rõ vấn đề này.

### **Bảo vệ quyền riêng tư, đạo đức xã hội và ngăn cản các hành vi xấu**

Các thành viên lưu ý tới Điều XIV của GATS (Các ngoại lệ chung) áp dụng để bảo vệ quyền riêng tư, đạo đức xã hội và ngăn cản các hành vi xấu. Các biện pháp của các thành viên nhằm thực hiện những mục tiêu này sẽ chịu sự thẩm tra về tính cần thiết, đồng thời không được tạo ra các biện pháp phân biệt đối xử một cách tùy tiện, vô lý hay hạn chế thương mại dịch vụ. Cần phải nhấn mạnh Điều XIV là một quy định ngoại lệ, phải được giải thích theo nghĩa hẹp và phạm vi của nó không được bao gồm các mục tiêu chính sách khác với danh sách các ngoại lệ có tại Điều này. Một số phái đoàn nghi ngờ về sự xác đáng của các tiêu chí đang được xây dựng trong WTO đối với những mục tiêu chính sách được chỉ ra tại Điều XIV, chẳng hạn như bảo vệ quyền riêng tư, đạo đức xã hội và ngăn cản hành vi xấu. Một phái đoàn gợi ý Hội đồng không cần phải tiến hành các công việc tiếp theo nhằm giải nghĩa các nguyên tắc của Điều XIV, chẳng hạn như thẩm tra, vì như trong trường hợp của Điều XX của GATT, các vấn đề này chỉ có thể được giải quyết trong bối cảnh giải quyết tranh chấp.

Để bảo vệ một cách có hiệu quả quyền riêng tư và ngăn cản các hành vi xấu, các nước đang phát triển phải tiếp cận được công nghệ mã hóa hiện đại nhất, tuy nhiên trên thực tế họ lại thường bị từ chối quyền tiếp cận này. Một phái đoàn đề xuất là cần phải cân nhắc sự phù hợp của các quy định hiện tại của WTO, bao gồm các nguyên tắc của GATS, đối với việc giải quyết vấn đề cạnh tranh, bảo vệ quyền riêng tư, người tiêu dùng và sở hữu trí tuệ.

Một phái đoàn cho rằng trong bối cảnh của Điều VI:4 nên lập danh sách những mục tiêu chính sách, khi đó biện pháp điều chỉnh trong nước nào hạn chế thương mại điện tử nhưng phù hợp với những mục tiêu này thì chấp nhận được. Một số phái đoàn tỏ ra nghi ngờ về việc này. Một số phái đoàn khác lại tỏ ra nghi ngờ về khả năng thực thi của các biện pháp hạn chế việc cung cấp trên mạng một số dịch vụ nhất định tại lãnh thổ của các thành viên. Chẳng hạn, việc quy định các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) phải tuân thủ các biện pháp áp dụng chung với dịch vụ nội dung sẽ rất khó được thực hiện, đặc biệt khi rất khó nhận ra sự khác biệt giữa cung cấp nội dung với chức năng cung cấp nội dung đó.

Về các tiêu chuẩn kỹ thuật, một số thành viên cho rằng WTO không có vai trò đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể cho thương mại điện tử. Về vấn đề quy định trong nước và tiêu chuẩn, một phái đoàn lưu ý vai trò của WTO là giải quyết các hạn chế thương mại chứ không phải là hợp pháp hóa các hạn chế đó.

## Chương sáu

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Theo Chương trình làm việc về Thương mại điện tử được Đại Hội đồng thông qua ngày 25 tháng 9 năm 1998, Hội đồng TRIPs có nhiệm vụ “xem xét và báo cáo các vấn đề sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại điện tử”. Những vấn đề này bao gồm: bảo vệ và thực thi quyền tác giả và các quyền liên quan; bảo vệ và thực thi thương hiệu; các công nghệ mới và sự tiếp cận tới công nghệ”.

Nhiều phái đoàn đã gửi các tài liệu liên quan tới công việc của Hội đồng TRIPs. Đó là EC (IP/C/M/24), Australia (IP/C/W/144), Nhật Bản (IP/C/W/145), Ấn Độ (IP/C/W/147), Hoa Kỳ (IP/C/W/149). Theo yêu cầu của Hội đồng TRIPs, Ban Thư ký WTO cũng đã soạn một báo cáo (IP/C/W/128) cung cấp thông tin về các hoạt động liên quan của WIPO và các tổ chức quốc tế khác. Hội đồng TRIPs cũng mời đại diện của WIPO tham dự một số cuộc họp để cung cấp thông tin về các hoạt động của WIPO gắn với thương mại điện tử.

Dưới đây là những nội dung chính được thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng TRIPs.

#### Các vấn đề chung

Hội đồng đã nhấn mạnh tới tầm quan trọng của tài sản trí tuệ đối với sự phát triển của thương mại điện tử. Hoạt động thương mại diễn ra trên mạng nói chung có nội dung tài sản trí tuệ khá cao. Việc tạo ra một môi trường pháp lý đảm bảo và dễ dự đoán đối với các quyền sở hữu trí tuệ sẽ nuôi dưỡng sự phát triển của thương mại điện tử. Quan điểm chung của Hội đồng là các nước đang phát triển sẽ không tự động có được các lợi ích của thương mại điện tử, đồng thời sự phát triển của thương mại điện tử cũng không đồng đều. Một quan điểm chung khác là các nguyên tắc cơ bản của tài sản trí tuệ vẫn còn tồn tại mặc dù sự thay đổi công nghệ nhanh chóng, còn ngôn ngữ được sử dụng trong Hiệp định TRIPs nói chung trung lập với công nghệ. Liên quan tới điều này, trong khi sự tăng trưởng và phát triển công nghệ của thương mại điện tử đặt ra một số thử thách đối với việc bảo vệ và sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ, thì những thử thách đó có thể được giải quyết một cách cơ bản thông qua việc thiết lập khung khổ quốc tế về luật sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, quan điểm về tính trung lập với công nghệ cũng đang bị thử thách và đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu và tranh luận. Một điểm đáng lưu ý là Hiệp định TRIPs được đàm phán trước khi những tác động của các mạng số hóa toàn cầu đối với việc bảo vệ và thực thi các quyền sở hữu trí tuệ trở thành một vấn đề đối với cộng đồng quốc tế. Quan điểm chung cũng nhất trí về tầm quan trọng của cách tiếp cận đa phương đối với các vấn đề tài sản trí tuệ nổi lên gắn với thương mại điện tử trong thời đại Internet. Nhận thức chung là cần phải làm việc nhiều hơn cũng như cần nhiều kinh nghiệm thực tiễn hơn để xác định những vấn đề tài sản trí tuệ nào có thể do chính những người giữ quyền giải quyết, những vấn đề nào đòi hỏi có sự tham gia của chính phủ ở mức quốc tế.

## **Quyền tác giả và các quyền liên quan**

Tài liệu của Ban Thư ký (IP/C/W/128) đã mô tả một số vấn đề nổi lên trong thương mại điện tử liên quan tới quyền tác giả và các quyền liên quan trong bối cảnh các thay đổi do Internet gây ra cho các tác phẩm và các đối tượng được bảo hộ khác khi tạo ra, sản xuất, phân phối và sử dụng chúng. Những vấn đề này bao gồm các tác động của thương mại điện tử đối với việc xác định công bố (the definition of publication) và khái niệm nước xuất xứ; quyền tái tạo; quyền trao đổi; quyền đạo đức; người giữ quyền; đối tượng được bảo hộ (protected subject-matter); các giới hạn; và quản lý tập thể. Trong các cuộc thảo luận ở Hội đồng, các phái đoàn đã nêu bật tầm quan trọng của một hay một vài vấn đề trên. Liên quan tới vai trò của Internet trong việc hỗ trợ quản lý tập thể các quyền đã có dẫn chứng cụ thể về sự đóng góp đầy tiềm năng của nó đối với các quyền gắn với các tác phẩm dân gian và các hình thức thể hiện truyền thống khác.

Hội đồng TRIPs cũng thảo luận về công việc đã và đang được triển khai ở WIPO, đặc biệt là việc tổ chức này thông qua hai hiệp ước mới về quyền tác giả và các vấn đề liên quan vào tháng 12 năm 1996, đó là Hiệp ước Quyền tác giả và Hiệp ước về Biểu diễn và Ghi âm. Hai hiệp ước này nhằm đáp lại tác động sâu sắc của sự phát triển và hội tụ của công nghệ thông tin và viễn thông đối với việc tạo ra, sản xuất và sử dụng các tác phẩm văn học và nghệ thuật, các chương trình biểu diễn và thu thanh. Ngoài ra, Hội đồng đã được thông báo về những công việc đang diễn ra tại WIPO nhằm bảo vệ các tác phẩm nghe nhìn (audiovisual performances), các cơ sở dữ liệu và các quyền của tổ chức phát thanh, cũng như về hệ thống quản lý điện tử và việc quản lý quyền tác giả và những quyền liên quan trong môi trường số.

## **Bảo vệ thương hiệu**

Tài liệu của Ban Thư ký về chủ đề này bao gồm việc sử dụng thương hiệu trên Internet, đặc biệt là đặc trưng lãnh thổ của các quyền về thương hiệu và đặc điểm chung của chúng gắn với sản phẩm và dịch vụ cụ thể, việc bảo vệ các thương hiệu nổi tiếng, mối quan hệ giữa thương hiệu với tên miền Internet. Hội đồng đã được thông báo về báo cáo Xử lý Tên miền Internet của WIPO với nhan đề “Quản lý Tên miền và Địa chỉ Internet: Các vấn đề về Tài sản trí tuệ” ngày 30 tháng 4 năm 1999 (<http://wipo2.wipo.int>). Hội đồng cũng được thông báo về các công việc khác đang diễn ra ở Ủy ban lâm thời về Luật đối với Thương hiệu, Kiểu dáng công nghiệp và Chỉ dẫn địa lý của WIPO đối với các vấn đề nổi lên từ việc sử dụng thương hiệu và các dấu hiệu nổi tiếng trên Internet.

## **Các công nghệ mới và sự tiếp cận tới công nghệ**

Hội đồng TRIPs chú trọng tới các quy định tại Điều 7 của Hiệp định TRIPs. Các quy định này chỉ ra rằng việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ sẽ đóng góp cho việc thúc đẩy đổi mới công nghệ cũng như chuyên giao và quảng bá công nghệ. Liên quan tới vấn đề này, tài liệu của Ban Thư ký chú ý tới vai trò mà Hiệp định TRIPs và một hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ có thể có trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ, bao gồm các mạng thông tin liên lạc điện tử, những quy định tại Điều

66.2 đối với việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ tới các nước thành viên chậm phát triển, các biện pháp hợp tác quốc tế để đương đầu với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới chuyển giao công nghệ.

Trong tài liệu của Ban Thư ký cũng như trong các cuộc thảo luận ở Hội đồng TRIPs đều nhấn mạnh tới việc thương mại điện tử đã hỗ trợ ở một mức độ lớn khả năng tiếp cận tới các công nghệ mới, đặc biệt liên quan tới thông tin về sáng chế được công bố theo Điều 29.1 của Hiệp định TRIPs. Khía cạnh này sẽ được chú ý trong các hoạt động hợp tác kỹ thuật. Hội đồng cũng được thông báo về chương trình làm việc của WIPO về mạng toàn cầu và dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ nhằm hỗ trợ công chúng dễ dàng tiếp cận tới thông tin về sở hữu trí tuệ.

### **Thực thi**

Tài liệu của Ban Thư ký đã mô tả một số vấn đề về thực thi các quyền sở hữu trí tuệ mà theo truyền thống được thực hiện trên cơ sở lãnh thổ nhưng nay đang nổi cộm do việc sử dụng các mạng điện tử toàn cầu ngày càng tăng. Trong số các vấn đề này có vấn đề về xác định địa bàn tài phán và luật áp dụng, trách nhiệm pháp lý của nhà cung cấp dịch vụ đối với các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ, vai trò của các biện pháp công nghệ trong việc hỗ trợ bảo vệ quyền tác giả và các quyền liên quan và vai trò của thông tin quản lý các quyền nhờ các phương tiện điện tử. Tầm quan trọng của một số vấn đề này đã được nhấn mạnh trong các phát biểu và tài liệu của các thành viên. Hội đồng cũng được thông báo về công việc đang diễn ra ở WIPO về các quyền sở hữu trí tuệ vượt khỏi phạm vi lãnh thổ.

### **Các lĩnh vực khác**

Các vấn đề sở hữu trí tuệ nổi lên gắn với thương mại điện tử chủ yếu là trong lĩnh vực quyền tác giả và các quyền liên quan cũng như thương hiệu. Nhưng các vấn đề này cũng xuất hiện ở các lĩnh vực sở hữu trí tuệ khác, chẳng hạn như chỉ dẫn địa lý. Tài liệu của Ban Thư ký cũng chỉ ra các vấn đề tiềm năng liên quan tới thiết kế kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, bố trí mạch tích hợp và thông tin bí mật.

Tóm lại, các thành viên của Hội đồng tài sản trí tuệ cho rằng khi thương mại điện tử phát triển sẽ nảy sinh các vấn đề mới và phức tạp về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Cần phải tiến hành nghiên cứu những vấn đề này để hiểu rõ hơn về chúng. Nhiều việc đã và đang được WIPO triển khai. Trong phạm vi trách nhiệm của mình Hội đồng tài sản trí tuệ cho rằng WTO cần tiếp tục xem xét các bước tiến trong lĩnh vực này, bao gồm cả những công việc sắp được WIPO thực hiện.

Ngoài nghiên cứu của Ban Thư ký WTO, một số thành viên đã có những đóng góp và đề xuất nhằm hỗ trợ cho các cuộc họp của Hội đồng tài sản trí tuệ.

### **Đề xuất của Hoa Kỳ về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**

Trong khuôn khổ Chương trình làm việc về Thương mại điện tử giao cho Hội đồng TRIPs, ngày 14 tháng 7 năm 1999 Hoa Kỳ đã đệ trình Hội đồng tài liệu IP/C/W/149.



Tại tài liệu này, Hoa Kỳ bày tỏ sự tin tưởng mạnh mẽ rằng việc bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ một cách xác đáng và hiệu quả là những yếu tố cốt lõi cho một môi trường pháp lý rõ ràng và hiệu quả nhằm thúc đẩy thương mại điện tử tiếp tục phát triển. Thương mại điện tử lại thúc đẩy sự tăng trưởng của các sản phẩm và dịch vụ văn hoá. Đây là những sản phẩm và dịch vụ quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở mọi trình độ, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, việc sử dụng Internet trong các lĩnh vực như nộp hồ sơ trực tuyến sẽ khuyến khích phát triển kinh tế do việc có được các quyền trở nên dễ dàng hơn.

Hoa Kỳ thừa nhận sự đóng góp to lớn của các hiệp định và những nỗ lực trong WTO và WIPO đối với sự phát triển và mở rộng của thương mại điện tử. Tài liệu của Ban Thư ký đã hỗ trợ rất tốt cho công việc của Hội đồng TRIPS. Tài liệu đã chỉ ra các điều khoản của Hiệp định TRIPS liên quan tới lĩnh vực này. Các điều khoản của Hiệp định TRIPS cung cấp mức bảo vệ có ý nghĩa đối với tài sản trí tuệ trong thế giới mạng do những khái niệm, nguyên tắc và mục tiêu cơ bản của sở hữu trí tuệ tiếp tục áp dụng trong bối cảnh thay đổi công nghệ nhanh chóng. Điều này rất đúng đối với các hàng hoá và dịch vụ được bảo vệ bởi quyền tác giả và các quyền liên quan, cũng như những sản phẩm gắn với thương hiệu đang được cung cấp trực tuyến với nhịp độ ngày càng tăng. Với thực tế này, việc thực hiện Hiệp định TRIPS kịp thời và đúng đắn, bao gồm các điều khoản về thực thi, là một cấu thành quan trọng của bất kỳ cách tiếp cận nào về thương mại điện tử.

Hơn nữa, Hiệp ước về Quyền tác giả (WCT) và Hiệp ước về Biểu diễn và Thu thanh (WPPT) của WIPO là cực kỳ quan trọng đối với thương mại điện tử, đặc biệt liên quan tới mức độ an toàn mà hai hiệp ước này tạo ra cho các tài liệu được bảo vệ bởi quyền tác giả và các quyền liên quan. Các ngành công nghiệp dựa vào quyền tác giả và các quyền liên quan phải đương đầu với nhiều vấn đề nghiêm trọng tác động tới việc bảo vệ theo pháp luật những hàng hoá và dịch vụ cung cấp trực tuyến. Các nguyên tắc nền tảng và các quy định cụ thể của hai hiệp ước này giải quyết nhiều thử thách mà các ngành công nghiệp dựa trên tài sản trí tuệ đang đương đầu trong môi trường số. Bởi vậy, việc thực hiện trong ngắn hạn cả hai hiệp ước này sẽ phục vụ các mục tiêu của thương mại điện tử toàn cầu.

Công việc tiếp theo liên quan tới Chương trình làm việc về Thương mại điện tử trong các cơ quan khác của WTO cần phải triển khai theo cùng nhịp độ với các vấn đề liên quan tới sự phát triển liên tục của công nghệ mà phần lớn gắn với Internet. Hội đồng TRIPS phải giám sát những công việc trong các cơ quan khác và tiến hành thảo luận về các vấn đề liên quan. Một số vấn đề quan trọng cần phải giám sát hoặc thảo luận là: 1) các vấn đề gắn với Hiệp ước về Quyền tác giả (WCT) và Hiệp ước về Biểu diễn và Thu thanh (WPPT) của WIPO; 2) mở rộng phạm vi các quyền miễn trừ đối với các nhà sản xuất băng đĩa âm thanh để truyền trực tuyến các băng đĩa của họ; 3) chọn các vấn đề luật liên quan tới thế giới trực tuyến; 4) mở rộng điều kiện bảo vệ đối với các tác phẩm có bản quyền, băng đĩa âm thanh và các đối tượng khác có các quyền liên quan không được bảo vệ như tác phẩm; 5) các vấn đề liên quan tới cung cấp và sản xuất các sản phẩm quang (**optical media**); 6) cải tiến khả năng thực thi các quyền trong môi trường trực tuyến thông qua việc mở rộng các giả định theo Điều 15 của Công ước Bern; 7) các vấn đề liên quan tới tên miền Internet và bảo vệ thương hiệu; 8)

các vấn đề như nộp đơn điện tử để được cấp quyền về sáng chế, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; 9) bảo vệ kiểu dáng công nghiệp và bố trí mạch tích hợp.

### **Đề xuất của EU về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**

Trong khuôn khổ Chương trình làm việc về Thương mại điện tử giao cho Hội đồng TRIPS, ngày 20 tháng 4 năm 1999 EU đã đệ trình Hội đồng này tài liệu IP/C/W/140 với nội dung như sau.

#### *Giới thiệu*

Ban Thư ký WTO đã chuẩn bị một tài liệu nhằm hỗ trợ các thành viên thảo luận về mối quan hệ giữa các hiệp định của WTO với thương mại điện tử toàn cầu (WT/GC/W/90 ngày 14 tháng 7 năm 1998). Nhằm hỗ trợ cho Hội đồng TRIPS, Ban Thư ký cũng đã xây dựng một tài liệu chuyên đề về quyền sở hữu trí tuệ (IP/C/W/128 ngày 10 tháng 2 năm 1999). Ngoài ra, ngày 31 tháng 7 năm 1998 Tổng Giám đốc WIPO đã có Bản ghi nhớ về “Sở hữu trí tuệ và Thương mại điện tử”.

#### *Tổng quan*

Hiệp định TRIPS được xây dựng cho môi trường không trực tuyến, nơi mà tài sản trí tuệ được gắn với các vật như giấy, băng từ, CD. Về nguyên tắc, mục tiêu truyền thống của Hiệp định TRIPS không thay đổi trong cả môi trường trực tuyến. Ngôn ngữ của hiệp định này đủ trung lập về công nghệ để bao hàm cả môi trường trực tuyến lẫn không trực tuyến. Việc tất cả thành viên WTO thực hiện đúng đắn và nhanh chóng hiệp định này để đảm bảo mọi thành viên đưa ra các tiêu chuẩn tối thiểu trong hiệp định có ý nghĩa quan trọng.

Sự phát triển của công nghệ mới cho phép truyền tài sản trí tuệ trên các mạng viễn thông, chẳng hạn như Internet, mà không gắn với vật hữu hình. Tài sản trí tuệ cũng có thể là đối tượng của các hợp đồng được ký kết nhờ thương mại điện tử. Bởi vậy cần phải xem xét liệu những phát triển mới này có đòi hỏi sửa đổi các quyền đang tồn tại hay thậm chí tạo ra các quyền mới không.

Do vậy, cần phải đặc biệt lưu ý tới một số nhận xét sơ bộ sau về tổng thể chung khi giải quyết các tác động có thể có của những phát triển công nghệ mới tới hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hiện nay:

- Có những thiếu sót nào trong hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định TRIPS và các công ước quốc tế liên quan bắt nguồn từ những phát triển công nghệ mới và thương mại điện tử?
- Nếu có những thiếu sót đó thì chúng chỉ liên quan tới các vấn đề thuộc về việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hay chúng gắn với các vấn đề chung hơn?

- Hiện tại đã có hướng giải quyết nào cho các thiếu sót đó không? Nếu chưa có, chúng có thể được giải quyết trong các tổ chức và các công cụ pháp lý quốc tế nào?
- Làm thế nào để xác định các nhu cầu cần giải quyết? Khung khổ pháp lý hiện tại về bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ đã đủ hay cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của các công ước quốc tế và Hiệp định TRIPS?

### *Các vấn đề cụ thể*

Các câu hỏi bắt nguồn từ sự khác biệt giữa các nước trong tiêu chuẩn bảo vệ và sự bảo vệ dựa trên lãnh thổ và hệ thống đăng ký đối với một số quyền; các câu hỏi liên quan tới chọn luật áp dụng

Xuất hiện nhu cầu phải xem xét tác động của tính chất toàn cầu của hệ thống thông tin liên lạc lên sự khác biệt giữa các nước trong tiêu chuẩn bảo vệ và sự bảo vệ dựa trên lãnh thổ và hệ thống đăng ký các quyền nhất định, bao gồm các ngoại lệ dựa trên lãnh thổ. Về nguyên tắc thì điều này liên quan tới tất cả các quyền sở hữu trí tuệ, tuy nhiên với kinh nghiệm cho tới nay, thì có một số quyền gắn với thương mại điện tử nhiều hơn so với các quyền khác. Ví dụ các vấn đề xuất hiện trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp, tức là chỉ dẫn địa lý, mô hình và kiểu dáng công nghiệp, bố trí mạch tích hợp, sáng chế và bí mật thương mại. Những quyền này nói chung phải được đăng ký với các cơ quan quốc gia. Tuy nhiên, một số đối tượng được bảo vệ bởi các quyền này có thể được trao đổi trên mạng.

Trong lĩnh vực thương hiệu, có những câu hỏi liên quan tới tác động của thị trường toàn cầu lên hệ thống đăng ký và bảo vệ thương hiệu dựa trên lãnh thổ, chẳng hạn như khả năng vi phạm thương hiệu khi sử dụng chúng trên Internet và bảo vệ các thương hiệu nổi tiếng. Hiện tại WIPO đã chuẩn bị một nghiên cứu nhằm cố gắng trả lời cho những câu hỏi này. Tuy nhiên, mọi cuộc thảo luận về lĩnh vực này phải có tính chất nền tảng và phải dẫn tới các thay đổi cụ thể để làm cho hệ thống dựa trên lãnh thổ hiện tại phù hợp với những đòi hỏi của các công nghệ mới. Tiếp theo kết quả nghiên cứu của WIPO, Hội đồng TRIPS cần phân tích tiếp làm thế nào để đáp ứng những vấn đề cụ thể này trong khuôn khổ của Hiệp định TRIPS.

Nói chung, Hiệp định TRIPS đòi hỏi các thành viên WTO thực hiện mức bảo vệ tối thiểu đối với các quyền này. Các thành viên được tự do quyết định phương pháp phù hợp để thực hiện các điều khoản của Hiệp định TRIPS. Trong bối cảnh Hiệp định TRIPS chỉ quy định các tiêu chuẩn tối thiểu và không nhằm hài hoà hoá tất cả các khía cạnh liên quan tới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các thành viên WTO có thể thực hiện cao hơn các tiêu chuẩn đó. Tình hình này có thể dẫn tới sự khác biệt giữa các nước không chỉ trong cách bảo vệ mà còn cả mức độ bảo vệ. Hậu quả là sự khác biệt trong các hệ thống bảo vệ quốc gia là không rõ ràng. Tuy nhiên, hiện tượng này đã được Hiệp định TRIPS thừa nhận tại Điều 1.1. Theo điều này, các thành viên WTO được phép dành cho người giữ quyền mức độ bảo vệ cao hơn nghĩa vụ của mình theo Hiệp định. Việc này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp. Chẳng hạn, trong lĩnh vực quyền tác giả một số thành viên WTO dành cho người giữ quyền điều kiện bảo vệ cao hơn điều kiện do Hiệp định TRIPS đòi hỏi. Tuy nhiên, cần phải

đảm bảo các quyền sở hữu công nghiệp được hưởng mức bảo vệ trong thế giới trực tuyến tương đương như trong thế giới không trực tuyến.

Liên quan chặt chẽ tới các câu hỏi trên là việc luật áp dụng, chọn lựa luật và cơ quan để giải quyết các hành vi vi phạm (bao gồm các thủ tục xử lý). Câu hỏi chính còn bỏ ngỏ là liệu Hiệp định TRIPS có thể và phải giải quyết các câu hỏi trên không. Cần phải nhớ rõ là Hiệp định TRIPS được xây dựng trên các công ước quốc tế đang tồn tại và chúng đều rất khó giải quyết các vấn đề này. Bởi vậy, Hiệp định TRIPS chủ yếu vẫn chưa đề cập đến các câu hỏi liên quan tới luật áp dụng và chọn lựa luật. Các vấn đề này cũng liên quan tới các câu hỏi nền tảng về luật tư pháp quốc tế, nơi mà các quy tắc giải quyết xung đột cụ thể đã được thiết lập trong các lĩnh vực như luật hợp đồng, luật gia đình, v.v...

Tuy nhiên, các câu hỏi đặt ra trong phần này về tác động của mạng viễn thông toàn cầu và nguyên tắc lãnh thổ của việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hiện nay đang được xem xét trong Chương trình của WIPO về Các quyền Sở hữu trí tuệ vượt khỏi phạm vi lãnh thổ. Cần theo dõi các tiến bộ của chương trình này để xác định tại một thời điểm thích hợp có cần sửa đổi Hiệp định TRIPS hay không nhằm đạt được mức hài hoà lớn hơn giữa các hệ thống khác nhau của các thành viên WTO mà không gây ra mức bảo vệ thấp hơn.

#### *Sự cần thiết của các biện pháp bảo vệ bổ sung*

Với một số vấn đề nhất định, đã có thể nhận thấy những thiếu sót của hệ thống hiện tại liên quan tới việc bảo vệ quyền thiết yếu cho những người giữ quyền. Trước đây, các công ước quốc tế liên quan tới các quyền sở hữu trí tuệ được cập nhật thường xuyên để phản ánh những phát triển công nghệ mới. Đáng chú ý là lĩnh vực quyền tác giả và các quyền liên quan: Công ước Bern đã được sửa đổi nhiều lần để tính tới các dạng mới của việc truyền (transmissions) các tác phẩm được bảo vệ bản quyền.

Một số phát triển công nghệ mới bắt nguồn từ môi trường số hoá và sự nổi lên của Xã hội Thông tin đã được phản ánh trong hai hiệp ước gần đây của WIPO. Chúng đại diện cho một bước tiến quan trọng trong việc thừa nhận nhu cầu bảo vệ các tác giả, các nhà biểu diễn và các nhà thu thanh trong môi trường số hoá. Các hiệp ước này cần được phê chuẩn và thực hiện càng sớm càng tốt. Tới một thời điểm thích hợp cần phải cân nhắc tích hợp các hiệp ước này vào Hiệp định TRIPS để Hội đồng TRIPS có thể rà soát kết quả thực hiện chúng.

Hiện tại WIPO đang xem xét những vấn đề nổi cộm trong lĩnh vực quyền tác giả bắt nguồn từ sự phát triển công nghệ, chẳng hạn như tăng mức độ bảo vệ đối với các nhà biểu diễn nghe - nhìn, bảo vệ các cơ sở dữ liệu và quyền của các tổ chức phát thanh. Tác động của các công việc đang diễn ra tại WIPO đối với Hiệp định TRIPS hiện nay cần phải được phân tích với quan điểm sẽ có những điều chỉnh thích hợp với Hiệp định TRIPS tại một thời điểm thích hợp để phản ánh sự đồng thuận quốc tế với các tổ chức và diễn đàn khác, đồng thời luôn luôn cảnh giác để tránh chồng chéo công việc của nhau.

#### *Làm rõ một số khái niệm cơ bản*

Có thể chỉ ra một số vấn đề khác bắt nguồn từ sự phát triển công nghệ mới, có thể tác động lên hệ thống bảo vệ quyền tác giả và các quyền liên quan hiện nay. Chúng bao gồm những vấn đề nền tảng như định nghĩa về xuất bản (**publication**), nước xuất xứ, người giữ quyền hay các bản sao tạm thời (**transient copies**). Trong một phạm vi nhất định các câu hỏi này đang được nghiên cứu giải quyết tại Chương trình về Các quyền sở hữu trí tuệ vượt khỏi phạm vi lãnh thổ của WIPO để cung cấp sự bảo vệ thích đáng đối với các nhà sáng tạo trong thế giới trực tuyến. Hiện tại, các thành viên WTO có thể thông qua một số hướng và giải pháp để giải quyết những vấn đề này.

Câu hỏi đặt ra là Hiệp định TRIPS liệu có thể giải quyết được các vấn đề trên không. Trong khi người ta thừa nhận nhu cầu phải làm rõ hơn và điều chỉnh Hiệp định TRIPS cùng những công ước cơ sở của nó như Công ước Bern, thì vẫn có những cách khác để thực hiện mục tiêu này mà không nhất thiết phải sửa đổi Hiệp định TRIPS hoặc Công ước Bern.

### *Tên miền quốc tế*

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, xuất hiện những vấn đề mới liên quan tới quản lý Internet và Hệ thống tên miền Internet. Có nhiều tiên bộ đã đạt được trong Tổ chức tên miền Internet (the Internet Corporation for Assigned Names and Numbers - ICANN). Sách trắng của Hoa Kỳ ngày 5 tháng 6 năm 1998 đã yêu cầu WIPO xem xét các câu hỏi liên quan tới Internet DNS và thương hiệu và đã đưa ra những khuyến nghị phù hợp. Các cuộc thảo luận trong WIPO tập trung vào mối quan hệ giữa tên miền và thương hiệu cũng như cách thức giải quyết các xung đột tiềm năng. Những cuộc thảo luận này đang được các thành viên của WIPO theo dõi sát sao. Về vấn đề này EU mới đệ trình lập trường của mình tới WIPO. Tuy nhiên, cần phải xem xét Hiệp định TRIPS cung cấp sự bảo vệ ở mức độ nào đối với các thương hiệu được sử dụng làm tên miền và tiếp tục làm rõ một số khía cạnh liên quan tới việc này.

### *Phổ biến các đối tượng được bảo vệ (protected subject-matter)*

Các mạng thông tin, chẳng hạn như Internet, tạo điều kiện cho ngày càng nhiều hình thức mới để phổ biến đối tượng được bảo vệ, đặc biệt trong lĩnh vực quyền tác giả và các quyền liên quan, khi mà âm nhạc và văn bản có thể được cung cấp không chỉ ở dạng hữu hình mà còn ở cả dạng số hoá. Để nuôi dưỡng thương mại điện tử thì các giao dịch an toàn là điều cốt yếu đối với người tiêu dùng và nhà cung cấp. Mã hoá, chữ ký số và các phương tiện khác để bảo vệ các lợi ích khác nhau, chẳng hạn như quyền riêng tư, tính bí mật, tính nguyên bản và tài sản trí tuệ đang trong quá trình được phát triển. Đây không phải là những vấn đề cụ thể liên quan tới việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ mà là các vấn đề chung và cần phải được giải quyết trong các tổ chức phù hợp hoặc trong thực tiễn hoạt động kinh doanh.

### *Công nghệ mới và tiếp cận tới công nghệ*

Hiệp định TRIPS có một số điều khoản nhằm vào việc thúc đẩy các công nghệ mới cũng như phổ biến và chuyển giao các công nghệ đó. Mục tiêu cơ bản này được nêu tại Điều 7 của Hiệp định TRIPS, điều này cũng thừa nhận việc bảo vệ các quyền

sở hữu trí tuệ sẽ là cơ sở cho sự phát triển công nghệ mới và qua đó đóng góp vào thu hút FDI, liên doanh và cấp phép sử dụng công nghệ tới những người muốn sử dụng công nghệ. Một số điều khoản của Hiệp định TRIPS đề cập một cách rõ ràng tới mục tiêu này từ quan điểm của người sử dụng, chẳng hạn yêu cầu công bố thông tin tại Điều 29.1, đối với sáng chế hay các điều khoản giải quyết các hành vi phản cạnh tranh trong hợp đồng li xăng (Điều 40). Hơn nữa, Điều 66.2 dẫn chiếu tới việc cung cấp các biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ tới các nước chậm phát triển. Ngôn ngữ của Hiệp định TRIPS hiện tại không giới hạn trong các công nghệ cụ thể và do đó áp dụng bình đẳng cho mọi công nghệ mới. Các mạng thông tin có thể góp phần thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ, chẳng hạn cho phép tiếp cận tới thông tin trong lĩnh vực sáng chế từ bất cứ nơi nào trên thế giới.

### *Kết luận*

Tóm lại, EU có những quan sát sau:

- Hiệp định TRIPS cùng với các công ước quốc tế khác đã cung cấp một cơ sở tốt cho việc bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ trong cả môi trường trực tuyến và không trực tuyến.
- Trong một số lĩnh vực còn có một số thiếu sót trong hệ thống bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ hiện nay.
- Trong một số lĩnh vực khác có sự thừa nhận là Hiệp định TRIPS chỉ cung cấp các tiêu chuẩn tối thiểu và không nhằm mục tiêu hài hoà hoá tất cả các khía cạnh của quyền sở hữu trí tuệ. Do đó, có sự không rõ ràng trong các hệ thống bảo vệ quốc gia.
- Một số thiếu sót liên quan tới các vấn đề vượt khỏi sự bảo vệ các quyền sở hữu trí tuệ và bởi vậy phải được đề cập tới trên nền tảng chung.
- Công việc đang được triển khai trong nhiều tổ chức quốc tế khác, đặc biệt là WIPO. Sự tiến triển này sẽ được theo dõi chặt chẽ.
- Tại một thời điểm thích hợp trong tương lai, trong khi tính tới công việc được triển khai tại các tổ chức quốc tế khác, cần sửa đổi hay làm rõ các điều khoản của Hiệp định TRIPS để phản ánh những tiến bộ công nghệ mới, qua đó nuôi dưỡng một môi trường pháp lý mà thương mại điện tử có thể phát triển có lợi cho tất cả các bên liên quan.

### **Hộp 6**

#### **Hai trang web [www.socbay.com](http://www.socbay.com) và [www.zing.vn](http://www.zing.vn) vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan**

Sự vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan trên hai trang web của doanh nghiệp Việt Nam sẽ là một minh họa khá điển hình cho các vấn đề liên quan tới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử, đặc biệt là quyền tác giả và các quyền liên quan:

Trang web [www.zing.vn](http://www.zing.vn) của công ty Vinagame và [www.socbay.com](http://www.socbay.com) của công ty Naiscorp (Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ thông tin Naiscorp) cho phép tải về máy tính các chương trình ghi âm, ghi hình. Trong các chương trình ghi âm có thể tải trực tiếp từ hai trang web này có các chương trình âm nhạc chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền nước ngoài. Đây là hành vi vi phạm quyết tác giả và các quyền liên quan.

Các trang web của công ty Vinagame và Naiscorp hiện được lưu kết nối Internet thông qua dịch vụ telehosting của VDC. Ngày 23/4/2008, Cục Bản quyền tác giả đã có công văn số 89/BQTG-QTG và 90/BQTG-QTG yêu cầu trang web [www.socbay.com](http://www.socbay.com) và [www.zing.vn](http://www.zing.vn) dừng ngay việc sử dụng các chương trình âm nhạc chưa có phép sử dụng của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan hoặc của tổ chức đại diện tập thể được ủy thác quyền. Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành kiểm tra và có các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với hai trang web này. Các cá nhân có trách nhiệm của hai trang web này đã thừa nhận sai phạm và cam kết khắc phục các hành vi vi phạm quyền tác giả và quyền liên quan. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu VDC cần có các biện pháp kỹ thuật phối hợp để ngăn chặn việc truyền tải nếu những vi phạm này không được các trang web trên tự khắc phục. Cục Bản quyền tác giả đã có Công văn báo cáo Chủ tịch TIFA Việt Nam về kết quả xử lý vi phạm để có cơ sở trả lời phía Hoa Kỳ.

Trước thực trạng nạn vi phạm bản quyền trên Internet diễn ra ngày càng phổ biến và đa dạng với nhiều loại hình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị các cơ quan chức năng nghiên cứu ban hành các văn bản quy định cụ thể trách nhiệm của các đối tượng là các nhà cung cấp dịch vụ trung gian (Intermedary Service Providers) và quy định các hành vi hợp pháp của các trang web công cụ tìm kiếm để có thể xử lý chính xác và nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số nói chung và Internet nói riêng.

*Trích Công văn số 2018/BVHTTDL-BQTG của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 02/6/2008 báo cáo kết quả xử lý hai trang web [www.socbay.com](http://www.socbay.com) và [www.zing.vn](http://www.zing.vn) vi phạm bản quyền.*

## Chương bảy

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Nhiều hoạt động liên quan tới thương mại điện tử đã được Ủy ban Thương mại và Phát triển của WTO (CTD) triển khai. Phần dưới đây tóm tắt những nội dung chính được thảo luận ở CTD.<sup>21</sup>

#### **Thương mại điện tử và Hệ thống thương mại đa biên**

Thương mại điện tử được đánh giá là có nhiều ảnh hưởng tới hệ thống thương mại đa biên. Trong số các ảnh hưởng này là các vấn đề về tiếp cận thị trường cho hàng hóa và dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, xác định trị giá hải quan, áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy định khác và các ngoại lệ theo Điều XX.

Trong bối cảnh đó, các thành viên cho rằng WTO sẽ đóng vai trò lớn. Một số thành viên đề xuất là cần phải thiết lập các mối liên kết chặt chẽ về mặt tổ chức và cách tiếp cận mang tính phối hợp cao hơn giữa các lĩnh vực chuyên môn của WTO có liên quan trực tiếp tới thương mại điện tử. Một số thành viên khác lại cho rằng việc này còn quá sớm cho tới khi Đại Hội đồng giải quyết tất cả các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử, bao gồm cả các khía cạnh phát triển của nó.

Nhiều khía cạnh của thương mại điện tử có liên quan tới nhiều hiệp định thương mại đa biên như GATT, GATS (bao gồm cả Phụ lục về Viễn thông Cơ bản), Hiệp định về các Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT), và Hiệp định TRIPS. Một số thành viên còn nhắc tới sự liên quan với các hiệp định nhiều bên như Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (AGP) và ITA.

Nhiều thành viên nhấn mạnh sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử là không thể đảo ngược. Liên quan tới điều này, có nhận định cho rằng tốc độ phát triển và sự thay đổi công nghệ mau lẹ của thương mại điện tử là vượt quá khả năng của các nước đang phát triển. Do đó cần phải giải quyết vấn đề làm thế nào để các nước đang phát triển và chậm phát triển có thể thu được lợi ích từ thương mại điện tử.

#### **Triển vọng đối với các nước đang phát triển**

Sự phát triển của thương mại điện tử có ảnh hưởng sâu rộng tới cách thức tiến hành kinh doanh và thương mại. Dự đoán sự phát triển này là điều kiện tiên quyết cho bất kỳ cuộc thảo luận nào về thương mại điện tử. Rõ ràng là không phải mọi vấn đề thương mại của các nước đang phát triển có thể được giải quyết nhờ thương mại điện tử, nhưng thương mại điện tử có thể có những tác động tích cực tới tăng trưởng và phát triển vì làm tăng hiệu quả của các hoạt động kinh tế và thúc đẩy sự phát triển cân bằng của nền kinh tế thế giới.

---

<sup>21</sup> WT/COMTD/19



Các thành viên thấy rằng công nghệ thông tin nói chung và thương mại điện tử nói riêng có thể là công cụ giúp mở rộng sự tham gia của các nước đang phát triển trong hệ thống thương mại đa biên. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh là nếu không triển khai các hoạt động cần thiết thì thương mại điện tử có thể vẫn nằm ngoài tầm với của các nước đang phát triển. Việc thu hẹp khoảng cách này vừa quan trọng, vừa khẩn cấp và sẽ có lợi chung cho cả các nước phát triển và đang phát triển.

Những lợi ích mà các nước đang phát triển thu được từ thương mại điện tử bao gồm: giảm khoảng cách thực giữa người mua và người bán; giảm chi phí duy trì các cơ sở ở nước ngoài, giảm nhu cầu thuê người trung gian, tăng hiệu quả trong mua sắm công. Đồng thời, các thành viên nhấn mạnh tới nhu cầu xây dựng năng lực ở các nước đang phát triển để có thể sử dụng một cách hiệu quả các cơ hội do công nghệ thông tin mang lại như một phương tiện để tiến hành và hỗ trợ thương mại.

Các thành viên thừa nhận sự phát triển của thương mại điện tử có thể có những tác động đa dạng đối với sự di chuyển của thể nhân. Một số thành viên nhấn mạnh tới lợi ích tiềm năng cho các nước đang phát triển thông qua việc khai thác những lợi thế mà thương mại điện tử đem lại. Một số thành viên khác nhấn mạnh rằng trong một số trường hợp thương mại điện tử có thể thay thế sự di chuyển của thể nhân nhưng không được sử dụng như một tiền đề để tránh tự do hóa trong lĩnh vực này.

Một thành viên cho rằng thương mại điện tử có thể làm cho các nước chậm phát triển mạnh lên, tương tự như nó làm tăng sức mạnh của những khách hàng cá nhân nhờ khả năng tiếp cận thông tin và nắm bắt tình hình thị trường tốt hơn.

### **Những khó khăn của các nước đang phát triển**

Những khó khăn mà các nước đang phát triển phải đương đầu khi triển khai thương mại điện tử là sự yếu kém về nguồn nhân lực và hạ tầng cơ sở, bao gồm dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tài chính.

Một trong những khó khăn lớn nhất mà các nước đang phát triển gặp phải là hạ tầng cơ sở lạc hậu, đặc biệt là hạ tầng năng lượng và viễn thông. Nói chung, hạ tầng viễn thông, bao gồm fax và Internet, rất khó tiếp cận và thường chỉ tập trung ở các khu vực đô thị nhưng vẫn không tin cậy và phí sử dụng cao. Việc tiếp cận tới các hạ tầng này ở khu vực nông thôn còn kém hơn nữa. Bởi vậy nhu cầu phát triển hạ tầng là rất cấp bách ở các nước đang phát triển. Việc thiếu các luật và chính sách cạnh tranh ở nhiều nước đang phát triển là một trong những trở ngại để cải thiện tình hình này. Một số thành viên đề xuất nhu cầu phát triển hạ tầng cơ sở có thể được nguồn đầu tư tư nhân trong nước cũng như nước ngoài đáp ứng. Một số thành viên khác lại cho rằng cần duy trì sự cân bằng giữa nguồn đầu tư của khu vực chính phủ và tư nhân. Các thành viên này cho rằng các quỹ hỗ trợ phát triển sẽ bổ sung cho sự tham gia của khu vực tư nhân.

Một số thành viên nhấn mạnh tới vai trò của hỗ trợ phát triển, bao gồm cả hỗ trợ kỹ thuật, trong việc cải thiện nguồn cung cấp, tăng khả năng tiếp cận tới hạ tầng cơ sở, công nghệ và bí quyết kỹ thuật cũng như đẩy mạnh lĩnh vực thương mại điện tử ở các

nước đang phát triển. Liên quan tới vấn đề này thì việc đào tạo nguồn nhân lực là một yếu tố cần thiết.

## **Những thay đổi về chính sách**

### *Những vấn đề chính sách chung*

Một trong những thử thách về thương mại điện tử mà các nước đang phát triển phải đương đầu là làm thế nào để tạo ra môi trường chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích có được từ thương mại điện tử trong khi không làm tổn hại tới các mục tiêu chính sách công. Các thành viên thừa nhận rằng để mở rộng lợi ích cũng như tăng cường sự tham gia vào thương mại điện tử của các nước đang phát triển, đòi hỏi phải có nỗ lực chung từ cấp độ chính sách cho tới kỹ thuật.

Nhiều thành viên nhấn mạnh tới nhu cầu xây dựng một khung khổ chính sách và nhận thức chung phản ánh lợi ích và đặc điểm cụ thể của các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu về thương mại điện tử.

Một số thành viên chỉ ra rằng thương mại điện tử ở các nước đang phát triển sẽ được khuyến khích bởi môi trường ưu đãi cho đầu tư nước ngoài và cạnh tranh với các thị trường trong nước cũng như hỗ trợ cho việc tiếp cận tới hàng hóa và dịch vụ công nghệ thông tin. Các thành viên này bày tỏ quan điểm các chính sách thỏa đáng để giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan tới mức thấp nhất (kể cả miễn thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng) cũng như hệ thống các chính sách, biện pháp tự do của chính phủ sẽ hỗ trợ cho quá trình này. Đầu tư thu hút được nhờ môi trường chính sách thân thiện, việc tham gia ITA và các cam kết cụ thể trong GATS có thể là những yếu tố tích cực. Một số thành viên khác cũng nhất trí với sự cần thiết phải có khung khổ chính sách và kinh tế vĩ mô, nhưng nhấn mạnh rằng chính sách đầu tư không thuộc phạm vi của WTO. Đồng thời, như được chỉ ra trong Nhóm Công tác về Đầu tư, các yếu tố quyết định việc thu hút đầu tư nước ngoài có mối liên quan chặt chẽ với nhau. Các thành viên này cũng nhấn mạnh việc tiếp cận tới các công nghệ phù hợp, với các điều kiện công bằng và hợp lý là cần thiết cho các nước đang phát triển tham gia thương mại điện tử. Một số thành viên cũng chỉ ra cấu trúc thuế là một vấn đề của chính sách kinh tế quốc gia. Một thành viên yêu cầu có một nghiên cứu về tác động đối với phát triển của quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu cho các sản phẩm được cung cấp trên mạng.

Các thành viên cũng lưu ý nhiều khía cạnh của thương mại điện tử đang được xem xét tại nhiều tổ chức quốc tế đa biên hoặc nhiều bên: các vấn đề phát triển tại UNCTAD, các vấn đề pháp lý tại UNCITRAL, các vấn đề về thuận lợi hóa thương mại tại UN/ECE, các vấn đề về thuế tại OECD, các hệ thống thanh toán điện tử tại Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng, bộ quy tắc thương mại thống nhất tại Phòng Thương mại Quốc tế (International Chamber of Commerce), tên miền và các khía cạnh liên quan tới bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại WIPO, các vấn đề về quyền riêng tư và an toàn tại OECD và APEC, tiếp cận tới hạ tầng cơ sở, viễn thông và liên tác tại ITU và OECD, các tiêu chuẩn kỹ thuật tại OECD, ISO và ITU. Các thành viên thừa nhận sự cần thiết phải tăng cường hợp tác và điều phối giữa các tổ chức quốc tế để giải quyết những vấn đề liên quan tới thương mại điện tử. Các nguyên tắc hướng dẫn cần phải

nhất quán, rõ ràng, đồng bộ và không chồng chéo. Tuy nhiên, một số thành viên nhấn mạnh cần phải dành nguồn lực đầy đủ cho những vấn đề mà các nước đang phát triển thực sự đang gặp phải.

### *Chính sách về hạ tầng cơ sở và nguồn nhân lực*

Các thành viên thừa nhận để sử dụng thương mại điện tử các nước đang phát triển phải tập trung vào phát triển hạ tầng cơ sở. Cộng đồng quốc tế cần phải trợ giúp để phát triển và cải thiện các yếu tố về hạ tầng cơ sở, nguồn nhân lực, và chuyển giao công nghệ cho thương mại điện tử. Một số thành viên nhấn mạnh đầu tư vào hạ tầng cơ sở sẽ được khuyến khích qua các khung khổ chính sách đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư.

Một số thành viên chỉ ra phương án giải quyết các thiếu sót về hạ tầng cho thương mại điện tử phụ thuộc vào sự tham gia của chính phủ với sự hỗ trợ kỹ thuật và hợp tác của WTO cũng như các tổ chức quốc tế khác như ITU và UNCTAD. Các thành viên này lưu ý hỗ trợ kỹ thuật phải tập trung vào việc nâng cao năng suất và thương mại.

Hợp tác quốc tế là cần thiết để hỗ trợ cho việc tiếp cận tới thông tin và hạ tầng thông tin toàn cầu, để thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông tin, khuyến khích sự tham gia của các nước đang phát triển trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, đồng thời thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước phát triển và đang phát triển cả ở khu vực chính phủ lẫn tư nhân trong lĩnh vực thương mại điện tử.

### *Luật pháp*

Quan điểm chung là muốn phát triển thương mại điện tử các nước đang phát triển cần phải đẩy mạnh cải cách luật pháp trong lĩnh vực viễn thông, cho phép cạnh tranh tư nhân trong lĩnh vực này, ban hành các luật và quy định hỗ trợ, đảm bảo có thể tiếp cận với thuế quan bằng không hoặc rất thấp đối với máy tính và các thiết bị viễn thông, đầu tư vào giáo dục kể cả giáo dục tiểu học. ***Các nước đang phát triển cũng cần hỗ trợ để ban hành các chính sách và biện pháp nhằm phát triển xã hội thông tin, nâng cao nhận thức của cả khu vực chính phủ lẫn tư nhân về lợi ích của thương mại điện tử.*** Một số thành viên chỉ ra những đề xuất cải cách này sẽ động chạm tới các mục tiêu và ưu tiên chính sách quốc gia, và chính các chính phủ phải tự quyết định.

Một số phái đoàn gợi ý là các thành viên chủ chốt của WTO nên cân nhắc vai trò của họ trong việc giúp các nước đang phát triển thu được lợi ích từ thương mại điện tử và qua đó nâng cao sự tham gia của những nước này vào thương mại hàng hoá và dịch vụ quốc tế.

Một thành viên nhấn mạnh tới vai trò thúc đẩy tiếp cận thị trường và cạnh tranh nhằm giảm giá thuê băng thông, phát triển các dịch vụ gắn với thương mại điện tử. Các chính phủ không được coi nhẹ nhu cầu tiềm năng về băng thông. Thành viên này đưa ra bằng chứng rằng những thành viên chủ động mở rộng tiếp cận thị trường, ban

hành chính sách cạnh tranh trong viễn thông cơ bản, duy trì thuế quan thấp đối với sản phẩm công nghệ thông tin đang thu được lợi ích lớn nhất từ thương mại điện tử.

Một số gợi ý khác được nêu lên về sự cần thiết phải tăng cường vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thương mại điện tử, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ quyền riêng tư. Việc quản lý Internet cũng có ý nghĩa quan trọng. WTO cần hợp tác chặt chẽ hơn với các tổ chức quốc tế khác trong lĩnh vực này như UNCITRAL và UNCTAD, đồng thời cần chỉ rõ vai trò cụ thể của WTO.

#### *Danh sách các vấn đề cần nghiên cứu tiếp*

- Những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực nào là cần thiết để đáp ứng nhu cầu của các nước đang phát triển trong thương mại điện tử?
- Phát hiện những điển hình thành công, các giải pháp sáng tạo và nghiên cứu bài học thành công.
- Tiếp tục công việc về phát triển hạ tầng cơ sở. Xem xét nhu cầu và khả năng hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực này.
- Tác động của thương mại điện tử đối với các phương thức cung cấp dịch vụ, chẳng hạn hiện diện thương mại và di chuyển của thể nhân?
- Liệu thương mại điện tử được phát triển tự do, không có biện pháp hay quy định hạn chế nào sẽ thúc đẩy tiếp cận thị trường đối với doanh nghiệp ở các nước đang phát triển?
- Doanh nghiệp ở các nước đang phát triển có thể cạnh tranh trong thương mại điện tử? Thương mại điện tử sẽ có những tác động gì đối với các nhà sản xuất nội địa trong những lĩnh vực cụ thể?
- Ở mức độ tổng thể, cung và cầu đối với hàng hoá và dịch vụ cụ thể sẽ bị tác động thế nào bởi thương mại điện tử? Những hiệu ứng phụ của thương mại điện tử trong thương mại là gì? Thương mại điện tử có tác động gì đối với cạnh tranh trong các lĩnh vực khác nhau?
- Mối quan hệ giữa các công ty sẽ có những ảnh hưởng gì qua thương mại điện tử?
- Thương mại điện tử sẽ tác động thế nào đối với những nghĩa vụ và cam kết của các thành viên trong các hiệp định WTO?
- Thương mại điện tử có thể có những tác động gì đối với thu thuế hải quan ở các nước đang phát triển? Thuế nhập khẩu đối với sản phẩm được cung cấp trên mạng có ý nghĩa thế nào đối với từng nước cụ thể? Tác động của tự do hoá đối với thu ngân sách là gì? Chính sách tài khoá gắn với thu thuế nhập khẩu sẽ được xây dựng thế nào trong mối quan hệ với thương mại điện tử?

- Nếu nhập khẩu được miễn thuế thì đâu là cách tiếp cận phù hợp của WTO?

## Hộp 7

### Đề xuất của Ai Cập về Thương mại và Phát triển

#### 1. Giới thiệu chung:

Trong kỷ nguyên công nghệ thông tin, tiềm năng của thương mại điện tử thu hút sự quan tâm từ phía các chính phủ, doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng. Sự phát triển của lĩnh vực này sẽ tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng và phát triển.

Thương mại điện tử mang đến phương thức giao dịch thương mại mới và thúc đẩy hoạt động mua bán song phương. Ngoài ra thương mại điện tử sẽ có tác động sâu sắc làm thay đổi mối quan hệ giữa các doanh nghiệp, giữa nhà xuất khẩu và nhập khẩu cũng như giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Việc giao dịch nhiều loại sản phẩm và hàng hóa thông qua thương mại điện tử hiệu quả hơn nhiều so với việc sử dụng phương tiện truyền thống.

Thương mại điện tử cũng tác động đáng kể lên cấu trúc và sự chuyển dịch của thị trường lao động. Một vài khâu trung gian trong giao dịch thương mại trở nên không cần thiết. Trong một vài trường hợp, khách hàng có thể liên hệ trực tiếp với nhà sản xuất. Điều này sẽ làm giảm nhu cầu phân phối một số mặt hàng cho những nhà bán buôn, thậm chí bán lẻ. Trong vài lĩnh vực, đặc biệt là các khâu trung gian sẽ bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, những sản phẩm và dịch vụ mới sẽ được tạo ra và những nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ khác sẽ tăng nhanh như phần mềm và phần cứng máy tính, cung cấp mạng, chương trình, xây dựng website, v.v... Những hoạt động mới này không đòi hỏi nhiều nhân công nhưng phải có trình độ cao hơn nhiều so với thương mại truyền thống. Hơn nữa, từ khi công nghệ thông tin cho phép các hoạt động này tiến hành, khoảng cách về địa lý không còn đóng vai trò quan trọng (rõ rệt).

Sự phát triển này đòi hỏi thay đổi trong cách tiếp cận và chính sách để chính phủ có thể giải quyết những trường hợp hiện tại và sự phát triển của môi trường mới một cách hiệu quả.

Thương mại điện tử là một lĩnh vực mới với nhiều tiềm năng to lớn. Kiến thức trong lĩnh vực này chủ yếu dựa vào những kinh nghiệm gần đây và tiếp cận thực tiễn. Vì vậy, có rất nhiều điều mà các thành viên WTO có thể học hỏi lẫn nhau trong lĩnh vực này.

WTO và GATT trước đó đã giải quyết các vấn đề thương mại liên quan đến công nghệ thông tin theo những nguyên tắc riêng biệt. Đã đến lúc phải tiếp cận những chính sách về thương mại điện tử và việc sử dụng công nghệ thông tin một cách chặt chẽ và toàn diện trong việc hội nhập vào Hệ thống thương mại đa biên của các nước đang phát triển. Mục tiêu cao nhất là sẽ làm hết sức trong việc ứng dụng những tiến bộ công nghệ vào các lĩnh vực có yếu tố thương mại nhằm phục vụ cho sự phát triển.

#### 2. Mục tiêu:

- Tìm hiểu sâu hơn các vấn đề về thương mại điện tử và tìm hiểu những cách thức và phương tiện nhằm tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển vào hệ thống thương mại quốc tế trong hàng hóa và dịch vụ thông qua việc sử dụng thương mại điện tử nói riêng và công nghệ thông tin nói chung, xác định cách thức và phương tiện để đạt được những mục tiêu cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

- Tìm hiểu WTO trong vai trò là cầu nối khoảng cách thông tin giữa các nước phát triển và đang phát triển trong thương mại và có cái nhìn bao quát làm thế nào để phát triển

kỹ thuật nhằm tạo ra lợi nhuận vững chắc từ thương mại điện tử ở các nước đang phát triển.

- Tìm hiểu thương mại điện tử cũng như những đề xuất gần đây trong khuôn khổ toàn cầu về thương mại điện tử đã ảnh hưởng thế nào đến cung cầu hàng hóa và dịch vụ, cấu trúc thị trường và cạnh tranh, phân tích những tác động của sự phát triển hiện nay và những thay đổi dự đoán xảy ra ở các nước đang phát triển.

- Chia sẻ kinh nghiệm về chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích từ thương mại điện tử, cũng như cách thức thành công và giải pháp thực tiễn của các doanh nghiệp nhằm giảm thiểu chi phí giao dịch trong thương mại quốc tế bằng thương mại điện tử.

### 3. Tình hình công nghệ hiện nay

Thế giới đã và đang chứng kiến những tiến bộ công nghệ, những nỗ lực không ngừng và sự phát triển nhanh chóng trong lĩnh vực thông tin và công nghệ thông tin.

Kỹ thuật viễn thông đã phát triển mạnh mẽ trong những năm vừa qua. Mặc dù những kỹ thuật viễn thông mới đòi hỏi nhiều vốn đầu tư và trình độ kiến thức, một vài nước đang phát triển có thể hưởng lợi nhờ sự phát triển của công nghệ trong lĩnh vực này. Ở Ấn Độ, do chi phí lắp đặt cáp ở nông thôn và những vùng hẻo lánh có chi phí rất lớn đã sử dụng hệ thống viễn thông vệ tinh hiện đại. Ở Chile, tất cả đường dây điện thoại đều được số hóa với một tỉ lệ cao hơn nhiều so với vài nước phát triển. Những tiến bộ này là không tưởng vài năm trước đây.

Hơn nữa, sự phát triển trong công nghệ máy tính làm cho việc tạo, xử lý và truyền tải thông tin trở thành một hoạt động kinh tế quan trọng nhất. Cùng lúc đó, sự tiến bộ mạnh mẽ của kỹ thuật viễn thông đã làm tăng lượng thông tin được truyền tải. Tuy nhiên tác động quan trọng nhất là vào bản chất nền kinh tế. Việc giảm chi phí trong truyền dẫn dữ liệu đã mở ra những cơ hội mới, những phương thức mới trong thương mại thế giới. Trong nhiều khía cạnh, sự xuất hiện của Internet thách thức những hình thái kinh tế sẵn có trong vấn đề về phương thức khởi tạo, truyền dẫn và sử dụng thông tin.

Ngoài ra, công nghệ viễn thông đang có xu hướng chuyển đổi từ môi trường độc quyền cao dưới sự quản lý của nhà nước sang một môi trường mới tự do thông thoáng hơn. Sự phát triển kỹ thuật cũng như những nỗ lực không ngừng trên toàn cầu đều với mong muốn giảm chi phí dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông.

Điểm yếu về hạ tầng viễn thông và thông tin ở các nước đang phát triển: nhìn chung mức độ cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển có tính đa dạng cao nhưng vẫn tồn tại là khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển.

Sự xuất hiện của Internet như là một công cụ toàn cầu đã tác động mạnh mẽ đến việc thu thập, truyền tải và trao đổi thông tin. Internet đã tạo ra những cơ hội để chia sẻ kiến thức rộng lớn và thúc đẩy các hoạt động trí tuệ toàn cầu.

### 4. Thách thức và cơ hội

Một trong những ưu điểm chính phải kể đến của thương mại điện tử là tốc độ thực hiện các giao dịch thương mại. Nhưng điều này cũng trở nên vô nghĩa nếu thiếu thôn cơ sở hạ tầng. Vì vậy nhu cầu về hạ tầng cũng phải được xem xét tương ứng. Thương mại hiện tại của các nước đang phát triển, đặc biệt đối với các sản phẩm được truyền nhận kỹ thuật số, có thể buộc phải chuyển hướng nếu không chủ động tham gia vào thương mại điện tử. Khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển sẽ ngày càng rộng hơn như là kết quả tất yếu của sự phát triển nhanh chóng nếu không có sự phối hợp hành động giữa các nước.

Nhu cầu thu hẹp khoảng cách vừa quan trọng vừa khẩn cấp và sẽ mang lại lợi ích chung cho cả các nước phát triển và đang phát triển. Giả sử đã có cơ sở hạ tầng cơ bản thích hợp, một khi mạng thông tin toàn cầu được xây dựng thì chi phí cận biên của người sử dụng

sẽ trở nên không đáng kể trong khi lợi ích và sự đóng góp từ các thành viên mới mang lại là rất lớn. Hơn nữa mạng thông tin sẽ không thực sự là 'toàn cầu' nếu không bao gồm nhiều phần rộng lớn của thế giới.

Một trong những thử thách mà các nước đang phát triển phải đối mặt là làm thế nào tạo ra một môi trường chính sách nhằm tối đa hóa lợi ích thu được từ thương mại điện tử mà không làm tổn hại đến các mục tiêu chính sách công. Ví dụ, vấn đề truy cập, công nghệ thông tin, và các dịch vụ liên quan đến thương mại điện tử sẽ không được xã hội nhìn nhận là có kết quả tối ưu nếu chỉ được quyết định bởi cơ chế thị trường. Với việc tạo điều kiện, thậm chí là trợ cấp truy cập thông tin và hạ tầng thông tin cho những trường hợp đặc biệt như người nghèo, người già hoặc người tàn tật cũng mang đến những lợi ích quan trọng. Điều này có thể làm giảm khoảng cách giữa những nước có đủ những năng lực cần thiết và những nước thiếu những điều kiện tiên quyết để hưởng lợi từ những cơ hội mới. Một khó khăn nữa mà các nước đang phát triển đối mặt là làm thế nào cung cấp cơ hội phát triển và khả năng truy cập bằng thông rộng tương đương cho người sử dụng. Hơn nữa, có rất nhiều chính sách về thương mại điện tử mà trong đó chính phủ sẽ phải xem xét cẩn thận các mục tiêu chính sách công.

#### 5. Thương mại điện tử và những nhu cầu trước mắt

Thương mại điện tử được dự đoán sẽ phát triển với tốc độ cao trong những năm tới. Nhiều nhà phân tích dự đoán tới năm 2000 thương mại điện tử sẽ phát triển gấp 10 lần. Người ta cũng dự đoán đến năm 2001 thương mại thế giới thông qua Internet sẽ lên đến 60 tỉ USD. Mặc dù chỉ là dự đoán nhưng những số liệu này chứng tỏ chiều hướng phát triển của thương mại điện tử.

Thương mại điện tử được thực hiện bởi việc sử dụng kết hợp các phương tiện như Internet, điện thoại, fax, mail... Sẽ rất khó khăn, và gần như không cần thiết để có thể thống kê chính xác tầm quan trọng của những phương tiện giao tiếp khác nhau trong giao dịch thương mại. Tuy nhiên, khi thương mại điện tử ngày càng trở nên đáng tin cậy và được kiểm soát bởi những quy tắc rõ ràng thì ngày càng nhiều các giao dịch sẽ chỉ dựa vào các phương tiện điện tử khác nhau để hoàn thành một số giai đoạn trong giao dịch thương mại.

Mức độ ứng dụng thương mại điện tử mở rộng ở một số nước phát triển được báo cáo làm thay đổi hoạt động thương mại trong lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ. Bởi vậy nảy sinh nhu cầu xác định những lĩnh vực mà thương mại điện tử sẽ giữ vai trò quan trọng. Một vài lĩnh vực được đề cập bao gồm: dịch vụ tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, môi giới...); du lịch và bán vé; giải trí; âm nhạc; quảng cáo và giới thiệu sản phẩm; dịch vụ thông tin (thu thập và cung cấp thông tin); giáo dục và đào tạo; phương tiện nghe nhìn (báo, tạp chí...); các dịch vụ khác; bán lẻ sách báo ...

Một điều rõ ràng rằng thương mại điện tử sẽ mở rộng phạm vi có thể tiến hành trao đổi thương mại, nhờ đó nhiều dịch vụ mới sẽ sớm trở thành thương mại qua biên giới. Nhiều hàng hóa hoặc dịch vụ dạng số hóa có thể được trao đổi dưới dạng dữ liệu điện tử qua biên giới. Cũng khá quan trọng để phân tích bằng cách nào thương mại điện tử có thể thâm nhập vào các lĩnh vực khác nhau và tại sao. Công việc phân tích chỉ mới ở bước khởi đầu. Điều này cũng cần được khuyến khích để chính phủ, doanh nghiệp hiểu về thương mại, kinh tế và những tác động của sự phát triển. Đây cũng là một vấn đề quan trọng thiết yếu làm tăng khả năng của các nước đang phát triển có thể tham gia vào thương mại điện tử, đặc biệt khi ảnh hưởng phát triển của thương mại điện tử trở nên rõ rệt và nhanh chóng.

Để mở rộng lợi ích cũng như tăng cường sự tham gia thương mại điện tử, đòi hỏi các nước đang phát triển phải có nỗ lực chung:

- Cần thiết lập một hệ thống chính sách phản ánh lợi ích và những đặc trưng của các nước đang phát triển trong khung khổ toàn cầu về thương mại điện tử.

- Cần phải hỗ trợ các nước đang phát triển trong việc tiếp cận thương mại điện tử

Trung tâm phát triển thương mại Hoa Kỳ (UNTPDC) chịu trách nhiệm trong việc phát triển các công cụ (phương pháp) đổi mới và giao diện sử dụng mạng lưới GTP bao gồm hệ thống Cơ hội phát triển thương mại điện tử (ETOs).

Hiện tại các thương điểm đang mở rộng quy mô hoạt động từ tiền giao dịch đến giao dịch chính thức, nơi các hợp đồng được giao kết và thanh toán. Tuy nhiên, ở các nước đang phát triển vẫn có một số khó khăn liên quan đến chức năng của thương điểm bao gồm:

- Thiếu hạ tầng viễn thông.
- Dịch vụ viễn thông với chi phí cao nhưng chất lượng thấp.
- Hạn chế về tài chính trong việc tạo lập và vận hành các thương điểm.
- Thiếu kinh phí cản trở đầu tư về công nghệ và phát triển các dịch vụ thương điểm cũng như phát triển nguồn nhân lực.
- Một số nước gặp khó khăn trong việc kiến trúc và phân loại Hệ thống Cơ hội phát triển thương mại điện tử (ETOs) và trong việc xây dựng các cơ sở khách hàng.
- Hạn chế về nguồn lực sẵn có cho việc hỗ trợ kỹ thuật và nhu cầu đào tạo trong các lĩnh vực liên quan.

Theo Trung tâm thương mại thế giới (ITC), các nước đang phát triển sử dụng Internet gặp phải những khó khăn như tải tài liệu, dữ liệu, hình ảnh trên các trang điện tử đòi hỏi băng thông rộng, modem tốc độ cao và đường dây điện thoại. Các nước đang phát triển cần sự giúp đỡ việc sử dụng Internet hiệu quả để hỗ trợ phát triển thương mại.

Các nước đang phát triển cũng cần được giúp đỡ trong việc đưa thông tin lên mạng. Chúng ta cần biết hàm lượng thông tin liên quan đến thương mại khởi nguồn từ các nước đang phát triển. Điều này cần theo dõi một cách liên tục và được xem như là một trong những nhân tố góp phần dự đoán quá trình tăng trưởng của thương mại điện tử ở các nước đang phát triển. Những ý tưởng mới nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển và các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực này cần phải được xem xét. Điều này có thể đạt được thông qua các dự án thí điểm chứng tỏ lợi ích (lợi nhuận) của thương mại điện tử. Những dự án này phải dự đoán và đánh giá tính kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể bắt đầu từ những trang tin điện tử phù hợp, sau đó tham gia vào những trang tin điện tử quốc gia hoặc quốc tế. Các doanh nghiệp ở các nước đang phát triển cần được giúp đỡ để đánh giá giá trị và lợi nhuận tiềm tàng của thương mại điện tử.

Các nước đang phát triển cũng cần được giúp đỡ để ban hành chính sách nhằm phát triển xã hội thông tin, nâng cao nhận thức của cả khu vực chính phủ lẫn tư nhân về tầm quan trọng của thương mại điện tử. Sự hợp tác quốc tế sẽ rất cần thiết trong việc tiếp cận thông tin và hạ tầng thông tin toàn cầu, thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong công nghệ thông tin, tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển trong hoạt động nghiên cứu và phát triển cũng như thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước phát triển và đang phát triển cả ở khu vực chính phủ lẫn tư nhân về thương mại điện tử.

Nếu thương mại điện tử trở nên có tầm quan trọng như dự đoán, chúng ta phải đảm bảo cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển, cả về nhân lực và vật chất, có khả năng hỗ trợ cho sự phát triển của thương mại điện tử.

#### 6. Các vấn đề chính sách liên quan đến thương mại điện tử:

Các vấn đề chính sách liên quan đến thương mại điện tử được phân thành ba lĩnh vực lớn là tài chính, luật và chính sách tiếp cận bao gồm chính sách thanh toán, chính sách về thuế, chứng thực văn bản điện tử, quyền bảo mật và riêng tư, mã khóa, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ người tiêu dùng, chính sách tiếp cận hạ tầng cơ sở và các chính sách khác, v.v...



Trong các chính sách này có một số không nằm trong phạm vi của WTO và một số thuộc phạm vi của các tổ chức quốc tế khác. Tuy nhiên nó được đánh giá rằng bất kể những vấn đề đó đang được xem xét ở đâu, sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các chính sách khác nhau và các mặt điều chỉnh liên quan đến thương mại điện tử sẽ không thể thiếu được.

Sẽ có lợi cho các thành viên WTO được biết về khung khổ chính sách liên quan đến thương mại điện tử được áp dụng ở một vài nước phát triển mà ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của các nước đang phát triển.

#### 7. Các hoạt động liên quan của WTO và các tổ chức quốc tế khác:

WTO đã có những Hiệp định liên quan đến thương mại điện tử như GATS, viển thông cơ bản, dịch vụ tài chính, TRIPs, Hiệp định về trị giá tính thuế hải quan, Hiệp định về rào cản kỹ thuật đối với thương mại, v.v... WTO cũng đang làm việc với Ngân hàng Thế giới giúp đỡ các nước đang phát triển hiểu rõ về nguyên tắc và cơ cấu của WTO thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin. Hơn nữa, WTO đã hỗ trợ các nước chậm phát triển về trang bị máy tính và hướng dẫn cách thức truy cập thông tin trên website WTO.

UNCTAD đã có những hoạt động với chương trình cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề thương mại liên quan trực tiếp đến thương mại điện tử. Chương trình ASYCUDA được áp dụng ở hải quan của hơn 80 nước là một mạng toàn cầu sử dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian và chi phí thông quan hải quan.

UNCTAD đã tổ chức hội nghị “Đồng hành vì sự phát triển” với mong muốn tạo mối quan hệ hợp tác giữa UNCTAD với các quốc gia và chính quyền địa phương, các công ty phần cứng, phần mềm và nhà điều hành mạng trong lĩnh vực thương mại điện tử.

ITC đã chủ động giúp đỡ các nước đang phát triển giới thiệu sản phẩm qua mạng. UNCITRAL đã hoàn thành bộ luật mẫu với những nguyên tắc liên quan đến thương mại điện tử...

Nhiều tổ chức đã, đang và sẽ tiếp tục giải quyết các khía cạnh khác nhau liên quan đến thương mại điện tử. Những tổ chức này cần hỗ trợ mạnh mẽ nhằm đẩy mạnh sự tham gia của các nước đang phát triển vào lĩnh vực thương mại điện tử cả hiện tại và trong tương lai. Điều này có thể thực hiện thông qua việc tăng cường nhận thức và hiểu biết, hỗ trợ tiếp cận với thương mại điện tử và duy trì hợp tác về hỗ trợ kỹ thuật.

#### 8. Những đề xuất cho tương lai:

- Yêu cầu Ban thư ký WTO chuẩn bị văn bản chính thức về các quy định của WTO và những hoạt động liên quan trực tiếp đến thương mại điện tử.

- Yêu cầu Ban thư ký WTO chuẩn bị văn bản phân tích cách thức tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển vào thương mại điện tử và cách sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình hội nhập vào Hệ thống thương mại đa biên.

- Yêu cầu Ban thư ký WTO liên hệ trực tiếp với các tổ chức quốc tế nhằm cung cấp cho Ủy ban Thương mại và Phát triển của WTO những thông tin về hoạt động có liên quan mật thiết đến thương mại điện tử.

- Triệu tập một hội nghị đặc biệt của CTD để đưa ra chính sách về thương mại điện tử và sự liên kết vì phát triển của các nước đang phát triển với sự tham gia của các tổ chức quốc tế nhằm mang lại cơ hội cho họ trong lĩnh vực này.

- Yêu cầu Ban thư ký WTO tổ chức hội thảo liên kết với UNCTAD và ITC để hiểu rõ hơn những vấn đề liên quan đến thương mại điện tử, tập trung vào những tác động của thương mại điện tử đối với sự phát triển.

## Chương tám

### CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THƯ KÝ WTO LIÊN QUAN TỚI THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ban Thư ký WTO có nhiều hoạt động tích cực giúp cho các thành viên và các cơ quan liên quan của WTO có điều kiện thảo luận sâu hơn về nhiều khía cạnh của thương mại điện tử liên quan tới các hiệp định của WTO. Ba hoạt động nổi bật nhất của Ban Thư ký là hoạt động nghiên cứu, hoạt động xây dựng tài liệu hỗ trợ cho các cuộc họp của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan và hoạt động phổ biến tình hình làm việc của WTO về thương mại điện tử.

#### Hoạt động nghiên cứu

Ngay từ năm 1998, Ban Thư ký WTO đã nghiên cứu và xuất bản tài liệu nổi tiếng “*Thương mại điện tử và Vai trò của WTO*”. Tài liệu này tập trung nghiên cứu về thương mại điện tử thông qua Internet, tuy nhiên cũng đề cập tới ứng dụng của những tiến bộ công nghệ trước kia như điện thoại và máy fax trong giao dịch điện tử. Tài liệu này khẳng định không thể dự báo hết tiềm năng phát triển của công nghệ cũng như thương mại điện tử trong tương lai. Tài liệu chia giao dịch điện tử thành ba giai đoạn, bao gồm giai đoạn tìm kiếm thông tin, giai đoạn đặt hàng, thanh toán và giai đoạn cung cấp. Đối với những giao dịch không thể cung cấp điện tử, thương mại điện tử qua Internet buộc phải dừng ở giai đoạn thứ hai. Nhưng chính giai đoạn thứ ba cho phép cung cấp điện tử là đóng góp đáng chú ý nhất của công nghệ Internet và cũng là thử thách lớn nhất đối với vấn đề hoạch định chính sách. Tài liệu này xem xét dựa trên thực tế những lợi ích và thách thức đi kèm sự phát triển của thương mại điện tử và Internet. Tài liệu không đưa ra những chính sách cụ thể mà thay vào đó cố gắng tập trung xác định những thách thức chính đối với vấn đề chính sách liên quan đến giao dịch thương mại quốc tế và WTO.

Hai chương đầu của Tài liệu giới thiệu khái quát về thương mại điện tử, những đặc điểm chính và tác dụng nổi bật của thương mại điện tử. Chương III thảo luận về những ảnh hưởng kinh tế của thương mại điện tử và Internet, bao gồm cách thức các phương tiện điện tử đang làm thay đổi cấu trúc và năng suất của một số ngành kinh tế, chi phí nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất và cách thức tiến hành kinh doanh. Lợi thế cạnh tranh do thương mại điện tử mang lại được coi là yếu tố chủ đạo trong việc phổ biến lợi ích và tầm quan trọng của công nghệ mới.

Chương IV tập trung nghiên cứu quá trình phát triển của thương mại điện tử, đặc biệt quá trình phát triển nhanh chóng trong một vài năm gần đây và dự đoán về khả năng phát triển liên tục trong tương lai. Một vài dự đoán cho rằng trong vòng 5 năm, giá trị giao dịch thương mại điện tử thông qua Internet có thể chiếm tới 2% toàn bộ giao dịch thương mại. Độ tin cậy của những dự đoán đó không cao do dựa trên một lĩnh vực mới chưa có nhiều kinh nghiệm, tuy nhiên ít người nghi ngờ thương mại điện tử sẽ phát triển nhanh chóng và bền vững. Hiện nay phần lớn giao dịch điện tử được thực hiện tại Hoa Kỳ nhưng trong một vài năm tới sẽ phân tán trên diện rộng ra các

khu vực địa lý khác. Internet sẽ được tăng cường sử dụng cho giao dịch thương mại trong nhiều lĩnh vực, bao gồm dịch vụ tài chính, viễn thông, quảng cáo, dịch vụ du lịch và giải trí. Giao dịch thương mại giữa các doanh nghiệp và hoạt động bán lẻ trong một số lĩnh vực sẽ có sự chuyển đổi và xuất hiện nhu cầu cung cấp cơ sở hạ tầng cho thương mại điện tử trong tất cả các lĩnh vực.

Chương V thảo luận về các vấn đề liên quan tới chính sách, tập trung vào những thách thức quan trọng nhất nảy sinh trong thương mại điện tử đối với các nhà hoạch định chính sách. Nghiên cứu cho rằng mặc dù các chính phủ có thể nhận thức được lợi ích tiềm tàng của thương mại điện tử và sự tự điều chỉnh của thị trường và doanh nghiệp có thể đảm bảo cho lợi ích này, vẫn còn nhiều lĩnh vực mà chính phủ cần thể hiện vai trò của mình, bao gồm: i) thiết lập tiêu chuẩn cho cơ sở hạ tầng viễn thông toàn cầu; ii) đầu tư đầy đủ cho cơ sở hạ tầng; iii) mở rộng phạm vi tiếp cận và mức độ thân thiện với người dùng của cơ sở hạ tầng viễn thông, iv) xây dựng quy định và khung pháp lý rõ ràng về hiệu lực hợp đồng và quyền sở hữu; v) bảo vệ tính bảo mật và riêng tư của thông tin; vi) quy định để xử lý những nội dung không được chấp nhận hoặc được chấp nhận kèm theo điều kiện; vii) xác lập khung thuế và quy định tài chính, và viii) đảm bảo cơ hội bình đẳng thông qua việc giáo dục và tiếp cận tốt hơn cho những nơi thiếu điều kiện ứng dụng môi trường mới. Trong các vấn đề nêu trên không có vấn đề nào mới, nhưng tốc độ thay đổi công nghệ thông tin đòi hỏi các quy định không được tụt hậu cũng như can thiệp một cách không cần thiết vào sự phát triển của thương mại điện tử. Về cơ bản một số vấn đề liên quan tới việc tạo ra các điều kiện ưu đãi phù hợp cho việc tiến hành kinh doanh, một số khác ảnh hưởng trực tiếp lên các giao dịch cụ thể thực hiện trên Internet. Trong đó hai vấn đề nhạy cảm nhất là thuế và quy định về nội dung. Thực tế, thương mại điện tử thông qua Internet có sự chia rẽ về quy định pháp luật giữa các quốc gia. Do đó, các chính phủ phải xem xét khả năng phối hợp về pháp luật trong phạm vi quốc tế.

Chương VI tập trung tìm hiểu tác động của các hiệp định và hoạt động của WTO đối với thương mại điện tử. Phần đầu tiên của Chương này xem xét kết quả của những thỏa thuận đạt được gần đây trong việc tự do hóa giao dịch sản phẩm công nghệ thông tin, dịch vụ viễn thông cơ bản, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp có hiệu quả và với chi phí thấp dịch vụ cơ bản cần thiết cho việc tiến hành thương mại điện tử.

Phần tiếp theo đề cập đến những vấn đề về tiếp cận thị trường. Tài liệu lưu ý những sáng kiến gần đây của Mỹ, được Mỹ và EU đồng tham gia để xúc tiến môi trường không thuế quan đối với giao dịch điện tử. Sáng kiến này chỉ bao gồm thuế hải quan chứ không liên quan tới các loại thuế khác. Kéo theo đó là thảo luận về cách thức định nghĩa thương mại điện tử theo thuật ngữ của WTO, và ảnh hưởng của việc ứng dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau đối với vấn đề chính sách. Vấn đề đặt ra ở đây là giao dịch điện tử thông qua Internet được coi là thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ hay một loại hình thương mại khác. Nếu không có cách phân loại là hàng hóa hoặc dịch vụ nào được coi là phù hợp, nổi lên thách thức phải xây dựng những quy định mới.

Phần thứ ba của Chương VI xem xét các điều khoản tự do hóa thương mại trong GATS, lưu ý rằng các thỏa thuận mở cửa thị trường hiện tại và có thể trong tương lai

của GATS có ảnh hưởng trực tiếp tới việc tiến hành thương mại điện tử. Phần thứ tư thảo luận vai trò thuận lợi hóa thương mại của WTO, nhấn mạnh tầm quan trọng của Internet và EDI trong việc đơn giản hóa giao dịch và thủ tục hải quan.

Hai phần còn lại của Chương VI xem xét ảnh hưởng của thương mại điện tử đối với mua sắm chính phủ và quyền sở hữu trí tuệ. Các chính phủ đang dần tăng cường sử dụng phương tiện điện tử trong việc mua sắm, đặt ra câu hỏi về tính cần thiết của các điều luật quốc tế cho việc thuận lợi hóa mua sắm điện tử. Một phần lớn giao dịch điện tử thông qua Internet gắn liền với các sản phẩm được bảo vệ bởi luật sở hữu trí tuệ, và luật sở hữu trí tuệ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và thiết bị cho thương mại điện tử. Thương mại điện tử và Internet ảnh hưởng lớn tới cách thức quyền sở hữu trí tuệ được thực thi và có thể làm nảy sinh những vấn đề về thương hiệu và bản quyền.

Phần cuối của Tài liệu tập trung vào những vấn đề về chính sách, các vấn đề về thực thi, kiểm soát và quyền hạn xét xử nảy sinh trong thương mại điện tử. Trong phần này nhấn mạnh tới ba vấn đề cần sự can thiệp của chính sách. Đầu tiên là hướng tới nghiêm cấm một số nội dung cụ thể như hướng dẫn chế tạo bom và tài liệu khiêu dâm trẻ em trên phạm vi toàn cầu. Thứ hai là việc nghiêm cấm hoặc kiểm soát trực tiếp một số nội dung trên phạm vi một số quốc gia do sự khác biệt giữa các quốc gia về nguyên tắc và tiêu chuẩn. Thứ ba là các hoạt động của chính phủ nhằm bảo vệ người tiêu dùng bằng cách đưa ra các điều kiện tiên quyết cho việc gia nhập thị trường, ví dụ các yêu cầu về giấy phép hoặc chất lượng, hoặc qua việc phổ biến thông tin cho phép người tiêu dùng có những lựa chọn đúng đắn hơn.

Nghiên cứu lưu ý rằng cách tiếp cận đối với các chính sách và quy định có thể khác nhau, tùy thuộc vào mục tiêu của từng chính phủ. Câu hỏi then chốt đặt ra là mức độ các chính phủ cần phối hợp ở tầm quốc tế để xác định phương thức tiếp cận và thực thi các chính sách và quy định đó. Câu hỏi thứ hai là mức độ cần thiết của các chính sách và quy định trực tiếp của chính phủ, khi chúng đối lập với sự tự điều chỉnh của thị trường. Câu hỏi thứ ba là khả năng hiện thực hóa các điều luật “tại biên giới”. Nhiều chính sách và quy định đối với cả hàng hóa và dịch vụ đã diễn ra tại nơi sản xuất và cung ứng chứ không phải tại biên giới. Sau cùng, cả GATT và GATS đều đã thiết lập các tiền lệ để giải thích những khía cạnh liên quan đến chính sách thương mại trong các quy định của mình, tập trung vào mục tiêu áp đặt ít biện pháp hạn chế giao dịch nhất có thể, đồng thời tuân thủ nguyên tắc rõ ràng minh bạch và không phân biệt đối xử để đạt được những mục tiêu chính sách xã hội đã đề ra.

### **Hoạt động xây dựng các tài liệu hỗ trợ cho các cuộc họp của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan**

Theo yêu cầu của Đại Hội đồng và các cơ quan liên quan của WTO, Ban Thư ký đã soạn thảo nhiều tài liệu hỗ trợ cho các cuộc họp chuyên đề của Đại Hội đồng cũng như các cuộc họp của Hội đồng Thương mại Hàng hóa, Hội đồng Thương mại Dịch vụ, Hội đồng Sở hữu trí tuệ, Ủy ban Thương mại và Phát triển. Các tài liệu của Ban Thư ký có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, vừa bao quát được những vấn đề mới nhất của thương mại điện tử, vừa phân tích các vấn đề đó theo các hiệp định của WTO. Một số tài liệu của Ban Thư ký có thể tham khảo dễ dàng từ website của WTO và đã

được giới thiệu ở phần trên. Một số tài liệu khác của Ban Thư ký có thể có ích khi nghiên cứu về thương mại điện tử trong WTO là:

- Chương trình làm việc về Thương mại điện tử: Vấn đề phân loại, Tài liệu tóm tắt của Ban Thư ký WTO, JOB (02)/37 (2002).
- Phân loại phần mềm được cung cấp trên mạng, Tài liệu JOB(02)/38.
- Đối xử với sản phẩm số hóa, Tài liệu JOB(01)/55.
- Các nguyên tắc phân loại hải quan, Tài liệu G/C/W/128.
- Thông tin về các hoạt động liên quan của WIPO và các tổ chức quốc tế khác, Tài liệu IP/C/W/128.
- Tài liệu của Ban Thư ký WTO S/C/W/168 ngày 16/10/1998
- Vấn đề phân loại các sản phẩm được cung cấp trên mạng, Tài liệu S/C/W/68 và JOB(02)/37.

Tuy nhiên, khảo sát website của WTO cho thấy người truy cập bình thường không tiếp cận được các tài liệu này. Đây có thể là các tài liệu nội bộ mà chỉ các thành viên mới tiếp cận được.<sup>22</sup>

## Hoạt động phổ biến

Website <http://www.wto.org> là một kênh thông tin công cộng quan trọng của WTO, cập nhật hàng ngày những thông tin về các hoạt động của tổ chức này. Những hoạt động cụ thể của WTO có thể tham khảo và tải về từ mạng một số lượng ngày càng nhiều tài liệu chính thức từ đường dẫn [www.wto.org/english/docs\\_e/docs\\_e.htm](http://www.wto.org/english/docs_e/docs_e.htm) Hiện nay có hơn 150.000 tài liệu tại website này.



The screenshot shows a web browser window displaying the WTO website. The address bar shows the URL [http://www.wto.org/english/tratop\\_e/econ\\_e/econ\\_e.htm](http://www.wto.org/english/tratop_e/econ_e/econ_e.htm). The page title is "WTO | Electronic commerce Gateway". The main content area is titled "Electronic commerce" and contains the text: "WTO members are exploring how electronic commerce should be dealt with in the context of the Uruguay Round Agreements and the WTO, within a work programme established by the WTO General Council on September 25, 1998." Below this text, there are several links under the heading "See also": "> The Doha mandate", "> The Doha mandate explained", and "> Hong Kong Ministerial Declaration". At the bottom of the page, there is a "See also" section with links: "zine: putting e-commerce to work in opening countries", "What is electronic commerce in the WTO?", "An introduction (This link goes to a briefing note on electronic commerce).", and "Electronic commerce: cross-cutting and new issues".

<sup>22</sup> Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO. Vì vậy, Việt Nam đã có thể tiếp cận tới các tài liệu này. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin sẽ liên hệ với Phái đoàn Việt Nam tại Geneva để tìm hiểu thủ tục tiếp cận với các tài liệu này.

Ngày 14-5-2002, Đại hội đồng WTO đã quyết định tạo điều kiện cho công chúng dễ dàng tiếp cận số lượng tài liệu nhiều hơn nữa ngay từ khi những tài liệu này được phát hành. Đại hội đồng cũng quyết định rằng một tỷ lệ nhỏ tài liệu không được lưu hành rộng rãi sẽ được công bố công khai sớm hơn, khoảng hai tháng sau khi được lưu hành, thay vì sáu tháng như trước đây. Đây là quyết định quan trọng liên quan đến tính minh bạch. Ngày 18-07-1996, Đại hội đồng cũng đã nhất trí rằng WTO sẽ cung cấp nhiều thông tin hơn về những hoạt động của mình cho công chúng và những tài liệu phổ biến cho công chúng, kể cả những tài liệu được cung cấp chung trong tổ chức này đều có thể được truy cập trực tiếp trên mạng máy tính.<sup>23</sup>

Các phương tiện nghe nhìn là một kênh thông tin quan trọng được WTO sử dụng nhằm cung cấp thông tin cho công chúng. Những tin tức về các cuộc họp lớn của WTO cũng như những hoạt động của tổ chức này được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng không chỉ nhằm cung cấp thông tin cho báo chí trên toàn thế giới mà còn phục vụ cho những ai quan tâm đến các vấn đề liên quan đến tổ chức WTO.

Một trong những chủ đề WTO quan tâm là thương mại điện tử. Tại trang chủ của [www.wto.org](http://www.wto.org), menu “Các chủ đề thương mại” (Trade topics) bao gồm 16 chủ đề. Thương mại điện tử là một trong các chủ đề này, các chủ đề khác là hàng hóa, dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, giải quyết tranh chấp...<sup>24</sup> Tại đây, người xem có thể tìm thấy các thông tin liên quan đến thương mại điện tử một cách dễ dàng, từ Tuyên bố của Hội nghị Bộ trưởng đến các Chương trình làm việc của WTO.

Ngoài ra, trang web cũng hỗ trợ cách tải và tra cứu những tài liệu của Đại hội đồng, báo cáo của Hội đồng Hàng hóa, Dịch vụ, Sở hữu trí tuệ và Ủy ban Thương mại và Phát triển cũng như những tài liệu về các đề xuất của thành viên WTO đến các Hội đồng này. Hơn nữa, trang web này cũng tạo điều kiện tối đa nhằm tra cứu tài liệu dễ dàng và nhanh chóng. Chúng ta có thể tra cứu những vấn đề cần quan tâm theo nhiều tiêu chí khác nhau như tên tài liệu, ngày phát hành, mã số của tài liệu, v.v...

Có thể khẳng định [www.wto.org](http://www.wto.org) là trang tin điện tử cung cấp thông tin phong phú, hữu ích cho tất cả những ai quan tâm đến các vấn đề về thương mại cũng như các vấn đề liên quan đến tổ chức WTO. Đối với thương mại điện tử nguồn tài liệu này cung cấp thông tin quý giá bao gồm kiến thức cơ bản cũng như kinh nghiệm thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách và đàm phán thương mại về thương mại điện tử ở các nước đang phát triển. Điều này sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách thông tin giữa các nước phát triển và đang phát triển và tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển vào hệ thống thương mại đa biên thông qua việc sử dụng thương mại điện tử nói riêng và công nghệ thông tin nói chung, xác định cách thức và phương tiện để đạt được những mục tiêu cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

---

<sup>23</sup> Tìm hiểu Tổ chức thương mại thế giới – NXB Chính trị quốc gia HN - 2004

<sup>24</sup> Báo cáo Thương mại điện tử Việt Nam 2007 – Bộ Công Thương

## PHỤ LỤC 1

### TUYÊN BỐ CỦA HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG WTO LẦN THỨ TU<sup>25</sup>

1. Hệ thống thương mại đa phương thể hiện trong Tổ chức Thương mại Thế giới đã góp phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế, phát triển và lao động trong suốt năm mươi năm qua. Chúng tôi quyết tâm, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang suy giảm, duy trì quá trình cải cách và tự do hoá chính sách thương mại và nhờ đó bảo đảm rằng hệ thống này sẽ phát huy tối đa vai trò của mình trong việc thúc đẩy quá trình khôi phục, tăng trưởng và phát triển. Chính vì vậy, chúng tôi khẳng định lại một cách mạnh mẽ những nguyên tắc và mục tiêu của được đề ra trong Hiệp định Marrakesh về Thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới, và cam kết bãi bỏ việc áp dụng chủ nghĩa bảo hộ.

2. Thương mại quốc tế có thể đóng một vai trò chủ yếu trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo. Chúng tôi nhận thức rõ đòi hỏi của tất cả các dân tộc về lợi ích thu được từ những cơ hội và phúc lợi xã hội ngày càng nhiều do hệ thống thương mại đa phương đem lại. Đa số các nước thành viên của WTO là các nước đang phát triển. Chúng tôi phải tìm cách để đưa những yêu cầu và lợi ích của những nước này vào trọng tâm của Chương trình Công tác đã được thông qua trong tuyên bố này. Vừa gọi lại Lời nói đầu của Hiệp định Marrakesh, chúng tôi sẽ vừa tiếp tục thực hiện những nỗ lực tích cực nhằm đảm bảo rằng các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất, có phần tham gia của họ vào quá trình tăng trưởng thương mại thế giới tương xứng với những yêu cầu phát triển kinh tế của những nước này. Trong bối cảnh đó, quá trình tăng cường tiếp cận thị trường, cân bằng các định chế cùng với các chương trình nâng cao năng lực và trợ giúp kỹ thuật được định hướng tốt, tài trợ ổn định sẽ đóng những vai trò rất quan trọng .

3. Chúng tôi nhận thức rõ về tình trạng đặc biệt dễ tổn thương của các nước kém phát triển nhất và những khó khăn về mặt cơ cấu đặc thù mà các nước này phải đối mặt trong nền kinh tế toàn cầu. Chúng tôi cam kết giải quyết vấn đề khoảng cách tụt hậu của các nước kém phát triển nhất trong thương mại quốc tế và nâng cao khả năng tham gia có hiệu quả của những nước đó trong hệ thống thương mại đa phương. Chúng tôi cùng nhớ lại các cam kết được các vị Bộ trưởng đưa ra trong các cuộc họp tại

---

<sup>25</sup> Bản dịch của Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế. Nội dung liên quan tới thương mại điện tử nằm tại Đoạn 34. Tại Đoạn này, Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin đề xuất sửa câu “Chúng tôi yêu cầu Đại Hội đồng xem xét các hiệp định phù hợp nhất về mặt thể chế để đảm nhận chương trình làm việc” thành “Chúng tôi yêu cầu Đại Hội đồng xem xét thành lập thể chế thích hợp nhất để triển khai Chương trình làm việc”. WTO đã giao cho Đại Hội đồng, Hội đồng Thương mại hàng hóa, Hội đồng Thương mại dịch vụ, Hội đồng về Sở hữu trí tuệ và Ủy ban Thương mại và Phát triển triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Do cách hiểu thuật ngữ “electronic transmissions” còn chưa thống nhất ngay trong WTO nên Cục tôn trọng cách dịch thuật ngữ này là “truyền dẫn điện tử” của Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế. Tuy nhiên, trong tài liệu này Cục thường sử dụng các thuật ngữ tương đương với thuật ngữ tiếng Anh này là “truyền dữ liệu điện tử”, “giao dịch điện tử”, “sản phẩm được cung cấp trên mạng”. Trong WTO, Hoa Kỳ đề xuất nên thay thuật ngữ trên thành “products transmitted electronically”.

Marrakesh, Singapore và Geneva và các cam kết của cộng đồng quốc tế được đề cập tại Hội nghị lần thứ Ba của Liên hợp quốc về các nước kém phát triển nhất tại Brussels để giúp đỡ các quốc gia này hội nhập hiệu quả và có lợi vào hệ thống thương mại quốc tế và nền kinh tế toàn cầu. Chúng tôi quyết tâm rằng WTO sẽ đóng vai trò của mình trong việc xây dựng những cam kết này một cách có hiệu quả theo Chương trình Công tác mà chúng tôi đang xây dựng.

4. Chúng tôi nhấn mạnh cam kết của chúng tôi đối với WTO với tư cách là một diễn đàn duy nhất cho việc tự do hoá và quyết định những định chế thương mại toàn cầu trong khi cũng nhận thức rõ rằng các thoả thuận thương mại khu vực có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình tự do hoá và mở rộng thương mại và trong việc đẩy mạnh quá trình phát triển.

5. Chúng tôi nhận thức được rằng những thách thức mà các nước thành viên WTO đang phải đối mặt trong một môi trường quốc tế đang thay đổi nhanh chóng không thể giải quyết được bằng những biện pháp mà chỉ được áp dụng trong lĩnh vực thương mại. Chúng tôi sẽ tiếp tục sử dụng các thể chế thuộc hệ thống Bretton Woods nhằm tạo ra sự gắn kết chặt chẽ hơn trong quá trình hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.

6. Chúng tôi xin khẳng định mạnh mẽ cam kết của chúng tôi đối với mục tiêu phát triển bền vững, như đã được nêu ra trong Lời nói đầu của Hiệp định Marrakesh. Chúng tôi tin tưởng rằng những mục đích nhằm duy trì và bảo vệ một hệ thống thương mại đa phương không phân biệt đối xử và rộng mở, và hành động nhằm bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững có thể và phải được các nước ủng hộ. Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực của các nước thành viên trong việc tiến hành đánh giá trên cơ sở tự nguyện tác động về mặt môi trường quốc gia của những chính sách thương mại. Chúng tôi công nhận rằng theo quy định của WTO các quốc gia thành viên đều có quyền áp dụng các biện pháp nhằm bảo vệ sức khỏe con người, động vật hay thực vật, hoặc môi trường ở mức độ mà họ cho là thích hợp, họ cũng không phải chấp nhận những yêu cầu, điều kiện được áp dụng theo cách mà chúng có thể được sử dụng như một phương tiện độc đoán và phân biệt đối xử vô lý giữa các quốc gia nơi mà những điều kiện như vậy được áp dụng rộng rãi, hay như một hạn chế thương mại quốc tế trá hình và mặt khác lại làm cho chúng phù hợp với các điều khoản của Hiệp định WTO. Chúng tôi hoan nghênh sự hợp tác liên tục của WTO với UNEP và các tổ chức môi trường liên chính phủ khác. Chúng tôi hoan nghênh những nỗ lực nhằm thúc đẩy hợp tác giữa WTO và các tổ chức phát triển và môi trường quốc tế liên quan, đặc biệt trong việc chuẩn bị cho Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững sẽ được tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi vào tháng 9/2002.

7. Chúng tôi xin khẳng định lại quyền của các quốc gia thành viên WTO như được quy định trong Hiệp định chung về Thương mại và Dịch vụ trong việc điều hành và áp dụng những quy định mới về việc cung cấp dịch vụ.

8. Chúng tôi xin khẳng định lại tuyên bố của chúng tôi đưa ra tại Hội nghị Bộ trưởng tại Singapore về các tiêu chuẩn lao động chính được quốc tế công nhận. Chúng tôi ghi nhận những công việc đang được triển khai trong Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về quy mô toàn cầu hoá xã hội. ILO đưa ra một diễn đàn đối thoại thực sự thích hợp về các lĩnh vực khác nhau của vấn đề này.



9. Chúng tôi rất hài lòng ghi nhận rằng Hội nghị này hoàn tất các thủ tục gia nhập WTO cho Trung quốc và Đài loan. Chúng tôi cũng hoan nghênh sự tham gia của các thành viên mới, kể từ phiên họp trước, như Albania, Croatia, Grudia, Jordan, Latvia, Moldova và Oman, và ghi nhận những cam kết tiếp cận thị trường trên phạm vi mở rộng đã được các nước này đưa ra khi gia nhập. Sự gia nhập của những nước này sẽ củng cố mạnh mẽ hệ thống thương mại đa phương khi những nước trong số 28 nước hiện nay đang tiến hành đàm phán gia nhập WTO. Do đó, chúng tôi hết sức quan tâm đến việc hoàn thành các thủ tục gia nhập trong thời gian sớm nhất. Đặc biệt, chúng tôi cam kết đẩy nhanh việc gia nhập của các nước kém phát triển nhất.

10. Nhận thức rõ các thách thức đặt ra khi mở rộng quy chế thành viên của WTO, chúng tôi khẳng định trách nhiệm tập thể của chúng tôi nhằm bảo đảm sự minh bạch trong nước và sự tham gia có hiệu quả của tất cả các thành viên. Nhấn mạnh tính chất liên chính phủ của tổ chức này, chúng tôi cam kết sẽ làm cho các hoạt động của WTO minh bạch hơn, kể cả việc thông qua việc quảng bá thông tin có hiệu quả và tăng cường đối thoại với công chúng. Do đó, chúng tôi sẽ tiếp tục tăng cường ở cấp độ quốc gia và đa phương việc hiểu biết tốt hơn trong công chúng về WTO và phổ biến về lợi ích của một hệ thống thương mại đa phương tự do, hoạt động dựa trên cơ sở các định chế.

11. Khi xem xét các vấn đề này, chúng tôi đều nhất trí ở đây rằng sẽ thực hiện Chương trình Công tác rộng rãi và đồng đều như được đề ra dưới đây. Việc này sẽ kết hợp cả chương trình đàm phán mở rộng và các quyết định quan trọng khác với những hoạt động cần thiết để giải quyết những thách thức đang đặt ra trong hệ thống thương mại đa phương.

#### CÁC VẤN ĐỀ VÀ MỐI QUAN TÂM LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN

12. Chúng tôi coi các vấn đề và mối quan tâm liên quan đến việc thực hiện do các nước thành viên nêu ra có một tầm quan trọng đặc biệt và quyết định tìm giải pháp thích hợp cho các vấn đề này. Do đó, sau khi tính đến Quyết định của Đại Hội đồng ngày 3/5 và 15/12/2000, chúng tôi thông qua Quyết định về Các vấn đề và Mối quan tâm liên quan đến việc Thực hiện trong tài liệu Job(01)/139/Rev.1 để xử lý một số vấn đề mà các nước thành viên gặp phải. Chúng tôi nhất trí rằng việc đàm phán các vấn đề còn tồn đọng sẽ là một phần không tách rời của Chương trình Công tác mà chúng tôi lập ra, và các hiệp định đạt được trong giai đoạn đầu của quá trình đàm phán sẽ được xử lý phù hợp với các điều khoản tại khoản 47 dưới đây. Vì thế, chúng tôi sẽ tiến hành như sau: (a) nếu trong Tuyên bố này có yêu cầu về việc đàm phán thì các vấn đề về thực hiện sẽ được giải quyết theo yêu cầu đó; (b) các vấn đề thực hiện khác còn lại sẽ được các cơ quan chuyên môn của WTO coi là một vấn đề ưu tiên và sẽ báo cáo trước cuối năm 2002 lên Ủy ban Đàm phán Thương mại được thành lập tại khoản 39 dưới đây.

#### NÔNG NGHIỆP

13. Chúng tôi công nhận những công việc đã tiến hành trong tiến trình đàm phán bắt đầu từ đầu năm 2000 theo Điều 20 của Hiệp định Nông nghiệp, kể cả một số lớn các đề nghị đàm phán do 121 nước thành viên đưa ra. Chúng tôi xin nhắc lại mục tiêu

lâu dài nêu trong Hiệp định nhằm thành lập một hệ thống thương mại công bằng và có định hướng thị trường thông qua một chương trình cải cách cơ bản bao gồm các quy định đã được cải tiến và các cam kết cụ thể về hỗ trợ và bảo hộ nhằm chấn chỉnh và ngăn chặn những hạn chế và làm biến dạng thị trường nông sản thế giới. Chúng tôi tái xác nhận cam kết đối với chương trình này. Dựa trên công việc đã tiến hành cho đến nay và không vội vã đánh giá kết quả của các cuộc đàm phán, chúng tôi cam kết đàm phán toàn diện nhằm: cải tiến đáng kể về mở cửa thị trường; giảm và nhằm loại bỏ dần mọi dạng trợ cấp xuất khẩu; giảm đáng kể các hỗ trợ trong nước gây biến dạng thương mại. Chúng tôi nhất trí việc đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước đang phát triển sẽ là một phần không thể tách rời của mọi quá trình đàm phán và sẽ được tổng hợp vào Lịch trình Ưu đãi và Cam kết và ở mức độ thích hợp, có thể sẽ được đưa vào các quy định và nguyên tắc chuẩn bị được thương thảo để có thể có hiệu lực thi hành và cho phép các nước đang phát triển đáp ứng thích đáng nhu cầu phát triển, kể cả an ninh lương thực và phát triển nông thôn. Chúng tôi ghi nhận những mối lo ngại phi thương mại được thể hiện trong những đề xuất đàm phán do các nước thành viên đệ trình và khẳng định những mối quan ngại đó sẽ được tính đến trong quá trình đàm phán như đã nêu trong Hiệp định Nông nghiệp.

14. Thể thức của các cam kết tiếp theo, kể cả quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt, sẽ được đưa ra không muộn hơn 31/3/2003. Các nước tham gia sẽ gửi dự thảo Lịch trình chi tiết dựa trên thể thức này không muộn hơn ngày diễn ra Phiên họp thứ Năm của Hội nghị Bộ trưởng. Quá trình đàm phán, kể cả đàm phán về các quy định liên quan đến các văn bản pháp lý, sẽ được hoàn tất một phần và toàn bộ sẽ được hoàn tất vào ngày hoàn thành chương trình đàm phán.

## DỊCH VỤ

15. Đàm phán về thương mại dịch vụ sẽ được tiến hành nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tất cả các đối tác thương mại và nhằm phát triển các nước đang phát triển. Chúng tôi ghi nhận những công việc tại vòng đàm phán được khởi đầu từ tháng 1/2000 theo Điều XIX của Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ, và một số lượng lớn các đề xuất do các nước thành viên trình lên về nhiều lĩnh vực và một số vấn đề chung, cũng như về sự di chuyển của thể nhân. Chúng tôi tái khẳng định Những quy tắc hướng dẫn và Thủ tục Đàm phán đã được Hội đồng Thương mại Dịch vụ thông qua ngày 28/3/2001 làm cơ sở để tiếp tục đàm phán nhằm đạt được các mục tiêu của Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ như đã nêu trong Lời nói đầu, Điều IV và Điều XIX của Hiệp định.

Các nước tham gia sẽ gửi bản yêu cầu ban đầu về từng cam kết cụ thể trước ngày 3-/6/2002 và gửi bản chào ban đầu trước ngày 31/3/2003

## MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG CHO CÁC SẢN PHẨM PHI NÔNG NGHIỆP

16. Chúng tôi nhất trí đàm phán theo thể thức đã nhất trí nhằm giảm hoặc nếu có thể thì loại bỏ hoàn toàn thuế quan, kể cả giảm hoặc bỏ các mức thuế quan trần, thuế quan cao và thuế leo thang, cũng như các hàng rào phi thuế, đặc biệt là đối với những sản phẩm có nhu cầu xuất khẩu đến các nước đang phát triển. Phạm vi sản phẩm cần phải toàn diện và không có ngoại lệ. Việc đàm phán sẽ tính đến các nhu cầu đặc biệt

và quyền lợi của các nước đang phát triển và kém phát triển nhất tham gia, bao gồm cả việc đối xử có đi có lại ở mức độ cao hay thấp trong các cam kết về cắt giảm, phù hợp với các quy định tương ứng của Điều XXVIII *bis* của GATT 1994 và các quy định nêu tại khoản 50 dưới đây. Với mục đích đó, các thể thức chuẩn bị được nhất trí sẽ bao gồm cả những nghiên cứu thích hợp và các biện pháp xây dựng năng lực nhằm giúp các nước kém phát triển nhất tham gia một cách hiệu quả và các cuộc đàm phán.

## CÁC KHÍA CẠNH CỦA QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ LIÊN QUAN ĐẾN THƯƠNG MẠI

17. Chúng tôi nhấn mạnh tầm quan trọng dành cho việc thực hiện và thi hành Hiệp định về Các khía cạnh của Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến Thương mại (Hiệp định TRIPs) nhằm hỗ trợ công tác y tế bằng cách thúc đẩy việc tiếp cận với các loại thuốc hiện có và nghiên cứu và phát triển thành các loại thuốc mới và do vậy đã thông qua một Tuyên bố riêng.

18. Nhằm hoàn thành công việc đã bắt đầu tại Hội đồng về Quyền Sở hữu Trí tuệ liên quan đến Thương mại (Hội đồng TRIPs) đối với việc thực hiện Điều 23.4, chúng tôi nhất trí đàm phán thiết lập một hệ thống đa phương thông báo và đăng ký chỉ dẫn địa lý của mặt hàng rượu tại Phiên họp 5 của Hội nghị Bộ trưởng. Chúng tôi ghi nhận rằng các vấn đề liên quan tới việc mở rộng sự bảo hộ chỉ dẫn địa lý được quy định trong Điều 23 liên quan đến các sản phẩm khác không kể rượu sẽ được giải quyết tại Hội đồng TRIPs theo khoản 12 của Tuyên bố này.

19. Chúng tôi chỉ thị cho Hội đồng TRIPs, trong khi thực hiện chương trình làm việc theo như việc rà soát Điều 27.3b bao gồm việc thực hiện Hiệp định TRIPs theo Điều 71.1 và những vấn đề dự kiến quy định trong khoản 12 của Tuyên bố phải xem xét, không kể những lĩnh vực khác, quan hệ giữa hiệp định TRIPs và Công ước về Đa dạng Sinh học, bảo vệ tri thức và truyền thống dân gian cũng như những diễn biến mới liên quan khác được các nước thành viên nêu ra theo Điều 71.1. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng TRIPs sẽ được chỉ đạo với các mục tiêu và quy tắc quy định trong Điều 7 và 8 của Hiệp định TRIPs và cũng sẽ tính đến quy mô phát triển.

## QUAN HỆ GIỮA THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

20. Khi công nhận một khuôn khổ đa phương nhằm đảm bảo tính minh bạch, tính ổn định và tính dự báo cho hoạt động đầu tư nước ngoài dài hạn, đặc biệt là FDI và góp phần mở rộng thương mại, củng cố sự cần thiết phải tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này như được thể hiện trong khoản 21, chúng tôi đều tán thành việc các cuộc đàm phán sẽ diễn ra sau Phiên họp thứ Năm của Hội nghị Bộ trưởng trên cơ sở quyết định sắp được đưa ra với sự nhất trí rõ ràng tại Phiên họp đó về thể thức đàm phán.

21. Chúng tôi công nhận những nhu cầu của các nước đang và chậm phát triển nhất đối với việc tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này, bao gồm phân tích và phát triển chính sách để các nước này có thể đánh giá tốt hơn những tác động của quá trình hợp tác đa phương với mức độ chặt chẽ hơn đối với những chính sách và mục tiêu phát triển của họ và cũng như đối với việc phát triển con người và thể chế. Với mục tiêu này, chúng tôi sẽ làm việc trong tinh thần hợp tác với các tổ

chức liên chính phủ liên quan khác, kể cả UNCTAD và thông qua các kênh hợp tác song phương và khu vực thích hợp tiến hành hỗ trợ nguồn lực một cách đầy đủ với mức độ được tăng cường để đáp ứng những nhu cầu này.

22. Trong thời gian từ nay cho đến Phiên họp thứ Năm, công việc trong Nhóm Công tác về Quan hệ giữa Đầu tư và Thương mại sẽ tập trung vào việc làm rõ các vấn đề: phạm vi và định nghĩa; minh bạch hóa; không phân biệt đối xử; các thể thức đối với các cam kết trước khi thành lập trên dựa trên cơ sở GATS, xem xét danh mục chuẩn; các điều khoản phát triển; các ngoại lệ và các biện pháp tự vệ trong cán cân thanh toán; tư vấn và giải quyết tranh chấp giữa các nước Thành viên. Bất cứ khuôn khổ nào cũng cần phải thể hiện một cách cân bằng lợi ích quốc gia với lợi ích của số đông các nước và chú trọng tới chính sách và mục tiêu phát triển của đa số các Chính phủ cũng như quyền điều hoà lợi ích chung của các Chính phủ này. Yêu cầu về tài chính, thương mại và phát triển đặc thù của các nước đang phát triển và kém phát triển nhất cũng phải được tính đến là một bộ phận cấu thành của khuôn khổ này. Điều đó làm tăng khả năng thực thi những nghĩa vụ và cam kết tương xứng với yêu cầu và hoàn cảnh cụ thể của mỗi thành viên. Các điều khoản liên quan khác của WTO cũng cần phải được xem xét một cách thích đáng. Cũng cần phải tính toán một cách thích hợp đến những thoả thuận đầu tư song phương và khu vực hiện có.

## SỰ TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA THƯƠNG MẠI VÀ CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH

23. Khi công nhận một khuôn khổ đa phương nhằm tăng cường khả năng đóng góp của chính sách cạnh tranh đối với thương mại quốc tế và phát triển, cũng cố sự cần thiết phải tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này như được thể hiện trong khoản 24, chúng tôi đều tán thành việc các cuộc đàm phán sẽ diễn ra sau Phiên họp thứ Năm của Hội nghị Bộ trưởng trên cơ sở quyết định sắp được đưa ra với sự nhất trí rõ ràng tại Phiên họp đó về thể thức đàm phán.

24. Chúng tôi công nhận những nhu cầu của các nước đang và chậm phát triển nhất đối với việc tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này, bao gồm phân tích và phát triển chính sách để các nước này có thể đánh giá tốt hơn những tác động của quá trình hợp tác đa phương với mức độ chặt chẽ hơn đối với những chính sách và mục tiêu phát triển của họ và cũng như đối với việc phát triển con người và thể chế. Với mục tiêu này, chúng tôi sẽ làm việc trong tinh thần hợp tác với các tổ chức liên chính phủ liên quan khác, kể cả UNCTAD và thông qua các kênh hợp tác song phương và khu vực thích hợp tiến hành hỗ trợ nguồn lực một cách đầy đủ với mức độ được tăng cường để đáp ứng những nhu cầu này.

25. Trong thời gian từ nay cho đến Phiên họp thứ Năm, công việc trong Nhóm Công tác về Sự Tác động qua lại giữa Thương mại và Chính sách Cạnh tranh sẽ tập trung vào việc làm rõ các vấn đề: các nguyên tắc chủ yếu, bao gồm minh bạch hóa; không phân biệt đối xử và công bằng trong các vấn đề thủ tục và các điều khoản của các thoả thuận; thể thức hợp tác tự nguyện, và hỗ trợ tăng cường củng cố các thể chế cạnh tranh ở các nước đang phát triển thông qua chương trình xây dựng năng lực. Cần phải tính toán một cách đầy đủ đến những nhu cầu của các nước đang phát triển và kém phát triển nhất và sự linh hoạt cần thiết để giải quyết những nhu cầu ấy.

## MINH BẠCH HOÁ TRONG MUA SẮM CHÍNH PHỦ

26. Khi công nhận một hiệp định đa phương minh bạch hoá trong mua sắm Chính phủ và nhu cầu tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này, chúng tôi đều tán thành việc các cuộc đàm phán sẽ diễn ra sau Phiên họp thứ Năm của Hội nghị Bộ trưởng trên cơ sở quyết định sắp được đưa ra với sự nhất trí rõ ràng tại Phiên họp đó về thể thức đàm phán. Những cuộc đàm phán này sẽ dựa trên tiến bộ đã đạt được trong Nhóm Công tác về Minh bạch hoá mua sắm Chính phủ vào thời gian trên và có tính đến quyền ưu tiên phát triển của các nước tham gia, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất. Đàm phán chỉ hạn chế trong khía cạnh minh bạch hoá và do vậy sẽ không hạn chế phạm vi các nước dành ưu đãi cho việc cung cấp và những nhà cung cấp trong nước. Chúng tôi cam kết đảm bảo sự hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cả trong quá trình đàm phán và sau khi đàm phán.

## THUẬN LỢI HOÁ THƯƠNG MẠI

27. Với mục tiêu thúc đẩy hơn nữa sự di chuyển, giải phóng và thanh toán hàng hoá gồm hàng quá cảnh, nhu cầu tăng cường hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này, chúng tôi đều tán thành việc các cuộc đàm phán sẽ diễn ra sau Phiên họp thứ Năm của Hội nghị Bộ trưởng trên cơ sở quyết định sắp được đưa ra với sự nhất trí rõ ràng tại Phiên họp đó về thể thức đàm phán. Trong thời gian từ nay cho đến Phiên họp thứ Năm, Hội đồng về Thương mại Hàng hoá sẽ xem xét và có thể làm rõ và củng cố các khía cạnh liên quan của các Điều V, VIII và X của GATT 1994 và xác định các nhu cầu và ưu tiên liên quan đến thuận lợi hoá thương mại của các nước Thành viên, đặc biệt là các nước đang và kém phát triển nhất. Chúng tôi cam kết đảm bảo sự hỗ trợ đầy đủ về kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực này.

## CÁC QUY ĐỊNH CỦA WTO

28. Do các nước thành viên áp dụng các văn kiện này ngày càng tăng, chúng tôi đồng ý đàm phán nhằm mục đích làm rõ và hoàn thiện các nguyên tắc theo Hiệp định về Thực hiện Điều 6 GATT 1994 và về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng, trong khi vẫn bảo lưu các khái niệm và nguyên tắc cơ bản, đồng thời có tính đến nhu cầu của các bên tham gia là các nước đang phát triển hoặc kém phát triển nhất. Trong giai đoạn đầu của đàm phán, các bên tham gia sẽ nêu những điều khoản, bao gồm cả những nguyên tắc về thực tiễn bóp méo thương mại mà họ muốn làm rõ hoặc hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo. Trong phạm vi đàm phán này, các bên tham gia đồng thời cũng tập trung vào việc làm rõ và hoàn thiện các nguyên tắc của WTO về trợ cấp ngư nghiệp có tính đến tầm quan trọng của ngành này đối với các nước đang phát triển. Chúng tôi cũng lưu ý rằng trợ cấp ngư nghiệp cũng được nêu tại khoản 31 dưới đây.

29. Chúng tôi cũng đồng ý đàm phán nhằm mục đích làm sáng tỏ và hoàn thiện các nguyên tắc và thủ tục theo các điều khoản hiện hành của WTO áp dụng cho các hiệp định thương mại khu vực. Các cuộc đàm phán cần phải cần tính đến các khía cạnh phát triển của các hiệp định thương mại khu vực.

## THOẢ THUẬN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

30. Chúng tôi tán thành đàm phán về hoàn thiện và làm rõ Thỏa thuận giải quyết tranh chấp. Việc đàm phán sẽ phải dựa trên các công việc đã được thực hiện cũng như bất kỳ kiến nghị bổ sung nào bởi các nước thành viên, và nhằm mục đích thỏa thuận về hoàn thiện và làm rõ trước Tháng Năm 2003, vào thời điểm đó chúng tôi sẽ tiến hành các bước tiếp theo để đảm bảo rằng các kết quả được thực hiện sau đó càng sớm càng tốt.

31. Nhằm mục đích tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau giữa thương mại và môi trường, chúng tôi đồng ý đàm phán, không phụ thuộc vào kết quả đàm phán, về các vấn đề sau:

- (i) Mối quan hệ giữa các nguyên tắc hiện tại của WTO và các nghĩa vụ thương mại cụ thể nêu tại Hiệp định Đa biên về Môi trường (MEAs). Đàm phán sẽ giới hạn ở phạm vi áp dụng các nguyên tắc hiện tại đó của WTO giữa các thành viên đối với các vấn đề quan tâm của Hiệp định MEAs. Đàm phán sẽ không ảnh hưởng đến quyền thành viên WTO của bất kỳ thành viên nào không phải là bên ký kết của Hiệp định MEA.
- (ii) Các thủ tục trao đổi thông tin thông thường giữa Ban Thư ký MEA và các ủy ban của WTO, các tiêu chí cho việc trao tư cách quan sát viên.
- (iii) Cắt giảm và loại bỏ thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với hàng hoá và dịch vụ môi trường, nếu phù hợp.

Chúng tôi ghi nhận rằng trợ cấp ngư nghiệp là một phần của các thỏa thuận nêu tại Khoản 28.

## THƯƠNG MẠI VÀ MÔI TRƯỜNG

32. Chúng tôi chỉ thị cho Ủy ban về Thương mại và Môi trường thực hiện công tác theo các khoản mục trong chương trình nghị sự của Ủy ban trong phạm vi các hệ số tham khảo, có chú ý đặc biệt đến:

- (i) tác động của các biện pháp môi trường đối với gia nhập thị trường và các trường hợp trong đó việc loại bỏ hoặc giảm bớt các hạn chế và bóp méo thương mại sẽ có lợi cho thương mại, môi trường và phát triển;
- (ii) các điều khoản tương ứng của Hiệp định về các phương diện liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs); và
- (iii) các yêu cầu về dán nhãn sản phẩm vì mục đích bảo vệ môi trường..

Công tác về các vấn đề này cần phải bao gồm cả việc xác định các yêu cầu làm rõ các quy định của WTO. Ủy ban sẽ báo cáo tại phiên 5 Hội nghị Bộ trưởng và sẽ có các khuyến nghị thích hợp về các hành động trong tương lai, bao gồm cả các yêu cầu đàm phán. Kết quả của công việc này cũng như các thỏa thuận nêu tại đoạn 31 (i) và (ii) sẽ phải tương thích với bản chất mở cửa và không phân biệt đối xử của hệ thống thương mại đa biên, không được thêm hoặc bớt đi các quyền và nghĩa vụ của các thành viên

theo các hiệp định đang có hiệu lực của WTO, đặc biệt là Hiệp định về áp dụng các biện pháp kiểm dịch động thực vật, hay làm thay đổi sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ này, và đồng thời phải tính toán đến nhu cầu của các nước đang phát triển và các nước kém phát triển nhất

33. Chúng tôi công nhận tầm quan trọng của việc trợ giúp kỹ thuật và xây dựng năng lực trong lĩnh vực thương mại và môi trường đối với các nước đang phát triển, và các nước kém phát triển nhất trong số các nước đang phát triển. Chúng tôi khuyến khích sự trao đổi kinh nghiệm và chuyên môn giữa các nước thành viên mong muốn xem xét lại vấn đề môi trường ở cấp độ quốc gia. Báo cáo về các hoạt động này sẽ được soạn thảo để trình lên Phiên 5.

#### THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

34. Chúng tôi cũng ghi nhận các công việc đã và đang được thực hiện tại Đại Hội đồng và các cơ quan khác sau Tuyên bố Bộ trưởng ngày 20/5/1998 và đồng ý theo đuổi Chương trình làm việc về Thương mại điện tử. Công việc tiến hành cho đến nay chứng minh rằng thương mại điện tử tạo ra cả thách thức và cơ hội đối với thương mại cho các thành viên ở mọi giai đoạn phát triển, và chúng tôi thừa nhận tầm quan trọng của việc tạo dựng và duy trì một môi trường có lợi cho sự phát triển trong tương lai của thương mại điện tử. ***Chúng tôi yêu cầu Đại Hội đồng xem xét các hiệp định phù hợp nhất về mặt thể chế để đảm nhận chương trình làm việc***, và để báo cáo các tiến trình tiếp theo tại Phiên họp 5 Hội nghị Bộ trưởng. Chúng tôi tuyên bố rằng các thành viên sẽ giữ nguyên thông lệ hiện hành không đánh thuế hải quan đối với ***các sản phẩm được cung cấp trên mạng cho tới phiên họp 5***.

#### CÁC NỀN KINH TẾ NHỎ

35. Chúng tôi tán thành chương trình công tác dưới sự bảo trợ của Đại Hội đồng nhằm kiểm tra các vấn đề liên quan đến thương mại của các nền kinh tế nhỏ. Mục đích của công tác này là xây dựng các câu trả lời cho các vấn đề liên quan đến thương mại đã được xác định cho việc hội nhập đầy đủ hơn các nền kinh tế nhỏ và yếu thành một hệ thống thương mại đa biên, và không tạo ra một phạm trù thứ cấp của các thành viên WTO. Đại Hội đồng sẽ rà soát lại chương trình công tác và có những đề xuất thích hợp đối với các hành động hướng tới Phiên họp 5 Hội nghị Bộ trưởng.

#### THƯƠNG MẠI, NỢ VÀ TÀI CHÍNH

36. Chúng tôi đồng ý xem xét thông qua Nhóm Công tác, dưới sự bảo trợ của Đại Hội đồng, các mối quan hệ giữa thương mại, nợ và tài chính, và mọi kiến nghị có thể về các bước tiếp theo có thể sẽ phải thực hiện trong phạm vi quyền hạn và thẩm quyền của WTO để nâng cao năng lực của hệ thống thương mại đa biên, góp phần vào việc giải quyết lâu dài vấn đề nợ nước ngoài của các nước các nước đang phát triển và kém phát triển nhất, và để tăng cường sự gắn bó chặt chẽ của thương mại quốc tế, các chính sách tài chính và tiền tệ nhằm mục đích bảo vệ hệ thống thương mại đa biên trước các tác động của sự mất ổn định tài chính và tiền tệ. Đại Hội đồng sẽ báo cáo cho phiên họp thứ 5 của Hội nghị Bộ trưởng về tiến trình kiểm tra.

## THƯƠNG MẠI VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

37. Chúng tôi đồng ý xem xét, thông qua Nhóm Công tác, dưới sự bảo trợ của Đại Hội đồng, mối quan hệ giữa thương mại và chuyển giao công nghệ và các kiến nghị có thể về các bước tiếp theo trong phạm vi quyền hạn của WTO nhằm tăng dòng chảy công nghệ đến các nước đang phát triển. Chúng tôi yêu cầu Đại Hội đồng xem xét các hiệp định về mặt thể chế. Đại Hội đồng sẽ báo cáo cho phiên họp 5 Hội nghị Bộ trưởng về tiến trình kiểm tra.

## HỢP TÁC VỀ KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC

38. Chúng tôi khẳng định rằng hợp tác kỹ thuật và xây dựng năng lực là các yếu tố cốt lõi của sự phát triển hệ thống thương mại đa biên, chúng tôi hoan nghênh và ủng hộ Chiến lược mới về Hợp tác Kỹ thuật WTO trong việc Xây dựng Năng lực, Tăng trưởng và Hội nhập. Chúng tôi chỉ thị cho Ban Thư ký phối hợp với các cơ quan tương ứng khác hỗ trợ nỗ lực của các nước trong việc định hướng thương mại thành các chương trình quốc gia phát triển kinh tế và các chiến lược giảm nghèo. Chương trình trợ giúp kỹ thuật của WTO được xây dựng để hỗ trợ các nước đang phát triển và các nước kém phát triển nhất phù hợp với các quy định và nguyên tắc của WTO, thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi thành viên, bao gồm cả việc sử dụng các lợi ích của hệ thống thương mại đa biên mở dựa trên các nguyên tắc. Các ưu đãi sẽ được dành cho các nền kinh tế nhỏ, yếu kém và đang trong giai đoạn chuyển tiếp, cũng như cho các thành viên và quan sát viên không có đại diện ở Geneva. Một lần nữa chúng tôi khẳng định sự ủng hộ của chúng tôi đối với công việc quý báu này của Trung tâm Thương mại Quốc tế, các công việc này cần phải được đẩy mạnh hơn nữa.

39. Chúng tôi nhấn mạnh tính cấp bách của việc phối hợp hiệu quả song bên với các nhà tài trợ trong việc phân bổ hỗ trợ kỹ thuật trong Ủy ban Hỗ trợ Phát triển của OECD và các thể chế liên chính phủ quốc tế và khu vực tương ứng trong phạm vi khung khổ chính sách và lịch trình chặt chẽ. Trong việc phối hợp phân bổ hỗ trợ kỹ thuật, chúng tôi yêu cầu Tổng Giám đốc tham vấn với cơ quan tương ứng, các nhà tài trợ và được tài trợ song bên để xác định cách thức tăng cường và hợp lý hoá Khung khổ Hội nhập về Trợ giúp Kỹ thuật liên quan đến Thương mại cho các nước kém phát triển nhất và Chương trình Trợ giúp Kỹ thuật Liên kết Toàn diện (JITAP).

40. Chúng tôi đồng ý rằng nguồn quỹ cho trợ giúp kỹ thuật cần phải được an toàn và minh bạch. Bởi vậy chúng tôi yêu cầu Ủy ban về Ngân sách, Tài chính và Hành chính xây dựng một kế hoạch để Đại Hội đồng thông qua vào tháng 12/2001 nhằm đảm bảo nguồn tài chính lâu dài cho trợ giúp kỹ thuật WTO ở mức độ tổng thể không thấp hơn năm nay và phù hợp với các hoạt động nêu trên.

41. Chúng tôi đã xây dựng được những chương trình về hợp tác kỹ thuật và xây dựng năng lực tại các đoạn khác nhau trong bản Tuyên bố Bộ trưởng này. Chúng tôi xin khẳng định lại các cam kết riêng này trong các khoản 16, 22, 25-27, 33, 38-40, 42 và 43, và đồng thời khẳng định lại thỏa thuận ở khoản 2 về vai trò quan trọng của các chương trình trợ giúp kỹ thuật và xây dựng năng lực được tài trợ bởi các nguồn tài chính minh bạch.



Chúng tôi yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tại Phiên 5 Hội nghị Bộ trưởng, và có báo cáo tạm thời cho Đại Hội đồng vào Tháng 12/2002 về việc thực hiện đầy đủ các cam kết tại các khoản nêu trên.

## CÁC NƯỚC KÉM PHÁT TRIỂN

42. Chúng tôi nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề mà các nước kém phát triển nhất đưa ra trong tuyên bố Zanzibar được các Bộ trưởng thông qua tháng 7/2001. Chúng tôi cũng nhận thấy việc hội nhập vào hệ thống thương mại đa biên của các nước kém phát triển nhất đòi hỏi phải có sự gia nhập thị trường mức độ đáng kể, sự ủng hộ đối với việc đa dạng hoá sản phẩm và cơ sở xuất khẩu, hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến thương mại và xây dựng năng lực. Chúng tôi nhất trí việc các nước kém phát triển nhất hội nhập vào hệ thống thương mại quốc tế và nền kinh tế toàn cầu sẽ cần sự nỗ lực của tất cả các thành viên WTO. Chúng tôi cam kết miễn thuế, không áp dụng biện pháp hạn chế bằng hạn ngạch đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ các nước kém phát triển nhất. Về vấn đề này, chúng tôi hoan nghênh những tiến bộ đáng kể trong việc mở cửa thị trường của các thành viên WTO trước hội nghị Liên hợp quốc lần thứ 3 (LDC-III) về các nước kém phát triển nhất tại Brussels tháng 5/2001. Chúng tôi cam kết sẽ xem xét các biện pháp hỗ trợ cho những tiến bộ đáng kể trong việc mở cửa thị trường đối với các nước kém phát triển nhất. Việc gia nhập WTO của các nước kém phát triển nhất vẫn là ưu tiên đối với các nước thành viên. Chúng tôi đồng ý tạo điều kiện thuận lợi và đẩy nhanh quá trình đàm phán với các nước kém phát triển nhất gia nhập. Chúng tôi yêu cầu Ban Thư ký WTO dành ưu tiên cho các nước kém phát triển nhất trong kế hoạch thường niên của WTO về trợ giúp kỹ thuật. Một lần nữa chúng tôi khẳng định các cam kết của chúng tôi tại LDC-III, và nhất trí rằng WTO nên xem xét, trong việc phác thảo chương trình công tác của các nước kém phát triển nhất, các yếu tố liên quan tới thương mại trong Tuyên bố và Chương trình hành động Brussel trong phạm vi thẩm quyền của WTO được thông qua tại LDC-III. Chúng tôi yêu cầu các tiểu ban về các nước kém phát triển nhất phác thảo chương trình công tác và báo cáo chương trình công tác đã được thông qua lên Đại Hội đồng tại cuộc họp đầu tiên của năm 2002.

43. Chúng tôi thông qua Khuôn khổ hội nhập về trợ giúp kỹ thuật liên quan tới thương mại đối với các nước kém phát triển nhất (IF) như là một mô hình có khả năng thực thi đối với sự phát triển thương mại của các nước kém phát triển nhất. Chúng tôi kêu gọi các nước phát triển tăng cường đóng góp cho quỹ tín thác của IF và quỹ tín thác nằm ngoài ngân sách của WTO dành cho các nước kém phát triển nhất. Chúng tôi kêu gọi các cơ quan đại diện chính cùng phối hợp với các đối tác phát triển nhằm tăng cường IF và mở rộng mô hình này đối với tất cả các nước đang phát triển, sau khi rà soát IF vào đánh giá hệ thống Pilot ở một số nước kém phát triển nhất được chọn. Chúng tôi yêu cầu Tổng Giám đốc WTO sau khi phối hợp với các nhà lãnh đạo của các cơ quan khác cung cấp một bản báo cáo tạm thời cho Đại Hội đồng vào tháng 12/2002 và một bản báo cáo đầy đủ cho Hội nghị bộ trưởng lần thứ 5 về tất cả các vấn đề có liên quan tới các nước kém phát triển nhất.

## ĐỐI XỬ ĐẶC BIỆT VÀ KHÁC BIỆT

44. Chúng tôi khẳng định lại rằng quy định về dành đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước kém phát triển nhất là một phần của các Hiệp định WTO. Chúng tôi chú ý tới những vấn đề đưa ra những ràng buộc cụ thể đối với các nước đang phát triển đặc biệt là các nước kém phát triển nhất. Về vấn đề này, chúng tôi cũng đặc biệt chú ý tới việc một số nước thành viên đã đề xuất một Hiệp định khung về đối xử đặc biệt và khác biệt (WT/GC/W/442). Vì thế, chúng tôi nhất trí rà soát lại toàn bộ các quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt để làm cho những quy định này ngày càng chính xác hơn, hiệu quả hơn và có tính khả thi hơn. Về lĩnh vực này, chúng tôi thông qua chương trình công tác về đối xử đặc biệt và khác biệt được nêu ra trong Quyết định về các vấn đề liên quan tới việc thực thi quy định dành đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước kém phát triển nhất.

## TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

45. Những cuộc đàm phán được tiến hành theo các điều khoản của Tuyên bố này sẽ được kết luận không muộn hơn 1/1/2005. Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 5 sẽ đánh giá tiến triển của các vòng đàm phán, hướng dẫn về mặt đường lối chính trị và ra quyết định khi cần thiết. Khi kết quả của các cuộc đàm phán trên tất cả các lĩnh vực được đưa ra, một phiên họp đặc biệt sẽ được triệu tập để đưa ra các quyết định thông qua và thực thi những kết quả này.

46. Toàn bộ các cuộc đàm phán sẽ được Ủy ban đàm phán thương mại trực thuộc Đại hội đồng giám sát. Ủy ban đàm phán thương mại sẽ tổ chức cuộc họp đầu tiên không muộn hơn 31/1/2002. Ủy ban này sẽ thiết lập một cơ chế đàm phán thích hợp khi cần thiết và giám sát tiến trình đàm phán.

47. Ngoại trừ việc cải tiến và làm rõ các quy định về giải quyết tranh chấp của Thỏa thuận Giải quyết Tranh chấp, việc tiến hành, kết luận và tính hiệu lực của kết quả các vòng đàm phán sẽ được coi như là bộ phận của các cam kết đơn phương. Tuy nhiên, các thỏa thuận đạt được ở giai đoạn đầu có thể được triển khai trên cơ sở tạm thời hoặc triển khai ngay. Những thỏa thuận đạt được sớm hơn sẽ được xem xét trong quá trình đánh giá tính cân bằng tổng thể của các cuộc đàm phán.

48. Các cuộc đàm phán sẽ bắt buộc đối với:

- (i) tất cả các thành viên của WTO; và
- (ii) Các quốc gia và các lãnh thổ hải quan riêng biệt hiện đang trong tiến trình đàm phán gia nhập, những nước thông báo cho các nước thành viên tại cuộc họp thường kỳ của Đại hội đồng ý định gia nhập của mình và những nước mà Ban công tác gia nhập được thành lập

Chỉ có thành viên WTO có thể ra quyết định về các kết quả của các vòng đàm phán.

49. Các cuộc đàm phán sẽ được tiến hành minh bạch giữa các nước thành viên để tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các nước có thể tham gia một cách hiệu quả.

50. Việc đàm phán và các lĩnh vực khác trong chương trình công tác sẽ xem xét kỹ lưỡng nguyên tắc dành đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước đang phát triển và kém phát triển nhất được thể hiện tại Phần IV của GATT 1994; Quyết định ngày 28/11/1979 về đối xử ưu đãi và khác biệt, dành cho nhau những đặc quyền và sự tham gia đầy đủ hơn của các nước đang phát triển, Quyết định tại Vòng Uruguay về các biện pháp dành cho các nước kém phát triển nhất, và tất cả các quy định khác có liên quan của WTO.

51. Ủy ban về Thương mại và Phát triển và Ủy ban về Thương mại và Môi trường trong phạm vi trách nhiệm của mình sẽ hoạt động như một diễn đàn đưa ra và tranh luận các lĩnh vực phát triển và môi trường để đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

52. Những phần trong chương trình công tác không có trong nội dung các cuộc đàm phán cũng tuân thủ theo cơ chế ưu tiên. Những phần này chịu sự giám sát của Đại Hội đồng và sẽ được báo cáo tại Hội nghị bộ trưởng lần thứ 5.

## PHỤ LỤC 2

### ĐỀ XUẤT CỦA EU VỀ VẤN ĐỀ PHÂN LOẠI

Ngày 8/5/2003 EU đã đệ trình tới các thành viên WTO các đề xuất về vấn đề phân loại.<sup>26</sup>

1. Trong quá trình triển khai Chương trình làm việc về Thương mại điện tử được thông qua vào năm 1998 các thành viên WTO đang thảo luận về một số vấn đề gắn chặt với sự phát triển của thương mại điện tử. EU đã đưa ra một số đề xuất về các vấn đề này và sẽ cố gắng để tiếp tục đóng góp vào cuộc tranh luận về các vấn đề đó.

2. Một trong các vấn đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của Đại Hội đồng là vấn đề phân loại. Nói một cách chính xác thì vấn đề ở đây không phải là làm thế nào để phân loại tất cả các sản phẩm được cung cấp trên mạng mà là làm thế nào để phân loại các sản phẩm “số hoá”. Thực tế là các phái đoàn đã nhất trí các dịch vụ tạo ra phần lớn những gì được cung cấp trên mạng. Chẳng hạn, việc cung cấp báo cáo về một tài khoản ngân hàng bằng thư điện tử (email) rõ ràng là một phần của việc cung cấp dịch vụ ngân hàng, hay việc cung cấp trên mạng một báo cáo tư vấn rõ ràng là một phần của việc cung cấp dịch vụ tư vấn.

3. Một số thành viên WTO đã có những đóng góp giá trị cho cuộc tranh luận này. Ban Thư ký WTO cũng đã đệ trình một số tài liệu có ích. Một số thành viên đã bày tỏ một cách rõ ràng quan điểm của mình rằng mọi sản phẩm được cung cấp trên mạng là dịch vụ và bởi vậy các quy tắc và cam kết của GATS sẽ được áp dụng với các sản phẩm đó. Tuy nhiên cho tới nay có những thành viên khác chưa nêu ra quan điểm của mình.

4. Tại thời điểm này, EU mong muốn nêu lại những điểm mấu chốt và những lập luận chính của cuộc tranh luận.

#### **1. GATT chỉ được thiết kế cho và chỉ cho các sản phẩm hữu hình**

5. Ban Thư ký WTO đã giải thích tới Hội đồng GATT vào năm 1998 rằng GATT dựa trên các nguyên tắc phân loại hải quan (G/C/W/128).

6. “Phân loại hàng hoá cho mục đích thương mại quốc tế nói chung tuân theo Hệ thống mã và mô tả hàng hoá hài hoà (HS) của Tổ chức Hải quan Thế giới. HS cung cấp mô tả chung cho việc xác định các sản phẩm, hỗ trợ việc thu thuế nhập khẩu, thu thập và so sánh thống kê thương mại. HS bao gồm 97 chương, về cơ bản phân biệt các sản phẩm theo các đặc tính hữu hình của nó, độc lập với các tiêu chí sử dụng cuối cùng... Theo triết lý của những người dự thảo HS, bất kỳ sản phẩm nào được phân loại là hàng hoá cũng sẽ được phân nhóm theo mã HS và được phân loại theo các đặc tính hữu hình của chúng.”

---

<sup>26</sup> Tài liệu WT/GC/W/497

7. Do vậy, HS và các Biểu cam kết hàng hoá của các thành viên WTO nói chung chỉ liệt kê các hàng hoá hữu hình theo đặc tính hữu hình của chúng. Trên thực tế, một số sản phẩm vô hình như điện được phân loại là hàng hoá là những ngoại lệ dựa trên quy tắc: khi các sản phẩm vô hình cố tình được đưa vào diện điều chỉnh của GATT 1994 thì phải nêu rõ trong Biểu cam kết. Các Biểu cam kết về hàng hoá theo GATT chưa bao giờ chứa bất kỳ thông tin được số hoá theo bit và được gửi qua biên giới thông qua các mạng viễn thông một cách trực tiếp từ nhà cung cấp tới khách hàng.

8. HS và Biểu cam kết theo GATT chứa các chương cho các vật hữu hình chứa dịch vụ chẳng hạn như các bản thiết kế kiến trúc với mã HS 490600. Tuy nhiên, các thành viên WTO đã tránh áp dụng chúng đối với các mạng viễn thông qua biên giới ngay cả khi các mạng viễn thông cung cấp cùng thông tin, ví dụ qua fax. Điều này chứng tỏ các thành viên WTO chưa bao giờ mong muốn đối xử với việc truyền thông tin được số hoá theo GATT, hơn nữa các Biểu cam kết của GATT thực sự không đề cập tới việc này.

9. Thực tế việc khách hàng sau đó có thể lưu trữ thông tin được số hoá này vào các vật hữu hình là không liên quan vì giao dịch chỉ đề cập tới việc truyền nội dung như đã được giải thích trong một số tài liệu đã trình Đại Hội đồng.<sup>27</sup> Hiện nay điều mà các thành viên cần phải thảo luận chỉ là việc truyền các thông tin số hoá và làm thế nào để phân loại việc truyền thông tin số hoá.

## **2. Khái niệm “sản phẩm số hoá” là mơ hồ và việc giải nghĩa nó đã dẫn tới các ý tưởng có thể làm suy sụp kiến trúc WTO**

10. Mặc dù tình hình được mô tả ở trên, một số thành viên WTO vẫn phân vân liệu các sản phẩm đã được “số hoá” và có thể gửi trên mạng qua biên giới nên thuộc phạm vi điều chỉnh của GATT. Một sự thật hiển nhiên là khái niệm “sản phẩm số hoá” này là mơ hồ và đang dẫn tới các rủi ro.

11. Khái niệm “sản phẩm số hoá” bắt nguồn từ ý tưởng rằng một số thông tin (bao gồm dữ liệu, âm thanh và hình ảnh) và các chỉ dẫn có thể được số hoá, lưu trữ và truyền đi trên mạng cho việc xử lý sau này bởi thiết bị. Vấn đề liên quan tới khái niệm này là do sự phát triển của công nghệ, nó bao hàm rất nhiều các hoạt động kinh tế, đặc biệt là các dịch vụ đã được thừa nhận từ lâu. Một bản vẽ kiến trúc, một báo cáo kiểm tra sức khoẻ (bao gồm các hình ảnh x quang và scanner) hay mẫu thiết kế thời trang có thể được số hoá. Tập quán cho tới nay với các dịch vụ tương ứng (dịch vụ kiến trúc, dịch vụ y tế, dịch vụ thời trang) đòi hỏi sử dụng các vật hữu hình để chứa và gửi các sản phẩm này tới khách hàng. Ngày càng nhiều các dịch vụ như vậy có thể được gửi trực tiếp tới khách hàng qua mạng mà không cần tới quá trình lên kênh của việc lưu chúng vào các vật hữu hình rồi sau đó mới gửi tới được khách hàng.

12. Đương đầu với khái niệm mơ hồ này, một số thành viên phân vân liệu vấn đề chỉ dừng lại ở thông tin số hoá với một vật thể hữu hình tương đương hay không. Trên thực tế, nhiều người nghĩ ngay tới phần mềm máy tính trước kia thường được ghi vào

---

<sup>27</sup> Xem trang 10 tài liệu của Ban Thư ký WTO S/C/W/168 ngày 16/10/1998 cũng như tài liệu của Singapore ngày 26/4/2001 JOB(01)/55.

đĩa mềm hay CD còn ngày nay thường được gửi qua mạng một cách trực tiếp từ người bán tới người mua không cần sử dụng đĩa mềm hay CD nữa. Tuy nhiên sẽ rất sai lầm khi chỉ giới hạn “hàng hoá số hoá” để truyền qua mạng tới phần mềm máy tính. Bất kỳ thông tin và chỉ dẫn nào có thể lưu trữ điện tử cũng có thể được ghi vào các vật thể hữu hình: một lần nữa hãy xem lại các ví dụ nêu trên - một bản vẽ kiến trúc hay một báo cáo sức khoẻ cũng ghi được vào đĩa. Trong khi chính chiếc đĩa được coi là hàng hoá và bởi vậy thuộc phạm vi điều chỉnh bởi các quy tắc của GATT thì việc cung cấp dịch vụ tương ứng lại thuộc phạm vi của GATS. Chẳng có lý do gì để đưa một cách gượng ép sự cung cấp trên mạng của một dịch vụ thành một hàng hoá và do vậy để nó thuộc phạm vi của GATT 1994. Như Ban Phúc thẩm của vụ tranh chấp Cộng đồng Châu Âu - Chuối đã làm rõ, chỉ trong những trường hợp một dịch vụ được cung cấp gắn với một hàng hoá cụ thể thì các phạm vi tương ứng của GATS và GATT 1994 có thể giao nhau. Lý do cơ bản đó là một biện pháp thương mại đôi khi có thể ngăn cản cả việc nhập khẩu hàng hoá lẫn việc cung cấp dịch vụ liên quan. Nhưng bây giờ dịch vụ có thể được cung cấp mà không cần gắn với việc chuyển giao một hàng hoá chứa nó thì sự áp dụng GATT trở nên không cần thiết nữa.

13. Khái niệm thông tin số hoá với các vật thể hữu hình chứa nó còn bị lệch lạc hơn nữa vì nó thiếu các hệ quả mang tính hệ thống của sự xây dựng nhân tạo đó. Như đã được giải thích ở trên, hệ thống thuế quan của các thành viên WTO cố gắng tập hợp mọi thứ có thể chuyển qua biên giới một cách hữu hình. Thực tế HS cho hàng hoá bao gồm cả các dòng với bản vẽ kiến trúc và thiết kế kiểu dáng công nghiệp (HS 490600), các dòng này là một phần đương nhiên của việc cung cấp dịch vụ (dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật). Nếu các thành viên WTO bắt đầu phân loại theo GATT các sản phẩm được cung cấp trên mạng như các vật thể hữu hình chứa các sản phẩm đó thì họ có thể sẽ đưa nhiều dịch vụ vào phạm vi của GATT (dịch vụ kiến trúc, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ tư vấn, dịch vụ y tế, v.v...) khi các dịch vụ này có thể chứa trong các vật thể hữu hình. Ban Thư ký WTO đã giải thích điều này trong tài liệu S/C/W/68 vào tháng 11 năm 1998 và lưu ý lại điều này trong tài liệu JOB(02)/37 vào tháng 5 năm 2002.

14. Một số thành viên WTO cũng viện dẫn tới nguyên tắc “trung lập về công nghệ” mà họ mô tả như là sự cần thiết cho sự đối xử tương đương với giao dịch có thể so sánh được về mặt kinh tế độc lập với công nghệ được sử dụng.<sup>28</sup> Đây là một mục tiêu chính sách mơ ước mà chúng tôi sẽ thảo luận tới trong phần 4. Tuy nhiên, đây không phải là một nguyên tắc của WTO đòi hỏi sự phân loại các sản phẩm số hoá phải là hàng hoá thuộc phạm vi của GATT 1994. Thực tế, các thành viên WTO sẽ rút ra các kết luận logic rằng sự phát triển của máy tính và mạng viễn thông tới nay cho phép các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp trực tiếp dịch vụ tới khách hàng của họ ngay cả khi khách hàng ở nước ngoài. Các nhà cung cấp dịch vụ này không cần phải đưa các sản phẩm dịch vụ của mình vào các vật thể hữu hình nữa. Theo truyền thống các hiệp định thương mại của WTO, các dịch vụ đó sẽ thuộc phạm vi của GATT khi chuyển qua biên giới.

---

<sup>28</sup> Chú ý rằng khái niệm trung lập về công nghệ được sử dụng ở đây khác với khái niệm được thảo luận trong Hội đồng Thương mại dịch vụ trong Chương trình làm việc về Thương mại điện tử: trong thảo luận về thương mại dịch vụ nó được hiểu một cách đơn giản: khi một quy tắc hay một cam kết cụ thể được viết trong một cách thức không phân biệt giữa các công nghệ thì quy tắc hay cam kết cụ thể sẽ áp dụng tới mọi loại công nghệ được sử dụng.

### **3. GATS đã áp dụng tới cung cấp dịch vụ trên mạng bao gồm cả các “sản phẩm số hoá”**

15. Nhiều “sản phẩm số hoá” rõ ràng thuộc phạm vi của GATS. Chẳng hạn, các báo cáo kiểm tra sức khoẻ hay các báo cáo tài khoản ngân hàng được số hoá đã thuộc phạm vi của GATS. Hiện nay đang có cuộc tranh luận về việc làm thế nào để phân loại một cách chính xác một số “sản phẩm số hoá” cụ thể.

16. EU lưu ý rằng trường hợp “phần mềm” đã được đặt ra trong một số tài liệu được đệ trình (của Singapore, Nhật Bản và Canada). Một lần nữa khái niệm phần mềm là một khái niệm khá mơ hồ cho tới nay vẫn chưa được định nghĩa. Tài liệu của Canada đưa ra định nghĩa sau: phân loại UN-CPC tạm thời được sử dụng cho các mục tiêu của GATS trên thực tế đã xác định tại chương CPC 842, “phần mềm” là “tập hợp các chỉ dẫn cần thiết để máy tính làm việc và giao tiếp”. CPC 842 cũng giải thích rằng “khách hàng có thể chọn lựa các chương trình được lập sẵn (phần mềm đóng gói), hoặc phát triển các chương trình cụ thể cho những yêu cầu riêng biệt (phần mềm ứng dụng) hay kết hợp hai loại này”.

17. CPC 842 bao gồm cả “các dịch vụ triển khai phần mềm”. Chúng được xác định là “tất cả các dịch vụ bao gồm cả việc tư vấn, phát triển và triển khai phần mềm”. Khi được cung cấp ở dạng vật thể hữu hình thì GATT sẽ áp dụng với các vật thể đó khi nhập khẩu qua biên giới (chẳng hạn ở dạng CD-Rom). Tuy nhiên các phần mềm này ngày càng được cung cấp qua mạng. Các quy tắc của GATS cũng như các cam kết của các thành viên áp dụng đối với việc cung cấp dịch vụ được xác định tại điều XXVIII của GATS như là “sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán và cung cấp một dịch vụ”. Việc truyền các sản phẩm trên mạng như phần mềm chẳng hạn đơn giản tạo ra phần cung cấp của sự phát triển phần mềm và bởi vậy chịu sự điều chỉnh của GATS và các cam kết đối với các dịch vụ thuộc CPC 842.

18. Tuy nhiên, một số thành viên sẽ phân vân liệu kết quả trên sẽ phù hợp với thực tế khi việc tiêu thụ các thông tin được số hoá như vậy không xảy ra trong khi truyền, do đó cần đưa thông tin đó vào khung khổ của GATT 1994. Nhưng khái niệm tiêu thụ không được xác định trong phạm vi áp dụng của GATT 1994. Khái niệm hàng hoá không được xác định bởi việc tham chiếu tới một sản phẩm nào đó được tiêu thụ thế nào mà chỉ gắn với tính hữu hình. Còn việc tiêu thụ các dịch vụ có thể xảy ra sau khi truyền hay khi hoàn thành giao dịch, chẳng hạn trong trường hợp cung cấp dịch vụ xây dựng.

### **4. Không được sử dụng cuộc tranh luận về vấn đề phân loại để đáp ứng các mục tiêu tiếp cận thị trường mà chỉ để chỉ ra các vấn đề không nhất quán có thể xảy ra trong tiếp cận thị trường**

19. Một số tài liệu đã so sánh lợi ích của GATT và GATS liên quan tới tiếp cận thị trường. Chưa thu được kết luận đáng chú ý nào bởi vì có những quy tắc tự do hoá thương mại trong hệ thống này nhưng lại không tồn tại trong hệ thống kia. Chẳng hạn, một số tài liệu nhấn mạnh tới việc GATT cấm các hạn chế định lượng trong khi những quy định này lại phụ thuộc vào đàm phán trong GATS, đồng thời một số tài liệu lưu ý

GATS bao gồm bốn phương thức cung cấp dịch vụ trong khi GATT chỉ có một phương thức cung cấp qua biên giới.

20. Thảo luận về vấn đề này là thú vị nhưng nó không liên quan tới vấn đề trên. Trong tiến trình thảo luận về thương mại, các bên luôn luôn xác định các mặt hàng, dịch vụ, quy tắc... trước, sau đó mới đàm phán tiếp cận thị trường về chúng. Ngày nay có hai hiệp định tạo ra khung khổ tiếp cận thị trường: GATT và GATS. Các bên quan tâm tới từng hạng mục cụ thể phải xác định chúng trong phạm vi liên quan trước (là hàng hoá hay dịch vụ) và sau đó đàm phán theo từng khung khổ. Họ không thể tùy tiện chọn ra các quy tắc phù hợp với chúng nhất.

21. Chúng tôi đã giải thích bên trên rằng tính logic và nhất quán dẫn tới cách tiếp cận GATS. Tuy nhiên, như đã giải thích trước đó, tập quán áp dụng các hiệp định thương mại dẫn tới mọi vật thể hữu hình gửi qua biên giới sẽ được đối xử theo GATT. Điều này bao gồm các kết quả của dịch vụ, chẳng hạn như bản vẽ kiến trúc hay thiết kế kiểu dáng công nghiệp. Trong các trường hợp như vậy, khi các thành viên WTO phải áp dụng cả GATS (đối với việc cung cấp dịch vụ) và GATT (đối với kết quả lưu ở dạng vật thể hữu hình), điều quan trọng là phải đảm bảo sự nhất quán giữa các cam kết đối xử quốc gia thuộc GATS cho các dịch vụ đó và thuế nhập khẩu có thể thu trên các vật hữu hình. Như Ban Thư ký WTO đã chỉ ra: “Trong bối cảnh của GATS vấn đề thực sự là liệu một thành viên đã đưa ra cam kết đối xử quốc gia có ngăn cản sử dụng các loại thuế phân biệt đối xử hay không. Nếu một thành viên đã đưa ra cam kết như vậy trong một phân ngành dịch vụ cụ thể thì tất cả các loại thuế phân biệt đối xử (bao gồm thuế nhập khẩu) trong tình huống nào cũng bị cấm.<sup>29</sup> Tuy nhiên, một số thành viên WTO đã đưa ra cam kết đối xử quốc gia chẳng hạn trong việc cung cấp dịch vụ kiến trúc nhưng vẫn thu thuế nhập khẩu đối với bản vẽ kiến trúc được chuyển qua biên giới ở dạng vật thể hữu hình.

22. Một số thành viên cũng mong muốn đưa ra đối xử tương tự đối với các giao dịch so sánh được về mặt kinh tế. Chẳng hạn, có vấn đề về sự nhất quán khi tiếp cận thị trường đối với một sản phẩm số hoá thuộc phạm vi của GATS nhưng lại không được hưởng mức đối xử tương tự ở dạng vật thể hữu hình.

23. Khi đó nó sẽ là cần thiết cho các thành viên WTO phải xem xét và giải quyết các vấn đề nhất quán trên cơ sở từng trường hợp.

## **5. Kết luận**

24. Tóm lại, các quy tắc của GATT không thể áp dụng với các “sản phẩm số hoá” mà chỉ có thể áp dụng đối với các vật thể hữu hình tương đương với chúng. Các sản phẩm số hoá cũng như mọi sản phẩm được cung cấp trên mạng khác là dịch vụ và nhiều sản phẩm này đã được thừa nhận là thuộc phạm vi của GATS. Tuy nhiên, các thành viên WTO cần thiết phải giải quyết các vấn đề nhất quán có thể nổi lên do tập quán áp dụng các kết quả đàm phán tiếp cận thị trường trước đây đối với các sản phẩm số hoá và các vật thể hữu hình chứa các sản phẩm này.

---

<sup>29</sup> Tài liệu của Ban Thư ký (SC/W/68) ngày 16/11/1998.



## PHỤ LỤC 3

### CÁC ĐỀ XUẤT CỦA HOA KỲ VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CHUẨN BỊ CHO HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG WTO LẦN THỨ NĂM

Ngày 4/7/2003, Phái đoàn Hoa Kỳ đã gửi các thành viên WTO tài liệu với các đề xuất về thương mại điện tử phục vụ cho các cuộc họp chuyên sâu của Đại Hội đồng chuẩn bị cho Hội nghị Bộ trưởng WTO lần thứ năm tại Cancún, Mexico.<sup>30</sup>

#### I. GIỚI THIỆU

1. Khi các thành viên WTO phối hợp làm việc để xem xét các mục tiêu của Vòng đàm phán Doha vì sự phát triển (Doha Development Agenda) thì không thể xem nhẹ tiềm năng của thương mại điện tử như một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Một báo cáo gần đây về thương mại điện tử với các nước đang phát triển đã kết luận các nước này cần khuyến khích phát triển thương mại điện tử để nắm bắt đầy đủ tiềm năng của nó.<sup>31</sup> Thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn trong mọi giai đoạn sản xuất và phân phối.<sup>32</sup> Trên thực tế, những thay đổi tích cực về thị trường và hiệu quả thu được từ thương mại điện tử tác động rõ nhất tại các nước có chi phí phối hợp và giao dịch cao nhất. Thương mại điện tử có thể là chìa khóa để vượt qua các cản trở truyền thống, chẳng hạn như thời gian và khoảng cách, trong kinh doanh B2B và B2C. Ví dụ, thương mại điện tử tạo điều kiện cho những người mới tham gia thị trường (từ tất cả các nước) cơ hội xuất khẩu dịch vụ mà nếu không có Internet thì không thể thực hiện được.

2. Nhưng những lợi ích này không thể xảy ra nếu không có sự tham gia chủ động và tích cực của các nước trong việc cải cách và mở cửa thương mại. Bởi vậy, các thành viên WTO muốn khuyến khích thương mại điện tử phát triển sẽ nhận ra những lợi ích này thông qua cải cách chính sách trong các ngành dịch vụ viễn thông, tài chính, phân phối, dẫn tới sự cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư to lớn. Ngoài ra, các thủ tục thương mại phải rõ ràng, được thông báo công khai đầy đủ và không được sử dụng các thủ tục đó để tạo ra những hạn chế bất hợp lý với thương mại.

3. Các cuộc đàm phán của Vòng Doha tạo ra cơ hội tuyệt vời cho tất cả các nước quan tâm tới việc gạt hái những tiềm năng phát triển của thương mại điện tử để thực hiện các chính sách cải cách đó. Các nước này sẽ không chỉ thu được lợi ích trực tiếp liên quan tới phát triển và tăng trưởng kinh tế trong nước mà với việc cùng nhau tiến hành cải cách họ còn cùng hưởng lợi từ xuất khẩu. Chương trình làm việc về Thương mại điện tử hiện nay của WTO tạo ra một cơ hội để theo đuổi các mục tiêu này. Do thương mại điện tử là một chủ đề rất đa diện liên quan tới nhiều hiệp định của WTO nên Chương trình làm việc cần đề ra nhiệm vụ xác định xem làm thế nào các cuộc đàm

<sup>30</sup> Tài liệu WT/GC/W/493/Rev.1

<sup>31</sup> Báo cáo Thương mại điện tử và Phát triển, 2002. Phần Một. UNCTAD

<sup>32</sup> Báo cáo Thương mại điện tử và Phát triển, 2002. Phần Một. UNCTAD

phán hiện nay có thể kích thích sự phát triển của thương mại điện tử. Tổng hợp chung, các nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm vào các mục tiêu sau trên cơ sở Vòng đàm phán Doha:

- Tạo ra một môi trường thương mại mở và tự do thông qua việc áp dụng các hiệp định hiện tại của WTO đối với thương mại điện tử là một con đường quan trọng để đẩy mạnh sự tăng trưởng và mở ra các cơ hội cho tất cả các thành viên WTO;
- Cam kết tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia lớn hơn với nhiều hàng hóa và dịch vụ sẽ thúc đẩy mua bán các sản phẩm và dịch vụ trên mạng;
- Thừa nhận rằng khi các mục tiêu chính sách đòi hỏi các quy định trong nước tác động tới mua bán các sản phẩm và dịch vụ sử dụng mạng thì các quy định đó phải rõ ràng, không phân biệt đối xử và không được sử dụng các quy định này để tạo ra cản trở đối với thương mại;
- Chấp nhận một cách vĩnh viễn trên cơ sở MFN thỏa thuận tạm thời không áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm trao đổi trên mạng, coi đây là một cách hỗ trợ sự phát triển của thương mại điện tử toàn cầu;
- Thừa nhận các dự án trợ giúp kỹ thuật và nâng cao năng lực liên quan tới thương mại điện tử có một vai trò nhất định trong sự hội nhập sâu hơn của các nước đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi vào hệ thống thương mại đa biên của WTO, WTO sẽ phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế khác để giúp đỡ phát triển các hạ tầng cần thiết và các yêu cầu khác cần thiết cho sự tiếp cận tới thương mại điện tử.

4. Bởi vì thương mại điện tử gắn chặt với nhiều lĩnh vực được đề cập tới trong các hiệp định của WTO nên cần có một cách tiếp cận toàn diện. Các tổ chức quốc tế khác đang xem xét thương mại điện tử theo hướng như vậy. Chẳng hạn, tháng 10 năm 2002 đa số các nhà lãnh đạo APEC nhất trí thông qua một loạt chính sách thương mại cho Nền kinh tế số và nhấn mạnh các mục tiêu chung cơ bản trong lĩnh vực này tương tự như tập hợp các mục tiêu được đề xuất ở trên.<sup>33</sup> Để WTO có thể theo kịp với công nghệ đang tiến hóa liên tục và sự phát triển quốc tế, các thành viên WTO cần thông qua các mục tiêu chung về thương mại điện tử để áp dụng cho tất cả các nhóm đàm phán.

## II. CÁC MỤC TIÊU

### A. MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI MỞ VÀ TỰ DO

5. Trong một môi trường kinh tế toàn cầu ngày càng liên kết chặt chẽ thông qua sự phát triển của mạng Internet, việc đưa ra các cam kết và nhượng bộ trong khuôn khổ

---

<sup>33</sup> Xem Tuyên bố của các nhà lãnh đạo APEC, Los Cabos, Mexico, 27/10/2002, đặc biệt là Tuyên bố của các Nhà lãnh đạo để thực hiện các chính sách của APEC về thương mại và Kinh tế số. Các nền kinh tế APEC ủng hộ Tuyên bố này bao gồm Brunei Darussalam, Hong Kong China, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Mexico, New Zealand, Papua New Guinea, Peru, the Philippines, Singapore, Chinese Taipei, Thailand, the United States, và Việt Nam.

đa phương đối với các lĩnh vực quan trọng thuộc thương mại số hóa sẽ tạo ra sự ổn định và dễ dự đoán, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nắm bắt các lợi thế của các cuộc đàm phán trong Vòng Doha sẽ cho phép các thành viên WTO tham gia tích cực để tạo ra môi trường thương mại cho thương mại điện tử và đem lại lợi ích cho tất cả các thành viên. Các thành viên đưa ra cam kết và nhượng bộ sẽ phát đi những tín hiệu lạc quan tới các thành viên khác rằng họ đang hỗ trợ thương mại điện tử và họ đang mở cửa cho sự phát triển liên tục của nó cả trong nước cũng như toàn cầu. Những thành viên này cũng nhận ra những lợi ích của những thành viên khác tiến hành các hoạt động mở cửa thị trường tương tự, qua đó sẽ làm tăng hiệu quả thương mại, tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh phát triển. Trong lĩnh vực thương mại điện tử những lợi ích này bao gồm truyền bá công nghệ, học tập từ xa, tham gia vào tiến trình thương mại và đổi mới toàn cầu, v.v...

6. Ngày càng nhiều doanh nhân trên khắp thế giới phát triển các sản phẩm và dịch vụ dựa trên mạng cho sự sản xuất và cung cấp. Rõ ràng là mạng viễn thông phát triển là đòi hỏi thiết yếu cho kinh doanh, điều tương tự cũng đúng với các ngành dịch vụ quan trọng khác như dịch vụ máy tính, tư vấn quản lý, phân phối, phát chuyển nhanh, quảng cáo và một số phân ngành dịch vụ tài chính nhất định.<sup>34</sup> Do đó, Hoa Kỳ ủng hộ việc tăng cường các cam kết tiếp cận thị trường và tự do hóa hoàn toàn các lĩnh vực này, ngoại trừ một số hạn chế ở mức tối thiểu. Tuy nhiên các cam kết dịch vụ mạnh mẽ vẫn là chưa đủ. Hạ thấp thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm công nghệ thông tin quan trọng (phần cứng để phát triển mạng) và tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm được cung cấp trên mạng cũng rất cần thiết. Sự tự do hóa này có lợi cho tất cả thành viên WTO. Thực tế là “ảnh hưởng đa tầng” của việc xây dựng một mạng toàn cầu hữu hiệu sẽ dẫn tới trạng thái cùng có lợi: càng nhiều người có thể liên kết với nhau qua mạng và càng nhiều người sử dụng mạng đó thì mạng này càng trở nên có giá trị và thương mại trong kỷ nguyên số lại càng có cơ hội bùng phát. Điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho cả các doanh nghiệp lớn cũng như nhỏ, ở tất cả các nền kinh tế với mọi mức độ phát triển.

7. Tuy vậy, vẫn còn một số câu hỏi liên quan tới việc phân loại các sản phẩm có thể được số hóa và cung cấp trên mạng và đối xử với các sản phẩm này như thế nào về mặt thương mại. Phần mềm là một trường hợp điển hình về sự giao nhau giữa phân loại hàng hóa và dịch vụ đã dẫn tới sự mập mờ ngày càng tăng. Trước đây, các sản phẩm phần mềm chỉ có thể chuyển qua biên giới qua những vật thể hữu hình. Khi các cách thức cung cấp mới qua mạng đã phát triển thì đặc tính của sản phẩm vẫn chưa thay đổi. Ngày nay, các sản phẩm phần mềm có thể được cung cấp một cách đơn giản và mau lẹ qua mạng toàn cầu và có thể lưu trữ lâu dài trong máy tính của người sử dụng cuối cùng trong khi vẫn có những đặc tính hết như chúng được cung cấp qua vật thể hữu hình. Vậy là, phương thức cung cấp sản phẩm phần mềm có thể thay đổi nhưng những đặc tính của sản phẩm tải về từ mạng không bị thay đổi chỉ do sự khác biệt về sự cung cấp.<sup>35</sup> Bởi vậy, các quy tắc thương mại không được làm tổn hại tới mô hình kinh doanh nào là tối ưu cho sự phát triển và cung cấp những sản phẩm này. Điều này có nghĩa là mối quan tâm chủ yếu không phải là làm thế nào để phân loại các sản

---

<sup>34</sup> Xem Tiếp cận thị trường trong các dịch vụ viễn thông và hỗ trợ: Vai trò của WTO trong việc thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế dựa trên mạng toàn cầu. Đề xuất của Hoa Kỳ, tháng 12 năm 2000. S/CSS/W/30.

<sup>35</sup> Venezuela có nhận định tương tự trong tài liệu trình tới Chương trình làm việc vào tháng 7 năm 2001. JOB (01)(120), tháng 7 năm 2001.

phẩm số hóa mà là làm thế nào để đối xử với chúng cho các mục đích thương mại nhằm mục tiêu có được đối xử tự do nhất, bất chấp những sản phẩm này được phân loại như thế nào.

8. Tài liệu gần đây nhất về chủ đề này do Canada đệ trình về phần mềm được cung cấp trên mạng và tài liệu tóm tắt của Ban Thư ký.<sup>36 37</sup> Những tài liệu này đưa ra tóm tắt hữu ích về những thử thách các thành viên WTO gặp phải về vấn đề phân loại. Canada đã phác họa một cách chính xác một số cân nhắc chính của các nhà sản xuất sản phẩm số hóa (như phần mềm): 1) đảm bảo phương pháp cung cấp sản phẩm hiệu quả nhất; 2) đảm bảo các sản phẩm được cung cấp trên mạng được đối xử không kém hạn chế hơn cùng sản phẩm đó được cung cấp theo phương thức truyền thống; 3) duy trì môi trường thương mại tự do hiện tại; 4) đảm bảo sự tự do hóa thương mại, phát triển thương mại điện tử, tính rõ ràng và dễ dự đoán không phụ thuộc vào phương thức cung cấp sản phẩm.

9. Khi các mô hình kinh doanh đang tiến hóa cực kỳ mau lẹ, điều quan trọng là các thành viên WTO cần phải tránh tạo ra các rào cản đối với sự phát triển của thương mại điện tử. Với đặc tính rất linh hoạt của thương mại trong thế giới số hóa, các quy tắc thương mại đa biên phải tiếp tục đảm bảo được nền thương mại mở và tự do trong lĩnh vực này. Thực tế cho thấy sự phát triển của phần mềm là một ví dụ tốt của sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc này. Phần mềm có thể được tạo ra tại một nước, được sản xuất, công bố, lưu trữ và sau đó truyền tới bất kỳ địa điểm nào, khiến cho quy tắc xuất xứ với mục đích tiếp cận thị trường trở nên khó tưởng tượng. Điều này trở nên rất tế nhị khi một sản phẩm phần mềm được phát triển đồng thời ở nhiều nước, các nhà lập trình ở các cơ sở khác nhau xây dựng các modul mã riêng biệt, hoặc công việc phát triển, thử nghiệm và gỡ lỗi chương trình được tiến hành ở nhiều nước khác nhau. Các rào cản tiếp cận thị trường ở dạng phân biệt đối xử hay các biện pháp bảo hộ khác ở bất kỳ giai đoạn nào của quá trình phát triển sản phẩm, bao gồm tải sản phẩm cuối cùng từ mạng, cũng sẽ ngăn cản các nhà sản xuất và người tiêu dùng các sản phẩm đó khỏi những lợi ích về năng suất và hiệu quả do thương mại điện tử mang lại, cả về mặt thời gian và không gian.

10. Ngoài ra, người tiêu dùng và doanh nghiệp không tiếp cận được các lợi ích do các sản phẩm này mang lại cho tiêu dùng cá nhân nhưng lại là đầu vào quan trọng cho những dịch vụ khác. Chẳng hạn, phần mềm có thể hỗ trợ các mô hình dự báo thời tiết chính xác hơn, qua đó mang lại lợi ích cho nông dân hay giúp dân chài lập kế hoạch đánh bắt tốt hơn. Bởi vậy, vấn đề quan trọng là phải đảm bảo tất cả các phương thức cung cấp sản phẩm theo mọi công nghệ đều có thể tiếp cận được và cho phép mọi bên tham gia thị trường tự quyết định phương thức cung cấp và sử dụng sản phẩm hiệu quả nhất – bất chấp quy tắc thương mại nào được sử dụng.

11. Tóm lại, nếu các thành viên WTO cùng nhau cam kết phát triển thương mại điện tử thì bước tiến cơ bản là tạo ra một môi trường thương mại mở và tự do cho phép thương mại điện tử nảy nở.

---

<sup>36</sup> Tài liệu thảo luận “Phân loại phần mềm được cung cấp trên mạng” do Canada đệ trình tới Cuộc họp chuyên đề lần thứ hai của Đại Hội đồng, 6/5/2002.

<sup>37</sup> Chương trình làm việc về Thương mại điện tử: Vấn đề phân loại, Tài liệu tóm tắt của Ban Thư ký WTO, JOB (02)/37 (2002).

## B. XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

12. Hầu hết các cuộc thảo luận trong khuôn khổ Chương trình làm việc về Thương mại điện tử tập trung quanh tranh luận về phân loại được nêu ở trên, tức là các sản phẩm có thể tải về từ mạng được phân loại thế nào: là hàng hóa và chịu sự điều chỉnh của GATT, hay là dịch vụ và chịu sự điều chỉnh của GATS, hay là một sự phân loại khác. Chưa có thỏa thuận nào về vấn đề này. Tuy nhiên, dù chưa có sự đồng thuận và có thể hầu hết các thành viên WTO chưa có kết luận nào thì thương mại điện tử tiếp tục tiến hóa và phát triển khắp thế giới. Những cam kết thông thoáng về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia ở một phạm vi rộng các lĩnh vực sẽ giúp phát triển các hạ tầng quan trọng để truyền các sản phẩm và dịch vụ trên mạng. Các cam kết và nhượng bộ trong các cuộc đàm phán liên quan cũng như một cam kết không phân biệt đối xử và ban hành các rào cản đối với những sản phẩm được cung cấp trên mạng sẽ dẫn tới khả năng dự đoán và tính ổn định cao hơn cho việc truyền các sản phẩm đó trên mạng, bất chấp những phân loại cụ thể mà người ta áp dụng với chúng. Chẳng hạn, các thành viên WTO phải tránh tạo ra các rào cản đối với thương mại điện tử ở dạng hạn chế định lượng (giả sử hạn chế này có thể áp dụng trong thế giới số hóa), các trợ cấp bóp méo thương mại, và như được thảo luận ở dưới đây cần phải tránh áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm trên mạng và loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm và dịch vụ công nghệ. Rõ ràng điều quan trọng là phải thừa nhận việc áp dụng các nguyên tắc hiện tại của WTO sẽ có tác động tự do hóa thương mại đối với thương mại điện tử, đồng thời các cuộc đàm phán hiện nay trong Vòng Doha sẽ có hiệu ứng tự do hóa tương tự.

13. Tài liệu của Ban Thư ký đã nhấn mạnh tới thực tế là cho tới nay thương mại điện tử đã được các doanh nghiệp tiến hành thành công trong từng nước và giữa các nước thành viên WTO. Các sản phẩm số hóa được cung cấp theo phương thức truyền thống hay trên mạng trong những năm qua đã được đối xử theo GATT hoặc GATS. Điều nổi bật là chưa có vụ tranh chấp thương mại nào xảy ra trong WTO liên quan tới chúng, do đó cần phải xét lại việc xây dựng các quy tắc thương mại mới cho thương mại điện tử. Do đó, dù còn chưa đạt được đồng thuận về vấn đề phân loại, thương mại trong lĩnh vực này tiếp tục tăng trưởng. Các thành viên WTO có một cơ hội để bảo vệ mức hiện tại của tính mở trong một lĩnh vực thương mại đang mở rộng. Các thành viên WTO không nên để lỡ cơ hội này.

14. Tài liệu của Ban Thư ký cũng rất có ích trong việc phác thảo GATT và GATS có thể được áp dụng theo hướng tự do hóa thương mại để đạt được sự mở cửa thị trường cao nhất cho thương mại số hóa. Theo GATT, các hạn chế định lượng bị cấm, các trợ cấp bị ràng buộc theo các quy tắc chặt chẽ, và trong một thế giới tự do hóa hoàn toàn sẽ không còn thuế nhập khẩu. Tương tự như vậy, trong một thị trường dịch vụ tự do hóa hoàn toàn theo GATS sẽ không còn các hạn chế định lượng ngoại trừ trong những trường hợp đặc biệt, trợ cấp nếu được áp dụng thì không được phân biệt đối xử, thuế nhập khẩu không được áp dụng. Bởi vậy, nếu chúng ta áp dụng các khía cạnh tự do hóa thương mại cao nhất của các quy định tiếp cận thị trường cốt lõi này trong WTO đối với thương mại điện tử thì các quy định này sẽ hỗ trợ một lĩnh vực thương mại mới có lợi cho tất cả các thành viên, đồng thời các thành viên cũng không phải mất nhiều năm làm việc để giảm đi các rào cản tiếp cận thị trường.

15. Các thành viên WTO phải thừa nhận là các khía cạnh tự do hóa thương mại của các hiệp định mang lại lợi ích thương mại điện tử tiềm tàng cho một nước ở cả phương diện xuất khẩu và nhập khẩu. Trước hết, một nước có thể có lợi nhờ giá giảm trong khi cơ hội chọn lựa sản phẩm và dịch vụ tăng cả cho doanh nghiệp và người tiêu dùng nhờ tránh các rào cản đối với giao dịch mua bán trên mạng. Ví dụ, các doanh nghiệp trong nước trở nên hiệu quả hơn và cạnh tranh tốt hơn trong thị trường toàn cầu nhờ những lợi thế của các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp trên mạng mà chúng là đầu vào cho quá trình sản xuất của họ. Thứ hai, khi theo đuổi mục tiêu tự do hóa thương mại các sản phẩm số hóa giữa các đối tác thương mại, các thành viên có thể mở rộng cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp của chính mình mà nhỡ ra không thể tiếp cận được thị trường đó nếu không có thương mại điện tử. Bởi vậy, cùng với các quy tắc hiện tại của WTO, các cuộc đàm phán hiện nay cung cấp một cơ hội tốt để mở rộng thương mại qua các phương tiện điện tử.

16. Tóm lại, các thành viên WTO quan tâm tới phát triển thương mại điện tử trong thị trường của mình nên ủng hộ quan niệm chất xúc tác cần thiết cho sự phát triển của thương mại điện tử là sự mở cửa lớn hơn nữa đối với phạm vi rộng lớn các lĩnh vực trong các cuộc đàm phán hiện nay của Vòng Doha. Đồng thời, áp dụng các khía cạnh tự do hóa cao nhất của các hiệp định hiện tại đối với các sản phẩm được mua bán trên mạng tạo ra lợi ích cho tất cả các thành viên WTO. Do đó, nếu thừa nhận mục tiêu này và tham gia tích cực trong các cuộc đàm phán thì các thành viên WTO sẽ nắm bắt được các lợi ích này và thúc đẩy thương mại sử dụng mạng.

### C. QUY ĐỊNH TRONG NƯỚC

17. Nhiều câu hỏi được đặt ra về việc một nước có nên đặt ra các quy định hay làm thế nào để quy định về thương mại điện tử. Hoa Kỳ tin rằng mỗi thành viên có quyền đặt ra các quy định của mình. Rõ ràng một số quy định này sẽ tác động tới thương mại điện tử. Các quy định này không nên được ban hành để tạo ra các rào cản đối với thương mại, tức là không nên sử dụng chúng như một biện pháp bảo hộ để ưu ái các lợi ích thương mại trong nước. Ngoài ra, khi các quy định trong nước được xây dựng để đáp ứng các mục tiêu chính sách hợp pháp thì chúng phải rõ ràng, không phân biệt đối xử và phải tuân thủ các hiệp định hiện tại của WTO đối với các biện pháp đó. Các quy định trong nước rõ ràng là thiết yếu để tạo ra các thị trường hiệu quả hơn và môi trường đầu tư hấp dẫn hơn. Điều này rất tinh tế trong thế giới điện tử khi các công ty cần phải đánh giá khả năng của họ để tiếp cận và hoạt động ở thị trường ngoài nước. Các quy định trong nước không rõ ràng có thể tạo ra các rào cản thương mại và bởi vậy làm tổn hại giá trị của chế độ thương mại tự do. Thực tế, việc xây dựng một quá trình hoạch định các quy định rõ ràng là bước đầu tiên để giúp hiểu biết tốt hơn các mục tiêu chính sách trong nước, từ đó tạo ra niềm tin lớn hơn tới chính phủ và tính hợp lý của tự do hóa thương mại.

18. Một số hiệp định WTO đặt ra các tiêu chí khi xây dựng các biện pháp nhất định liên quan tới các quy định trong nước. Chẳng hạn, liên quan tới các biện pháp cần phải phù hợp với Điều XIV của GATS hay Điều XX của GATT, các biện pháp đó không được tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các nước một cách tùy tiện hay không biện minh được hay để tạo ra hạn chế vô lý đối với thương mại. Hay trong lĩnh vực tiêu chuẩn,

theo Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại, các quy định kỹ thuật không được soạn thảo hay áp dụng nhằm để hay tạo ra trở ngại không cần thiết đối với thương mại quốc tế. Với mục đích đó, các quy định kỹ thuật không được tạo ra cản trở đối với thương mại hơn mức cần thiết để hoàn thành một mục tiêu hợp pháp.<sup>38</sup> Áp dụng cách tiếp cận tương tự đối với các quy định tác động tới thương mại điện tử sẽ phục vụ mục tiêu của tất cả các thành viên WTO nhằm đẩy mạnh sự phát triển của thương mại điện tử. Sử dụng cách tiếp cận này cũng như tập trung trước hết vào sự hiệu quả của tính rõ ràng đối với các quy định trong nước sẽ giúp nuôi dưỡng một môi trường thương mại điện tử mạnh mẽ hơn. Điều này không chỉ áp dụng để phát triển một thị trường dịch vụ năng động mà còn hỗ trợ thương mại thuận lợi hơn liên quan tới các thủ tục ở biên giới cũng như trong lĩnh vực mua sắm chính phủ, nơi mà tính rõ ràng và các thủ tục không phân biệt đối xử sẽ mang lại lợi ích to lớn cho các nhà cung cấp.

19. Bởi vậy, những thành viên WTO nào coi thương mại điện tử là một xa lộ quan trọng cho tăng trưởng kinh tế sẽ ủng hộ khái niệm sau: Khi chính sách hợp pháp đòi hỏi các quy định trong nước, mà các quy định này tác động tới thương mại điện tử, thì chúng phải nhất quán với các nguyên tắc nằm trong các hiệp định hiện tại của WTO, bao gồm nguyên tắc rõ ràng minh bạch và không phân biệt đối xử.

#### D. QUY ĐỊNH TẠM THỜI CHƯA ÁP DỤNG THUẾ NHẬP KHẨU

20. Đã có tranh luận sâu sắc về quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm truyền qua mạng. Quy định tạm thời này được xây dựng gắn với Chương trình làm việc năm 1998 nhằm giúp thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Quy định này cần phải trở thành quy định vĩnh viễn và ràng buộc pháp lý vì nhiều lý do. Hiện tại chưa tồn tại thuế nào như vậy dựa trên tư tưởng cấp tiến của phần lớn các thành viên về quy định tạm thời này. Trong khi một vài thành viên có thể lập luận rằng việc không áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm được truyền qua mạng sẽ tạo ra sự đối xử tốt hơn so với cùng các sản phẩm đó được gửi qua biên giới theo các phương thức truyền thống. Tuy nhiên, nếu mục tiêu là làm tương đồng đối xử giữa phương thức gửi sản phẩm qua mạng và truyền thống, thì thay cho việc cố gắng để áp thuế nhập khẩu đối với sản phẩm truyền qua mạng, cần phải hành động theo hướng tự do hóa hơn nữa để làm giảm thuế nhập khẩu, nếu có, đối với sản phẩm được cung cấp theo phương thức truyền thống.

21. Ngoài ra, các cố gắng để áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm này sẽ gây ra tác động tiêu cực đối với việc thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Khoản thu ít ỏi có được từ các sản phẩm này không bù lại được thiệt hại về hiệu quả kinh tế nói chung và các hoạt động kinh tế tăng lên bắt nguồn từ việc sử dụng các sản phẩm đó. Trên thực tế, Chủ tịch Hội thảo của CTD “Các tác động tới thu ngân sách của thương mại điện tử” tổ chức vào tháng 4 năm 2002 đã thừa nhận rằng các hiệu quả trực tiếp đối với thu ngân sách khi không áp dụng thuế nhập khẩu là rất nhỏ trong khi tác động tới hiệu quả kinh tế có thể lại rất lớn.<sup>39</sup> Thực tế là cả doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng không tìm cách mua bán sản phẩm trên mạng thay cho mua bán truyền thống

<sup>38</sup> Hiệp định về Các rào cản kỹ thuật đối với Thương mại, Điều 2.2.

<sup>39</sup> Báo cáo bằng lời của Chủ tịch Hội thảo, Bà Mary Whalen, Hội thảo về Các tác động thu ngân sách của thương mại điện tử, Phiên họp thứ 40 của CTD ngày 25/4/2002.

trước hết chỉ nhằm tránh một khoản thuế nhập khẩu nhỏ. Họ trao đổi sản phẩm trên mạng vì nhiều lý do khác như tính hiệu quả, thuận tiện, thời gian cung cấp nhanh. Một lần nữa người ta phải cân nhắc về mục tiêu của chính sách thương mại: không áp dụng thuế nhập khẩu đối với sản phẩm hiện tại chưa chịu thuế đó sẽ hỗ trợ hay hạn chế mua bán sản phẩm đó?

22. Cuối cùng, sẽ là phản trực giác khi một tổ chức cam kết tự do hóa thương mại như WTO lại cân nhắc áp dụng thuế nhập khẩu trong một lĩnh vực thương mại đang nổi lên chủ yếu chỉ vì hiện tại các rào cản hầu như không tồn tại. Bởi vậy, khi hầu hết các thành viên WTO đã ủng hộ xu hướng đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển của thương mại điện tử cả trong nước cũng như trên toàn cầu thì một trong các hành động tích cực nhất mà WTO có thể làm cho mục tiêu này là thay quy định tạm thời chưa áp dụng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm truyền trên mạng thành quy định vĩnh viễn. Một quyết định ở Cancún sẽ phát đi tín hiệu quan trọng về việc tiếp tục quan tâm tới sự phát triển trong lĩnh vực thương mại mới này.

#### E. TRỢ GIÚP KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG NĂNG LỰC

23. Không phải tất cả các nước đều nhận ra lợi ích của thương mại điện tử ngay lập tức. Để xây dựng chính sách, quá trình kinh doanh và công nghệ mới phù hợp với môi trường mới của thương mại điện tử cần thời gian và tiền. Xây dựng năng lực là cần thiết để đáp ứng những thử thách này, nhưng việc này cần tiến hành với sự phối hợp - xem xét các nhu cầu, cải cách trong nước, và phương pháp hiệu quả nhất để đưa ra sự hỗ trợ. Kinh nghiệm cho tới nay cho thấy các doanh nghiệp khắp thế giới với các mô hình kinh doanh và chiến lược thương mại điện tử tốt đang triển khai công việc tại các nước đang phát triển và đang quá độ khi các nước này chuyển hướng tới tự do hoá thương mại. Xây dựng năng lực chỉ thành công khi nó đồng hành với các chính sách trong nước khuyến khích cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông và các dịch vụ máy tính, tài chính, phân phối và chuyển phát. Chúng phải được triển khai đồng bộ. Thực sự là chính phủ Hoa Kỳ cùng với các doanh nghiệp của mình đã tạo ra nhiều biện pháp xây dựng năng lực có tác động tích cực tới sự phát triển thương mại điện tử toàn cầu. Chẳng hạn, trong khu vực châu Mỹ đã triển khai các dự án sau:

**Mạng công nghệ toàn cầu của Braxin:** Mạng công nghệ toàn cầu USAID là một chương trình dựa trên web có thể tương tác cho phép các công ty tham gia có thể đăng nhu cầu hàng hoá và dịch vụ của mình thông qua mạng cơ hội kinh doanh, qua đó trợ giúp thương mại và đầu tư.

**Khung khổ chính sách viễn thông của El Salvador:** Cục Phát triển và Thương mại Hoa Kỳ (The U.S. Trade and Development Agency) cung cấp cho SIGNET (cơ quan hoạch định chính sách của El Salvador) viện trợ kỹ thuật tập trung vào việc kết nối, chống cạnh tranh không lành mạnh, rõ ràng minh bạch và bảo vệ người tiêu dùng. Các dự án tương tự cũng đã được triển khai ở Venezuela và nhiều nước vùng Caribbean.

**Guatemala - Các Trung tâm Phát triển Kinh doanh điện tử (EBDCs):** bốn EBDC được khai trương ở các vùng sâu vùng xa và được thiết kế để giúp các



doanh nghiệp nhỏ nắm bắt tiềm năng của Internet và công nghệ máy tính để cải thiện hoạt động kinh doanh với các hàng hoá và dịch vụ mới.

**Jamaica - Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ:** USAID giúp đào tạo người lao động của các SME về việc sử dụng hiệu quả giải pháp phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Các công ty này đòi hỏi kỹ năng trong các hệ thống kế toán và tài chính tự động, kỹ thuật quản trị kinh doanh và tiếp thị trực tuyến.

24. Các chương trình không giới hạn tới khu vực Mỹ La tinh mà Hoa Kỳ có các chương trình tương tự khắp thế giới. Hầu hết các nước phát triển, bao gồm EU, Canada và Nhật Bản có các chương trình xây dựng năng lực thương mại nhằm giúp xúc tiến và phát triển thương mại điện tử trên phạm vi toàn cầu. Các chương trình này cho thấy tất cả các nước đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tham gia của mọi người trong thương mại điện tử toàn cầu.

## F. KẾT LUẬN

25. Các mục tiêu đặt ra trong tài liệu này được thiết kế để kích thích một cách tiếp cận sâu sắc tới thương mại điện tử và hiểu biết sâu sắc hơn các quy tắc thương mại đa biên quan trọng thế nào tới sự phát triển của nó. Tại Hội nghị Bộ trưởng Cancún, Hoa Kỳ khuyến khích các thành viên WTO hỗ trợ sự thừa nhận các mục tiêu này như một hướng để xem xét các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử khi chúng ta tiến lên phía trước. Chương trình làm việc có thể tiếp tục triển khai theo một cách thức phù hợp với các mục tiêu này và có thể xem xét các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử, bao gồm cả vấn đề phân loại, khi các cuộc đàm phán tiến triển.

26. Cần phải ghi nhớ một điều quan trọng là thương mại điện tử vẫn đang phát triển rất nhanh bất chấp việc chưa có thoả thuận nào về việc phân loại đối với một số sản phẩm. Trên thực tế giá trị nổi bật của Internet như là một phương tiện thúc đẩy thương mại đã rõ ràng và đã tạo ra lợi ích lớn lao cho tất cả các thành viên WTO. Sự phát triển này có ý nghĩa quan trọng và cần phải tiếp tục nuôi dưỡng. Bởi vậy, Hoa Kỳ khuyến khích các thành viên WTO coi thương mại điện tử như một phương tiện mở rộng các cơ hội thị trường, thương mại và tăng trưởng kinh tế cho tất cả các thành viên WTO. Đồng thời, Hoa Kỳ thúc giục các thành viên WTO tránh dựng lên các rào cản đối với các cơ hội này vì chúng sẽ có thể cản trở tới mức độ mở hiện nay trong thương mại và làm chậm lại sự tăng trưởng kinh tế mà nhờ ra thương mại điện tử có thể tạo ra. Một cách để tránh các tranh chấp thương mại trong tương lai là giữ nguyên và tiến tới cam kết ràng buộc mức độ mở hiện tại. Tất cả các thành viên WTO phải cùng nhau làm việc cho mục tiêu này thông qua việc chấp nhận các mục tiêu cơ bản được phác thảo ở trên.